

Erasto J. Fernandez, sss

RƯỢU MỚI TRONG BẦU MỚI

THÁNH LỄ TRONG THẾ KỶ XXI

Lm. Giuse Trần Đình Long, sss
Biên dịch



TỦ SÁCH THÁNH THỂ

TỦ SÁCH THÁNH THỂ

RƯỢU MỚI TRONG BẦU MỚI

(Thánh Lễ trong Thế kỷ XXI)

Nguyên bản: New Wine in Fresh Skins

Tác giả: Erasto J. Fernandez, sss

Lm. Giuse Trần Đình Long, sss

Biên dịch

Nội dung

Lời Giới thiệu

Chương 1

THÁNH LỄ NGÀY NAY: CẦN MỘT MÔ THỨC MỚI

Giới thiệu

1. Vấn đề Sâu xa hơn
2. Mô thức là Gì?
 - 2.1 Các mô thức chi phối cách hành động
 - 2.2 Các mô thức: Bí quyết được Sử dụng để Giải thích về Cuộc đời
 - 2.3 Mô thức của Đời sống Ki-tô hữu
3. Sự Thay đổi-Mô thức là Gì?
 - 3.1 Những Động cơ (Như thế nào) của sự Thay đổi-Mô thức
 - 3.2 Sự Thay đổi-Mô thức trong Đời sống và Lịch sử Giáo hội
 - 3.3 Sự Thay đổi-Mô thức trong Phụng tự và Thánh Lễ
 - 3.4 Một số sự Thay đổi-Mô thức Quan trọng Chưa được Thực hiện
4. Cách Hành động Mới Đòi hỏi Mô thức Mới

Kết luận

Chương 2

NÉT MỚI HOÀN TOÀN

TRONG GIÁO HUẤN CỦA ĐỨC GIÊ-SU

1. Giáo huấn của Đức Giê-su và Việc Thực hành – Cuộc Cách mạng

1.1 Nét Mới Hoàn toàn của Thánh Thể

1.2 Giáo huấn Mới của Đức Giê-su được Nhận biết trong các Bản Tin Mừng

1.2.1 Trong Tin Mừng Mác-cô

Nét Mới của Thánh Thể Trong Tin Mừng Mác-cô

1.2.2 Trong Tin Mừng Lu-ca

1.2.2.1 Phương pháp của Ông Gio-an Tẩy giả – “Bên ngoài-vào bên trong”

1.2.2.2 Phương pháp của Đức Giê-su – “Bên trong-ra bên ngoài”

1.2.2.3 Nét Mới của Thánh Thể trong Tin Mừng Lu-ca

1.2.3 Trong Tin Mừng Mát-thêu

Nét Mới của Thánh Thể trong Tin Mừng Mát-thêu

1.2.4 Trong Tin Mừng Gio-an

1.2.4.2 Nét Mới của Thánh Thể trong Tin Mừng Gio-an

1.2.4.2 Dẫn từ Thánh Thể trong Ga 6

1.2.4.3 Dẫn từ Cáo biệt trong Tin mừng Gio-an qua các Chương 13-17

1.2.5 Trong các Thư của Thánh Phao-lô

Nét Mới của Thánh Thể nơi Thánh Phao-lô

1.2.6 Nét Mới của Thánh Thể trong các Thư của Thánh Phê-rô

1.2.7 Trong Thư Gửi Tín hữu Do Thái

1.2.7.1 Nét Mới của Thánh Thể trong Thư Gửi Tín hữu Do Thái

1.2.7.1.1 Khái niệm Cựu Ước về Chức Tư tế

1.2.7.1.2 Đức Ki-tô, Hoàn toàn Khác biệt với Tư cách Thượng tế

1.2.7.1.3 Một Hy tế Hoàn hảo

2. Hiệu quả Hy tế của Đức Giê-su

Kết luận

Chương 3

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG HIỆN HÀNH TRONG NỀN THẦN HỌC THÁNH THỂ

Gới thiệu

1. Giao ước: Mô thức Cơ bản của Công Đồng
 - 1.1 Định nghĩa về Giao ước
2. Thánh Lễ như là cách Tưởng nhớ
3. Thánh Lễ: Chủ yếu là một Buổi Cử hành Lễ
4. Tập trung vào sự Hiện diện Năng động
5. Hoạt động của Cộng đoàn, Không Chỉ của Vị Linh mục
6. Phương pháp Mang Tính cách Ba Ngôi
7. Vai trò của Đức Ki-tô trong Thánh Lễ

8. Những Áp dụng mang Tính cách Phụng vụ
9. Các Chiều kích Quan trọng Khác
10. Chúa Thánh Thần Thường xuyên Hoạt động
11. Tóm tắt

Kết luận

Chương 4

ĐỜI SỐNG KI-TÔ HỮU SAU CÔNG ĐỒNG VATICAN II LỄ TẾ THIÊNG LIÊNG CỦA TÌNH YÊU

Giới thiệu

1. Đây là Lễ tế Thiêng liêng của Bạn
2. Những Lễ tế Thiêng liêng của “Cựu Ước”
3. Việc Thờ phượng Thiêng liêng trong Tân Ước
4. Lễ tế Thiêng liêng Ngày nay: Một Phương pháp Toàn diện
5. Không Bác bỏ, nhưng Trở về với Nguồn gốc
6. Căn tính Ki-tô giáo Khác biệt với Căn tính Do Thái giáo
7. Việc Thờ phượng của Ki-tô hữu Điển tả Căn tính Ki-tô giáo
8. Lối sống Thực hành của Ki-tô hữu
9. Nội tâm hóa Mô thức Mới Cần thiết

Kết luận

Kết luận Chung

1. Thánh Lễ: Nuôi dưỡng cuộc Hành trình
2. Từ một Góc độ Khác
3. Sự Cô tịch và Mật thiết
4. Những Trệch hướng và Lối thoát
5. Thánh Lễ và Lối sống theo Giao ước
6. Suy luận từ những Lý lẽ được Trình bày

Lời Giới thiệu

Khi Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI sắp kết thúc bài giảng của ngài, đánh dấu kết thúc Đại Hội Thánh Thể được tổ chức tại Roma vào Tháng 10 năm 2005, ngài nói ¹:

“Anh chị em thân mến, chúng ta phải bắt đầu lại từ Thánh Thể. Xin Đức Maria, một người phụ nữ của Thánh Thể, giúp chúng ta biết yêu mến Thánh Thể, giúp chúng ta “ở lại” trong tình yêu của Đức Ki-tô, để được Người đổi mới một cách sâu sắc. Khi Giáo hội mềm mỏng với hoạt động của Chúa Thánh Thần và chú ý đến những nhu cầu của con người, thì lúc đó, Giáo hội sẽ trở thành một dấu chỉ rõ rệt hơn của ánh sáng, niềm vui và hy vọng, hoàn toàn đạt được sứ mạng của Giáo hội là “dấu chỉ và khí cụ của tình hiệp nhất đối với toàn thể nhân loại” (LG. n° 1).

Thông điệp này của Đức Thánh Cha chính là một lời mời gọi toàn thể Giáo hội đến với Thánh Thể và mầu nhiệm Thánh Thể, theo một cách thức mới! Bởi vì hầu như suốt 4 thế kỷ cho đến nay, chúng ta vẫn coi Thánh Thể gần như dành riêng cho “cuộc hy tế đối với Ôn Cứu độ chúng ta”, và cũng chủ yếu từ góc độ đền tội cho thế gian. Mặc dù ngày nay, phương pháp này thậm chí vẫn có giá trị, nhưng có nhiều khía cạnh của Thánh Thể cần được khảo sát tỉ mỉ và sống, nếu thực sự như Công đồng Vatican II đã nói rằng Thánh Thể nên trở thành “nguồn gốc và đỉnh cao đối với chính đời sống của Giáo hội” ². Thông điệp cuối cùng của Thượng Hội đồng Giám mục nói rằng: *“Mục đích của Thượng Hội đồng là đưa ra những đề nghị với Đức Thánh Cha, điều này có thể giúp ngài cập nhật và đào sâu đời sống Thánh Thể đối với Giáo hội”* ³.

Các giám mục đều lập lại chân lý *“Thánh Thể chính là ân huệ tình yêu của Chúa Cha, Đấng đã ban Con một của Người, để thế gian*

có thể được cứu độ" (Ga 3:16-17); tình yêu của Đức Ki-tô, Đấng yêu thương chúng ta cho đến cùng (Ga 13:1); tình yêu Thiên Chúa đổ vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần (Rm 5:5); Đấng kêu lên trong lòng chúng ta: "*Áp-ba, Cha ơi!*" (Gl 4:6). Vì thế, khi cử hành Lễ tế Thánh thiện, chúng ta **vui mừng loan báo** ơn Cứu độ đối với thế gian, lúc tuyên xưng sự chết truyền sức sống của Chúa, cho đến khi Người đến. Khi kết hiệp với Thân thể Người, chúng ta đón nhận "bằng chứng" về sự sống lại của chúng ta.

"Bốn mươi năm sau Công đồng Vatican II, chúng ta muốn quan sát xem các mâu nhiệm đức tin được diễn tả đầy đủ và cử hành trong các cộng đoàn phụng vụ tới mức độ nào. Hội đồng tái xác nhận rằng Công đồng Vatican II đã cung cấp nền tảng cần thiết cho một sự đổi mới đích thực về phụng vụ. Hiện nay, điều cần thiết là vun trồng những kết quả tích cực của cuộc cải cách này, và chấn chỉnh những lạm dụng trong việc cử hành phụng vụ" ⁴.

Trong Tông Huấn sau Hội nghị được phổ biến vào tháng 2 năm 2007, tựa đề là *Sacramentum Caritatis*⁵, Đức Thánh Cha Bê-nê-đi-tô XVI nhấn mạnh, dù chỉ một cách ngắn gọn, đến tất cả các khía cạnh khác nhau của Thánh Thể mà Công đồng Vatican II đã giới thiệu lại, nhưng hầu như đều không được khảo sát đầy đủ. Khi ngài làm như vậy, chúng ta có thể kết luận rằng ngài ý muốn cho rằng nếu Thánh Thể chính là điều mà Đức Giê-su chủ tâm muốn nói, thì tất cả mọi khía cạnh này cần được phát triển đầy đủ và tận dụng – chứ không chỉ có khía cạnh của Thánh Thể như một hy tế đền tội. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể đặt câu hỏi: "*Tông Huấn này thậm chí sẽ mang lại bao nhiêu thay đổi thực sự trong lối suy nghĩ của Ki-tô hữu bình thường, mặc cho các linh mục và những người khác đang dẫn dắt Giáo hội ngày nay?*".

Ngay cho dù hiện nay, chúng ta xem xét kỹ Kinh Thánh nhiều hơn bao giờ hết, nhưng dường như chúng ta lãng quên sứ điệp vẫn thường được lặp đi lặp lại của Thiên Chúa: Hãy xem, *Ta* đang thực hiện một điều

mới mẻ... *Ta sẽ đưa các người ra khỏi cõi chết. Đường như chúng ta không nhận thấy việc cứu chuộc là việc của Thiên Chúa và ân huệ của Thiên Chúa đối với chúng ta trong Đức Ki-tô, Con của Người. “Cho nên phàm ai ở trong Đức Ki-tô đều là thụ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi! Mọi sự ấy là đều do bởi Thiên Chúa là Đấng đã nhờ Đức Ki-tô mà cho chúng ta được trung gian hòa giải với Người, và trao cho chúng tôi chức vụ trung gian hòa giải”* (2 Cr 5:17-19). Do đó, đời sống Ki-tô hữu và việc nghiên cứu thần học của chúng ta không nên bắt đầu bằng cuộc tạo dựng, nhưng nói đúng hơn, nên bắt đầu bằng sự Sống lại và sự sống mới mà Chúa sống lại ban cho chúng ta. Khởi sự từ đây, sự sống mới từ vai trò làm con của Thiên Chúa chính là một ân huệ rõ ràng, mà toàn thể nhân loại được ban một cách hào phóng và yêu thương. Tất cả những việc chúng ta phải làm là hoàn toàn đón nhận và sống trọn vẹn ân huệ này trong lòng biết ơn. Toàn bộ điều này là những gì mà Công đồng Vatican II cung cấp cho chúng ta trong giáo huấn của Công đồng, qua các tài liệu khác nhau mà Công đồng đã phổ biến⁶.

Khi chúng ta nhìn lại hơn 45 năm sau Công đồng Vatican II, thì rõ ràng đối với chúng ta, bên ngoài lại là điều gì đó hoàn toàn khác hẳn. Công cuộc cải cách suốt hơn 40 năm của Công đồng Vatican II hầu như không đụng chạm vào bề mặt của ân huệ vĩ đại này mà Đức Giê-su đã mang lại cho chúng ta. Sự thay đổi rõ rệt là hình thức bên ngoài của việc cử hành, nhưng nội dung và cốt lõi của sự thay đổi dường như vẫn y như Thánh Lễ thời tiền Công đồng Vatican II.

David Power coi vấn đề này như là “nhu cầu đối với việc ‘làm sáng tỏ nghiên cứu thần học’ đối với khái niệm về hy tế trong thế giới đương thời”, “Hy tế” là một thuật ngữ rất phong phú, có thể được sử dụng theo những cách thức khác nhau: như một phép ẩn dụ để diễn tả hành động tự-hiến thân của Đức Ki-tô, cũng như hành động tự hiến của Giáo hội; chính Chúa Thánh Thần biến đổi Đức Ki-tô thành một “thân thể thiêng liêng”, bánh và rượu thành “cùng một thân thể”, và các thành viên của

cộng đoàn thành một “lẽ vật thiêng liêng”. Tuy nhiên, lối sử dụng của Kitô giáo về thuật ngữ “hy tế” là một cách “hoán vị ngôn ngữ”, một cuộc vận động thoát khỏi sự nhân nhượng gần như mang tính cách mê tín dị đoan của các thế lực xấu xa tối tăm, hoặc sự thúc đẩy ma lực của các tà thần, hướng tới việc nhấn mạnh đến “sự kết hợp của tình liên đới trong lòng yêu mến, trong Thần Khí Thiên Chúa, vốn giữ vững phán đoán của con người và thắng thế giữa nỗi đau khổ”⁷.

Khi kết luận cuốn *Hạnh phúc và Đau khổ* của mình, tác giả Ralph Keifer viết:

“Qua những hình thức thờ phượng cũ hơn, rất có thể chúng ta trải nghiệm nỗi mất mát và khao khát. (Tuy nhiên)... chúng ta phải tìm được một ý nghĩa mới đối với sự hiện diện đích thực của Đức Kitô. Chúng ta phải học hỏi để nhận ra sự hiện diện của Đức Kitô, không phải qua vẻ lộng lẫy huy hoàng của vàng và cẩm thạch... cho bằng qua nỗi đau khổ đã được chúc lành vẫn xảy đến với dân Thiên Chúa... Chúng ta đã không nhận ra và xác định rõ sự hiện diện thật mơ hồ và khó nắm bắt hơn của Đức Kitô ở giữa chúng ta. Việc tiếp tục làm như vậy chính là tự chuốc lấy lỗi tôn thờ ngẫu tượng. Vì tôn thờ ngẫu tượng không phải là thờ phượng Thiên Chúa dưới vẻ bề ngoài của những hình ảnh và các phép bí tích. ***Tôn thờ ngẫu tượng là nỗ lực để giới hạn sự hiện diện thần thánh vào một hình ảnh hoặc một cách biểu thị đặc trưng...*** (Phần nhấn mạnh là của tôi).

Chúng ta được kêu gọi để thoát khỏi thần thánh của các triết gia và thoát khỏi thần thánh của trí tưởng tượng ấu trĩ... Chúng ta được kêu gọi để thờ phượng Thiên Chúa trong Đức Giê-su Kitô. Chúng ta không tìm được Chúa sống lại trong số những di tích đã phai tàn của quá khứ, và Người đi trước chúng ta đến nơi dành cho tương

lai của dân riêng Người. Những ai nghiêm túc đối với tương lai và phụng vụ của Giáo hội vẫn thường tự hỏi không biết họ có đang để dang di chuyển những chiếc ghế xếp chung quanh một con tàu Titanic đang chìm dần hay không. Câu trả lời phù hợp là “có lẽ”⁸.

Robert Daly, bản thân ông vốn là một người có uy tín về vấn đề hy tế, nhận xét rằng nhiều điều trong số giáo huấn thuộc huấn quyền lại không nhấn mạnh vào sự kiện Đức Ki-tô đã liên tục hành động cùng với *hy tế* trong “lịch sử về ý nghĩa tôn giáo của từ này” (như đòi hỏi sự hiến tế hoặc sát tế nào đó). Ông kêu gọi xem xét lại thật kỹ lưỡng phương pháp này, dưới ánh sáng của sự nhất trí trong nền thần học đương thời, vốn nhấn mạnh vào các chiều kích thuộc về Giáo hội và Chúa Ba Ngôi, tập trung nhiều hơn vào toàn bộ Kinh nguyện Thánh Thể và hoạt động theo nghi thức kèm theo, và nhìn nhận vai trò của các linh mục như được gắn kết vào mối quan hệ Đức Ki-tô-Giáo hội, thay vì đứng giữa Đức Ki-tô và Giáo hội.

Ngoài ra, các nhà thần học thời hậu Công đồng Vatican II, như Louis M. Chauvet và J.-L. Marion¹⁰, thường thẳng thắn đưa ra cùng vấn đề này. Nhà thần học Chauvet nói rõ rằng mặc dù cách diễn tả về hy tế là chính đáng, nhưng chắc hẳn cách diễn tả này lại không bao giờ ngừng mang tính cách “trái ngược với hy tế”, theo ý nghĩa vượt khỏi khái niệm về sự hiến tế, thành khái niệm về một cuộc “lễ tế thiêng liêng”, vốn đáp ứng việc biến đổi thế giới. “... Cách thực hành đạo đức của việc trung gian hòa giải giữa người với người tạo thành nơi đầu tiên cho lễ tế của chúng ta. Đây là điều mà tính cách trái ngược với hy tế của Thánh Thể cho chúng ta thấy và chỉ thị chúng ta phải làm”¹¹. Ông và nhà thần học Marion cũng nhấn mạnh đến cả sự hiện diện lẫn vắng mặt của Đức Ki-tô Sống lại, “tính cách không thể thay đổi của Thiên Chúa, Đức Ki-tô, và Tin Mừng đối với những khái niệm, diễn từ, ý thức hệ và cách diễn tả của chúng ta”¹², đặc điểm ân huệ nhưng-không, nhân từ và “luôn luôn vượt

quá” của Thiên Chúa đối với chúng ta¹³, và sự hiện diện “tồn tại-vì, tồn tại-đối với” của Đức Ki-tô¹⁴.

Ở đây, chúng ta phải trở lại với khía cạnh Thánh Thể và hy tế, hoặc Thánh Thể như cuộc hy tế. Như nhà thần học Chauvet chú thích: *“Mặc dù cách diễn tả về hy tế không phải là cách diễn tả duy nhất về ý nghĩa sự chết-sống lại của Đức Giê-su, tuy nhiên, cách diễn tả này vẫn có vị trí và giá trị của nó. Thật khó tránh khỏi những ý nghĩa phụ của nó, trong một nghi thức nói về việc ăn và uống mình và máu thánh Đức Ki-tô. Nhưng ở đây, chúng ta đang đề cập đến một ‘hy tế-trong-bí tích’, ... một hy tế rất đặc biệt¹⁵”*.

Ở đây, cuộc nghiên cứu tỉ mỉ đang được thực hiện nhằm đến việc khám phá một cách thức vượt khỏi khảng định này, vốn mang tính thực hành nhưng thật quan trọng. Sau khi thấu hiểu vai trò sống còn của các mô thức hoặc phép ẩn dụ cơ bản trong cuộc sống thực tế của con người, cho dù họ là tu sĩ hoặc ở ngoài đời, thì chúng ta vẫn cần đến một phác thảo rõ rệt về các mô thức tiềm ẩn trong lối suy nghĩ về Thánh Thể như cuộc Hy tế, và lối suy nghĩ về Thánh Thể như là Bữa tiệc của Giao ước. Bao lâu các mô thức đối với Thánh Thể (mang tính cách hy tế) thời tiền Công đồng Vatican II Vatican vẫn hoạt động hiệu quả trong tâm trí của các Ki-tô hữu, mặc dù kín đáo, thì phương pháp mang tính cách hy tế mà Công đồng Trentô đã từng chấp nhận và nhấn mạnh sẽ tiếp tục không suy giảm trong nhiều năm tới. Một khi chúng ta phân biệt giữa hai mô thức trái ngược nhau (Hy tế / Bữa tiệc đối với Dân Giao ước của Thiên Chúa) và cách hành động tiêu biểu phát xuất từ mỗi mô thức, thì chọn lựa là hãy để cho từng người chấp nhận hoặc khước từ mô thức mới và phương pháp của mô thức, trong việc cử hành và sống Thánh Lễ. Sau đó, với một chọn lựa có ý thức nơi mỗi người tham dự, Thánh lễ sẽ trở thành “nguồn lực và đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu” một cách hiệu quả.

Thật không may cho chúng ta, dường như đại đa số trong Giáo hội vẫn chưa tiếp thu đầy đủ và khảo sát tỉ mỉ các mô thức mới của Công

đồng Vatican II. Do đó, hầu như chúng ta không thể nói rằng các mô thức này hoạt động một cách năng nổ trong các cuộc cử hành Thánh lễ và cả trong lối sống vượt trên thử thách của Ki-tô hữu. Hiện nay, điều mà chúng ta thực sự trải nghiệm, đó là sự nhầm lẫn các mô thức cũ với cách diễn tả của thời hậu Công đồng Vatican II; điều này làm cho việc cử hành Thánh Lễ trở nên không bình thường – trong thực hành, Thánh Thể hóa ra không phải là cá, cũng không phải là thịt.

Chú thích:

¹ Xem Bản tin Synodus Episcoporum (33) ngày 23 tháng 10 năm 2005 – Bài giảng của Đức Thánh Cha, ấn bản tiếng Anh.

² LG 11; SC 10. Xem Austin Flannery, (Ed), *Công đồng Vatican II: các Tài liệu Công đồng và Hậu-Công đồng Vatican II* (Bombay: Xuất bản St. Paul, 1999).

³ Bản tin Synodus Episcoporum (27) ngày 22 tháng 10 năm 2005 – Thông điệp của Đại Hội đồng Thường niên thứ XI của Thượng Hội đồng Giám mục.

⁴ Xem Zenit (tiếng Anh) ở địa chỉ: zenith.org. ZE051023.

⁵ Xem *Sacramentum Caritatis*, Phụ lục cho “Petrus”, Tập XXIX, số 4, tháng 4 năm 2007.

⁶ Austin Flannery, (Ed), *Công đồng Vatican II: các Tài liệu Công đồng và Hậu-Công đồng Vatican II* (Bombay: Xuất bản St. Paul, 1999).

⁷ Xem David N. Power, *Mẫu nhiệm Thánh Thể*, (New York Crossroad, 1994), trang 322-323. Cùng tác giả trong “Những lời Tán dương: Các cách Sử dụng từ ‘Hy tế’ trong Diễn từ về Thánh Thể” trong Kevin Seasoltz, *Bánh sự Sống, Chén Cứu độ*, (Collegeville: Nhà in Phụng vụ, 1982) trang 173-174.

⁸ Ralph A. Keifer, *Hạnh phúc và Đau khổ*, (Wilmington: Michael Glazier, 1984), trang 146-148.

- ⁹ Xem Robert J. Daly, “Robert Bellamine và Thần học Thánh Thể thời hậu-Công đồng Trentô” trong *Các Nghiên cứu Thần học*, 61 (2000), trang 239-248. E. Kilmartin, *Thánh Thể ở phương Tây*, Lịch sử và Thần học, Ed. Robert J. Daly, (Collegeville Minnesota: Nhà in Phụng vụ, 1998) trang 365-383.
- ¹⁰ Jean-Luc Marion, *Thiên Chúa ở Ngoài Hữu thể*, Trans: Thomas A. Carlson, (Chicago: Nhà in thuộc Đại học Chicago, 1991).
- ¹¹ Louis M. Chauvet, *Biểu tượng và Bí tích*, Trans: Patrick Madigan & Madeleine Beaumont (Collegeville Minnesota: Nhà in Phụng vụ, 1998) trang 309.
- ¹² Sđđ, trang 403.
- ¹³ Sđđ, trang 549 và J-L. Marion, *Thiên Chúa ở Ngoài Hữu thể*, trang 164-166.
- ¹⁴ Louis M. Chauvet, *Biểu tượng và Bí tích*, trang 392, 387-389, 526.
- ¹⁵ Sđđ, trang 302.

Chương 1

THÁNH LỄ NGÀY NAY: CẦN MỘT MÔ THỨC MỚI

Giới thiệu

Trong phần 2 của bức Tông Thư “Từ việc Đổi mới đến sự Hiểu biết Sâu xa hơn”¹, Đức Giáo Hoàng Gio-an-Phao-lô II mạnh mẽ gợi ý rằng ngay bây giờ, cần phải làm điều gì đó qua suốt 40 sau giáo huấn của Công đồng Vatican II. Ngài đề xuất xem xét lương tâm về việc đón nhận Công đồng Vatican II trong Giáo hội, và Phụng vụ hiện được sống như thế nào. Ngài hỏi:

- Phụng vụ có được sống như đỉnh cao và nguồn gốc đối với những sinh hoạt của Giáo hội, theo các giáo huấn của “Sacrosanctum Concilium” không?

- Việc Công đồng tái khám phá được giá trị của chúng từ Lời Chúa có đưa đến một cách đáp ứng tích cực trong các buổi cử hành không?
- Đến thời điểm nào phụng vụ đi vào đời sống người tín hữu một cách cụ thể, và tạo được sự nhịp nhàng trong từng cộng đoàn Ki-tô hữu?
- Phụng vụ có được hiểu như một đường lối thánh hóa và sức mạnh nội tâm đối với động cơ tông truyền và đặc điểm truyền giáo của Giáo hội không?

Vì câu trả lời cho các câu hỏi này không hoàn toàn tích cực, nên Đức Thánh Cha đề xuất vài phương pháp để nhờ đó, có thể đạt được những mục tiêu của Công đồng Vatican II. Các câu hỏi của ngài đều nằm trong ý nghĩa tiên tri và kích thích suy nghĩ. Chúng diễn tả cách rất tinh tế tình hình Phụng vụ (và đặc biệt Thánh Lễ) trong Giáo hội vào đầu thế kỷ XXI: Không hiểu sao các buổi cử hành Thánh Lễ của chúng ta dường như đều không hoạt động đầy đủ tiềm năng của Thánh Thể! Mặc dù Thánh Thể vẫn mang ý nghĩa là “sức mạnh và nguồn gốc đối với sự đổi mới trong Giáo hội và Xã hội”², nhưng kinh nghiệm hiện nay vẫn cho chúng ta thấy rằng đối với nhiều Ki-tô hữu, đặc biệt giới trẻ, không hiểu sao Thánh Lễ lại hóa ra không có sức sống và không truyền cảm hứng, mà chỉ là một sự bắt buộc được thực hiện vì sợ phạm tội trọng.

Mặc dù trong thời đại chúng ta, hầu hết mọi người có mặt trong Thánh Lễ đều “đáp lại” một cách hứng thú hơn nhiều, tuy nhiên, vẫn ít có sự “tham dự” đích thực³. Đại đa số người ta cứ khăng khăng mù quáng trong cách đánh giá Thánh Lễ một cách đơn độc và dành riêng như một hy tế, ngay cho dù họ vẫn ám chỉ Thánh Lễ bằng những từ ngữ thời đại hơn, như “buổi lễ”, “tưởng nhớ”, “bữa ăn hiệp thông” v.v... Ví dụ kinh điển là vị chủ tế bắt đầu Thánh Lễ bằng một lời chào nồng ấm, mời gọi cộng đoàn đến với buổi quy tụ hiệp thông. Rồi sau khi giới thiệu

chủ đề của các bài đọc, vị chủ tế tiếp tục bằng một câu thường lệ: “Và bây giờ, để chuẩn bị dâng Hy tế Thánh thiên của Thánh Lễ, chúng ta hãy nhìn nhận tội lỗi mình!”. Bất kể với lối giải thích thật hay ho hoặc có ý nghĩa nào khi bắt đầu Thánh Lễ, thì sớm muộn gì chúng ta đều trở lại với khái niệm “hy tế”, vì đây là khái niệm duy nhất tồn tại trong tâm trí chúng ta hiện nay! Và bởi vì lối sống con người đi theo hệ thống niềm tin của chúng ta, nên hầu hết các Ki-tô hữu đều sống theo mô hình-tội lỗi của đời sống Ki-tô hữu, mà họ đã thừa hưởng từ những tình huống quá khứ trong lịch sử.

1. Vấn đề Sâu xa hơn

Ở đây, vấn đề mà chúng ta đương đầu có thể được diễn tả bằng những từ ngữ khác nhau, và được nhìn từ những góc độ khác nhau. Có thể bị coi như một thói mù quáng và ngu xuẩn, khi chúng ta cứ bám vào quá khứ, rất ít mong muốn thay đổi phương pháp, bất kể Công đồng Vatican II, ngay cả khi Công đồng được cải thiện rõ ràng tốt hơn. Đây là một lối giải thích dễ dàng nhất, nhưng thật không may, hình như lại có vẻ không đúng. Hầu hết các Ki-tô hữu đều mạnh dạn và sẵn sàng thay đổi, miễn là họ nhận thấy một lý do có giá trị và truyền cảm, để từ bỏ những quan điểm và phương pháp truyền thống.

Một nguyên nhân khác được viện dẫn là mặc dù Công đồng Vatican II đã bộc lộ một số thay đổi rất triệt để và thích đáng, nhưng đại đa số Ki-tô hữu vẫn không thấu hiểu và tiếp thu được những thay đổi này và những nguyên nhân đằng sau chúng. Những sự thấu hiểu này chỉ lan truyền trong số thành phần ưu tú của Giáo hội, nhưng thật không may, những người này lại hình thành một phần nhỏ không đáng kể trong toàn bộ dân cư Công Giáo. Chúng ta cũng có thể đưa ra vài nguyên nhân hợp

lý khác, như thành phần khác nhau của các cộng đoàn thờ phượng, bầu khí hồi hã trong những việc gây dựng thành phố của chúng ta v.v...

Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy rằng chúng ta vẫn có thể đạt hiệu quả khi nhắm đến tình hình bất thường hiện nay, với sự hiểu biết tốt hơn và sử dụng các mô thức. Mô thức là khuôn khổ mà qua đó, chúng ta nhìn nhận thực tại. Bao lâu các mô thức đối với Thánh Thể (và đối với cách nghiên cứu thần học) thời tiền Công đồng Vatican II Vatican vẫn hoạt động hiệu quả trong tâm trí của các Ki-tô hữu, mặc dù kín đáo, thì phương pháp mang tính cách hy tế mà Công đồng Trentô đã từng chấp nhận và nhấn mạnh sẽ tiếp tục không suy giảm trong nhiều năm tới. Hơn nữa, khi tất cả mọi người đều có thể phân biệt rõ giữa hai mô thức trái ngược nhau (Thánh Thể như là Hy tế/ Thánh Thể như là Bữa tiệc đối với Dân Giao ước của Thiên Chúa) và cách hành động tiêu biểu phát xuất từ mỗi mô thức, thì họ sẽ có thể tự do chọn lựa đi theo mô thức mới và phương pháp khác biệt của mô thức, đối với việc cử hành và sống Thánh Lễ. Như vậy, Thánh Lễ của chúng ta sẽ có thể thực sự trở thành “nguồn lực và đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu”.

Vì thế, những suy nghĩ của chúng ta đề xuất một công cụ khác hẳn: Ít nhất thuật ngữ “các Mô thức”⁴ là một khám phá khá mới đây. Ứng dụng của thuật ngữ này trên khắp thế giới là một hiện tượng rất mang tính đương thời. Thomas Kuhn, một sử gia khoa học và tác giả cuốn *Cơ cấu của các Cuộc Cách mạng Khoa học*⁵, người đầu tiên phổ biến thuật ngữ này, nói rằng các mô thức đều là “kiểu mẫu về ứng dụng khoa học thực sự đã được chấp nhận, những kiểu mẫu này bao gồm lề luật, lý thuyết, ứng dụng và thiết bị – cùng với nhau, chúng cung cấp những kiểu mẫu mà từ đó, phát xuất những truyền thống mạch lạc, đặc trưng của nghiên cứu khoa học”⁶.

2. Mô thức là Gì?

“Từ ‘mô thức’ bắt nguồn từ *paradeigma* trong tiếng Hy Lạp. Ban đầu, từ này được sử dụng như một thuật ngữ khoa học, ngày nay, nó được chấp nhận phổ biến hơn, ý muốn nói về: một kiểu mẫu, một lý thuyết, hoặc một khuôn khổ tham khảo”⁷. Theo một ý nghĩa tổng quát, đây là cách thức mà toàn thể giới chung quanh chúng ta được “nhận biết” và giải thích – không phải ý nghĩa thuộc về thị giác của tầm nhìn, nhưng về cách nhận thức, hiểu biết, giải thích”⁸. Mỗi người đều có trong tâm trí những “bản đồ” như vậy về cấu tạo tâm trí của mình, một số người diễn tả cách thức các sự việc trong thực tế (thực tại), còn những người khác lại nói các sự việc nên như thế nào cho phù hợp với con người (các giá trị). Đây là những bản đồ trong tâm trí hoặc các mô thức, giải thích cho con người về tất cả mọi sự.

Khi chọn lựa từ sự khôn ngoan và kinh nghiệm của vài tác giả, Joel Barker phát biểu rằng: “Mô thức là một tập hợp các quy luật và quy tắc, được viết hoặc không được viết ra, đề cập đến hai điều: (1) Mô thức thiết lập hoặc định nghĩa các ranh giới; và (2) Mô thức nói cho bạn biết cách cư xử như thế nào trong những ranh giới, hầu được thành công”⁹. Khi nhận xét về cách thức Thomas Kuhn phổ biến khái niệm về mô thức, Barker nhận xét rằng những điều mà Kuhn đã khám phá về các mô thức là một bản mô tả không chỉ về Khoa học, mà còn về toàn bộ tình trạng của con người.

Điều quan trọng cần ghi chú là nói chung, người ta vẫn thừa nhận tính chân thực và đúng đắn của các bản đồ tâm trí cá nhân này. Hiếm khi tính chính xác của chúng bị đặt thành vấn đề, cố tình chú ý đến, hoặc thậm chí còn bị thách thức. Ngoài ra, toàn bộ cách hành động trên thực tế đều phát xuất từ các mô thức này. Cách thức người ta **nhìn** thực tại (các mô thức của mình) xác định cách thức họ suy nghĩ và cư xử (lối

sống thực tế). Khi người ta nhận thấy và thừa nhận khuynh hướng dành lòng tin trọn vẹn và không nghi ngờ đối với các mô thức, thì họ nhận ra rằng mình có thể bị nguy hiểm như thế nào – đặc biệt khi họ tin tưởng vào các mô thức không đầy đủ, lệch lạc, hoặc thậm chí sai lầm để hướng dẫn họ.

2.1 Các Mô thức Chi phối cách Hành động

Các mô thức thật quan trọng không chỉ đối với Khoa học. Có lẽ giá trị thực sự của chúng càng được trải nghiệm nhiều hơn ở mức độ cuộc sống hằng ngày. Stephen Covey chứng minh các mô thức ảnh hưởng như thế nào đến lối suy nghĩ và hành động của con người. Trong các cuộc hội nghị về sự “Thay đổi Hiệu quả”, để tạo khả năng cho các tham dự viên nhận ra từ trải nghiệm riêng của họ rằng các mô thức ảnh hưởng đến họ cách mạnh mẽ như thế nào, Covey sử dụng một thiết bị đơn giản: Ông để cho phân nửa các tham dự viên xem một bức phác họa thô sơ của một thiếu nữ, trong khi phân nửa kia được xem hình ảnh của một phụ nữ lớn tuổi hơn. Sau đó, khi một tấm ảnh ghép được giới thiệu (trong đó, họ có thể nhìn thấy cả thiếu nữ lẫn người phụ nữ lớn tuổi, tùy thuộc vào góc độ của tầm nhìn), thì lúc nào cũng vậy, những ai trước đây đã được xem hình ảnh của thiếu nữ đều ngay lập tức chỉ chọn hình ảnh này từ tấm ảnh ghép. Nói chung, nhóm còn lại chỉ nhìn thấy rõ người phụ nữ lớn tuổi trong đó. Phải mất một số thời gian và nỗ lực để tất cả mọi người nhìn thấy cả thiếu nữ lẫn người phụ nữ lớn tuổi trong tấm ảnh ghép¹⁰.

Mục tiêu được thực hiện ở đây là người ta nhìn thấy những gì họ có điều kiện được xem, và không nhất thiết thứ gì ở trước mặt họ một cách khách quan. Hơn nữa, nhận thức về người phụ nữ già hoặc trẻ càng tô điểm cho phần còn lại trong lối suy nghĩ và hành động của người ta đối với phụ nữ này. Chẳng hạn, nếu người ta nhận thấy phụ nữ này trẻ

trung và hấp dẫn, thì có thể họ tìm cách vun trồng mối quan hệ với phụ nữ này và mời người đó đến dùng bữa tối. Nhưng nếu đó là một phụ nữ lớn tuổi, thì có thể người ta giúp người đó băng qua đường, hoặc dành cho bà một chỗ ngồi trên xe buýt hoặc tàu lửa. Tóm lại, nói chung, những nhận thức đều có tác động ảnh hưởng mạnh và đôi khi, thậm chí còn xác định những cách hành động, mà người ta không nhận ra¹¹.

2.2 Các Mô thức: Bí quyết được Sử dụng

để Giải thích về Cuộc đời

Các mô thức cơ bản đang hoạt động nơi con người tác động vào tất cả mọi khía cạnh của đời sống. Các mô thức khác nhau (đôi khi, cũng được gọi là thể giới quan) có những cách giải thích và biện minh khác nhau đối với cùng tình trạng hoặc vấn đề của con người. Do đó, nếu xem xét trải nghiệm hằng ngày về **nỗi đau khổ**, thì một số **nền văn minh** cổ xưa cảm thấy nỗi đau khổ này hoàn toàn do một vị thần cầu kỳ và thất thường áp đặt lên con người. Để làm cho vị thần này đứng về phía con người, họ tin rằng cần phải hiến tế lên vị thần này điều gì đó hoặc người nào đó thật quý báu, như một cô gái còn trinh, một người con trai cả, hoặc một đứa trẻ vô tội.

Mô thức **Phật giáo** dạy rằng nỗi đau khổ phát xuất từ những mơ ước thái quá và tự cho mình là trung tâm. Thần linh bị giam cầm bên trong vấn đề xấu xa, và người ta phải vượt khỏi vấn đề để đến với lãnh vực của thần linh. Mục tiêu của Phật giáo là Cõi Niết Bàn, vẫn được hiểu như sự tự do hoàn toàn thoát khỏi tất cả mọi mơ ước. Mô thức **Mác-xít** đổ lỗi rằng chính tài sản riêng, lòng tham và những cá nhân giàu sụ gây ra nỗi đau khổ, trong khi mô thức của **chủ nghĩa Tư bản** thì lại cho rằng nỗi đau khổ là do thói lười biếng và trì trệ, thiếu tính táo bạo nơi những

người muốn chấm dứt tình trạng nghèo túng. Mục tiêu của chủ nghĩa Tự bản là sự thịnh vượng về vật chất, vốn chỉ có thể đạt được khi tất cả mọi người đều năng động và có tính táo bạo. Mô thức **tự do và chống lại chủ nghĩa hiện đại** giải thích rằng nguyên nhân gây đau khổ là sự tự do của con người bị tước đoạt. Khi tất cả mọi người đều có tự do vô hạn, sao cho họ có thể sống thật với bản năng và những cảm giác thực sự của mình, thì họ sẽ diễn tả được đầy đủ nhất tiềm năng của họ đối với hạnh phúc.

Mô thức của **Ki-tô giáo** đối với nỗi đau khổ là sự thất bại, không may mắn và sự dữ nói chung, đều tạo cơ hội cho con người bày tỏ lòng tin sâu xa của họ nơi Thiên Chúa và tình yêu thực sự của họ đối với đồng loại. Nỗi đau khổ không phải là một sự trừng phạt qua những thất bại, cũng không phải là một dấu hiệu bị Chúa Cha đầy yêu thương bỏ rơi. Nỗi đau khổ là một phần vốn dĩ rất bình thường trong sự hiện hữu của con người ở nơi đây, trên trần thế này, và con người có thể chấp nhận nỗi đau khổ theo cách thức sao cho nỗi đau khổ trở thành nguồn gốc của sự biến đổi tích cực trong nội tâm.

2.3 Mô thức của Đời sống Ki-tô hữu

Tầm nhìn của Ki-tô giáo về đời sống con người trên trần thế không mang tính cách nhị nguyên, và không coi Thiên Chúa như “ở bên ngoài” và chống lại con người, nhưng như Đấng “nhập thế”. Người không cần được mời gọi để *đi vào* các sự việc hoặc *đến với* con người chúng ta. Phương pháp này vượt xa hơn tầm nhìn của Do Thái, vẫn nhìn thấy Thiên Chúa được phản ánh qua thụ tạo: “Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa, không trung loan báo việc tay Người làm ...” (Tv 19:1).

Như Richard Rohr giải thích điều này:

“Ki-tô giáo đích thực hoàn toàn thống nhất. Có một thế giới, tất cả đều mang tính cách siêu nhiên, và Thiên Chúa đến *thông qua* chúng ta, chứ không phải là đến *với* chúng ta. Thánh Phao-lô hình dung con người như là Thân thể Đức Ki-tô, và Thánh Gio-an hình dung như những Cành nho và Cây nho. Đức Giê-su nói về một đàn chiên và một chủ chiên, mãi mãi ở trong tình yêu thương, hoặc ‘Thầy và Chúa Cha là một’.

“Rất ít người trải nghiệm được hình ảnh thần thánh này như sự sở hữu trong thâm tâm linh hồn họ. Đức Ki-tô chỉ gặp gỡ họ từ bên ngoài, không bao giờ từ bên trong. Vì thế, thế giới quan hoạt động của họ vẫn là: ‘Thiên Chúa ở bên ngoài và chúng ta ở dưới trần thế này, một vũ trụ ba mức độ: Hóa ngục, Trái đất và Thiên đàng’. Việc để cho Thiên Chúa xuống nơi đây và con người chúng ta lên trên đó luôn luôn là một vấn đề. Thật vậy, nhiều, nếu không phải là hầu hết, các lời dẫn trong *Sacramentum* chính thức vẫn bộc lộ thế giới quan mang tính phân hóa này. Thật không may, trong trường hợp này, *lex orandi est lex credendi*: Cách thức chúng ta cầu nguyện hình thành nên cách thức chúng ta tin tưởng¹³”.

Như vậy, thách thức cơ bản đối với Ki-tô giáo là hiểu việc Nhập thể một cách nghiêm túc. Khi Con Thiên Chúa thực sự trở thành một con người, thì Người chấp nhận tất cả mọi sự của con người, kể cả những giới hạn và yếu đuối cơ bản của con người. Trong tình trạng yếu đuối này, (con người) vinh quang của Người với tư cách là Con Thiên Chúa trở nên hữu hình để tất cả mọi người nhìn thấy. Kể từ khi Nhập thể, Thiên Chúa có thể được gặp gỡ không ở đâu ngoài trừ nơi con người và tình trạng mỏng dòn của con người – mặc dù tội lỗi và bất xứng¹⁴. Ki-tô hữu đích thực là kẻ biết học hỏi để sống với những thất bại và thiếu sót của mình trong tất cả mọi mức độ, mà không nghi ngờ rằng dù sao, họ vẫn là kẻ được chọn, là con yêu dấu của Thiên Chúa.

3. Sự Thay đổi-Mô thức Là Gì?

Thay đổi mô thức¹⁵ là sự thay đổi thành một bộ luật mới, và nói chung, điều này đòi hỏi một cách nhìn nhận mới đối với một thực tại quen thuộc. Khi cuộc Cách mạng Pháp không chỉ lật đổ các vua Pháp, mà còn lật đổ chính khái niệm về quyền lực thần thánh của các vua, thì điều mà toàn thể thế giới đã trải nghiệm là một sự thay đổi mô thức về cách cai trị tốt nhất. Cho đến lúc đó, việc cai trị chỉ được hiểu là vai trò của vua, trực tiếp do chính Thiên Chúa chỉ định và truyền ngôi theo kiểu cha truyền con nối.

Bởi vì mô thức được hiểu như một bản đồ, một khuôn khổ tham khảo, mang lại cho chúng ta những ranh giới mà trong đó, chúng ta có thể nhìn thấy một sự việc hoặc cách hành động đặc trưng, nên nó chi phối tất cả những hành động của chúng ta trong lãnh vực đó. Nhưng kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng sớm hoặc muộn, từng mô thức đều bắt đầu phát triển một tập hợp vấn đề rất đặc biệt mà tất cả mọi người trong lãnh vực này đều muốn giải quyết, tuy nhiên, không ai có được manh mối về cách làm thế nào để giải quyết. Do đó, việc gắn liền với chính quá trình tìm kiếm các giải pháp mới chính là sự thúc đẩy để rút cuộc, cần phải thực hiện một sự thay đổi-mô thức. Vì từng mô thức đều vốn có các vấn đề không thể giải quyết được, và chính các vấn đề không thể giải quyết này cung cấp chất xúc tác để bắt đầu một sự thay đổi mô thức.

3.1 Những Động cơ (Như thế nào) của sự Thay đổi- Mô thức

Yếu tính của quyết định tiên phong là những ai chọn sớm thay đổi các mô thức của mình, hoặc đang bắt đầu quá trình, thì đều thực hiện

điều này như một **hành động của trái tim** nhiều hơn, chứ không phải của đầu óc. Thomas Kuhn nói: “Người nào đi theo một mô thức mới ở giai đoạn sớm, thì chắc hẳn thường làm như vậy bất chấp bằng chứng mà việc giải quyết vấn đề cung cấp. Nghĩa là chắc chắn người đó tin rằng mô thức mới sẽ thành công đối với nhiều vấn đề lớn vốn đe dọa nó, khi chỉ biết rằng mô thức cũ hơn đã thất bại đối với một vài nhân vật quan trọng. Một quyết định thuộc loại đó chỉ có thể thực hiện **dựa trên niềm tin** mà thôi¹⁶. Chắc hẳn người tiên phong mô thức vừa có trực giác để hình dung được tình huống mới chưa biết, vừa có lòng can đảm để đi theo thông qua tầm nhìn của mình, ngay cả trước sự phản đối kịch liệt.

Trên quy mô lớn, sự thay đổi mô thức là công việc của nhà lãnh đạo đích thực¹⁷. Đó là một người có tầm nhìn, sự thấu hiểu, táo bạo, can đảm, niềm tin và kiên nhẫn. Đó là nhà tư tưởng và canh tân, người thường bẻ gãy tất cả mọi ranh giới hiện hữu, người dám mơ ước một giấc mơ không khả thi và vươn tới ngôi sao không thể tiếp cận được.

Vấn đề thay đổi-mô thức có tầm quan trọng chủ yếu trong thế giới của công việc đương thời vốn đã được toàn cầu hóa, nơi sự cạnh tranh quyết liệt và cuộc canh tân liên tục nắm quyền thống trị tối cao. Các nhà lãnh đạo Giáo hội đều nhận thấy tầm quan trọng và ứng dụng toàn cầu của những sự thay đổi mô thức ở khắp mọi nơi, nên các ngài cũng tìm cách vận dụng tiềm năng của nó vào lãnh vực tôn giáo, đặc biệt vào việc thờ phượng và thực hành lối sống ơn gọi Ki-tô hữu. Con người vẫn đòi hỏi nơi phụng vụ điều gì đó có ý nghĩa và phù hợp với cuộc sống. Những nghi lễ cổ xưa và vô cảm, gần như mê tín dị đoan, không còn lôi cuốn giới trẻ và những người thông minh nữa. Vì thế, một lối ứng dụng sáng suốt công cụ hiện đại này, được gọi là “mô thức”, có thể giải thoát phương cách đối với các buổi phụng vụ có ý nghĩa và đạt hiệu quả hơn.

3.2 Sự Thay đổi-Mô thức trong Đời sống và Lịch sử Giáo hội

Một đặc điểm đáng khích lệ là Giáo hội không còn xa lạ với các mô thức và sự thay đổi-mô thức; những điều này cũng đã từng xảy ra trong suốt lịch sử Giáo hội. Với tư cách là một cơ cấu sống động, Giáo hội cũng phải nắm bắt các vấn đề của đời sống hằng ngày, và cung cấp những phương cách có ý nghĩa để đối phó với chúng. Và khi các mô thức hiện hữu thất bại trong việc giải quyết các vấn đề chủ yếu, thì Giáo hội cảm thấy và đối diện với nhu cầu tìm kiếm các giải pháp ở khắp mọi nơi.

Vài ví dụ về sự thay đổi-mô thức trong lãnh vực tôn giáo sẵn sàng đến với tâm trí là:

- Tới giữa thế kỷ IV, đời sống Tôn giáo bắt đầu như một *'fuga mundi'*, một cách thoát khỏi thế gian và những ảnh hưởng xấu xa của nó. Sau khi giai đoạn đầu của lối sống ẩn tu qua đi, và người ta cảm thấy thấm thía nhu cầu đối với cộng đoàn, thì các tu sĩ đều đọc Kinh Nhật Tụng chung với nhau, và điều này đã hình thành nên cột trụ của cơ cấu đan viện. Lối sống này vẫn tiếp tục cho đến thời Trung cổ, tuy nhiên, tình hình thế giới dần dần thay đổi một cách ẩn tượng.

Vì hiểu được những dấu hiệu của thời đại, nên *Thánh I-nhà-xi-ô thành Loyola vẫn tiếp tục cơ cấu* bắt buộc và cơ bản của việc đọc Kinh Nhật Tụng, nhưng ngài đã làm cho việc này trở thành cá nhân và riêng tư, sao cho sự cần thiết phải cầu nguyện chung không gây cản trở cho sự tự do gặp gỡ đối với các tu sĩ của ngài, theo đòi hỏi của việc tông đồ. Việc phát minh kỹ thuật in trong thời gian này đã tạo thuận lợi cho sự thay đổi, khi có thể in được những cuốn sách kinh nhỏ hơn. Sự thay đổi từ việc luôn luôn đọc Kinh Nhật Tụng chung, (và người ta vẫn nghĩ rằng đây là phương cách duy nhất phù hợp với tu sĩ), thành

cách đọc cùng Kinh Nhật Tụng theo cá nhân, để thích nghi tốt hơn với những đòi hỏi của việc tông đồ¹⁸.

- Đời sống tu trì bắt đầu như một cách thức để thoát khỏi tình trạng lầy nhiễm “thế gian”. Nhưng trong thế kỷ XVI, Thánh Vinh Sơn Phao-lô đã giới thiệu khái niệm Tin Mừng của Giáo hội như là “muối” và “men”, khi nhấn mạnh việc thực sự **hội nhập** vào thế gian. Bởi vì luật Giáo hội ngăn cấm tu sĩ sống bên ngoài “khu nội cấm”, nên ngài đã hình thành một nhóm phụ nữ tận tâm và làm tông đồ nhưng không thực hiện các lời khấn, (do đó, giải thích theo luật, thì họ không phải là “tu sĩ”), nhưng trên thực tế, họ vẫn sống một đời sống tu trì, thánh hiến ở giữa mọi người¹⁹. Ngày nay, lối sống này phát triển thêm thành các “trụ sở thế tục” trong đó, các thành viên, cả nam lẫn nữ, đều sống như “giáo dân” tại nhà riêng của họ, nhưng họ lại có một cam kết sâu xa với Đức Ki-tô và thế giới²⁰.
- Những người được thánh hiến trong Giáo hội đều chủ yếu cam kết cầu nguyện và hoạt động bác ái hoặc xã hội với lòng thương xót, như một phương tiện để thánh hóa cuộc sống của họ và phục vụ những người túng thiếu chung quanh họ. Vào đầu thế kỷ trước, Cha James Alberione đã đưa nhóm tu sĩ Dòng Thánh Phao-lô của ngài vào giữa thế giới **truyền thông đại chúng** lúc đó đang nổi lên, dạy cho họ biết kết hợp sự thánh hiến đời tu với lòng tận tụy cho việc truyền bá Chân lý, thông qua sức mạnh luôn liên tục-phát triển của truyền thông đại chúng.
- Những thời điểm trong quá khứ, mỗi giáo phái Ki-tô đều có cơ cấu Giáo hội hoặc nơi thờ phượng riêng của họ, thường trong sự cạnh tranh khốc liệt với các nhóm khác gần đó. Trong thời đại chúng ta, do tình trạng thiếu không gian tại các thành phố lớn, và cũng vì sự tôn trọng nhiều hơn đối với các giáo phái khác, nên các hội đường để cầu nguyện đều được chia sẻ, không chỉ

giữa các Ki-tô hữu với nhau, mà còn ngay cả giữa các Ki-tô hữu và những người thuộc niềm tin khác nữa. Ngày nay, tôn giáo được coi như tăng cường sự thôi thúc chung của chúng ta đối với Thần thánh, thay vì làm nổi bật những khác biệt. Trật tự của ngày nay là cộng tác, thay vì cạnh tranh.

- Suốt bao thế kỷ nay, việc quản trị của tòa thánh Vatican chỉ được phép dành cho các linh mục hoặc các nam nhân viên mà thôi. Không lâu trước đây, Đức Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II đã chỉ định Nữ tu Enrica Rosanna, thuộc Dòng Salesien, vào **cương vị cao nhất** mà một **phụ nữ** được giữ trong ban quản trị của Giáo hội Công Giáo Roma, khi đặt bà làm phó thư ký của một hội đồng thuộc Giáo triều – Thánh bộ các Thể chế của Đời sống Tận hiến và Tu đoàn Tông đồ, phụ trách các nhóm tu sĩ trên khắp thế giới. Đây là lần thứ ba kể từ tháng 3 năm 2004, tòa thánh Vatican bổ nhiệm phụ nữ vào các cương vị cao, khi chọn một giáo sư đại học Harvard lãnh đạo một học viện tư vấn và chỉ định hai phụ nữ vào một ủy ban thần học²¹.

3.3 Sự Thay đổi-Mô thức trong Phụng vụ và Thánh Lễ

Sự thay đổi-mô thức xảy ra không chỉ trong đời sống hằng ngày của Giáo hội, mà còn trong việc thờ phượng nữa. Chỉ vài ví dụ là đủ: Trong giai đoạn rất sớm của đời sống Giáo hội, Phụng vụ thực sự là “việc của mọi người”, đến mức độ tất cả mọi người đều tham dự Thánh Lễ một cách “tự nhiên” và tự phát. Nhưng khi sự hiểu biết về Thánh Lễ đã thay đổi theo thời gian, thì Thánh Lễ được coi như “hy tế” mang lại ơn tha thứ tội lỗi, vì thế, Phụng vụ trở nên dành riêng đặc biệt cho “linh mục” đã được truyền chức. Hiện nay, người ta bắt đầu coi Phụng vụ như là trung gian hòa giải, được cung cấp một cách chính thức giữa Thiên

Chúa và con người, thay thế cho chính Đức Ki-tô. Một khi sự thay đổi này đối với lối hiểu biết về vai trò của linh mục đã được chấp nhận ở khắp mọi nơi, thì ngôn ngữ được sử dụng, cách cử hành, hiểu biết về Giáo hội – hầu như tất cả mọi sự đều trải qua sự thay đổi dần dần nhưng triệt để hướng nhiều hơn tới sự cách biệt, chủ nghĩa cá nhân và những thứ thuộc loại đó. Về các phương pháp mới mẻ hơn của Công đồng Vatican II đối với Thánh Lễ, một khía cạnh nổi bật là việc thờ phượng ngày nay liên quan đến nhiều người khác nhau. Việc sử dụng ngôn ngữ địa phương mời gọi và tạo khả năng cho tất cả mọi người tham dự một cách hiểu biết. Điều này cũng nhấn mạnh rằng việc thờ phượng không chỉ được dự định để tôn vinh Thiên Chúa, nhưng đồng thời, cũng thánh hóa những người có liên quan nữa.

3.4 Một số Thay đổi-Mô thức Quan trọng, Chưa được Thực hiện

Louis-Marie Chauvet đưa ra cho chúng ta một bản danh sách thật ấn tượng về các mô thức, mà ông nghĩ rằng chưa được giới thiệu vào Thần học Bí tích thời hậu-Công đồng Vatican II:

- Chúng ta cần nhấn mạnh hơn đến vai trò của Chúa Thánh Thần hoặc của Thánh linh học.
- Cần thay đổi khuynh hướng nhất nguyên-Ki-tô vẫn còn tồn tại. Thay vì tập trung riêng vào Đức Ki-tô, chúng ta cần chú ý đến chân lý vĩ đại hơn về Chúa Ba Ngôi. Trong Thánh Lễ, Chúa Cha vẫn luôn ở trung tâm, Đấng mà tất cả mọi sự đều hướng tới. Lời cầu nguyện của chúng ta luôn luôn dâng lên Chúa Cha, thông qua Chúa Con và trong Chúa Thánh Thần.
- Không còn có thể chấp nhận được một nền thần học bí tích tách biệt với Giáo hội. Như Henri de Lubac nhắc nhở chúng ta: “Chính

Giáo hội tạo ra Thánh Lễ, và Thánh lễ tạo ra Giáo hội”²². Thánh lễ của chúng ta luôn luôn phản ánh kiểu Giáo hội mà chúng ta nhận thấy mình đang tồn tại. Vì thế, trước hết, Giáo hội tự coi mình cơ bản là tội lỗi, chỉ có thể đến với Thánh lễ như một hy tế, trong khi tha thiết cầu xin ơn tha thứ và chấp nhận. Nhưng ngược lại, khi Giáo hội tự coi như mình được ban ơn tha thứ, mà Giáo hội đã đón nhận rồi, thì Giáo hội chỉ có thể đến với Thánh lễ như một nghi lễ tạ ơn đối với lòng nhân lành bao la của Thiên Chúa.

- “Nhi phân pháp thật nguy hiểm” giữa thân thể Đức Ki-tô thuộc về Thánh Thể và thân thể Đức Ki-tô thuộc về Hội Thánh cần được loại khỏi lối suy nghĩ của Giáo hội. Chỉ có duy nhất một **thân thể** Đức Ki-tô: được nhìn nhận trong bí tích, chúng ta có thân thể Đức Ki-tô Thánh Thể dưới hình thức bánh được bẻ ra và chén được chia sẻ. Nhưng cùng là thân thể Đức Ki-tô, khi được suy nghĩ theo cá nhân, thì chính là Giáo hội nơi từng người và tất cả các thành viên trong Giáo hội với nhau. Đó là cùng một Đức Ki-tô, như vậy, đây là một khía cạnh mà chúng ta không nên bỏ qua hoặc nêu bật có hại cho người khác.
- Lối nhấn mạnh vào Đức Ki-tô như đầu của thân thể loại trừ Chúa Thánh Thần, đó là một khía cạnh khác trong các mô thức hiện hành của Giáo hội cần phải thay đổi. Chúng ta cần luôn luôn ghi nhớ rằng việc “tách biệt” Ba Ngôi vị của Chúa Ba Ngôi chỉ là một điều tưởng tượng của tâm trí chúng ta. Trên thực tế, Ba Ngôi *là* Một, và luôn luôn hoạt động “*ad extra*” với tư cách là một!
- Ngoài ra, việc hiếm khi đề cập đến cộng đoàn Giáo hội địa phương, cộng đoàn phụng vụ cụ thể, còn là một điều bất thường khác trong lối suy nghĩ của Giáo hội. Ý nghĩa và sự phong phú của bí tích Thánh tẩy là bí tích này sát nhập người được thanh tẩy vào một thân thể của Đức Ki-tô. Từ đó, không còn cá nhân theo nghĩa thông thường, nhưng chỉ có cộng đoàn mà thôi. Cả vị linh

mục lẫn cá nhân Ki-tô hữu đều không nên bị coi như tách biệt hoặc chỉ chịu trách nhiệm đối với bản thân mình. Cách thay đổi đúng đắn đối với lối suy nghĩ trong lãnh vực này sẽ tạo ra sự khác biệt lớn trong đời sống Giáo hội. Ngay cả những nỗ lực như xây dựng các cộng đoàn Ki-tô hữu nhỏ đều tất phải thất bại ngay từ đầu, vì lối suy nghĩ sai lầm này vốn phổ biến trong số các Ki-tô hữu.

- Một nền thần học về bí tích thuộc loại thể chế rõ ràng là một trở ngại nữa đối với một nền thần học Vatican đang hoàn toàn mở ra. Mặc dù Giáo hội là một “thân thể” và luôn luôn hoạt động như một thân thể, nhưng yếu tố cá nhân không bao giờ được mất đi tầm nhìn – và cả trong Phụng vụ cũng vậy. Việc liên kết hai phương pháp gần như đối nghịch nhau này vẫn sẽ là một trong các khía cạnh thách thức nhất của phụng tự đích thực đối với các Ki-tô hữu thuộc tất cả mọi thời đại. Quả thật sức sống của cộng đoàn đã “nâng đỡ” và hỗ trợ từng Ki-tô hữu bằng cách này hay cách khác, tuy nhiên, lợi ích cá nhân và việc đào sâu lòng tin của họ lại tùy thuộc vào việc họ đầu tư vào việc mở rộng Phụng vụ. Đáp lại, trong cuộc gặp gỡ cá nhân với Chúa Sống lại, lợi ích cá nhân lại có lợi cho toàn thể cộng đoàn. Hiện nay, hầu hết các Ki-tô hữu đều tự coi như mình là những cá nhân cách biệt với cộng đoàn mỗi khi họ tham dự Thánh Lễ. Khi Ki-tô hữu được hỏi: “Ai nhận được ân huệ lúc bạn rước Mình và Máu Thánh Đức Ki-tô trong Bí tích?”, thì họ trả lời một cách tự nhiên: “Tại sao lại hỏi thế, tất nhiên là tôi!”. Hiếm khi họ nói rằng toàn bộ Thân thể của Đức Ki-tô đều được hưởng lợi từ từng lần rước Thánh Thể hoặc tham dự Thánh Lễ.

Chính trong bối cảnh này, mà cần có thêm một sự thay đổi-mô thức – triệt để xem lại khái niệm về “việc Rước lễ Lần đầu của Tôi”. Trước hết, nơi đưa trẻ, có sự tập trung chỉ nghiêng hẳn vào

việc Rước lễ, ngược lại với thái độ hết lòng và trọn vẹn khi Rước Thánh Thể. Rồi cũng có “Lần đầu/ của Tôi”, trong khi đúng hơn nên là “Lần đầu tiên tôi tham dự Thánh Lễ với cộng đoàn”. Cùng với điều này, hãy bỏ sung thêm giáo huấn và việc chuẩn bị sự kiện: Đức Giê-su đang ngự vào “tâm hồn tôi”, thay vì Cộng đoàn đang đón nhận (các) thành viên này vào đàn chiên, với tư cách là người trưởng thành. Khi chúng ta dạy cho những đứa trẻ lối tự cho mình là trung tâm như vậy, rằng Đức Giê-su “chỉ dành cho tôi”, thì sau này, liệu chúng ta có thể mong đợi từ chúng một lối sống cộng đoàn được không?

- Sự phát triển sức mạnh của các dòng tu và sức mạnh của quyền cai quản: Mặc dù điều này cần thiết cho việc điều hành có hệ thống đối với các khía cạnh quản trị của đời sống Giáo hội, nhưng vẫn cần phải thực hiện nỗ lực tích cực, để duy trì sự quân bình giữa việc quản trị, mang lại-sự sống, các khía cạnh cộng đoàn của cam kết Ki-tô giáo. Vị linh mục làm thừa tác vụ có tầm quan trọng thuộc về chức năng trong hàng giáo phẩm của Giáo hội, nhưng đối với những người còn lại, linh mục chia sẻ tất cả mọi việc như tín hữu bình thường vẫn làm. Một lần nữa ở đây, khó khăn hệ tại ở việc duy trì sự quân bình giữa hai khía cạnh. Chắc hẳn trong quá khứ, khía cạnh quyền cai quản được ưu tiên trên tất cả các khía cạnh khác, hậu quả là linh mục (hàng giáo phẩm) đã đứng ngoài như một tầng lớp tách rời, và điều này làm cho tín hữu cảm thấy mình vô nghĩa và bất lực. Người nào trong số giáo dân thắc mắc về vấn đề nào đó, thì họ đều bị coi như kẻ gây rắc rối quấy rầy, và bị tất cả những người có quyền lực tránh không muốn thân thiện. Chỉ những kẻ nào cầu cạnh hàng giáo sĩ, và hành động như “người biết vâng phục”, thì mới được coi như xứng đáng được nhìn nhận. Chúng ta cần xem lại sự phân biệt giữa “Giáo hội Giáo huấn” và “Giáo hội Tin tưởng”.

- Cách đánh giá thiên vị về vai trò linh mục như có quyền truyền phép *in persona Christi* là một khía cạnh khác mà chúng ta cần nghiêm túc xem xét. Thuật ngữ “in persona Christi” này bị hiểu lầm cực kỳ, bởi vì (có lẽ do ảnh hưởng của khái niệm Do Thái về chức tư tế) không hiểu sao hàng giáo sĩ hóa ra lại được đồng nhất với chính Thiên Chúa; vinh dự dành cho linh mục được coi như vinh dự dành cho Thiên Chúa. Tuy nhiên, sau Công đồng Vatican II, cũng chính thuật ngữ *in persona Christi* này lại được hiểu nhiều hơn theo buổi lễ mà linh mục cử hành – linh mục thực hiện thừa tác vụ nhân danh Đức Ki-tô. Ngày nay, linh mục cũng được coi như là *bí tích* của Đức Ki-tô, theo ý nghĩa “làm cho hiện diện lại”, linh mục hiện thân cho chính Đức Ki-tô, linh mục là dấu hiệu bề ngoài duy nhất (như trong một bí tích). Do đó, “tác nhân” thực sự trong Thánh lễ vẫn luôn luôn là chính Đức Ki-tô, được hỗ trợ bên ngoài bởi các thừa tác viên, trong số đó, người đứng đầu là linh mục. Phương pháp này tương đối hóa tầm quan trọng của linh mục, thách thức linh mục phải tôn trọng vai trò của các thừa tác viên khác đã liên kết với linh mục trong việc cử hành.
- Kinh nguyện Thánh Thể bị thu hẹp vào công thức thành lập Thánh Thể. Cho đến nay, điều này có thể được hiểu như là một ví dụ khác về giản hóa luận, vốn rất phổ biến trong phụng vụ và thần học thời tiền-Công đồng Vatican II. Toàn bộ chủ đề hoặc đề tài đã bị thu lại thành một khía cạnh duy nhất. Do đó, toàn bộ Kinh nguyện Thánh Thể có thể được đọc liền một mạch với tốc độ thật nguy hiểm, miễn là “những lời truyền phép” được đọc chậm rãi và trong tinh thần cầu nguyện. Niềm tin này dường như là chính những lời “truyền phép” này mới làm cho Đức Giê-su hiện diện trên bàn thờ trong Thánh Lễ. Phần còn lại của Kinh nguyện Thánh Thể chỉ được coi như là bối cảnh cho phép lạ kỳ

điều này – và được xử lý như thể tự thân kinh nguyện này không hề có tầm quan trọng thực tiễn²³.

4. Cách Hành động Mới Đòi hỏi Mô thức Mới

Do đó, đối với các thuật ngữ thực tiễn, khi đối phó với sự thay đổi, chúng ta cần ghi nhớ hai khía cạnh: Thứ nhất là sự thay đổi bên ngoài trong **cách hành động** dễ nhận thấy, có thể đo lường và đánh giá được. Trong trường hợp *Lý thuyết về Mầm bệnh*, thì sự thay đổi bên ngoài là không còn nhu cầu phải dẫn lưu bệnh nhân bị máu xấu. Thay vào đó, biện pháp chữa bệnh đã thay đổi thành việc sử dụng cách tiêm và thuốc uống, có thể chữa lành bệnh nhân một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Điều quan trọng hơn sự thay đổi bên ngoài, đó là sự thay đổi về **lối suy nghĩ**. Cần phải nhìn tình huống cũ (chứng bệnh của bệnh nhân) theo một cách thức mới, khác hẳn và có thể không bình thường (như do một cơ thể lạ gây ra). Cần kiên trì đặt ra các câu hỏi quan trọng, để tìm được những câu trả lời đúng và phù hợp. Đối với những người trực tiếp có liên quan trong quá trình điều trị, sự thay đổi mô thức xảy ra “bên trong-bên ngoài”, khi họ tin rằng các chứng bệnh không phải do máu xấu gây ra, nhưng do tình trạng lây nhiễm. Vì thế, trước hết, phải có một cách nhìn nhận mới đối với thực tại – chỉ khi đó, sẽ xảy đến sự thay đổi hiệu quả và lâu dài về cách hành động hoặc thực hành.

Nói tóm lại, đã có bằng chứng chắc chắn rằng trong vấn đề thay đổi hiệu quả, trước hết, cần có tầm nhìn mới bên trong (mô thức); chỉ khi đó, mới có cách hành động mới bên ngoài, theo sau niềm tin và sự kiên trì (thay đổi). Nếu sự thay đổi bên ngoài của hành động chỉ được mang lại (thông qua nỗi sợ hãi hoặc bất cứ động cơ nào khác), nhưng trước đó lại không có một tầm nhìn mới bên trong, thì hoạt động mới sẽ chỉ được thực hiện một cách mù quáng và không có niềm tin hoặc ý nghĩa bên

trong, và nó sẽ không kéo dài; sớm muộn gì, khi sức ép bên ngoài được loại bỏ, thì cách hành động cũ sẽ tự khẳng định lại.

Nét mới mà Đức Giê-su khởi đầu được tóm tắt trong mẫu nhiệm chết-sống lại của Người²⁴; đây chính là “Ân huệ” mà Người đã ban cho chúng ta một cách dồi dào, thay thế cho ân huệ trước đây của Lễ luật được ban thông qua ông Mô-sê. Trong phần có tựa đề “Hướng tới sự Phục hồi những Hình ảnh Truyền thống của Thiên Chúa”, Keifer giải thích rõ chi tiết của những hàm ý trong sự thay đổi mô thức này. Ông đặc biệt nhấn mạnh đến cuộc đấu tranh để “làm cho Giáo hội trở thành một nơi của tự do, ý nghĩa và trọn vẹn”. Ông ghi chú rằng toàn bộ điều này đưa đến một ý nghĩa truyền giáo trong thế giới, nhờ đó, người ta tự nhận thấy bản thân họ như những tác nhân của sự công bằng và hòa bình trên thế giới. Chỉ riêng việc dồn hết tâm trí vào sinh hoạt trong giáo xứ không phải là tiêu chuẩn đối với “vai trò thành viên tích cực” trong giáo xứ/Giáo hội. Hầu hết người ta đều coi cam kết của họ đối với sự nghiệp mang lại công bằng như thế đây chỉ là một mối bận tâm bán-thời gian. Keifer cũng tán thành một nền đạo đức có cơ sở vững chắc, với ý thức trách nhiệm dành cho người nghèo khổ và bị áp bức. Ân huệ bản thân mà điều này đòi hỏi tìm được gương mẫu của nó nơi Đức Ki-tô, Đấng đã hiến thân vì sự sống của thế gian. Ông còn bổ sung một cách sâu sắc:

Trong tính cách thánh thiêng của bánh và rượu, chúng ta cần nhận định rõ hơn khẳng định của Thiên Chúa về tính cách thánh thiêng của toàn bộ cuộc sống. Sự viên mãn của dấu hiệu Thánh Thể không đơn giản là bánh và rượu, nhưng còn trong việc chia sẻ bánh và rượu nữa. Đức Giáo Hoàng cần được coi như kém hơn một nhà quản lý, và đúng hơn như một người nối kết sự hiệp thông giữa các giáo hội địa phương. Các buổi cử hành phụng vụ của chúng ta cần ít mang tính cách “roma” hơn, và diễn tả nhiều hơn về các mối quan hệ hiệp thông với các giáo hội khác trên khắp thế giới. Và điều này sẽ ít nổi bật về hình thức hơn so với nội dung:

người mà chúng ta cầu nguyện cho vẫn quan trọng hơn, so với cách chúng ta cầu nguyện. Sự phục hồi *bình ảnh “Dân Thiên Chúa” là một việc trước mặt chúng ta, thay vì một sự kiện đã hoàn tất*. Tuy nhiên, công việc không chỉ là một khả năng. Nói đúng hơn, đó là một việc mà Giáo hội đã đảm nhận, và dân Thiên Chúa đều đi theo trong các hoạt động phổ biến, trong việc đặt ra các câu hỏi mới, và dần dần vấp và định hình lại đời sống Giáo hội. Chúng ta đã bắt đầu rồi²⁵ (Phần nhân mạng là của tôi).

Miếng bánh và ngụm rượu mà chúng ta trải nghiệm một cách cụ thể trong tình Thánh Lễ nhắc nhở chúng ta rằng sự viên mãn trọn vẹn chỉ nằm ở tương lai. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn có thể mơ ước và hoạt động hướng tới ngày mà mỗi khi nói về Thánh Thể, chúng ta sẽ không còn tranh luận về *cách làm thế nào* (vốn thực sự hoàn toàn không phù hợp, vì đây là ân huệ tối cao của Thiên Chúa đối với chúng ta), nhưng chúng ta sẽ cùng nhau cử hành và sống *những điều* mà Thiên Chúa đã thực hiện cho chúng ta qua Đức Giê-su Ki-tô và trong Chúa Thánh Thần: Người đã tạo ra trời mới đất mới – một nơi mà trong đó, chúng ta được sống tư cách con cái đích thực của Thiên Chúa (Ga 1:12-14). “Nét mới này” là điều gì đó mà chúng ta phải trải nghiệm ngay từ bây giờ, trong khi vẫn ở nơi đây, trên chính trái đất này. Chắc chắn chúng ta sẽ trải nghiệm sự viên mãn của nó trong thế giới-đời sau. Tuy nhiên, sự viên mãn trong tương lai không nên làm cho chúng ta mất đi những bước khởi sự của nó, mặc dù còn lơ mơ nhưng vẫn tác động mạnh, đã bắt đầu ở đây và bây giờ.

Kết luận

Sự thay đổi đòi hỏi một cách thức mới trong việc nhìn vào thực tại – trong trường hợp của chúng ta, đó là ân huệ mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta trong Đức Giê-su, Con của Người. Đây cũng là một ân huệ quý báu đã bị lãng phí – thay vào đó, chúng ta cần phải dành những phong phú của ân huệ cho sự viên mãn nhất – vì vậy, không nỗ lực nào là quá lớn. Chúng ta hãy hái theo đuổi việc khảo sát tỉ mỉ cách làm thế nào để có thể gia tăng tối đa hiệu quả của việc chúng ta tham dự Thánh Lễ.

Chú thích

¹ Xem [www.zenit.org/article - 8895?l=english](http://www.zenit.org/article-8895?l=english) - ZE031209

² Đây là một trong những thấu hiểu chủ yếu của Thánh Peter Julian Eymard, sáng lập Dòng Thánh Thể, mà ngài đã truyền lại cho những người theo ngài để xem xét đầy đủ nhất. Hãy xem *Quy luật Sống của Dòng Thánh Thể*, số 33: “Thánh Peter Julian Eymard coi Thánh Thể như một nguồn lực có tác động đổi mới mạnh mẽ đối với Giáo hội và xã hội. Với tư cách là vị Sáng lập, cuộc đời và sứ vụ của ngài giúp chúng ta nhận thấy một tiếng vang về đức tin và lòng yêu mến nồng nhiệt của ngài. Khả năng của ngài trong việc biến ân huệ Thánh Thể thành những thừa tác vụ rất đa dạng kích thích chúng ta phải trở nên sáng tạo trong sứ vụ của mình”. Trong một Tổng Công Hội Mở rộng mới đây tại Sydney, Úc (tháng 5 năm 2003), Bề trên Tổng quyền đã phân nân về sự kiện là ngay cả đối với các Tu sĩ Dòng Thánh Thể, việc cử hành Thánh Lễ vẫn không đạt tới đời sống hằng ngày của họ. Đường như việc cử hành Thánh Lễ gần như bị cắt đứt

khỏi đời sống! Rốt cuộc, Thánh Lễ chỉ trở thành một nghi thức ít có kết quả thực tiễn đối với Giáo hội và thế giới.

³ Trong Hội nghị về Sinh khí Phụng vụ này, cha Puthanangady đã trình bày một bài báo về *Những Động lực và Cơ cấu của việc Đổi mới Phụng vụ*, trong đó, ngài liệt kê những lãnh vực khác nhau, mà việc thực hiện những lời khuyên của Công đồng Vatican II về phụng vụ đã không đạt tới. Trong số này, ngài ý muốn nói rằng – “Người dân chúng ta chưa tiếp cận được giai đoạn thực sự tham dự; họ vẫn còn ở mức độ đáp lại các lời nguyện của vị chủ tế, hoặc đọc một số kinh nguyện trong phụng vụ”. Sau này, khi giải thích tình trạng đó, ngài phát biểu rằng: “Sự tham dự phụng vụ của chúng ta không thể tách rời khỏi việc chúng ta tham dự đầy đủ vào đời sống của cộng đoàn và thế giới. Từng lời đáp mà chúng ta đọc và từng nghi thức chúng ta thực hiện trong khi cử hành phụng vụ đều là một hành động cam kết xây dựng một thế giới hiệp thông và một xã hội công bằng ... Tác động của việc tham dự phụng vụ đã được giải thích từ Thời Trung cổ và sau này, như việc đón nhận ân huệ. Hiện nay, chúng ta cần phải lập lại tinh thần của cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi, và diễn tả kết quả việc cử hành phụng vụ của chúng ta, qua việc xây dựng các cộng đoàn của tình yêu thương và chia sẻ”. Linh mục Paul Puthanangady, Hội nghị Quốc gia về Sinh khí Phụng vụ” trong *Examiner*, Tập 153, số 1 (ngày 5 tháng 1, 2002), 20.

⁴ Cách chúng ta sử dụng thuật ngữ “mô thức” liên kết với Thánh Lễ khác hẳn cách thức mà một số tác giả như David Power và Sandra Schneiders gọi là “phép ẩn dụ” hoặc thậm chí là “phép ẩn dụ gốc”. Khi các tác giả sử dụng các thuật ngữ này, đúng hơn, họ nói về ngôn ngữ được sử dụng và cách hiểu thuật ngữ này như thế nào. Nhưng khi họ sử dụng cùng các thuật ngữ này ở đây, thì trước hết, họ ám chỉ tầm nhìn tiềm ẩn bên trong, bản đồ, hoặc khuôn khổ tham khảo lúc đó tô điểm cho sự hiểu biết hoàn toàn của chúng ta về Thực tại cũng như cách hành động. Xem: David N. Power, *Mẫu nhiệm Thánh Thể* (New York Crossroad, 1994), Trang 42-57, 320-327. Sandra Schneiders, *Revelatory Text*, trang 29-40.

⁵ Thomas Kuhn, *Cơ cấu của các Cuộc Cách mạng Khoa học*

⁶ Thomas Kuhn, *Cơ cấu của các Cuộc Cách mạng Khoa học*, trang 26.

⁷ Joel Barker liệt kê vài từ tiêu biểu cho các tập hợp phụ của khái niệm về mô thức. Các tập hợp chính được mô phỏng ở đây chủ yếu nhằm cho thấy rằng khái niệm này thực sự phức tạp như thế nào: phương pháp luận, các nguyên

tắc, tiêu chuẩn, nghị định, giá định, thói quen, tập hợp ý kiến, giá trị, truyền thống, phong tục, thành kiến, ý thức hệ, những cấm kỵ, mê tín dị đoan, nghi thức, những điều bắt buộc, các chứng nghiệm, học thuyết, giáo điều. Trong chương này, các ví dụ được đưa ra đều phù hợp với cái này hoặc cái kia trong số các khái niệm tương tự hoặc có liên quan này. Joel A. Barker, *Các Mô thức: Việc Khám phá Tương lai* (New York: Harper Business, 1993).

⁸ Stephen R. Covey, *Bảy Thói quen của những Người Đạt Hiệu quả Cao*, (New York: Simon & Schuster, 1990) trang 23-35.

⁹ Joel Barker, *Các Mô thức: Việc Khám phá Tương lai*, trang 31-33.

¹⁰ Stephen R. Covey, *Bảy Thói quen*, trang 29-44.

¹¹ Đôi khi, trong cuộc sống chúng ta, ảnh hưởng của các mô thức tiêu cực, giới hạn, có thể thật bi thảm, như trong ví dụ này: Một học sinh đã tốt nghiệp trung học tại một tỉnh nhỏ với điểm “A”. Sau đó, anh ta nộp đơn vào đại học của bang. Theo thủ tục tuyển sinh, anh phải làm Bài Kiểm tra Khả năng Học tập. Vài tuần sau, anh nhận được một lá thư từ ban tuyển sinh thông báo rằng anh đã đạt điểm vào nhóm thứ 99 trong bài kiểm tra, và anh được chấp nhận vào đại học. Chàng thanh niên này rất vui mừng, nhưng có một vấn đề day dứt. Anh không biết về các nhóm, nên anh đã kết luận sai lầm rằng nhóm thứ 99 là điểm số IQ của mình. Tất nhiên, anh biết rằng chỉ số IQ trung bình là 100, vì thế, anh cảm thấy mình không bao giờ trù liệu được hoạt động của trường đại học với trí thông minh “giới hạn” của mình.

Trong cả học kỳ đầu tiên, anh đã thất bại hoặc gần như thất bại trong tất cả các môn học. Rất cuộc, khi nhà tư vấn gọi anh lên và hỏi nguyên nhân gì khiến anh học hành kém cỏi đến thế, thì anh đã trả lời một cách thất vọng: “Thầy có thể mong đợi em làm được bất cứ việc gì tốt hơn với điểm số IQ chỉ có 99!”. Với hồ sơ sinh viên mở ra trước mặt, nhà tư vấn đã hỏi sinh viên này với vẻ sốc đến khó tin: “Tại sao em lại nói thế?”. Anh đáp lại: “Đây là điều được ghi trong thư tuyển sinh”.

Khi nhà tư vấn nhận ra sự việc, ông đã kiên nhẫn giải thích sự khác biệt giữa IQ và nhóm: “Nhóm thứ 99 nghĩa là em đạt được bằng hoặc hơn 99 % trong số tất cả các sinh viên đã làm bài kiểm tra này. Em là một trong những sinh viên sáng chói nhất trong đại học này!”.

Chàng sinh viên hoàn toàn không thể tin nổi điều mình đã nghe; nhưng khi anh nhận ra rằng mình sai lầm và chấp nhận tiềm năng thực sự của mình, thì anh trở lại với việc học của mình bằng một ý thức mới về niềm tin và năng lực – với những kết quả phù hợp. Đến cuối năm, anh ở trong danh sách danh dự và rớt cuộc, anh đã tốt nghiệp trong số 10 người đứng đầu lớp. (Adapted, Brian Tracey, *Thành tựu Tối đa*, (New York: Simon & Schuster, 1993), trang 46-47.

Cuối thập niên 1960, Tiến sĩ Rosenthal đã chứng minh cùng sự kiện này đang xảy ra đối với các giáo viên nào đã tóm tắt quá ngắn gọn về tiềm năng của các sinh viên. Robert Rosenthal, *Pymalion trong Lớp*, (New York, Nhà Xuất bản Irvington, 1996), được trích dẫn bởi Brian Tracey, *Thành tựu Tối đa*, trang 48-49. Cũng xem Richard Rohr, *Niềm Hy vọng Chống lại sự Tối tăm*, (Cincinnati, Ohio: Nhà in St. Anthony, 2002), trang 43-48.

¹² Cũng được gọi là “triết lý cuộc sống”. Xem Z. Alszeghy, “Weltanschauung”, *Từ điển Bách khoa Công Giáo*, tập XIV (New York: Công ty Sách McGraw-Hill, 1967), trang 872-d.

¹³ Richard Rohr, *Niềm Hy vọng Chống lại sự Tối tăm*, trang 126-128.

¹⁴ Keifer giải thích điều đó theo cách này: “Công đồng Vatican II gọi Giáo hội là một *trụ sở*, mang thân phận tội lỗi cũng như thánh thiện. (Tuy nhiên, lời phát biểu chính thức này vẫn còn) liên kết với sự hiểu biết của chúng ta về việc chúng ta làm gì trong Giáo hội. Chúng ta không phải là một tập thể các cá nhân tội lỗi đến để chia sẻ các nghi thức hoàn hảo và vô tận của một Giáo hội duy nhất, đích thực. Nói đúng hơn, với tư cách là những kẻ tội lỗi nhưng vẫn được ban ân huệ, chúng ta cùng nhau đến để chia sẻ những hành động đầy giới hạn và thiếu sót, như chúng ta vốn giới hạn và thiếu sót, nhưng vẫn được khoan dung khi chúng ta được ban ân huệ”. Ralph A. Keifer, *Thánh Lễ trong Thời buổi Hoà bình*, trang 27.

¹⁵ Trong *Cơ cấu của các Cuộc Cách mạng Khoa học*, Thomas Kuhn cho thấy rằng ban đầu, hầu hết mọi thay đổi trong lãnh vực nỗ lực mang tính khoa học đều là một sự thay đổi về truyền thống, với những lối suy nghĩ cũ kỹ, các mô thức cũ. Stephen R. Covey trích dẫn trong *Bảy Thói quen ...*, trang 29. Cũng xem Joel A. Barker, *Các Mô thức*, trang 42-139.

¹⁶ Cùng cuốn sách đó, trang 157-158.

¹⁷ Theo Covey: “Đặc tính của nhà lãnh đạo là khám phá điều gì là đường hướng hoạt động đúng đắn nhằm đạt được mục tiêu, trong khi nhà quản lý sắp xếp theo cách thức nào để mọi người hoạt động một cách đạt hiệu quả nhất, hầu hoàn tất mục đích”. Hoặc như Peter Drucker và Warren Bennis vạch ra: “Vai trò quản lý là thực hiện các việc một cách đúng đắn; vai trò lãnh đạo là thực hiện những việc nào đúng đắn” (Stephen R. Covey trích dẫn trong *Bấy Thói quen*, trang 101). Covey giải thích thêm, với sự trợ giúp của ví dụ này: “Bạn có thể nhanh chóng hiểu được sự khác biệt quan trọng giữa 2 vai trò trên, nếu bạn hình dung một nhóm nhà sản xuất đang tìm cách băng qua khu rừng rậm với những con dao rựa. Họ là các nhà sản xuất, những người giải quyết vấn đề. Họ đang cắt những bụi cây thấp, khai thông khu rừng”.

“Nhà quản lý ở đằng sau họ, mài sắc những con dao rựa, viết những cuốn sổ tay về chính sách và thủ tục, giữ cho hoạt động cơ bắp phát triển, đưa vào những công nghệ cải tiến, và lập ra các lịch hoạt động và chương trình đền bù đối với những người sử dụng dao rựa.

Nhà lãnh đạo là người trèo lên thân cây cao nhất, giám sát toàn bộ tình hình và la lên: ‘Không đúng khu rừng!’.

Nhưng những người sản xuất và các nhà quản lý bận rộn, có hiệu quả lại thường trả lời: ‘Yêu cầu thỉnh lệnh! Chúng tôi đang tiến bộ’.

Với tư cách cá nhân, các nhóm và những người thực hiện nhiệm vụ (*và cả tu sĩ – phần bổ sung của tôi*), chúng ta thường quá bận rộn với việc cắt những bụi cây thấp, nên thậm chí chúng ta không nhận ra rằng mình đang ở không đúng khu rừng. Và việc nhanh chóng thay đổi môi trường mà trong đó chúng ta sống làm cho vai trò lãnh đạo mang tính cách quyết định hơn bao giờ hết ...”. Stephen R. Covey, *Bấy Thói quen*, trang 101-106.

¹⁸ Xem Edna Mary, *Đời sống Tu trì*, Victoria: Penguin Books, 1968.

¹⁹ Cùng cuốn sách trên.

²⁰ Xem Subash Anand, “Các Thể chế Thế tục và Gia đình Châu Á”, trong *VJTR*, 71 (2007), trang 567-589.

²¹ Xem Zenit News Agency, www.zenit.org, tháng 4, 2006.

- ²² Henri de Lubac, *Suy tư về Giáo hội*, (Paris: Aubier Editions Montagne, 1968), trang 101.
- ²³ Được trích dẫn bởi K. Osborne, *Các Bí tích Kitô giáo trong một Thế giới Chống lại-Chủ nghĩa Hiện đại*, (Nhà In St. Paul, New York, 1999), 90. Lời giải thích từng điểm là của chúng tôi, không phải của Osborne.
- ²⁴ Ralph A. Keifer có một sự thấu hiểu thú vị đối với các giá trị tích cực trong việc Đổi mới Đoàn sủng về hậu quả mới của Giáo hội, với tư cách là những người thánh thiện của Thiên Chúa. Xem *Thánh Lễ trong Thời buổi Hoà bình*, trang 71-78.
- ²⁵ Ralph A. Keifer, *Thánh Lễ trong Thời buổi Hoà bình*, trang 78-83.

Chương 2

NÉT MỚI HOÀN TOÀN TRONG GIÁO HUẤN CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Giới thiệu

Việc Đức Giê-su đến thế gian đánh dấu bước khởi đầu cho một mối quan hệ hoàn toàn “mới” giữa Thiên Chúa và con người. Trong Cựu Ước¹, Thiên Chúa đã hứa thiết lập một Giao ước “mới” với dân của Người, một giao ước của nền hòa bình và thịnh vượng cao quý hơn, của niềm vui và sự tự do, của tình yêu thương và sự hiệp thông cá nhân mật thiết, mang lại rất nhiều điều hơn, so với những gì mà giao ước cũ có thể cung cấp. Thiên Chúa đã thực hiện giao ước mới này trước hết để biểu thị lòng trung tín và nhân lành của Người – “Bấy giờ, chư dân sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa, khi Ta biểu dương sự thánh thiện của Ta ngay trước mắt chúng” (Gr 31:1-40; Ed 36:16-38). Giao ước Mới này sẽ đánh dấu bước khởi đầu cho một thời kỳ tôn giáo vui mừng: Tiếng khóc than

ai oán của bà Rama sẽ được biến thành niềm vui lớn. Đặc biệt, giao ước này mang tính cách dứt khoát, vĩnh cửu và khác hẳn một cách không thể tưởng tượng nổi, so với những gì mà dân Ít-ra-en đã từng trải qua cho đến nay².

Giao ước này vẫn là một phần trong kế hoạch của Thiên Chúa, ẩn giấu từ mọi thời, nay được thiết lập trong và thông qua con người của Đức Giê-su Ki-tô (Ep 1:3-10). Vì thế, hoàn toàn không lạ gì khi giáo huấn của Đức Giê-su hoàn toàn mới và khác hẳn với học thuyết của “Cựu Ước”, và đặc biệt là lối giải thích của các giáo sĩ Do Thái và những người Pha-ri-sêu về giao ước trong thời kỳ Giữa Cựu Ước và Tân Ước. Tuy nhiên, điều quan trọng cần ghi chú là “Nét mới” mà Đức Giê-su giới thiệu khác hẳn về phẩm chất và ở trên một mức độ hoàn toàn được nâng cao³. Tác giả của lá thư gửi các Tín hữu Do Thái (10:5-7) khẳng định rằng với việc Đức Giê-su đến, Thiên Chúa đã dứt khoát hủy bỏ tất cả các hy tế theo nghi thức. Vì thế, từ thời Đức Giê-su trở đi, một cuộc sống công chính của người biết vâng phục Chúa Cha và phục vụ người đồng loại trong yêu thương chính là “hy tế” được Thiên Chúa chấp nhận (Dt 10:5-10 ; x. Rm 12:1).

1. Giáo huấn của Đức Giê-su và Việc Thực hành

- Cuộc Cách mạng

Thật ý nghĩa khi không vị nào trong số các thánh sử đề cập rằng với tư cách là người trưởng thành, Đức Giê-su đã từng đến Đền thờ để thờ phượng hoặc thực hiện hy tế theo nghi thức⁴. Hy tế là một thành phần chủ yếu trong cơ cấu tôn giáo của người Do Thái, vì thế, chắc hẳn chúng ta có thể mong đợi được đọc về việc chính Đức Giê-su dâng các hy tế bắt buộc, ít nhất trong các ngày lễ đã được ấn định⁵.

Tuy nhiên, khi Đức Giê-su đến Đền thờ, thì Người lại dạy dỗ hoặc trừ xuất những kẻ buôn bán (Ga 2:13-22; Mt 21:12-27; Mc 11:15-19; Lc 19:45-48). Đối với Đức Giê-su, Đền thờ có thể bị tiêu hủy (Mc 13:1; Mt 24:1-8; Lc 21:5-11). Người không bao giờ tham dự phụng tự của người Do Thái thời đó, ⁶ chúng ta cũng không thấy Người lập ra một phụng tự mới của riêng mình. Nói đúng hơn, Đức Giê-su đã thiết lập các mối quan hệ của con người và giữa người với người, khi “vị trí”, “bàn thờ”, nơi hy tế đích thực sẽ được dâng lên Chúa Cha trong “Thần Khí và sự thật” (Ga 4:21-23).

Tuy nhiên, Đức Giê-su lại không tùy tiện ngăn cản những người khác dâng các hy tế; nói đúng hơn, Người vẫn thường bảo những kẻ mà Người đã chữa lành là hãy đi trình diện với các tư tế và thực hiện những điều mà ông Mô-sê đã quy định⁸. Lại nữa, Đức Giê-su còn công khai thừa nhận: “Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn” (Mt 5:17-20). Đức Giê-su làm thế nào để bắt tay vào việc kiện toàn Lễ luật và các Ngôn sứ của “Cựu Ước”? Người không bổ sung thêm bất cứ quy định mới nào. Nói đúng hơn, Người giới thiệu lại yếu tố cá nhân một cách rõ ràng hơn và mạnh mẽ hơn trong cơ cấu hiện hành, với vài lời phát biểu như: “Anh em đã nghe luật dạy người xưa rằng ... Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết...”. Trong “Bài giảng trên Núi”, Đức Giê-su áp dụng nguyên tắc này để đi tới tận cốt lõi của vấn đề, đến các phạm vi như: tức giận, ngoại tình, li dị, thề thốt, trả đũa, yêu mến kẻ thù, bổ thí, cầu nguyện và ăn chay (Mt 5:21; 6:18). Với danh sách này, Đức Giê-su đã bao quát tất cả mọi lãnh vực chính, trong đó, người Pha-ri-sêu và những người khác nói chung, đều toại nguyện chỉ với sự tuân phục bên ngoài mà thôi.

Trong đời sống cá nhân, Đức Giê-su thích chọn ở trên những ngọn đồi và núi non, trong đêm tối và cô tịch hơn, để nói chuyện thân tình với Chúa Cha⁹. Khi Đức Giê-su dạy các môn đệ cầu nguyện bằng “Kinh Lạy

Cha” (Lc 11:1-13; Mt 6:9-15), Người đã xác nhận những đòi hỏi của hai giới răn chủ yếu: yêu mến Thiên Chúa và yêu mến đồng loại. Nhưng để đạt hiệu quả, kinh nguyện này không đòi hỏi bất cứ bối cảnh đặc biệt nào; chúng ta có thể cầu nguyện bằng Kinh Lạy Cha ở bất cứ nơi đâu và bất cứ chỗ nào, “trong nơi kín đáo” hoặc “trong Thần Khí” và “theo sự thật” mà Đức Giê-su đã mặc khải. Trên thực tế, Đức Giê-su thường lôi kéo các môn đệ của Người chú ý đến cách cầu nguyện kiểu Pha-ri-sêu vẫn được chấp nhận, và dạy các ông đừng cầu nguyện theo cách đó. Thay vào đó, Người dạy các ông trở nên nội tâm, cá nhân và ý nghĩa hơn trong lời cầu nguyện của mình (Lc 18:9-14; Mt 6:1-18).

Do đó, phương pháp riêng của Đức Giê-su đối với Thiên Chúa là Cha và lời giảng dạy của Người về cách cầu nguyện và hiệp thông với Chúa Cha cho chúng ta thấy một cách thuyết phục rằng Người không ủng hộ hy tế theo nghi thức Do Thái, hoặc lối phụng tự sùng bái trong Đền thờ vào thời của Người. Nói chung, với phương pháp này về cách cầu nguyện, chúng ta có thể mong đợi hơn nhiều rằng Đức Giê-su tránh né bất cứ lời khuyên rõ ràng nào về một *hy tế* theo nghi thức, như là cách thức để nhận được ân huệ của Thiên Chúa.

1.1 Nét Mới Hoàn toàn của Thánh Thể

Trong bối cảnh của một bữa ăn Vượt qua, Đức Giê-su đã ban cho chúng ta Thánh Thể như một tổng hợp toàn bộ cuộc sống của Người. Trong Bữa tối đó, nói chung, vẫn được biết đến như là “Bữa tiệc Ly”, mặc dù trịnh trọng, nhưng chúng ta vẫn khó nhận ra bất cứ hành động sùng bái nào, ngay cho dù tất cả các bữa ăn Do Thái đều mang một đặc điểm thánh thiêng nào đó. Trên thực tế, Bữa tiệc Ly trước hết, là một dấu hiệu hiệp thông, mà ý nghĩa của nó là liên kết với việc bắt đầu một Giao ước mới, một hiệp ước mới được thiết lập của dân Ít-ra-en mới¹⁰.

Đôi với Đức Giê-su, Bữa tiệc Ly (Thánh Thể) chủ yếu không phải là một hành động hướng tới Thiên Chúa¹¹, mặc dù trong bữa tiệc này, Đức Giê-su vẫn dâng lời “cảm tạ” lên Thiên Chúa, và bữa tiệc này còn có tất cả mọi loại hàm ý phát xuất từ một mối quan hệ mang tính cách Giao ước mới với Chúa Cha¹². Vì thế, **không** cần phải giải thích trước hết về Thánh Thể, ít nhiều mang tính cách dành riêng, về mặt hy tế hoặc theo bất cứ nghi thức nào khác, cho dù của người Do Thái hoặc theo cách khác. Hơn nữa, trong 3 thế kỷ đầu, Giáo hội tiên khởi đã từng cử hành Thánh Lễ như là sự chia sẻ trong một bữa ăn của tình bằng hữu, chiều kích chủ yếu của bữa ăn này không phải là cầu nguyện và thờ phượng quá nhiều, cho bằng mối quan tâm yêu thương đối với những người khác. Phương pháp này vẫn tiếp tục, đại khái cho đến thời người ta bắt đầu cảm thấy quyền lực của đế chế Constantine (350 Sau Công nguyên). Vì chỉ trong quá trình “hệ thống hóa” các niềm tin của họ, các Ki-tô hữu tiên khởi mới dần dần trở lại với các kiểu hy tế và nghi thức Do Thái quen thuộc, để giải thích về Thánh Lễ¹³.

Từ đó trở đi, sự chết cứu chuộc của Đức Giê-su, và cả cuộc sống của những kẻ theo Người, càng ngày càng được ám chỉ như là “hy tế”¹⁴. Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng trong những giai đoạn đầu tiên, các tác giả Giáo phụ đều rất thận trọng và nhấn mạnh rõ ràng đến sự khác biệt, thay vì tương tự, giữa Thánh Lễ và các hy tế Do Thái. Các tác giả này đều nhấn mạnh đến nhu cầu đối với sự “vượt xa hơn đầy sức sống về mặt xã hội, như một phần chủ yếu của Thánh Lễ”¹⁵.

Khi chúng ta theo dõi sự phát triển của Thánh Lễ qua các thế kỷ¹⁶, thì rõ ràng điều đáng buồn là cuối cùng, Giáo hội đích danh hoàn toàn mất đi khả năng thấy được tầm nhìn độc nhất của Đức Giê-su về Thánh Lễ¹⁷. Sự hiểu biết của Giáo hội về Thánh Lễ cũng bị trệch hướng thành tất cả các kiểu cường điệu như tái diễn “bi kịch trên núi Can-va-ri-ô”, hy tế biểu tượng không đổ máu trên bàn thờ, các lễ nghi rất phức tạp tương đương với các nghi lễ triều đình và những thứ thuộc loại đó¹⁸. Vì thế, mặc

dù trọng tâm trước đây là tìm được Thiên Chúa trong người đồng loại, thì nay lại thay thế bằng việc thuần túy tìm được Thiên Chúa nơi bản thân Người hoặc trong các nghi thức hầu như không liên quan đến ai¹⁹.

Mặc dù Công đồng Vatican II vẫn giữ lại thuật ngữ và khái niệm về “hy tế”, nhưng Công đồng vẫn tìm cách đưa vào đó một tầm nhìn rộng lớn hơn – do đó, triệt để thay đổi ý nghĩa của hy tế. Công đồng hướng các Ki-tô hữu trở lại với Tin Mừng, kêu gọi tất cả mọi người tái khám phá ý nghĩa chủ yếu của việc Nhập thể, như một số cách hiểu biết trước đây của Ki-tô hữu về Thánh Lễ: Giao ước, Kính nhớ, Tưởng niệm, *Berakkah* (Tạ ơn hoặc Cầu chúc trong tiếng Do Thái), bữa ăn của Tình Bằng hữu v.v...²⁰. Tuy nhiên, thậm chí 40 năm sau Công đồng Vatican II, đối với hầu hết các Ki-tô hữu ngày nay, “hy tế” (và cũng chỉ được hiểu như là lễ đền tội để tha thứ tội lỗi)²¹ vẫn tiếp tục là lối hiểu biết chiếm ưu thế, nếu không phải là duy nhất, về Thánh Lễ. Kết hợp với cách thức này, lối hiểu biết về Thiên Chúa cũng là lối hiểu biết về một vị thầy khắt khe, cứng rắn, một người xa cách và lãnh đạm, chỉ quan tâm đến luật lệ và trật tự không liên quan đến ai. Thiên Chúa bị coi như một Đấng đòi hỏi hy tế như là một phương tiện cần thiết để tha thứ tội lỗi và tái hợp với Người, sau khi tội lỗi và sự bất tuân phục đã cắt đứt mối quan hệ giao ước.

Khi chúng ta bắt đầu đánh giá đúng hơn hình ảnh mà Đức Giê-su bộc lộ cho chúng ta về sự hiểu biết và đón nhận Chúa Cha²² (với tư cách là một Thiên Chúa-phục vụ²³), thì chúng ta khám phá rằng chúng ta cũng cần phải nhìn Thánh Lễ dưới một ánh sáng hoàn toàn khác hẳn. Vì Thiên Chúa vẫn yêu thương chúng ta, những con cái yêu dấu của Người, một cách điên cuồng, nên với tư cách là dân “được chọn” của Thiên Chúa, chúng ta cùng nhau quy tụ trong Thánh Lễ, để mừng kính²⁴ sự chọn lựa này và ân huệ được làm con của chúng ta. Đồng thời, trong lòng biết ơn vì được chúc lành, chúng ta tự cam kết mở rộng vương quốc yêu thương của Thiên Chúa, điều này có nghĩa là chúng ta sẽ phát triển tình yêu Thiên Chúa, và làm cho tình yêu này trở nên hữu hình, sao cho có

thêm nhiều người có thể nhận ra rằng Người cũng cực kỳ yêu thương họ, và họ được lôi kéo vào giao ước với Người²⁵. Một lần nữa, “địa điểm” hoặc nơi chốn dành cho Thánh Lễ vẫn sẽ là “thân thể” (Ep 2:14-16) hoặc các mối quan hệ giữa người với người, trạng thái “con người” tại nơi làm việc, lớp học, thể giới, ngôi nhà và đặc biệt là tại bàn, nơi tình bạn, tình hữu nghị, sự tha thứ và tình yêu thương được trao tặng và đón nhận một cách hào phóng²⁶. Vì thế, quả thật Giáo hội sẽ trở thành điều mà Đức Giê-su muốn cho Giáo hội trở thành: không chỉ là một thể chế khác²⁷, nhưng là một thân thể sống động, bao gồm những người đang sống theo lối sống khác hẳn, một lối sống sao cho trở thành “ánh sáng cho trần gian” (Mt 5:14-16), muối đất (Mt 5:13) và men trong bột (Mt 13:33).

1.2 Giáo huấn Mới của Đức Giê-su

được Nhận biết trong các Bản Tin Mừng

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét nội dung giáo huấn mới của Đức Giê-su. Sự hoàn toàn tương phản giữa các huấn thị của Đức Giê-su và giáo huấn trong “Cựu Ước” nổi bật trong tất cả các văn bản Tân Ước. Một cuộc điều tra một số *bản chủ yếu* trong từng vị thánh sử sẽ thuyết phục chúng ta về nét mới hoàn toàn trong giáo huấn của Đức Giê-su.

1.2.1 Trong Tin Mừng Mác-cô

Chẳng bao lâu sau phần Mở đầu (Mc 1:1-13), Thánh Mác-cô đánh dấu bước khởi đầu của Đức Giê-su bằng lời nhận xét: “Sau khi ông Gio-an bị nộp, Đức Giê-su đến miền Ga-li-lê rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa. Người nói: ‘Thời kỳ đã mãn và triều đại Thiên Chúa đã đến gần.’”

Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng' (Mc 1:14-15). Dường như thế Người nói: Bây giờ, thời kỳ của ông Gio-an ("Cứu Ước") đã qua, tự thân điều này biểu thị rằng thời gian chỉ định của Thiên Chúa đã đến (*kairos*), Đức Giê-su xuất hiện tại hiện trường để cung cấp cho mọi người một phương pháp mới đối với Thiên Chúa và đối với cuộc sống con người.

Albert Nolan nhấn mạnh vào tầm quan trọng giữa Thánh Gio-an Tẩy giả và Đức Giê-su, khi ông nói:

Sự thay đổi não trạng trong thời của ông Gio-an có nghĩa là ăn chay và thực hiện việc sám hối; sự thay đổi não trạng trong thời của Đức Giê-su giống như chấp nhận lời mời dự tiệc (Lc 14:15-17), hoặc giống như phát hiện một kho tàng hoặc một viên ngọc vô giá mà người ta vui mừng hy sinh tất cả mọi thứ khác để tậu được nó (Mt 13:44-46). Trong thời của ông Gio-an, sự tha thứ là một khả năng tương lai tùy thuộc vào phép rửa; trong thời của Đức Giê-su, sự tha thứ là một thực tại, và phép rửa trên sông Gio-đan không còn cần thiết nữa... Ông Gio-an tiên báo cuộc phán xét của Thiên Chúa; Đức Giê-su tiên báo ơn Cứu độ của Thiên Chúa... Ông Gio-an là ngôn sứ của ngày tận thế; Đức Giê-su là sứ giả của tin vui²⁸.

Qua việc Thiên Chúa tự-mặc khải như được bộc lộ trong Kinh Thánh, xuất hiện ba giai đoạn chính. Và nơi Đức Giê-su, một "gương mặt" mới của Chúa Cha, gần như phải được mặc khải. "Thời kỳ đã mãn" biểu thị chính xác buổi đầu mặc khải cuối cùng của Thiên Chúa. Chúng ta có thể tập hợp lại những giai đoạn khác nhau trong việc mặc khải Thiên Chúa là ai, xoay quanh ba "cuốn sách" chủ yếu của Kinh Thánh: Sáng thế Ký (trước-Giao ước), Xuất hành (Giao ước Đầu tiên) và các bản Tin Mừng (Giao ước Mới).

Mạc khải mới này của Chúa Cha như là Đấng Phục vụ các thụ tạo của Người, mà Người yêu thương bằng một tình yêu đến khó tin, là điều gì đó vượt xa nhận thức của chúng ta. Điều này hầu như hoàn toàn đúng sự thật, vì thế, Đức Giê-su đòi hỏi chúng ta phải “sám hối (thay đổi thái độ của chúng ta)”³⁰, và tin tưởng (chấp nhận là đúng, mà không nghi ngờ)³¹ Tin vui này³².

Sám hối³³ nghĩa là thay đổi thái độ hoặc mô thức của chúng ta, và chấp nhận một tầm nhìn hoàn toàn mới hoặc khác hẳn về thực tại đang được đề cập³³. Điều cần thay đổi ở đây là khuynh hướng bẩm sinh của chúng ta vẫn hiểu về Thiên Chúa trước hết như một vị Thẩm phán khắt khe và đáng sợ, Đấng kiểm soát vũ trụ thật xa cách và gần như vô cảm. Một lần nữa, chúng ta hãy trích dẫn lời của Albert Nolan:

Người ta thường nói rằng Đức Giê-su có một hình ảnh hoàn toàn mới về Thiên Chúa. Thiên Chúa của Đức Giê-su hoàn toàn khác hẳn Thiên Chúa của Cựu Ước hoặc Thiên Chúa của người Pha-risêu – Quả thật Thiên Chúa của Đức Giê-su hoàn toàn không giống như Thiên Chúa mà hầu hết các Ki-tô hữu đều tôn thờ. Thói quen và khái niệm của Đức Giê-su về Nước Trời sẽ không thể có được, khi không có một hình ảnh hoàn toàn mới về Thiên Chúa... Điều này hoàn toàn đúng, ngoại trừ đây không phải là cách thức mà chính Đức Giê-su đã giải thích về nó. Người không nhận thức việc thay đổi hình ảnh về Thiên Chúa... Khi Đức Giê-su nghĩ đến việc này, thì **chính Thiên Chúa đã thay đổi**³⁵ (phần nhấn mạnh được bổ sung).

Cùng với sự thay đổi và hiểu biết về *Thiên Chúa*, chúng ta cũng cần phải thay đổi hình ảnh của mình về *bản thân* (tất cả nhân loại); chúng ta thường nghĩ rằng mình là những kẻ bất xứng, tội lỗi, vô ơn. Theo giáo huấn của Đức Giê-su, chắc chắn con người mỏng dòn, tuy nhiên, họ không cần đến một sự thanh lọc triệt để, trước khi được coi như xứng đáng đến với sự hiện diện của Thiên Chúa.

Chúng ta sẽ không thể đón nhận ân huệ của Thiên Chúa – sự hoàn toàn tự-hiến thân cho chúng ta vì tình yêu thương, trừ phi chúng ta từ bỏ thói tiêu cực thâm kín này, trong cách nhìn nhận bản thân mình và toàn bộ thực tại của con người³⁶. Để đáp lại ân huệ này, cách thức duy nhất phù hợp mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi chúng ta, đó là chúng ta cứ sống trong tình yêu của Người, và cũng với lòng quảng đại như vậy, chúng ta còn biết chia sẻ tình yêu này cho tất cả mọi người đồng loại: “Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13:34-35), và “Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy” (Mt 10:8). Hiến chương đối với Ki-tô hữu là: “không sống cho chính mình, mà sống cho Đấng đã chết và sống lại vì mình” (2 Cr 5:13-15)³⁷.

Như vậy, đối với Thánh Mác-cô, việc thực sự đi theo Đức Giê-su có nghĩa là sẵn sàng chết đi cho sự tồn tại của bản thân, hầu tự đặt mình vào việc phục vụ những người khác một cách yêu thương.

1.2.1.1 Nét Mới của Thánh Thể Trong Tin Mừng Mác-cô

Ngay cho dù Thánh Mác-cô trình bày một Ki-tô học mang tính cách Ki-tô giáo-Do Thái giáo, ngài vẫn triển khai thêm điều này từ quan điểm của một người ngoại giáo, và rất có thể là cử tọa Roma. Trong Tin Mừng Máccô, cả việc Đức Giê-su long trọng vào thành Giê-ru-sa-lem, lẫn bữa ăn Vượt qua, đều được báo trước bằng những chỉ thị mang tính cách tiên tri của Đức Giê-su, về một kẻ đứng đó và một người mang vò nước. Điều này liên quan đến Da-ca-ri-a 9:9, và làm sáng tỏ vai trò của Đức Giê-su với tư cách là vua messia, Đấng có hành động đầu tiên chủ yếu là thanh tẩy Đền thờ. Sau này, trong bữa ăn Vượt qua, khi Đức Giê-su chúc lành và ca tụng Thiên Chúa trong lời cảm tạ, Người thông báo về ý nghĩa sự chết của Người: Đó là một hy tế đền tội cho tất cả mọi người, và hướng

tới việc đánh dấu giao ước dứt khoát giữa Thiên Chúa và nhân loại. Bữa tiệc Ly không chỉ thông báo điều này, mà còn tiên báo cả hy tế của Người, lần bữa tiệc messia thật vui mừng trong vương quốc của Thiên Chúa.

Điều có ý nghĩa là các môn đệ hỏi Đức Giê-su xem Người muốn *tự mình* ăn Lễ Vượt qua ở đâu: “Thầy muốn chúng con đi dọn cho Thầy ăn Lễ Vượt qua ở đâu?”. Khi các môn đệ tự loại mình ra khỏi Lễ Vượt qua, thì chúng ta nhận thấy thái độ và lối cư xử của các ông đều nhất quán suốt từ đầu đến cuối³⁸. Nhưng câu trả lời được nhấn mạnh của Đức Giê-su nhắc nhở các môn đệ rằng chính các ông cũng được chia sẻ với Đức Giê-su trong Lễ Vượt qua: “Và ở đó, các anh hãy dọn tiệc cho chúng ta (*hemin*)” (14:15). Đây là Lễ Vượt qua của các môn đệ cũng như của Đức Giê-su.

Trong khi Đức Giê-su và các môn đệ chuẩn bị cho bữa ăn Vượt qua (14:12-16; Đức Giê-su đã chuẩn bị cho việc mai táng Người bằng việc xúc dầu thơm 14:3-9), thì các thượng tế và kinh sư cũng điên cuồng bắt đầu chuẩn bị cho việc mai táng Đức Giê-su theo một cách thức hoàn toàn khác hẳn³⁹. Sau này, Giu-đa, “một người trong Nhóm Mười Hai”, sẽ tham gia vào âm mưu bất chính của họ. Thật khôi hài, các thượng tế và kinh sư lại lên kế hoạch bắt giữ Đức Giê-su và kết án tử hình Người vào chính lễ kỷ niệm ngày giải thoát toàn dân khỏi ách nô lệ và sự chết. Lễ Vượt qua được cử hành bằng cách sát tế con chiên Vượt qua, và loại bỏ khỏi cuộc sống con người bất cứ thứ gì liên quan đến mùa gặt trước (lối sống trong quá khứ). Dù không chủ tâm, nhưng các thượng tế cũng đang chuẩn bị cho cuộc Vượt qua mới mà trong đó, Đức Giê-su được lệnh hiến mạng sống của Người để hy sinh giải thoát toàn thể nhân loại khỏi tội lỗi của họ.

Trong Bữa tiệc Ly, tấm bánh mà Đức Giê-su đã cầm lấy, bẻ ra và trao cho các môn đệ, sau khi chúc tụng Thiên Chúa, chính là thân thể của Người: cũng là thân thể mà người phụ nữ tại Bê-ta-ni-a đã xúc dầu tiên báo việc mai táng Đức Giê-su (14:3-8), cũng là thân thể mà ông Giô-

xếp thành A-ri-ma-ta sẽ đặt vào một ngôi mộ (15:45-46). Hành động bê bánh (Thánh Thể) không có gì tách biệt với sự chết và việc mai táng của Đấng đã được Xức dầu, Đấng sống lại sau ba ngày (những tình huống có thật trong cuộc sống).

Khi chúng ta đến với trình thuật liên quan đến chén cứu độ, chúng ta nhận thấy một sự khác biệt đáng kể trong cách trình bày của Thánh Mác-cô: ngài đảo ngược tình huống uống chén và cách trình bày. Lý do của sự đảo ngược này thật sâu sắc: Đối với cộng đoàn Mác-cô, Sitz-im-leben là các cuộc bách hại của bạo chúa Nero mà họ phải đương đầu, và sự kiện một số người có khuynh hướng từ bỏ cam kết của họ đối với Đức Ki-tô lúc chịu phép rửa, nhằm tránh khỏi phải đau khổ và sự chết. Khi hứa hẹn với hai anh em ông Gia-cô-bê và Gio-an (và 10 môn đệ còn lại) rằng chắc chắn các ông sẽ phải uống chén của Người và được thanh tẩy bằng phép rửa của Người (bằng máu) ⁴⁰, Thánh Mác-cô mô tả sinh động việc Đức Giê-su trao cho các môn đệ chén rượu trong Bữa tiệc Ly. Vì thế, hành động “tất cả đều uống chén này” (Mc 14:22-25) diễn tả thái độ sẵn sàng liên kết của các môn đệ với Đức Giê-su qua cuộc khổ nạn và sự chết của Người. Nhưng các ông lại thất bại trong việc sống theo cam kết này, vì khi Đức Giê-su bị bắt giữ, thì “các môn đệ bỏ Người mà chạy trốn hết” (Mc 14:50).

Ông Phê-rô cũng chạy trốn, tuy nhiên sau đó, ông đã theo dõi các bước chân của Đức Giê-su và đi theo Người – nhưng vẫn đảm bảo có một khoảng cách an toàn, giữa Đức Giê-su và bản thân ông (Mc 14:54). Khi kể lại việc tất cả các môn đệ đều uống rượu ngay trước khi trình bày những lời giải thích, Thánh Mác-cô nhắc nhở cộng đoàn Ki-tô hữu rằng đây là điều mà họ nên tiếp tục làm, bất cứ khi nào họ cử hành Bữa tiệc của Chúa. Thánh Lễ không chỉ là một nghi thức, việc thực hiện đúng đắn nghi thức này là toàn bộ những gì có ý nghĩa: Thánh Lễ cần được sống và chứng minh hoặc xác nhận trong cuộc sống hằng ngày.

Tình trạng Đức Giê-su bị đóng đinh ô nhục, hành động phản bội của “một người trong Nhóm Mười Hai”, việc chối bỏ và chạy trốn của các môn đệ, và thậm chí cả việc Người rõ ràng bị Chúa Cha bỏ rơi – toàn bộ đều là hậu quả của sự tự nguyện-phục tùng mà Đức Giê-su đã tự do chọn lựa. Những điều này cũng đáp ứng như một gương mẫu đối với các môn đệ, những người sẽ phải đi suốt cùng con đường đau khổ trong các cuộc bách hại. Một bầu khí của tình mật thiết cá nhân bao trùm Bữa tiệc Ly (các tông đồ đều bắt đầu được kêu gọi để “ở lại với Người ...”), nhưng bầu khí này bị phá vỡ bởi lời thông báo: *Thầy bảo thật anh em, có người trong anh em sẽ nộp Thầy, mà lại là người đang cùng ăn với Thầy*” (14:18). Đáp lại câu hỏi đầy lo lắng của các môn đệ, Đức Giê-su bổ sung thêm: “Chính là một người trong Nhóm Mười Hai, đây là người chấm chung một đĩa với Thầy” (14:20). Cả hai lời phát biểu này đều đưa ra sự kiện rằng kẻ phản bội thuộc về phạm vi nội bộ, ở trong nhóm đã được Đức Giê-su đặc biệt tuyển chọn⁴¹.

Như vậy, đối với cộng đoàn Mác-cô, Thánh Lễ không phải là một nghi thức để cầu xin ơn tha thứ tội lỗi. Nói đúng hơn, Thánh Lễ là một thách thức thực sự để cam kết và trung thành với Đức Ki-tô thậm chí cho đến chết. Dựa trên bối cảnh các cuộc bách hại thực sự đã từng diễn ra ác liệt khắp chung quanh họ, trong đó, hàng trăm người được kêu gọi để làm chứng cho Đức Ki-tô bằng mạng sống của họ⁴², Thánh Lễ đã tác động vào chính cốt lõi cuộc sống hằng ngày của họ. Do đó, mặc dù người ta vẫn cho rằng Thánh Mác-cô mô tả sinh động sự chết của Đức Giê-su như một “hy tế”, với bối cảnh là Lễ Vượt qua của người Do Thái, nhưng chắc hẳn hy tế này không giống như nghi thức theo tập quán mà người Do Thái vẫn có thói quen cử hành. Đức Giê-su đã dâng hiến chính mình (và không chỉ là một sự việc như một biểu tượng về bản thân Người) như một dấu chỉ về hành động hoàn toàn tự-hiến thân cho Chúa Cha và các anh em của Người. Ki-tô hữu cũng được thách thức để dâng hiến chính cuộc sống của họ lên Thiên Chúa và người đồng loại, trong và thông qua

Thánh Lễ, và một cách cụ thể hơn thông qua các cuộc bách hại trong thời của Người ⁴³.

1.2.2 Trong Tin Mừng Lu-ca

Cách thức rõ ràng nhất để cảm nghiệm được nét mới của giáo huấn Đức Giê-su trong Tin mừng Lu-ca là đối chiếu lời rao giảng mở đầu của Thánh Gio-an Tẩy giả với lời rao giảng của Đức Giê-su. Việc đối chiếu thực sự đáng chú ý, do được xác định ở những vị trí khác nhau, nhưng không quá xa cách về thời gian.

1.2.2.1 Phương pháp của Ông Gio-an Tẩy giả

– “Bên ngoài-vào bên trong”

Trước hết, Thánh Lu-ca cho thấy ông Gio-an Tẩy giả chuẩn bị cho dân chúng đón nhận Đấng Messia. Ông nói với họ bằng những từ ngữ thực sự mang tính cách tiên tri:

Đám đông lũ lượt kéo đến xin ông Gio-an lãnh phép rửa; ông nói với họ: “Nòi rắn độc kia, ai đã chỉ cho các anh trốn cơn thịnh nộ của Thiên Chúa sắp giáng xuống vậy? Các anh hãy sinh những hoa quả xứng với lòng sám hối. Và đừng vội nghĩ bụng rằng: Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham; vì tôi nói cho các anh hay: Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Áp-ra-ham. Cái rìu đã đặt sát gốc cây: bất cứ cây nào không sinh quả tốt đều bị chặt đi và quăng vào lửa” (Lc 3:7-9).

Ngôn ngữ và phong cách, tiêu biểu cho văn chương mang tính cách tiên tri thời Cựu Ước, cho thấy một khoảng cách rất lớn giữa Thiên Chúa và dân của Người. Ở đây, không có chỗ dành cho tình yêu thương và lòng thương xót; sự công bằng không thiên vị thật khắt khe chiếm ưu thế trong tất cả mọi hoàn cảnh. Thiên Chúa được mô tả sinh động như đang tức giận với hành động trong quá khứ của dân Người, và đòi hỏi họ phải sám hối; nếu không, họ có thể bị những hậu quả trầm trọng. Lời kêu gọi thay đổi mang tính cách tiên tri thật phổ biến trong thời của ông Gio-an dựa trên *nỗi sợ* bị trừng phạt. Bây giờ, khi nỗi sợ hãi thúc đẩy dân chúng, thì nói chung, họ không dám nghĩ đến bản thân, vì sợ rằng họ bị vấp ngã bằng cách này hay cách khác, và rất cuộc, họ phải gánh chịu hình phạt khủng khiếp. Để nắm chắc gấp đôi, họ tìm kiếm sự hướng dẫn và trấn an từ kẻ khác (một người có thẩm quyền đầy uy tín), người mà sau đó họ đi theo một cách gần như mù quáng. Qua thái độ như vậy, họ từ bỏ đặc quyền của mình với tư cách con người, vốn phải suy nghĩ độc lập, và chỉ dành cho người khác điều gì mà họ tự do chọn lựa để trao tặng.

Trong Lc 3:10-14, ba nhóm người đến với ông Gio-an hỏi xem cụ thể họ nên làm gì như một cách đáp lại sao cho phù hợp với lời giáo huấn của ông – và ông Gio-an nói chi tiết với họ cách làm thế nào để “sinh những hoa quả xứng với lòng sám hối”. Trong những tình huống như vậy, cơ hội là những người khiếp sợ sẽ làm chính xác điều gì mà ông Gio-an bảo họ, và *không làm gì hơn*. Họ không có khả năng rèn luyện bất cứ sáng kiến cá nhân nào. Do đó, điều rất cuộc sẽ làm thay đổi thái độ của họ trước Thiên Chúa không phải là rất nhiều nguyên tắc cơ bản, cho bằng chỉ là những cách thực hành bên ngoài đáp ứng cuộc sống của họ! Hậu quả của phương pháp này là người ta vẫn tiếp tục suy nghĩ theo các mô thức cũ của họ, mặc dù họ chấp nhận các mô thức mới, vì thế, họ tin tưởng một cách khá nghiêm túc rằng mình đã thực sự “thay đổi”.

Nhưng họ chỉ thay đổi cách diễn tả có thể nhìn thấy bên ngoài, chứ họ không hề thay đổi bên trong.

Chúng ta tìm hiểu điều này qua một ví dụ cụ thể: Francis là một người giúp việc cho ông Pereira. Trong nhà của cha mẹ anh, Francis vẫn có thói quen ngồi dưới đất dùng bữa ăn trong phòng bếp nhỏ hẹp. Khi người con trai phóng khoáng hơn của ông Pereira từ Mỹ về, thì anh ấy nhất quyết rằng Francis cũng nên ngồi ăn chung với cả gia đình trên bàn – anh làm như vậy vì vâng lời, nhưng vẫn rất khúm núm. Sau một thời gian, thậm chí Francis còn sử dụng dao một cách rất khéo léo, và tuân theo tất cả những quy tắc xã hội quy định về phép xã giao trên bàn ăn, hoàn toàn giống như mọi người trong nhà. Nhưng điều này có nhất thiết làm cho Francis trở thành một thành viên trong gia đình Pereira không? – đặc biệt khi bản thân anh vẫn tiếp tục tự nghĩ rằng mình là người giúp việc! Trong trường hợp này, điều gì đã thực sự thay đổi? Không thay đổi gì về thực tại bên trong của một người chỉ giúp việc nhà, ngoại trừ cách hành động bên ngoài tại bàn ăn!

Hai ông Gia-cô-bê và Gio-an là một ví dụ ấn tượng về kiểu thay đổi hời hợt, bên ngoài này. Hai ông đã từng là môn đệ của ông Gio-an, trước khi họ chọn đi theo Đức Giê-su, vì thế, họ sống theo những cơ cấu khắc khe phổ biến, theo khuynh hướng “Cự Ước”, mà ông Gio-an là người đề xướng. Sau này, Đức Giê-su vẫn sai hai ông đi trước Người đến một thị trấn của người Samari để chuẩn bị cho Người đến sau, như một phần trong sứ vụ của hai ông, với tư cách là người báo hiệu. Nhưng khi những người Samari từ chối chấp nhận Đức Giê-su, thì cả hai anh em đều sẵn sàng khiến lửa từ trời xuống thiêu hủy họ (Lc 9:51-56). Phương pháp của hai ông gợi nhớ điển từ của ông Gio-an, khi ông chuẩn bị cho dân chúng đón Đức Ki-tô đến⁴⁴. Đức Giê-su đã nghiêm khắc khiển trách hai ông vì thái độ hoàn toàn đối nghịch với phương pháp đầy thương xót của Người. Việc hai ông đi theo Đức Giê-su suốt ba năm không hề thay đổi được bất cứ điều gì trong các mô thức “Cự Ước” của họ; rõ ràng mô

thức của hai ông là một trường hợp “đựng rượu mới trong những cái bầu cũ!”.

1.2.2.2 Phương pháp của Đức Giê-su

– “Bên trong-ra bên ngoài”

Lời rao giảng đầu tiên của Đức Giê-su cho dân chúng trong hội đường dựa trên sách ngôn sứ I-sa-i-a (61:1-2a):

“Thần Khí Chúa ngự trên tôi... Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Đức Chúa... ‘Hôm nay, đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe’” (Lc 4:16-21).

Nét đặc biệt trong năm hồng ân của Đức Chúa (“Năm Toàn Xá”) là trong năm đó, tất cả các món nợ đều được bên kia tha ⁴⁵. Như vậy, điều mà Đức Giê-su đã thực sự rao giảng ngay từ đầu sứ vụ của Người, đó là Thiên Chúa tha thứ tất cả mọi tội lỗi của con người, bằng một động tác đơn phương của tình yêu thương và thiện ý. Tất cả mọi người đều được giải thoát khỏi tình trạng nô lệ cũ của họ đối với tội lỗi. Mọi người đều được ban nhưng-không cơ hội để đi vào Miền đất Hứa trong Vương quốc của Tình Yêu thương mà Đức Giê-su đã mang lại, thông qua sứ vụ của Người. Đây là hành động ân huệ của Thiên Chúa về một cuộc xuất hành mới trong Đức Giê-su, Con của Người. Chắc chắn mọi người sẽ cần phải sám hối, nhưng còn hơn cả dấu hiệu đón nhận ơn tha thứ, nói đúng hơn, đây là một điều kiện-tiền quyết để nhận được ơn tha thứ.

Trong Đức Giê-su, Thiên Chúa có sáng kiến đón nhận những kẻ tội lỗi vào vòng tay yêu thương của Người, trong khi theo phương pháp của ông Gio-an Tẩy giả, thì con người cần phải đi bước trước hướng tới Thiên Chúa, bằng cách sinh những hoa quả xứng với lòng sám hối, theo “nỗ lực riêng của mình”.

1.2.2.3 Nét Mới của Thánh Thể trong Tin Mừng Lu-ca

Thánh Lu-ca là thánh sử duy nhất đồng nhất việc ăn bánh trong nước trời với việc chia sẻ vương quyền của Chúa Cha. Ngài trình bày hàng loạt bữa ăn, mỗi bữa đều tóm tắt điểm chủ yếu của khu vực mà bữa ăn diễn ra; mỗi bữa cũng hướng tới bữa ăn tột đỉnh, Bữa tiệc Ly, qua đó, bữa ăn đạt được sự viên mãn của nó⁴⁶. Nước trời được mô tả sinh động như một bữa tiệc lớn, trong đó, những người nghèo khổ, tàn tật, đui mù (những người bị coi như không thanh sạch ở Ít-ra-en, vì thế, bị phái Qumran loại khỏi bữa tiệc cánh chung), cùng với Dân ngoại, được thay thế cho các khách mời, những kẻ từ chối lời mời, vì họ có những việc riêng cần giải quyết (14:16-24).

Các cộng đoàn Ki-tô hữu của Thánh Lu-ca đều chủ yếu là các cộng đoàn truyền giáo năng động. Bản thân họ đã nhận được đức tin thông qua những nỗ lực truyền giáo, do đó, họ ý thức sâu sắc nhu cầu phải truyền đạt đức tin cho những người khác, để xây dựng vương quốc đầy yêu thương và tình bằng hữu của Thiên Chúa⁴⁷. Vì thế, chúng ta nhận thấy Thánh Lu-ca trình bày Bữa tiệc Ly dưới dạng bữa ăn của Giao ước⁴⁸, một bữa ăn mà Đức Giê-su khao khát chia sẻ với các môn đệ. Một số giáo phụ Cựu Ước đóng khung mong ước sau cùng của ngài trong bối cảnh của một bữa ăn – như ông I-xa-ác⁴⁹. Khi tụ tập các môn đệ, Đức Giê-su cử hành bữa ăn Vượt qua⁵⁰, và trong khuôn khổ truyền thống của bữa ăn, Người trao cho các ông sứ vụ mà chính Người đã nhận được từ

Chúa Cha – thiết lập triều đại yêu thương và hòa bình của Thiên Chúa. Do đó, khi chia sẻ bánh và chén rượu, các Ki-tô hữu của cộng đoàn Thánh Lu-ca cũng tự cam kết⁵¹ cùng với Đức Giê-su công bố và mở rộng vương quốc này (giao ước *mới*) đến toàn thể nhân loại.

Chính trong bữa ăn, Đức Giê-su để lại cho các tông đồ giao ước và ý muốn cuối cùng của Người để các ông tiếp nối, Thánh Lu-ca mô tả rằng các ông tranh cãi xem ai trong số họ được coi như người lớn nhất (22:24). Dựa trên bối cảnh này, Đức Giê-su đưa ra cho các ông một chỉ thị nghiêm khắc về việc cần phải vị tha và không sợ hãi, nếu các ông thực sự muốn thúc đẩy mạnh việc mở rộng vương quốc của Thiên Chúa – đây chính là điều các ông sẽ làm bên ngoài Thánh Lễ.

Khi Đức Giê-su hiến thân cho các môn đệ và sau đó, Người còn tự nộp mình vào tay những kẻ tội lỗi, Đức Giê-su bắt đầu thực hiện cuộc Vượt qua của người Do Thái, sẽ được hoàn tất trên thánh giá và việc Lên Trời của Người. Chỉ bằng cách trở thành người phục vụ các môn đệ và tự nộp mình vào tay những kẻ tội lỗi, Đức Giê-su mới làm trọn vai trò “người tôi tớ của Chúa Cha”, sẵn sàng đón nhận vương quyền từ Chúa Cha – một vương quyền mà Đức Giê-su ban cho các môn đệ, trong mức độ các ông cũng chia sẻ thái độ phục vụ thấp hèn của Người.

Thánh Lu-ca không phủ nhận sự hiểu biết của Thánh Mát-thêu rằng chúng ta được cứu độ nhờ máu Đức Giê-su, tuy nhiên, ngài lại nhấn mạnh một khía cạnh khác của sự kiện cứu độ. Trong suốt cuộc đời trần thế của Đức Giê-su, Người luôn luôn đối xử tốt với những kẻ tội lỗi, ra đi tìm kiếm họ⁵², đón tiếp họ và ngồi cùng bàn với họ, thế mà lúc bấy giờ, Người lại đang bị coi như một trong những kẻ tội lỗi. Trên núi Can-va-ri-ô, Đức Giê-su sẽ chịu đau khổ và chết như một tên tội phạm tầm thường. Chính thông qua tình nghĩa trọn vẹn của Người với những kẻ tội lỗi, mà Người cứu độ “kẻ trộm lành”, khi khơi dậy nơi anh ta một hành động sâu xa của đức tin. Thay vì đối kháng và phỉ báng những kẻ hành hình mình, Đức Giê-su lại còn chuyển cầu cho họ (Lc 23:24). Đức Giê-su lo

lắng về toàn bộ “điều này”, khi trong Bữa tiệc Ly, Người truyền cho các môn đệ của Người rằng: “Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy” (Lc 22:19).

Trình thuật về Bữa tiệc Ly của Thánh Lu-ca cũng bao gồm một chủ đề khác mà ngài “ưa thích nhất”: Vương quốc của Thiên Chúa như một bữa tiệc *cánh chung* với Đức Giê-su. Đức Giê-su nhìn xa hơn tình trạng yếu đuối hiện tại của các tông đồ, hướng tới sự hoán cải của các ông trong tương lai, và hứa với các ông rằng các ông sẽ được đồng bàn ăn uống với Người trong Vương quốc của Người (Lc 22:28-30). Tình bằng hữu-đồng bàn này bắt đầu trong các cuộc cử hành Thánh Lễ, sau khi Đức Giê-su sống lại, với tư cách là Chúa sống lại, Người chia sẻ bữa ăn với hai môn đệ trên đường Emmau và với cộng đoàn tại Giê-ru-sa-lem. Người tới trung thành sẽ được ngồi tại bàn, trong khi chủ nhân phục vụ người đó (Lc 12:35-37).

Mặc dù Thánh Lu-ca phát hiện nguồn gốc của Thánh Lễ trong Tin Mừng của ngài chủ yếu thông qua 10 bữa ăn⁵³, nhưng trong sách Công vụ Tông đồ⁵⁴, ngài bộc lộ rõ hơn cho chúng ta những hàm ý khi cử hành Thánh Lễ như các cuộc hành trình của Giáo hội qua những con đường gian khổ của cuộc sống. Ngài còn cho thấy rằng các Ki-tô hữu tiên khởi quy tụ “ngày đầu tiên trong tuần”, một ngày liên quan đến việc tạo dựng, sự sống lại của Đức Giê-su và bắt đầu một tạo thành mới.

Trong câu chuyện về Thánh Lễ được cử hành tại Trô-a⁵⁵, sự chết của Êu-ti-khô là nét chính, và sự chết này đưa đến sự kiện Thánh Lễ chủ yếu mang lại sự sống, vì cũng là sứ vụ của Thánh Phao-lô và các Ki-tô hữu. Chàng thiếu niên Êu-ti-khô chết trong khi đang nghe Thánh Phao-lô giảng lời Chúa, nguồn sức sống của cộng đoàn. Điểm nhấn mạnh của câu chuyện chính là sự sống. Vì Thánh Phao-lô nói là: “Đừng xôn xao nữa, nó sống mà”. Với tư cách hội viên của cộng đoàn vẫn quy tụ vào ngày thứ nhất trong tuần để bẻ bánh và nghe Thánh Phao-lô giảng lời Chúa, Êu-ti-khô lại có được sự sống nơi mình. Sự chết không phải là kết thúc cuộc đời, nhưng nói đúng hơn, đó là đi vào sự sống lại và tạo thành

mới mà Đức Giê-su đã mang lại cho chúng ta, vào ngày thứ nhất trong tuần.

Sự kiện cảnh bão táp mà Thánh Phao-lô và các tù nhân bạn của ngài đã gặp phải (Cv 27:1-44) làm sáng tỏ câu hỏi về sự sống sót⁵⁶ và cứu thoát trước hết, trên biển, nhưng cũng tiêu biểu cho việc các Ki-tô hữu tìm kiếm ơn Cứu độ đời đời. Nhưng những người trên tàu được cứu thoát như thế nào? Câu chuyện về miếng bánh cảnh báo chúng ta rằng các Ki-tô hữu cần phải ăn (Thánh Thể), để có được sức mạnh cần thiết, hầu sống sót trước những thế lực sự dữ vẫn đe dọa sự cứu độ⁵⁷. Khi Thánh Phao-lô cầm lấy bánh, dâng lời cảm tạ trước sự hiện diện⁵⁸ của tất cả mọi người rồi ăn, ngài chứng tỏ cho các hành khách bạn của ngài về loại lương thực nào là cần thiết để được cứu độ. Tấm bánh mà các Ki-tô hữu bẻ ra chính là tấm bánh của ơn Cứu độ. Do đó, trong nhân giới của Thánh Lu-ca, từng Thánh Lễ đều tiên báo về bàn phục vụ vĩnh cửu của Chúa, Đấng nuôi dưỡng dân của Người bằng chính mình Người, trong khi cõi đời đời được hình dung như một Thánh Lễ viên mãn. Vì thế, theo Thánh Lu-ca, niềm vui và tình mật thiết khi bẻ bánh⁵⁹ chính là hành động chủ yếu trong cộng đoàn (Cv 2:46-47).

Không cách mô tả nào trong số này hoặc những lời ám chỉ ngắn gọn khác đối với Thánh Lễ⁶⁰ cho phép chúng ta giải thích rằng các Ki-tô hữu tiên khởi này trong các cộng đoàn Lu-ca thực hiện các buổi cử hành chỉ theo nghi thức, mà trong đó, tự thân nghi thức tạo ra thành quả của nó; nói đúng hơn, chúng ta nhận thấy từng người tham dự đều hoàn toàn dồn hết tâm trí vào Thánh Lễ. Toàn bộ những điều được mô tả sinh động trong từng sự kiện đều liên quan đến cuộc sống. Kết quả cuối cùng khi tham dự việc cử hành Thánh Lễ là một sự thay đổi dứt khoát nơi những người tham dự. Đối với họ, Thánh Lễ không chỉ là sự biến đổi bánh và rượu thành Đức Giê-su, nhưng điều quan trọng hơn, đó cũng là sự biến đổi đích thực nơi từng cá nhân và cộng đoàn, thành Đức Ki-tô đang tự-hiến thân. Thông qua các buổi cử hành Thánh Lễ, họ “có những

tâm tình như chính Đức Giê-su Ki-tô” (Pl 2:5). Toàn bộ điều này đòi hỏi cá nhân phải dồn hết tâm trí không chỉ trong khi cử hành Thánh Lễ, mà còn nhiều hơn nữa, cả trong lối sống thường ngày.

1.2.3 Trong Tin Mừng Mát-thêu

Vài học giả Kinh Thánh cho rằng cú đột phá chủ yếu trong Tin Mừng Mát-thêu là cuộc bút chiến giữa cộng đoàn của ngài, bao gồm các Ki-tô hữu thuộc tầng lớp Do Thái, và các thành viên của Hội đường Do Thái⁶¹. Không ở đâu tình trạng căng thẳng này được thấy rõ hơn lời phát biểu của Đức Giê-su: “Vì, Thầy bảo thật anh em, trước khi trời đất qua đi, thì một chấm một phết trong Lễ luật cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành...” (Mt 5:18-19). Điều này biểu thị rằng Đức Giê-su tự nghiêm túc cam kết thực hiện Lễ luật của Ít-ra-en và phục vụ “các chiên lạc nhà Ít-ra-en” (Mt 10:6; 15:24).

Tuy nhiên, Chúa Sống lại sai các môn đệ của Người ra đi đến tận cùng trái đất, đến tất cả mọi dân nước, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều *Người đã truyền dạy cho các ông* (Mt 28:16-20). Trong sứ vụ công khai của Đức Giê-su, vài lần Người còn vượt khỏi những điều Lễ luật dạy: “Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: ‘Chớ giết người...’. Còn Thầy, thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình...” (Mt 5:21-48). Chẳng phải là có một sự xung đột ở đây sao? Đức Giê-su phát biểu ý định của Người là không hủy bỏ Lễ luật, tuy nhiên, Người lại còn đi xa hơn những quy định rõ ràng của lễ luật, và đòi hỏi các môn đệ phải dạy bảo mọi người tuân giữ *tất cả* những điều *Người đã truyền dạy cho các ông*! Câu trả lời sẽ tùy thuộc vào sự hiểu biết của chúng ta về sự kiện “trời đất sẽ qua đi” (Mt 5:18). Câu nói này ám chỉ thời kỳ nào?

Trong phần mô tả về sự chết và sống lại của Đức Giê-su, chỉ có Thánh Mát-thêu tường thuật hàng loạt các sự kiện ẩn giấu trong trí tưởng

tượng huyền bí theo truyền thống Do Thái, đánh dấu “thời điểm chuyển giao của các thời đại”. Giây phút Đức Giê-su tắt thở, bức màn trường trong Đền thờ bị xé làm hai từ trên xuống dưới, có một trận động đất, đất rung đá vỡ, mồ mả bật tung và xác của nhiều vị thánh trỗi dậy (Mt 27:51-54). Tương tự, sự sống lại của Đức Giê-su được đánh dấu bằng một trận động đất khác; một thiên thần mặc y phục trắng như tuyết đến lăn tảng đá ra rồi ngồi lên trên (Mt 28:2-3). Từ toàn bộ điều này, rõ ràng Thánh Mát-thêu coi giây phút chết đi-sống lại của Đức Giê-su như là lúc “trời đất qua đi”. Đây là lúc “mọi sự hoàn tất” và thời gian chín mùi đối với một sứ vụ mới: “làm cho muôn dân trở thành môn đệ”⁶². Đối với cộng đoàn Mát-thêu, việc cứ bám lấy những cách thức cũ có nghĩa là phản bội lại những kế hoạch của Thiên Chúa đối với họ, được mặc khải qua giáo huấn và cuộc sống của Đức Giê-su, và đặc biệt là sự chết và sống lại của Người⁶³.

1.2.3.1 Nét Mới của Thánh Thể Trong Tin Mừng Mát-thêu

Mặc dù Thánh Mát-thêu rất theo sát Thánh Mác-cô, nhưng ngài vẫn bổ sung vào bản văn về Bữa tiệc Ly những lời có ý nghĩa sau đây, để giải thích về Chén Cứu độ: “... máu Giao ước, đổ ra cho *muôn người được tha tội*”. Qua lời bổ sung này, ngài nhắc nhở các Ki-tô hữu của ngài rằng sự chết của Đức Giê-su hướng tới việc tha thứ tội lỗi. Việc đề cập đến tên của Đức Giê-su trong câu 17 (trong khi Thánh Mác-cô có một đại từ: Mc 14:12) thật khó nhận thấy, nhưng vẫn là một phần của chủ đề tha thứ trong Tin Mừng Mát-thêu. Từ đầu Tin Mừng của ngài, Thánh Mát-thêu đã giải thích đích danh tên của Đấng Cứu độ: “Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ”. Trong tiếng Aram, từ nguyên phổ biến *Yeshua* là “Yavê cứu độ”. Thánh Mát-thêu sử dụng từ này 154 lần, so với 80 lần trong Tin mừng Mác-cô,

và ngài thường sử dụng từ này để thay thế cho đại từ, khi ngài sử dụng hai lần trong trình thuật về việc chuẩn bị Lễ Vượt qua, và một lần trong Phần Tương thuật việc Lập Phép Thánh Thể (26:17, 19, 26), và trong suốt trình thuật về cuộc khổ nạn của Đức Giê-su⁶⁴.

Nét độc đáo trong thần học Thánh Thể của Thánh Mát-thêu tập trung vào việc máu Đức Giê-su đã đổ ra để tha thứ tội lỗi. Đặc điểm này của ơn tha thứ trong Tin Mừng Mát-thêu cũng có thể nhận thấy trong cách diễn đạt của ngài về Kinh Lạy Cha và việc Đức Giê-su dạy cách cầu nguyện⁶⁵. Trong phần truyền tin cho ông Giuse, sứ vụ của Đức Giê-su được thông báo là: "... Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ" (Mt 1:21). Dân chúng được ám chỉ như *ho laos*, thuật ngữ Hy Lạp dành cho dân Ít-ra-en như là dân tộc được Thiên Chúa chọn. Do đó, sứ vụ của Đức Giê-su tập trung vào việc giải thoát dân Ít-ra-en, với tư cách là dân tộc được chọn của Thiên Chúa. Toàn bộ sứ vụ của Đức Giê-su trong cuộc sống công khai của Người đều nhắm đến việc thực hiện công việc này mà Chúa Cha đã trao cho Người. Chỉ một mình Thánh Mát-thêu nhìn nhận tất cả những việc chữa lành và trừ quỷ của Đức Giê-su như là mở đầu cho vai trò hy sinh thay cho người khác của người tôi tớ. Đức Giê-su chữa lành không phải như một khách thăm viếng thần thánh không hề có liên quan, nhưng bằng cách Người tự chất lên mình và mang vào mình những bệnh tật và yếu đuối của chúng ta, và cuối cùng cả tội lỗi của chúng ta nữa⁶⁶.

Trong Tin Mừng Mát-thêu, từ đầu Phần Tương thuật việc Lập Phép Thánh Thể, việc đề cập đến danh xưng "Giê-su" được cho là có ý nghĩa thần học: danh xưng này nhắc nhở cộng đoàn của ngài rằng Đức Giê-su sắp hoàn tất sứ vụ được xác định bởi danh xưng *Yeshua* của Người. Chính thông qua sự chết sắp đến của Đức Giê-su, mà Yahweh sẽ "cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ". Chỉ có dòng máu được ban một cách hào phóng của người tôi tớ vô tội Giê-su, Đấng không là ai khác ngoài chính Con Thiên Chúa, mới có thể hoàn tất kế hoạch của Thiên Chúa, đó là quy

tụ dân Ít-ra-en về với Người qua giao ước. Trong Bữa tiệc Ly, khi tiên báo việc máu Người đổ ra như hy tế *đền tội*⁶⁷ (Is 53:10), người tội tớ vô tội van xin không phải để trả thù, nhưng để tha thứ.

Khi chúng ta so sánh Tin Mừng Mát-thêu với các bản Tin Mừng Nhất Lãm khác, thì vai trò chính của máu trở nên rõ rệt, đặc biệt khi thường xuyên đề cập đến máu Đức Giê-su (6 lần). Trong Bữa tiệc Ly, hai thánh Mác-cô và Lu-ca chỉ đề cập đến máu Đức Giê-su bằng những lời giải thích về chén cứu độ mà thôi. Đức Giê-su thông báo cuộc phán xét sắp đến đối với dân Ít-ra-en, vì họ từ chối không chú ý đến lời kêu gọi sám hối của Thiên Chúa⁶⁸.

Pan haima dikaion ekchunnumenon (toàn bộ máu của người công chính đã đổ ra) trên trái đất, từ máu của người công chính Abel đến máu của Zechariah, đều đòi hỏi sự trả thù của Thiên Chúa, Đấng bảo vệ và báo thù cho toàn bộ máu của người công chính. Nhưng hoàn toàn trái ngược lại, toàn bộ máu của người công chính đã đổ ra và đòi hỏi sự trả thù đều biểu thị máu của Đức Giê-su, máu giao ước, đổ ra cho muôn người được tha tội (26:28). Máu này đổ ra trước hết, vì tội lỗi của Ít-ra-en, dân riêng của Người (27:25 – Sau đó, toàn dân đều đáp lại: “Máu hấn cứ đổ xuống đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi!”). Nhưng điều này cũng mở rộng bao trùm tất cả mọi người thuộc mọi thời: “muôn dân”⁶⁹.

Lại nữa, đối với Thánh Mát-thêu, giống như cuộc khổ nạn, nhờ chén cứu độ, Thánh Thể là một sự kiện hy tế biểu tượng vượt trên tất cả, nhưng đồng thời lại khá khác biệt so với các hy tế khác. Hy tế của Đức Giê-su là một hành động thương xót cá nhân thay cho muôn dân. Điều mà Thiên Chúa mong muốn là lòng thương xót, chứ không phải là hy tế⁷⁰, và đây là sự đáp lại của cá nhân đối với Thiên Chúa, không chỉ là một cuộc sát tế các con vật làm lễ vật, mà không có bất cứ mối quan hệ cá nhân nào⁷¹.

Ngoài ra, chính tình hình-cuộc sống của cộng đoàn Mát-thêu (Sitz-im-leben) khiến họ phải chọn lựa giữa việc thuộc về Hội đường và việc trở thành Ki-tô hữu. Không phải tất cả mọi người đều chọn Đức Ki-tô, hơn nữa, việc các Ki-tô hữu chính thức bị trục xuất khỏi Hội đường đã để lại những vụ chia rẽ sâu sắc ở khắp mọi nơi. Tin Mừng Mát-thêu nhắm đến những người vẫn trung thành với Đức Ki-tô và đương đầu với các cuộc bách hại (5:11-12), ngay cả từ bạn bè họ hàng (10:16-36). Hiện nay, tất cả mọi người đều là những kẻ tội lỗi, vì thế, nếu chính Ki-tô hữu mong ước ơn tha thứ, thì họ sẽ phải sẵn sàng tha thứ cho những người khác, ngay cả những kẻ bách hại họ (6:14-15). Do đó, điều quan trọng tội bậc đối với họ là tha thứ cho những kẻ đã hết sức gây tổn thương cho họ. Chính trong tinh thần này, mà họ phải cử hành Thánh Lễ “để cho muôn người được tha tội” (26:28).

Điều đáng lưu ý là trong số tất cả các bản Tin Mừng, Tin Mừng Mát-thêu “mang tính cách Do Thái” nhất, khẳng định theo cách thức rõ rệt nhất về việc **ăn** thân thể Đức Giê-su và **uống** máu Người⁷². Ở Ít-ra-en, hầu như tuyệt đối cấm uống máu, vì cả máu người lẫn máu súc vật đều được coi như nền tảng của sự sống, thật vậy, chính sự sống. Máu được coi như thuộc quyền sở hữu riêng của Thiên Chúa (Lv 17:11), và không ai có thể chia sẻ máu. Dựa trên bối cảnh này, chúng ta cảm thấy sức mạnh trong những lời của Đức Giê-su: “Hãy cầm lấy mà uống... Đây là máu của Giao ước...”. Chỉ duy nhất Đấng là Chúa của ngày Sa-bát và Chúa của tất cả mọi sự sống, mới có thể từ bỏ quyền lực tối cao của Người đối với sự sống mình, và dành sự sống này cho những người khác. Đấng mà mọi sự sống (máu) đều thuộc về, đã tự do đổ (máu) thuộc về sự sống của Người cho những kẻ tội lỗi, để đền bù tội lỗi của họ, và họ trở nên xứng đáng được chia sẻ trong giao ước cuối cùng dứt khoát không thể hủy bỏ. Đức Giê-su không chỉ đổ máu cho những kẻ tội lỗi, nhưng Người còn truyền cho họ phải uống máu của Người nữa.

Điều này nhắc nhở chúng ta rằng Đức Giê-su không chỉ làm cho những kẻ tội lỗi trở thành những người được thừa hưởng sự chết đền tội của Người. Trong bối cảnh Do Thái, việc vấy máu sẽ phù hợp hơn để diễn tả điều này. Nói đúng hơn, Đức Giê-su muốn những kẻ tội lỗi cùng chia sẻ với Người chính nguồn gốc của việc đền tội. Khi đã uống máu, thì máu của Người sẽ nói lên nơi họ một lời “kêu thầu trời còn mạnh thể hơn cả máu của A-ben” (Dt 12:24), và đền bù tội lỗi bên trong và thông qua những kẻ tội lỗi. Do đó, Đức Giê-su liên kết với những kẻ đi theo Người trong công trình chuộc tội, sao cho họ luôn luôn có thể tiếp tục việc này. Một mình Người có quyền lực tuyệt đối (Mt 28:18) để quyết định giao ước cuối cùng, nhưng Người vẫn quyết định cho chúng ta được chia sẻ trong máu của Người, mà Người tự do và hoàn toàn dâng hiến lên Thiên Chúa, như một hy tế đền tội. Chính dòng máu này, mà chúng ta được đón nhận trong đức tin và lòng mến, chuẩn bị cho chúng ta vào bữa tiệc vĩnh cửu trong vương quốc của Chúa Cha.

Tuy nhiên, ngay cả với việc đặc biệt nhấn mạnh vào máu đã đổ ra vì tội lỗi và ơn tha thứ, Thánh Lễ mà cộng đoàn Mát-thêu cử hành vẫn không bao giờ bị coi như chỉ là một nghi thức nhằm mục tiêu nhận được ơn tha thứ tội lỗi, độc lập với việc tham dự đích thực của những ai đi theo ngài. Những hành động tha thứ của họ cũng quan trọng như sự tha thứ mà bản thân họ tìm kiếm⁷³. Chúng ta cũng nhận thấy Thánh Mát-thêu sắp xếp câu chuyện Đức Giê-su “Cho 5000 người ăn” trong bối cảnh chữa lành: “Người chạnh lòng thương, và chữa lành các bệnh nhân của họ” (Mt 14:14). Trong Tin Mừng Mát-thêu, việc chữa lành người đau yếu liên kết chặt chẽ với việc tha thứ tội lỗi, như trong câu chuyện về người bại liệt (Mt 9:1-5). Chữa lành và tha thứ là hai khía cạnh của cùng thực tại và sứ vụ⁷⁴.

1.2.4 Trong Tin Mừng Gio-an

Phần mở đầu của Tin mừng Gio-an bắt đầu bằng: “Lúc khởi đầu ...”, do đó, ám chỉ rằng Thiên Chúa thực hiện một sự khởi đầu thật mới mẻ nơi Đức Giê-su, Ngôi Lời. Và như vậy, với cách truyền đạt thông qua Đức Giê-su, chính Thiên Chúa lại mặc khải về Người, không chỉ qua thụ tạo và lịch sử, nhưng nói đúng hơn, trong tình trạng xác thịt sống động và tính cách mơ hồ của nhân loại. Đức Giê-su, Ngôi Lời, cũng chính là Ánh sáng mặc khải cho chúng ta về thực tại và phẩm chất của tình yêu Thiên Chúa đối với chúng ta, không giống như ông Gio-an Tẩy giả đã từng làm, vì bản thân ông Gio-an không phải là Ánh sáng. Ông Gio-an Tẩy giả, tiêu biểu cho “Cụ Uớc”, chỉ làm chứng cho ánh sáng, kêu gọi mọi người tin tưởng vào Đức Giê-su⁷⁵.

Phần mở đầu Tin mừng Gio-an kết thúc bằng lời phát biểu: “Từ nguồn sung mãn của Người, tất cả chúng ta đã lãnh nhận *hết ơn này đến ơn khác*”. Ơn chính là ân huệ được ban nhưng-không. Vài học giả được cho là ⁷⁶vẫn nói với chúng ta rằng chính xác hơn, nên dịch từ “đến” bằng từ “thay cho”, “để thay thế” ⁷⁷. Như vậy, bản văn nên được đọc chính xác hơn là: thông qua Đức Giê-su, chúng ta đã lãnh nhận “hết ơn này thay cho ơn khác”. Điều gì được thay thế, và nhờ điều gì? Lễ luật đến thông qua ông Mô-sê, và cùng với lễ luật, toàn bộ hệ thống Do Thái về đời sống theo nghi thức, với những bổ sung về lễ luật, các hy tế của họ, việc thờ phượng trong Đền thờ và phần còn lại. Toàn bộ hệ thống này ban đầu được ban như một “ơn”, bây giờ, được thay thế bằng những điều mà Đức Giê-su mang lại cho chúng ta: sự viên mãn của chân lý, nghĩa là những ai tin tưởng nơi Người thì đều đã được quyền trở thành con Thiên Chúa (Ga 1:12-13) ⁷⁸. Ở đây, Thánh Gio-an đối chiếu phương pháp của Lễ luật Cũ (và cách giải thích hạn chế của nó) với ân huệ nhưng-không và tự nhiên được Chúa Cha ban cho chúng ta thông qua Đức Giê-su. Chúng ta

đạt được địa vị con Thiên Chúa, bằng cách tin tưởng nơi Đức Giê-su, với tư cách là chính hiện thân cho ân huệ sự sống của Thiên Chúa ⁷⁹.

Đối với ân huệ được ban nhưng-không này, cách đáp lại của chúng ta phải là một lòng tin không nghi ngờ – điều này chỉ có thể xảy ra thông qua một sự thay đổi mô thức triệt để ⁸⁰. Đức Maria và vài người khác như viên đại đội trưởng được cho là có loại lòng tin này. Ông Ni-cô-đê-mô, Na-ta-na-en, các môn đệ, người phụ nữ bên bờ giếng – trên thực tế, hầu như tất cả các nhân vật khác trong Tin mừng Gio-an, chỉ chứng tỏ được một phần lòng tin mà thôi. Đức Giê-su dẫn dắt vài người trong số này đến với sự viên mãn của lòng tin – và chính nhờ lòng tin của họ, mà họ có khả năng nhảy vọt⁸¹. Những người khác nhận thấy thách thức này thật khó chấp nhận, một lời chướng tai (Ga 6:60-65). Đức Giê-su cũng dẫn dắt Ki-tô hữu ngày nay đến với sự viên mãn của lòng tin bằng một phản ứng tương tự: một số người chấp nhận lòng tin này, trong khi những người khác hoảng sợ và rút lui.

1.2.4.1 Nét Mới của Thánh Thể Trong Tin Mừng Gio-an

Trong toàn bộ Tin Mừng Gio-an, cách trình bày của ngài dựa trên một truyền thống tương đối độc lập với các bản Tin Mừng Nhất Lãm. Đường như ngài cho là các độc giả mà ngài viết vốn rất quen thuộc với truyền thống của Tin Mừng Nhất Lãm, và giống như Thánh Phao-lô và các bản Tin Mừng Nhất Lãm, Thánh Gio-an cũng nhấn mạnh đến các khía cạnh nào của Thánh Thể đáp lại những tình hình cụ thể trong cộng đoàn Gio-an của ngài ⁸². Đức Giê-su sống lại, Đấng trở lại với các môn đệ trong Thần Khí, vẫn tiếp tục hoạt động ban-sự sống của Người trong Giáo hội: Người cung cấp rượu mới trong hôn lễ của Đấng Messia, phân phát bánh từ trời trong Thánh Lễ và cho kẻ chết sống lại qua việc sám hối.

Vì bố cục của Tin Mừng Gio-an được đặt cách nhau trên 50 năm hoặc khoảng chừng ấy, nên chúng ta nhận thấy một sự khác biệt về các khái niệm được diễn tả chủ yếu trong 4 chương về “Điển từ Cáo biệt”. Những nguyên nhân khác nhau được đưa ra về việc bỏ sót Phần Tường thuật việc Lập Phép Thánh Thể trong phần trình bày của Tin mừng Gio-an về Bữa tiệc Ly. Nguyên nhân hợp lý nhất là các độc giả của ngài đã quen thuộc với việc tường thuật từ các truyền thống khác, và đối với Thánh Gio-an, điều quan trọng hơn không hề tại quá nhiều ở việc Lập Phép Thánh Thể, cho bằng cách thức phát xuất các phép bí tích và liên kết các Ki-tô hữu với thân thể đã hiến tế và sống lại của Đức Giê-su. Đối với Thánh Gio-an, “Ngôi Lời đã trở nên người phàm”, và chỉ trên thánh giá, thân xác và máu của Đức Giê-su mới trở thành lương thực và thức uống đích thực cho chúng ta. Như vậy, từ nhãn giới này, việc Nhập thể vượt tới mục đích tối hậu trong Thánh Thể, và Thánh Thể chính là hoa quả của thánh giá và sự sống lại.

Thánh Thể trong Tin mừng Gio-an cũng có thể được coi như giai đoạn cuối cùng trong sứ mạng của Ngôi Lời. Ngôi Lời trở nên người phàm lúc chào đời, một thân xác do Thần Khí mang lại trong mầu nhiệm vượt qua, và cuối cùng, một sự hiện diện thâm nhập, khi Người hoàn toàn đi vào chúng ta trong Thánh Thể, sao cho chúng ta có thể sống nhờ Chúa Con, vì Chúa Cha. Nếu chúng ta chấp nhận rằng mục đích cuối cùng của sứ mạng Đức Giê-su chính là để nối kết chúng ta với con người nhập thể của Người, như những cành nho nối kết với cây nho, và làm cho chúng ta nên một với Chúa Con như Người nên một với Chúa Cha, thì chúng ta mới khám phá được vị trí trung tâm của Thánh Thể trong toàn bộ nền thần học của Thánh Gio-an.

Đáp lại tất cả những nhu cầu trong cộng đoàn của ngài, Thánh Gio-an nhấn mạnh vào thực tại đầy đủ của việc Nhập thể và nhân tính của Đức Giê-su – trong chương mở đầu, ngài phát biểu rằng “Ngôi Lời đã trở nên *người phàm* và cư ngụ giữa chúng ta” (Ga 1:14-18). Đối với

Thánh Gio-an, không thể sao lãng những khái niệm trần thế của sự hiện hữu trong thân xác.

1.2.4.2 Diễn từ Thánh Thể Trong Ga 6

Thánh Gio-an mang lại cho chúng ta giáo huấn của ngài về Thánh Thể qua Diễn từ về Thánh Thể trong Chương 6⁸³. Đối với Thánh Gio-an, điều đặc biệt là hai chi tiết giới thiệu Đức Giê-su “lên núi và ngồi đó với các môn đệ. Lúc ấy, sắp đến Lễ Vượt qua là đại lễ của người Do Thái” (Ga 6:3-4). Thánh Gio-an đề cập đến núi hai lần, ở phần đầu và cuối câu chuyện này (6:3-4 và 15). Mặc dù Thánh Gio-an tương đối hóa tầm quan trọng của Đền thờ, thậm chí ngài còn thay thế Đền thờ bằng chính thân thể Đức Giê-su, nhưng ngài vẫn duy trì tầm quan trọng mang tính biểu tượng của núi. Không giống như Tin Mừng Mát-thêu, trong đó, Đức Giê-su lên núi để giảng dạy (lề luật mới bao gồm những đòi hỏi của giao ước mới), Thánh Gio-an đã tường thuật rằng Đức Giê-su lên núi để cung cấp lương thực cho những kẻ đến để xin được chữa lành. Chúng ta cũng ghi chú rằng không giống như bản Tin Mừng Nhất Lãm, Thánh Gio-an trình bày rằng Đức Giê-su phân phát cá và những ổ bánh cho dân chúng. Toàn bộ điều này nhằm chứng tỏ rằng Người chính là Con Thiên Chúa đang mời gọi mọi người đến với giao ước mới và vĩnh cửu với Chúa Cha. Tấm bánh từ trời này được ban vì ích lợi cho toàn thể nhân loại, do đó, các môn đệ phải đảm bảo rằng “không gì bị lãng phí” (Ga 6:12-13).

Với hai phần rõ rệt, Trình thuật Thánh Thể trình bày Đức Giê-su như là sự Khôn ngoan của Thiên Chúa, chúng ta phải tin tưởng nơi Người, nếu chúng ta cần có được sự sống (6:22-34). Phần thứ hai nhấn mạnh đến việc ăn thịt và uống máu Người, trong khi phổ biến chiều kích của sự sống đời đời (6:35-71). Bánh sự sống không chỉ là con người của Đức Giê-su, tới mức độ Người chính là sự Khôn ngoan viên mãn của

Thiên Chúa, nhưng Người cũng là thân xác được ban vì sự sống của thế gian. Việc xem xét kỹ hơn hai phần của Trình thuật làm sáng tỏ sự phát triển của tư tưởng mà trình thuật lưu giữ. Nếu chúng ta đến với Đức Giê-su trong lòng tin, thì chúng ta phải thực sự tin rằng thịt Người thật là của ăn, và máu Người thật là của uống (câu 55). Sau đó, chúng ta rút ra những kết quả của lòng tin này, và được Đức Giê-su nuôi dưỡng, khi vừa được Đức Giê-su ngự trong lòng như Người ở trong môn đệ, và được kết hiệp trọn vẹn với Chúa Cha. Thử nghiệm của sự kết hiệp này là giống như Đức Giê-su rút ra sự sống từ Chúa Cha và sống vì Chúa Cha, cũng vậy, người môn đệ cũng sống nhờ và sống vì Đức Giê-su. Chúa Cha trở thành nguồn gốc và mục đích của cuộc đời môn đệ, hoàn toàn giống như Chúa Cha chính là nguồn gốc và mục đích của cuộc đời Đức Giê-su.

1.2.4.3 Diễn từ Cáo biệt Trong Tin mừng Gio-an qua các Chương 13-17

Khi xem xét trình thuật về Bữa tiệc Ly (các Chương 13-17), chúng ta nhận thấy động cơ và những tác động của Thánh Thể được mở rộng như thế nào. Trình thuật ⁸⁴ giải thích rõ những hàm ý của Bữa tiệc Ly đối với những tình huống lịch sử liên tiếp trong đời sống của cộng đoàn. Đức Giê-su ban sự sống của Người cho chúng ta, vì Người yêu thương những kẻ thuộc về Người (13:1) và Người yêu mến Chúa Cha (14:31). Chúa Cha và Chúa Con ngự trong những kẻ yêu mến Đức Giê-su và giữ lời Người (14:23). Các môn đệ ở lại trong Đức Giê-su và trở thành những đường dẫn sự sống của Người, để họ sinh nhiều hoa trái, như những cành nho sinh hoa trái khi gắn liền với cây nho (15:1-8). Họ chia sẻ trong tình yêu và vinh quang mà Chúa Con có được từ nơi Chúa Cha, và nên một với Người, như Chúa Cha và Chúa Con là một (17:1-26). Toàn bộ điều này

trở nên khả thi trong Chúa Thánh Thần, Đấng mà Đức Giê-su sẽ xin Chúa Cha ban cho các môn đệ (14:15-28).

Bây giờ, khi đến với chính Bữa tiệc Ly, chúng ta nhận thấy phương pháp của Thánh Gio-an rất khác biệt với các bản Tin Mừng Nhất Lãm. Người đề cập đến bữa ăn, nhưng chủ yếu như là bối cảnh cho một hành động sâu xa mang tính cách biểu tượng và với những lời loan báo khác nhau. Người nhấn mạnh vào ý tưởng phục vụ trong yêu thương như cốt lõi của Thánh Thể. Song song với lệnh truyền “thực hiện việc tưởng nhớ” chứa đựng trong các bản Tin Mừng Nhất Lãm, Thánh Gio-an trình bày Đức Giê-su truyền lệnh *rửa chân cho nhau* theo gương của Chúa và Thầy. Chính cách phục vụ yêu thương này, đặc biệt đối với những người túng thiếu, làm cho Đức Giê-su thực sự hiện diện một cách cá nhân giữa chúng ta. Vì chẳng phải Đức Giê-su là Đấng không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ sao? (Pl 2:5-11). Do đó, ở đây cũng vậy, chúng ta nhận thấy nghi thức không chỉ đặt chúng ta vào mối quan hệ sâu sắc với Thiên Chúa trong Giao ước, mà còn mối quan tâm cá nhân và toàn tâm toàn ý dưới hình thức phục vụ yêu thương nhau: giao ước với Thiên Chúa lan ra thành giao ước với tất cả mọi người, được diễn tả qua hành động phục vụ yêu thương huynh đệ. Lương thực và thức uống mà Đức Giê-su cung cấp không kém gì Bản thân Người, Đấng đã hy sinh và sống lại, và thông qua chính người, một sự hiệp thông mật thiết và cá nhân với Chúa Cha. Vì Thánh Thể là một bí tích sống động của Ngôi Lời Nhập thể, nên Giáo hội phải nghiêm túc đón nhận những người đói khát và đau khổ, vì chỉ trong bối cảnh này, mà việc tự-hiến thân của Đức Giê-su mới trở nên có ý nghĩa ⁸⁵.

1.2.5 Trong các Thư của Thánh Phao-lô

Khi đến với Thánh Phao-lô, trong thư gửi tín hữu **Phi-líp-phê** chương 3, chúng ta học hỏi rằng Thánh Phao-lô sẵn sàng can đảm từ bỏ tất cả mọi sự, ngay cả quá trình đào tạo rất khắt khe của ngài, với tư cách là một người Pha-ri-sêu, vì lợi thế tối thượng là được nhận biết Đức Giê-su Ki-tô. Ngài kết luận: “Những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Đức Ki-tô, tôi cho là thiệt thòi... Vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi tất cả như rác, để được Đức Ki-tô và kết hợp với Người” (Pl 3:1-10). Tuy nhiên, trong thư gửi tín hữu **Roma**, ngài sẽ trình bày cùng sự thấu hiểu này với sự quân bình hơn và nhấn giới cao đẹp hơn (Rm, các chương 6-8).

Sau khi các tín hữu Ga-lát đã vui mừng đón nhận Đức Ki-tô và nét mới của sự sống mà Thánh Phao-lô cung cấp cho họ, nhưng dưới sức ép của các tín hữu chủ trương vẫn giữ luật Do Thái, thì họ trở lại với phép cắt bì, thì Thánh Phao-lô tức giận và chất vấn họ: “Hỡi những người Ga-lát ngu xuẩn, ai đã mê hoặc anh em?... Anh em đã khởi sự nhờ Thần Khí, nay lại kết thúc nhờ xác thịt sao?... Tôi ngạc nhiên rằng anh em quá nhanh chóng từ bỏ Đấng đã kêu gọi anh em trong ân sủng của Đức Ki-tô, và anh em lại đang trở lại với một thứ tin mừng khác...” (Gl, các chương 3&4).

Sau khi Thánh Phao-lô cho biết rằng nhờ phép rửa, chúng ta được chia sẻ trong sự chết và sống lại của Đức Giê-su, ngài còn bổ sung thêm: “Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6:1-4). Trong thư gửi các tín hữu **Cô-lô-xê**, ngài viết: “Người đã giải thoát chúng ta khỏi quyền lực tối tăm, và đưa vào vương quốc Thánh Tử chí ái; trong Thánh Tử, ta được ơn cứu chuộc, được thứ tha tội lỗi” (Cl 1:13).

Khi viết lá thư thứ nhất gửi các tín hữu **Cô-rin-tô** về các vấn đề mà họ gặp phải trong việc sống đúng đắn ơn gọi Ki-tô hữu của mình, Thánh Phao-lô nhắc nhở họ rằng các vấn đề này xuất hiện chỉ vì thái độ nội tâm của họ đã không thực sự thay đổi⁸⁶. Ngài cảnh báo họ rằng khi họ cứ tiếp tục giữ thái độ này, thì họ tự chuốc lấy sự trừng phạt, như dân Ít-ra-en đã từng bị trong sa mạc.

Trong **2 Cr 3:1-26**, trước hết, Thánh Phao-lô ám chỉ sự kiện rằng trong Giao ước mới, “lá thư” được viết không phải trên những tấm bia bằng đá, nhưng trên những tấm bia bằng thịt, tức là lòng người”, điều này nhắc nhở họ rằng trong chế độ tôn giáo mới, không phải thói câu nệ lễ nghi có giá trị, nhưng là chính lối sống của chúng ta. Tâm hồn chúng ta, thân xác chúng ta chính là những bàn thờ mới, mà trên đó hy tế cần được dâng tiến. Kế tiếp, ngài nói một cách chính xác về sự biến đổi mà Đức Giê-su tác động, thông qua quà tặng là chân lý và ân huệ của Người. Đức Ki-tô đã **đẹp bỏ** phương pháp cũ (xem câu 7 – *chỉ là vinh quang chóng qua*), để mang lại cho chúng ta một sứ vụ của Thần Khí đến trong vinh quang. “Thật vậy, nếu cái chóng qua mà còn được vinh quang, thì cái còn lại mãi mãi chẳng vinh quang hơn sao?”.

1.2.5.1 Nét Mới của Thánh Thể nơi Thánh Phao-lô

Thánh Phao-lô là nhân chứng sớm nhất về sự hiểu biết và thực hành Thánh Lễ Ki-tô giáo. Từ nửa thập niên 50, ngài dẫn dắt chúng ta đến với việc cử hành Bữa tiệc của Chúa trong cộng đoàn Cô-rin-tô. Đối với Thánh Phao-lô, hành động cứu chuộc của Đức Giê-su, nhất là sự chết của Người, được nhìn nhận dưới khía cạnh hai hy tế đặc biệt, Lễ Vượt qua⁸⁷ và Lễ Đền tội. Đây là hai lễ nghi của những người Do Thái thời Tân Ước, được liên kết chặt chẽ nhất với việc cứu chuộc và tha thứ.

Một cuộc điều tra về các lá thư của **Thánh Phao-lô** cho chúng ta thấy rằng ngài nhìn nhận Thánh Lễ như một loại hy tế hiệp thông⁸⁸. Ngoài ra, ngài cũng mô tả sinh động rõ ràng về sự chết của Đức Giê-su như một hy tế, vì ngài sử dụng các thuật ngữ mang tính cách hy sinh như: *trao ban, từ bỏ, cho anh em/ tôi* và cả: “*Đức Ki-tô đã chịu hiến tế làm chiên lễ Vượt qua của chúng ta*” (1 Cr 5:7). Không chỉ điều đó, đối với Thánh Phao-lô, sự chết của Đức Ki-tô và việc tưởng nhớ sự chết này trong Thánh Lễ còn được nhìn nhận như một lễ đền tội: “*Đấng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta, để làm cho chúng ta nên công chính trong Người*” (2 Cr 5:21). Hoặc lại nữa: “*Khi sai chính Con mình đến mang thân xác giống như thân xác tội lỗi chúng ta, để đền tội chúng ta, Thiên Chúa đã lên án tội trong thân xác Con mình*” (Rm 8:3).

Tuy nhiên, Thánh Phao-lô cũng giải thích rất rõ là các Ki-tô hữu cần phải xúc tiến hành động cứu chuộc của Đức Ki-tô. Họ tham dự nghi thức Thánh Thể, nhưng bày tỏ ý nghĩa của nghi thức này thông qua chính cuộc sống yêu thương phục vụ của họ. Để cử hành Thánh Lễ như Bữa tiệc của Chúa hầu tưởng nhớ Chúa Giê-su, họ phải đối phó với nhiều vấn đề mà họ đã trải qua giữa họ. Sau hết, họ được thách thức để “*loan truyền sự chết của Chúa cho đến khi Người đến*”. Thánh Phao-lô liên tục nhắc nhở các Ki-tô hữu rằng *họ* chính là Đền thờ của Thiên Chúa⁸⁹, và *toàn bộ cuộc sống* của họ có ý muốn trở thành một hy tế làm vui lòng Thiên Chúa⁹⁰.

Thánh Phao-lô mô tả đời sống Ki-tô hữu bằng những thuật ngữ về phụng tự, nhưng những thuật ngữ này có thể ứng dụng nhiều đối với Ki-tô hữu cũng như đối với chính Đức Ki-tô⁹¹. Tuy nhiên, ngài đảm bảo rằng ứng dụng này không suy thoái thành chỉ mang tính cách lễ nghi, khi đánh giá từ nhiều ứng dụng thực tiễn mà thánh nhân thực hiện trong các lá thư của ngài⁹². Để cho phép rửa và Thánh Lễ của họ mang tính

cứu độ, các Ki-tô hữu phải sống theo những cam kết của họ khi lãnh phép rửa và tham dự Thánh Lễ.

Trong các lá thư của Thánh Phao-lô, ngài cung cấp cho Giáo hội những từ ngữ thần học và mục vụ thật quan trọng, mô tả Thánh Lễ như một “thức ăn linh thiêng” và “thức uống linh thiêng” (1 Cr 10:3), “khi ta nâng chén chúc tụng” và “tắm bánh mà chúng ta bẻ ra”, “dự phần vào máu Đức Ki-tô” và “dự phần vào thân thể Người” (1 Cr 10:16), “chén của Chúa” và “bàn tiệc của Chúa” (1 Cr 10:21). Ngài cũng cung cấp cho Giáo hội và các thế hệ sau một bức tranh sáng sủa về sự biến đổi triệt để mà Thánh Lễ nên tạo ra là gì. Bữa tiệc của Chúa phải là một bữa ăn của sự tự-hiến thân quảng đại, chứng tỏ sự hiệp nhất khả dĩ trong Đức Ki-tô, một sự hiệp thông-chung (*koinonia*) của những người từ các lai lịch rất khác biệt nhau. Bữa tiệc của Chúa chứng tỏ rằng với tư cách là con cái Thiên Chúa, việc *nen một* trong Đức Ki-tô có nghĩa là gì, trong đó, “không còn chuyện phân biệt Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà” (Gl 3:28). Thánh Lễ đòi hỏi cộng đoàn Ki-tô hữu phải làm những việc mà chính Đức Giê-su đã từng làm, ban tặng sự sống của Người cho họ và tất cả mọi người, bằng cách này, họ phải tuyên xưng sự chết của Đức Ki-tô, cho đến khi Người đến. Trên hết, việc tuyên xưng này không chỉ là vấn đề của lời nói, mà còn phải được biểu lộ qua hành động. Lệnh truyền Thánh Thể của Đức Giê-su có ý nghĩa tích cực, sáng tạo và hiệu quả. Đó là những lời tiên tri, và trong việc cử hành Thánh Lễ, thách thức của họ thật rõ rệt. Ở thành Cô-rin-tô, lệnh truyền Thánh Thể của Đức Giê-su đã hóa ra trống rỗng, vì cộng đoàn này không còn làm những việc mà Đức Giê-su đã từng làm. Và cộng đoàn này sẽ vẫn còn tiếp tục trống rỗng, bất cứ chỗ nào những hành động yêu thương không trở lại với cách thực hiện theo nghi thức.

1.2.6 Nét Mới của Thánh Thể Trong các Thư của Thánh Phê-rô

Các thư của thánh Phê-rô đều sử dụng thật phong phú hình ảnh của Người Tôi tớ Đau khổ⁹³. Tầm quan trọng được dành cho sự kiện: Đức Ki-tô chịu đau khổ lại là Đấng vô tội. Đây chính là điều mang lại cho máu của Đức Ki-tô giá trị riêng trong việc cứu độ, vì đây là bữa huyết của Con chiên vẹn toàn (1/1:20). Ý nghĩa cứu độ học của nỗi đau khổ này được diễn tả qua việc Người xuống ngục tổ tông hoặc nơi dành cho kẻ chết (1/3:19), tại đó, Đức Ki-tô loan báo ơn Cứu độ mà Người đã đạt được, khi Người “mang lấy tội lỗi của chúng ta trong thân thể Người mà đưa lên cây thập giá” (1/1:24). Sự sống lại của Đức Ki-tô không chỉ là sự sống lại khỏi mồ, nhưng chính là sự sống lại khỏi cõi chết này. Vì thế, đây là lợi ích của tất cả các thể hệ từ khởi đầu mọi thời. Các ngôn sứ thuở xưa đã thấu hiểu điều này (1/1:10-12), nhưng không phải tất cả những kẻ nghe các ngài đều tin. Hiện nay, chính Đức Ki-tô lại mang đến cho họ sự điệp này. Phép rửa (1/3:21) tạo khả năng cho các Ki-tô hữu thực hiện cuộc hành trình này cùng với Đức Ki-tô, thông qua nỗi đau khổ vô tội của Người, để đi vào vinh quang của sự sống lại. Do đó, nỗi đau khổ của họ có thể mang lại lợi ích không chỉ cho người sống, mà còn cho kẻ chết nữa, vì nỗi đau khổ của họ được nên một với nỗi đau khổ của Đức Ki-tô⁹⁴.

Khi ám chỉ cuộc hy tế của Đức Giê-su, Thánh Phê-rô trích dẫn Thánh vịnh 118:22: “Tảng đá thợ xây nhà loại bỏ...” gợi ý rằng các Ki-tô hữu nên giống như những tảng đá sống động xây dựng một tòa nhà thiêng liêng... để dâng hiến những hy lễ thiêng liêng đáng được Thiên Chúa đoái nhận, nhờ Đức Giê-su Ki-tô. Việc thờ phượng của họ phải bao gồm một cuộc đời ngay thẳng và đạo đức, sống trong sự phục vụ những người khác⁹⁵.

1.2.7 Trong Thư Gửi Tín hữu Do Thái

Sự tương phản hoặc nét mới này càng được nổi bật hơn trong cách lý luận vòng quanh, vốn tạo nên đặc điểm của Thư gửi Tín hữu Do Thái. Trong chương 10, lá thư này viết rằng: “Máu các con bò, con dê không thể nào xóa được tội lỗi. Vì vậy, khi vào trần gian, Đức Ki-tô nói: ‘Chúa đã không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng đã tạo cho con một **thân thể**. Chúa cũng chẳng thích lễ toàn thiêu và lễ xá tội. Bây giờ con mới thưa: Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Người, như Sách Thánh đã chép về con’” (Dt 10:4-7)⁹⁶. Phần trích đoạn ngắn gọn này đủ để nêu rõ đường hướng mới mà Đức Giê-su đã giới thiệu trong việc thờ phượng và hiệp thông với Thiên Chúa.

1.2.7.1 Nét Mới của Thánh Thể trong Thư Gửi Tín hữu Do Thái

Thư gửi Tín hữu Do Thái⁹⁷ được hiểu một cách riêng biệt, vì lá thư này dành cho chức tư tế của Đức Giê-su và cũng gián tiếp dành cho việc thờ phượng của Ki-tô hữu. Khái niệm Hy tế được liên kết chặt chẽ với khái niệm về tư tế, vì thế, trước hết, chúng ta tìm cách hiểu rõ ý nghĩa của từ “tư tế”, đặc biệt là chức tư tế trong Cựu Ước.

1.2.7.1.1 Khái niệm Cựu Ước về Chức Tư tế

Qua Thư gửi Tín hữu Do Thái, một trong những điều cơ bản được diễn đạt theo suy nghĩ của các Ki-tô hữu tiên khởi về chức tư tế, đó là nơi con người Đức Giê-su Ki-tô, chức tư tế của Cựu Ước đã tìm được sự hoàn

tất và thay thế: “Đức Giê-su Ki-tô chính là vị Thượng tế cao cả thật đáng tôn vinh vì là Con Thiên Chúa. Người đã hiến dâng một hy tế đạt hiệu quả đời đời, một lần và cho đến muôn đời”⁹⁸. Chính sự chết-sống lại của Đức Giê-su hoàn tất và thay thế tất cả các nghi thức Cựu Ước, đặc biệt hy tế của Yom Kipper (Ngày Thục Tội của người Do Thái), vì việc này mang lại một sự hiệp thông hiệu quả, lâu dài và toàn diện với Thiên Chúa.

Khi suy nghĩ về hoạt động của một tư tế, chúng ta phân biệt hai chiều kích quan trọng: Trước hết, nhất thiết phải sống trong ***tình liên đới với các anh chị em tín hữu***, và thứ hai, đưa họ đến với sự ***hiệp thông*** thật hiệu quả và thân mật ***với Thiên Chúa***. Cần phải ghi chú rằng điều tạo nên một vị tư tế không phải là tự thân chiều kích thứ nhất hoặc thứ hai, nhưng ***kết hợp cả hai chiều kích***. Vị thượng tế nào có thể được Thiên Chúa chấp nhận, nhưng lại thiếu các mối quan hệ liên đới với con người, thì sẽ không có khả năng giúp đỡ các anh chị em tín hữu của mình trong tình trạng tội lỗi của họ. Cương vị được nâng cao của vị tư tế sẽ ngăn cách người đó khỏi các tín hữu, và không giúp ích gì cho họ trong thực hành, để đạt được ơn Cứu độ. Trái lại, nếu một tư tế đầy lòng thương xót với các anh chị em tín hữu và hoàn toàn nên một với họ, nhưng vì lý do nào đó, lại không được Thiên Chúa chấp nhận, thì người đó sẽ không có khả năng can thiệp một cách hiệu quả thay cho họ. Lòng thương xót của vị tư tế sẽ vô ích. Toàn bộ giá trị độc đáo trong chức tư tế của Đức Ki-tô phát xuất một cách chính xác từ sự kết hiệp hoàn hảo của hai chiều kích mang tính cách tư tế này nơi Người, không có nơi người nào khác.

Khi chúng ta khảo sát kỹ sự trung gian hòa giải của chức tư tế trong “Cựu Ước”, chúng ta khám phá rằng điều này đòi hỏi một sự ngăn cách thật nghiêm ngặt và khoảng cách tối đa đối với “thế tục” và đối với những kẻ tội lỗi⁹⁹, và cũng không được mắc tất cả những khiếm khuyết về thể lý từ phía vị tư tế và lễ vật¹⁰⁰. Đây là nguyên nhân tại sao chức tư tế “Cựu Ước” đã chứng tỏ là không đạt hiệu quả: các tư tế không thể sống

trong tình liên đới với các anh chị em tội lỗi; họ phải tự cách ly khỏi “bọn dân đen” bình thường¹⁰¹. Thậm chí họ còn tự hào vì mình không giống như những kẻ tầm thường¹⁰².

Lại nữa, trong thời kỳ hậu-lưu đày, việc tiếp cận với chức tư tế thường thông qua đường lối tham vọng, vì thời đó, chức tư tế cũng liên kết với quyền lực chính trị¹⁰³. Tuy nhiên, đối với Đức Giê-su, điều kiện cần thiết đối với chức tư tế của Người là phải ở trong tình liên đới sâu xa và trở nên giống như dân chúng, vốn mang thân phận tội lỗi¹⁰⁴. Thư gửi Tín hữu Do Thái càng chứng tỏ rằng sức mạnh và uy thế không phải là đường lối mà Đức Ki-tô chọn: trên thực tế, đường lối của Người bao gồm lòng khiêm tốn, thậm chí cả tình trạng bị khước từ, đau khổ và sự chết¹⁰⁵.

Sự kiên quyết này về tình liên đới với những con người mỏng dòn, tội lỗi, phát xuất từ một suy nghĩ rất thận trọng về địa vị đặc biệt của Đức Ki-tô. Vì cần phải đảm bảo chiều kích thẳng đứng của mỗi quan hệ hiệu quả với Thiên Chúa, nên đây là điều đã từng được nhấn mạnh trong Cựu Ước. Nhưng lại không có nhu cầu phải làm sáng tỏ tình liên đới giữa vị tư tế và những người khác, vì tư tế vốn dĩ đã quá đối găng gũi với con người trong thân phận mỏng dòn của họ. Trên thực tế, các tư tế đều e ngại sự đồng nhất quá mật thiết với nhân loại tội lỗi, vì điều này sẽ gây tổn hại cho mỗi quan hệ của họ với Thiên Chúa. Do đó, mới có phương pháp cách biệt thật tinh vi. Tuy nhiên, đối với Đức Ki-tô, vấn đề đúng là trái ngược lại: vốn dĩ Người liên kết với Thiên Chúa, vì thế, điều quan trọng hơn là chúng ta phải nhận thấy rõ tình liên đới của Người với nhân loại¹⁰⁶.

Bây giờ, hai khía cạnh chủ yếu của chức tư tế được đề cập trong Dt 3:1-6 là: “đáng tôn vinh” và “biết cảm thương”. Đối với khía cạnh “đáng tôn vinh”, tác giả phát biểu rằng Đức Giê-su đáng tôn vinh hơn rất nhiều so với ông Mô-sê, một người chỉ đáng tin tưởng với tư cách là tôi tớ¹⁰⁷, trong khi Đức Giê-su đáng tôn vinh với tư cách là Con Thiên Chúa.

Ngoài ra, ông Mô-sê đáng tôn vinh *trong* nhà của Thiên Chúa, trong khi Đức Giê-su đáng tôn vinh *vượt trên* nhà của Thiên Chúa¹⁰⁸.

Còn về khía cạnh “biết cảm thương”, với tư cách là vị Thượng tế, Đức Giê-su “đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội... Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã trải qua nhiều đau khổ mới học được thể nào là vâng phục... Người đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết¹⁰⁹... và khi chính bản thân Người đã đến mức thập toàn, Người trở nên nguồn ơn Cứu độ vĩnh cửu cho những ai từng phục Người”¹¹⁰. Do đó, lòng thương xót mà Đức Giê-su biểu lộ cao cả hơn nhiều, so với điều mà bất cứ người nào khác có thể hiển tặg.

Ngoài ra, đối với tự thân việc hiến tế, chúng ta ghi chú rằng các lễ nghi được quy định trong Cựu Ước đối với việc “hiến tế” của vị tư tế đều không thể có khả năng tác động đến sự **biến đổi** đích thực và thuộc về nội tâm của *con người*. Các lễ nghi không là gì hơn các cuộc sát tế thú vật và bôi máu chúng lên cơ thể của người được hiến thánh với tư cách là tư tế. Đó là nguyên nhân tại sao hết năm này đến năm khác, tư tế thời Cựu Ước cứ phải dâng lễ đền tội cho *bản thân mình* và cho mọi người. Hơn nữa, khi chúng ta quan sát sự biến đổi do tác động của sự hiến thánh một tư tế thông qua việc sát tế, chúng ta nhận thấy việc này chỉ giới hạn vào sự biến đổi bàn tay của vị thượng tế¹¹¹. Nhưng đối với vấn đề tiếp cận với Thiên Chúa, thì sự biến đổi của chỉ riêng bàn tay là không đủ. Điều cần thiết chính là sự biến đổi của lương tâm, trên hết là con người. Tuy nhiên, theo nghi thức cũ, chỉ duy nhất lễ vật được “biến đổi” – cũng theo ý nghĩa được thiêu hủy – điều này không hề liên quan đến vị tư tế dâng lễ.

Trong trường hợp Đức Ki-tô, cương vị của Người với tư cách Thượng tế, còn cao cả hơn một cách vô song, thậm chí tới mức độ loại bỏ chính lý do tồn tại của các thượng tế trước đây. Đức Ki-tô được hiến thánh làm thượng tế nhờ chính máu của Người, hơn nữa, Người còn

thuộc về phẩm trật Men-ki-xê-đê – muôn thuở! Như vậy, không lạ gì khi Đức Ki-tô đã hiến dâng hy tế của Người “một lần và cho đến muôn đời”¹¹².

1.2.7.1.2 Đức Ki-tô, Hoàn toàn Khác biệt với Tư cách Thượng tế

Nếu mỗi quan hệ duy nhất giữa chức tư tế của Đức Ki-tô và chức tư tế của A-ha-ron là sự tương đồng, thì tình hình tôn giáo và nhân loại sẽ không tiến bộ thêm chút nào trong chế độ tôn giáo mới. Nhưng nói đúng hơn, chúng ta nhận thấy Đức Ki-tô được giới thiệu như một Vị Thượng tế Cao cả ngón chân một cách thức hoàn toàn mới. Mặc dù có một số lượng nào đó về tính cách liên tục, nhưng tính cách không liên tục vẫn cho thấy rằng chức tư tế của Đức Ki-tô được xác định dựa trên một mức độ hoàn toàn khác hẳn.

Đối với chúng ta, để đạt được sự viên mãn đích thực, điều cần thiết là những khác biệt được giới thiệu tạo ra một sự tiến bộ dứt khoát. “Những giới hạn và bất toàn cũ phải biến mất, để nhường chỗ cho một thực tại hoàn hảo mang dấu hiệu sự can thiệp sáng tạo của Thiên Chúa”¹¹³. Đức Giê-su đứng trước chúng ta, trong địa vị oai nghiêm của Người, với tư cách là một vị thượng tế vốn là Con Thiên Chúa, được thiết lập đời đời trong chức tư tế. Người không phải là một tư tế giống như các tư tế “Cựu Ước”, những người mà nguồn gốc chức tư tế phát xuất từ một gia đình làm tư tế. Đức Giê-su đã được Chúa Cha chỉ định một cách cụ thể, và cử Người xuống thế vì mục đích cụ thể này¹¹⁴. “Cương vị này rõ ràng tạo ra cho Người một vinh quang cá nhân đặc biệt – nhưng vinh quang này còn tiến xa hơn nữa, qua việc nó cũng bao gồm toàn thể nhân loại; nó đặt Người vào một cương vị để cứu thoát *hoàn toàn* những ai, nhờ Người, được đến gần Thiên Chúa, vì Người sống là để chuyển cầu thay cho họ”¹⁵.

1.2.7.1.3 Một Hy tế Hoàn hảo

Bây giờ, khi đến với hy tế, chúng ta nhận thấy việc hiến thân của Đức Ki-tô chính là một món quà tặng là chính mình Người (thịt và máu Người)¹¹⁶, trong lòng vâng phục kính yêu đối với Chúa Cha, và kết quả là sự biến đổi chính nhân thân của Người, điều này đã chuyển Người sang một mức độ khác của sự hiện hữu (Sống lại). Lễ vật của Đức Giê-su không phải là vấn đề của chỉ một lễ nghi, nhưng là trạng thái viên mãn của sự hiện hữu. Lúc được hy tế biến đổi, bản thân Đức Ki-tô đã trở thành con đường thực sự để tín hữu đi theo, khi đến lượt Người *tự để cho mình được biến đổi*.

Trong khi các tư tế “Cựu Ước” dâng “những lễ vật và hy lễ”, thì Đức Ki-tô lại không dâng tiến “vật” nào đó ở bên ngoài bản thân Người. Nói đúng hơn, Đức Ki-tô dâng lên Thiên Chúa sự yêu đuối và nỗi thống khổ của Người, với lời van xin khẩn khoản; Người dâng tiến chính tình trạng hư không của mình. Bằng cách này, chúng ta trải qua từ những lễ nghi theo nghi thức bên ngoài, đến một hy lễ mang tính cách cá nhân và hiện hữu, thuộc về chính hữu thể của mình. Nguyên nhân tại sao Đức Giê-su có thể dâng tiến sự yếu đuối của Người, trong khi các tư tế Cựu Ước đều không thể, đó là sự yếu đuối của họ bao gồm tội lỗi, trong khi sự yếu đuối của Người thì lại không thể. Trong chính sự yếu đuối của Đức Giê-su (mà Người chấp nhận như là hậu quả của tội lỗi), Người đã kêu lên với Thiên Chúa và vắn trung thành với thánh ý Thiên Chúa bất kể điều gì – như được đề cập một cách thật sinh động trong khung cảnh vườn Gét-sê-ma-ni¹¹⁷. Do đó, sự yếu đuối của Đức Ki-tô hoàn toàn thoát khỏi tất cả những gì dính dáng đến tội lỗi, vì thế, sự yếu đuối này không trái ngược với động tác hướng lên của việc dâng tiến.

Ngoài ra, lời cầu nguyện đầy tin tưởng và việc dâng tiến toàn tâm toàn ý của Đức Ki-tô đã được đáp lại – trong và thông qua sự Sống lại¹¹⁸.

Qua việc này, Thiên Chúa đã biểu lộ sự chấp nhận của Người đối với hy lễ và đối với Đấng dâng lên hy lễ. Như vậy kế hoạch cứu độ nhân loại của Thiên Chúa được hoàn tất.

Điều có ý nghĩa là trong nghi thức Cựu Ước, cách diễn tả “dâng tiến” xảy ra thường xuyên, trong khi lại không hề đề cao việc “dâng tiến bản thân”, dù chỉ một lần. Đó là điều dễ hiểu, vì trong bối cảnh của họ, việc “dâng tiến bản thân” chẳng khác gì là một hành động tự sát theo nghi thức, vốn là một ý tưởng hoàn toàn ở bên ngoài lãnh vực thờ phượng của Ít-ra-en. Hơn nữa, thậm chí nghi thức “Cựu Ước” không bao giờ mơ ước việc đồng nhất tư tế với lễ vật – nói đúng hơn, người ta vẫn duy trì sự phân biệt giữa hai khái niệm này một cách rất cứng nhắc. Ngoài ra, các tư tế của Ít-ra-en đều không xứng đáng dâng tiến bản thân họ, vì họ là những kẻ tội lỗi, họ cũng không có khả năng thực hiện một hy lễ cá nhân hoàn hảo: liên quan đến của họ không bao giờ đạt tới những tầm cao như vậy. Trái lại, Chúa Giê-su là một “lễ vật” xứng đáng đối với Thiên Chúa: Người vô tội tích và vô tội. Vì thế, Người không cần phải nhìn ra bên ngoài mình để tìm được một lễ vật; Người có thể tự dâng tiến chính con người của mình, với niềm tin chắc chắn là được Chúa Cha chấp nhận.

Tình trạng tội lỗi của con người quá nặng nề¹¹⁹, đến nỗi không cách thức nào kém hơn sự thanh tẩy sâu xa có thể biến đổi được tình trạng này. Vì nhân loại tội lỗi, nên họ cần đến một sự sửa đổi hoàn toàn hữu thể của họ, vốn chỉ có thể đến thông qua sự chết. Ngoài ra, nếu sự chết mang tính cách cứu chuộc, thì nó sẽ phải mang một ý nghĩa tích cực, và phục vụ việc thiết lập hiệu quả một mối quan hệ mới giữa nhân loại và Thiên Chúa, cũng như một tình đoàn kết mới giữa con người với nhau. Chính xác điều này được hoàn tất trong sự chết của Đức Ki-tô, Đấng đã tự hiến thân như một lễ vật-tự hiến, được dâng lên Thiên Chúa để cứu độ nhân loại.

Và Đức Ki-tô đã thực hiện việc cứu độ này “một lần và cho đến muôn đời”, bằng một cách thức dứt khoát. Lễ vật của Người không được sắp xếp theo một hệ thống tuần hoàn; nói đúng hơn, đây là một sự kiện không thể thay đổi, và cùng với lễ vật này, là sự “kết thúc thời gian” và “tiêu diệt tội lỗi”¹²⁰. Việc tự-hiến thân của Đức Giê-su là một sự kiện mang tính cánh chung¹²¹, mở đầu cho một việc thay đổi triệt để sự hiện hữu của con người, một lần và cho đến muôn đời. Do đó, việc này mở ra cho nhân loại triển vọng cứu chuộc: một sự khởi đầu mới, một trời mới và đất mới – một mức độ quan hệ thật mới mẻ và cá nhân đối với Chúa Cha.

2. Hiệu quả Hy tế của Đức Giê-su

Trong thời “Cựu Ước”, các cuộc tế lễ được dâng tiến lập đi lập lại và vô hạn, vì mục tiêu theo dự định đã và không thể đạt được. Nhưng hy tế của Đức Ki-tô thì lại mang tính cách “một lần và cho đến muôn đời”, vì hy tế của Người đạt được mục đích của nó, nên nó mang tính cách “độc nhất”¹²². Hy tế này thực hiện được tất cả mọi điều mong đợi – nó đã mang lại sự biến đổi cho chính Đức Ki-tô và những kẻ trung thành đi theo Người. Nhờ sự chết-sống lại của Người, toàn thể vũ trụ, đặc biệt mối quan hệ giữa Thiên Chúa và nhân loại, đã được biến đổi và nâng lên một mức độ cao hơn. Trong Thánh vịnh (Tv 40:7-9) mà Thư gửi Tín hữu Do Thái trích dẫn ở đây, tác giả trình bày sự khác biệt chủ yếu mà sự can thiệp của Đức Ki-tô đã thực hiện: “Chúa không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng đã tạo cho con một thân thể... (Dt 10:7-10). Vì thế từ đó, hy tế đích thực chỉ có thể được dâng lên trong “thân thể” – trong tình trạng cuộc sống hiện hữu của con người... Cuộc sống và phụng vụ không thể tách biệt nhau; trên thực tế, tự thân cuộc sống trở thành phụng vụ, nếu người ta đi theo Đức Ki-tô và thờ phượng Chúa Cha trong tinh thần và sự thật¹²³.

Hy tế là cách can thiệp duy nhất, tạo khả năng cho người ta thay đổi mối quan hệ bị gián đoạn với Thiên Chúa. Chúng ta có thể tìm được ở đâu Hy tế đích thực sẽ đạt được điều này? Đức Ki-tô, và duy nhất Người, cung cấp giải pháp, và giải pháp này đòi hỏi phải loại bỏ hoàn toàn tất cả những lễ tế chỉ mang tính cách nghi thức (... Dân này tôn kính Ta bằng môi bằng miệng – còn lòng chúng thì lại xa Ta)¹²⁴, vì chúng không có sức mạnh hoặc giá trị để làm trung gian hòa giải. Tuy nhiên, Đức Ki-tô thay thế các nghi thức này bằng cái gì? Cách thức duy nhất xứng đáng sẽ là thờ phượng trong tinh thần, mà nhờ đó, người ta tự liên kết với Thiên Chúa. Nhưng thực tại luôn luôn-tồn tại của tội lỗi khiến điều này không khả thi.

Như vậy, trong tình thế khó khăn này, chúng ta có thể hướng tới điều gì? Đức Ki-tô đã cung cấp cho nhân loại cách thức trung gian hòa giải đích thực, hy tế thực sự, một sự biến đổi nhân tính, qua việc thánh hóa sự chết đã được chấp nhận trong sự vâng phục yêu thương; và cách thức này đã thiết lập một mối quan hệ mới với Thiên Chúa. Vì thế, toàn bộ điều mà chúng ta cần làm thực hiện bây giờ, đó là chia sẻ trong việc “dâng hiến thân thể Đức Giê-su Ki-tô, được thực hiện một lần và cho đến muôn đời” (Dt 9:11-15). Ở đây, chúng ta có sự viên mãn của lời hứa mà Thiên Chúa đã thực hiện qua ngôn sứ Giê-rê-mi-a: “Ta sẽ lập một giao ước mới... Ta sẽ ghi vào lòng dạ chúng, sẽ khắc vào tâm khảm chúng Lễ luật của Ta...” (Gr 31:31; Ed 36:24). Bởi vì tâm hồn là trung tâm của chính đời sống con người và tất cả những cảm xúc của họ (như vậy, tâm hồn cũng là trung tâm của sức mạnh và động lực của con người), nên nhờ quyền năng Thiên Chúa và với tâm hồn mới, một sự biến đổi triệt để từ bên trong của con người trở nên khả thi.

Vì thế, từ đó, một con người mới tồn tại, được hình thành trong sự gắn bó hoàn hảo với thánh ý Thiên Chúa. Không ai có thể bỏ qua Đức Ki-tô mà lại đạt tới sự kết hiệp hiệu quả với Thiên Chúa. Như vậy, Vị Thượng tế Cao cả đích thực và duy nhất mà chúng ta có được chính là Đức Ki-tô¹²⁵. Tất cả những người khác, các linh mục đã được truyền chức hoặc

tín hữu giáo dân, đều chỉ chia sẻ trong chức tư tế của Người theo một cách thức tương tự mà thôi. Đây là sự canh tân vĩ đại trong Ki-tô giáo¹²⁶.

“Sau khi sắp xếp lại khái niệm về ‘hy tế’, Thư Gửi Tín hữu Do Thái đã có thể thực hiện việc giải thích về hy tế của nhiều khẳng định về đức tin Ki-tô giáo, vốn không mang tính cách hy tế theo nghĩa cũ của thuật ngữ này”¹²⁷. Theo gợi ý của Công thức Thành lập Thánh Thể, và theo cách lý luận mà Thánh Phao-lô sử dụng trong thư 1 Cr 10:14-22, thì lỗi hiểu biết về hy tế trong Thánh Lễ đã tìm được một sự xác nhận đầy đủ hơn. Tất nhiên, tác giả không nói rõ về “chén của Chúa”, cũng như “bàn tiệc của Chúa”, ngài chỉ nói bóng gió về hai điều này mà thôi. Nhưng ngài nói rằng các Ki-tô hữu chúng ta “có một bàn thờ; những gì dâng trên đó, các người lo việc phụng tự trong Lễ không có quyền ăn” (Dt 13:10). Cách diễn tả này phát biểu rằng có sự xung khắc giữa cách thờ phượng của Ki-tô giáo và cách thờ phượng của “Cựu Ước”, và rõ ràng hàm ý rằng các Ki-tô hữu có quyền được “chia lộc bàn thờ”¹²⁸.

Một số nhà chú giải đã kết luận rằng quan điểm mà tác giả Thư Do Thái chọn phản đối lối thờ phượng theo nghi thức cổ xưa khiến ngài từ chối toàn bộ lối thờ phượng hoàn toàn mang tính cách bí tích như vậy¹²⁹. Tuy nhiên, khẳng định này lại không chú ý đến sự khác biệt cơ bản vốn tách rời phụng tự Ki-tô giáo khỏi Do Thái giáo hoặc lối thờ phượng khác. Công nhận rằng có những điều tương tự bên ngoài: trong cả hai trường hợp, các lễ nghi mang tính biểu tượng đều được cử hành, tuy nhiên, trong trường hợp lối thờ phượng theo nghi thức cổ xưa, các lễ nghi này không có bất cứ mối quan hệ nào với cách dâng tiến hoàn hảo liên quan đến sự hiện hữu, vì cách dâng tiến như vậy thậm chí không tồn tại. Các lễ nghi được cho là tự thân chúng vẫn có giá trị, hoặc vì khuynh hướng tốt lành của những người tham dự lễ nghi. Như vậy, trên thực tế, lối thờ phượng này không có khả năng hiệu quả trong việc làm trung gian.

Trái lại, các bí tích Ki-tô giáo đều là phương tiện trung gian của Đức Ki-tô. Các bí tích này không được trình bày như những lễ nghi tự

thân chúng có giá trị. Giá trị của các bí tích chỉ phát xuất từ sự kiện chúng là cách “tưởng nhớ”, một cách dâng tiến của Đức Ki-tô liên quan đến sự hiện hữu, và chúng chỉ phục vụ để biến sự hiện diện hiệu quả của Người thành hiện thực. Vì thế, các bí tích cung cấp cho tín hữu cơ hội để gắn bó đầy đủ với việc dâng tiến này, và cho phép họ nhờ đó mà được biến đổi¹³⁰.

Ngoài ra, khái niệm mới về Hy tế, vốn không chỉ cách xa thói câu nệ lễ nghi của “Cựu Ước”, mà còn cách xa kiểu triết lý “thiên liêng hóa”, cung cấp một nền tảng vững vàng và chắc chắn cho khái niệm về bí tích của đời sống Ki-tô hữu, mà Thánh Phao-lô đã mô tả sinh động trong Rm 12:1, và Thư Do Thái tiếp tục theo cách thức riêng của nó trong 13:15-16.

Kết luận

Khi phân tích cẩn thận, thì các bản văn khác nhau của Tân Ước đều bộc lộ một cách đáng tin cậy cách thức từng tác giả Tân Ước mô tả sinh động như thế nào về Đức Giê-su, với tư cách là Đấng dẫn đầu lãnh vực mới trong mối quan hệ giữa Thiên Chúa và nhân loại. Tuy nhiên, từng tác giả vẫn giải thích nét mới này một cách khác nhau.

Dù sao nói chung, giống như các tín hữu Ga-lát thuở xưa, dường như các Ki-tô hữu ngày nay đang trở lại với phương pháp “Cựu Ước”, sau một thời gian khá dài họ đã từng duy trì sự khác biệt rõ rệt trong phương pháp của Đức Giê-su. Điều gì làm cho họ từ bỏ đường lối ban đầu của Đức Giê-su? Và bây giờ, khi Công đồng Vatican II kêu gọi chúng ta trở lại với các bản Tin Mừng, như là nguồn gốc đối với sự hiểu biết mới về đức tin, thì tại sao các Ki-tô hữu vẫn miến cưỡng hoặc quá chậm chạp trong việc thay đổi? Thái độ thờ ơ này đối với phụng vụ không được coi như là thói cố chấp cố tình hoặc đầy-sợ hãi. Điều này có thể được giải thích một

cách đơn giản hơn, tuy vẫn hiệu quả, như một vấn đề thuộc về **các mô thức** tiềm ẩn trong lối suy nghĩ của chúng ta về thần học. Một khi chúng ta thấu hiểu những động cơ của các mô thức hoạt động ra sao, chúng ta thâm nhập khắp cuộc sống, kiểm soát mọi cách hành động của chúng ta, và đặc biệt việc phải từ bỏ chúng thật khó khăn như thế nào, thì chúng ta mới hiểu được hiện tượng đang bộc lộ trước mặt chúng ta, và có thể cố tình hoạt động để tác động đến sự thay đổi cần thiết, hầu được hưởng lợi từ nét mới trong giáo huấn của Đức Giê-su. Theo thuật ngữ Kinh Thánh đơn giản hơn, thì điều mà chúng ta cần làm chính là “đổ rượu mới vào bầu mới”, như Đức Giê-su vẫn khuyên chúng ta.

Chú thích

- ¹ Trong suốt chương 2 và phần còn lại của cuốn sách này, khi ám chỉ “Cựu Ước”, chúng tôi nói về những nét truyền thống trong toàn bộ “Giao ước Thứ Nhất”, vốn đã bị trệch hướng và không trung thành với chủ đề của Giao ước. Ở đây, chúng tôi chỉ đưa ra một ví dụ: ngày Sa-bát. Đó là ngày mà người Do Thái đặt ra để thờ phượng Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa, Đấng tạo ra ngày Sa-bát, (St 2:3), đã ra lệnh cho dân Do Thái tránh làm các loại công việc nào đó trong ngày này (Xh 20:8-11; 21:13; Ds 5:14), để họ được rảnh rỗi hầu dành thêm thời gian cho Thiên Chúa. Năm tháng qua đi, các giáo sĩ Do Thái đã phức tạp hóa giới luật thần thánh này; đến thời Đức Giê-su, họ còn mở rộng danh sách các việc bị ngăn cấm này thành 39 việc. Do đó, sách “Cựu Ước” bao gồm một số truyền thống, không phải tất cả các truyền thống đều loại bỏ lý tưởng cao cả nhất của lối sống Giao ước. Đối với ví dụ về cách giải thích sự vi phạm ngày Sa-bát, xem Raymond Brown, *Một Kỳ Tinh tâm với Thánh Gio-an*, trang 44-48. Ở đây, lời bình luận của Brown là: “Với tư cách là Đấng đến từ Thiên Chúa, Người (Đức Giê-su) thách thức những nhận thức trần thế của chúng ta vào bất cứ lúc nào, và cảnh báo chúng ta về việc áp dụng những phán đoán tôn giáo từ quá khứ vào những tình huống mới, nhưng không có sắc thái”. Để

biểu thị rõ là chúng tôi không muốn ám chỉ toàn bộ Cựu Ước, nhưng chỉ nhắm đến những nét trạch hướng trong Cựu Ước mà thôi, nên chúng tôi đặt từ này trong dấu ngoặc kép (“Cựu Ước”).

- ² Khi ngôn sứ Khac-gai nói với dân của ông: “Vây bây giờ, hỡi Đơ-rúp-ba-ven, sấm ngôn của Đức Chúa các đạo binh... chính Ta ở với các ngươi... chiếu theo lời Ta kết ước với các ngươi lúc các ngươi ra khỏi Ai Cập. Thần Khí Ta ở giữa các ngươi; các ngươi đừng sợ... Bạc là của Ta, vàng là của Ta, sấm ngôn của Đức Chúa các đạo binh. Vinh quang của Đền thờ lúc này sẽ rạng ngời hơn khi trước, Đức Chúa các đạo binh phán; tại nơi này, Ta sẽ ban tặng bình an...” (Kg 2:4-9). Chúng ta cũng đọc rằng Sách Khải Huyền trình bày sự viên mãn của Nước trời trong niềm vui bất tận (Kh 21:3; 22:7).
- ³ Đối với lời giải thích thêm về vấn đề này, hãy xem Albert Vanhoye, *Các Tư tế Thời Cựu Ước và các Linh mục Thời Tân Ước*, (nhà Xuất bản St. Bede, Massachusetts, 1986), trang 147-238.
- ⁴ Xem Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, (Nhà In Claretian, Bangalore, 2002), trang 59-61.
- ⁵ Xem Lv 23. Đức Giê-su đã từng vào Hội đường để cầu nguyện, và sau này, các môn đệ của Người vẫn tiếp tục thường xuyên đến Đền thờ để cầu nguyện hằng ngày. Tuy nhiên, chúng ta không nghe nói các ông tham gia việc việc thờ phượng hy tế như những người Do Thái thời đó vẫn quy định và thực hành.
- ⁶ Đức Giê-su đòi hỏi nơi các môn đệ của Người sự công chính rõ ràng là cao cả hơn, so với các kinh sư và những người Pha-ri-sêu trong thời của Người. Đặc điểm lòng đạo đức của người Pha-ri-sêu thời đó chỉ là sự tuân phục các nghi thức theo bề ngoài, hời hợt, nhưng lại rất cầu nệ từng chi tiết. Tính cách này nổi bật trong nhiều lời kết án khác nhau mà Đức Giê-su vẫn phát biểu chống lại những cách thực hành như vậy, và những lời kết án này đã được ghi lại trong tất cả các bản Tin Mừng. Đức Giê-su kêu gọi nơi con người sự phục tùng nội tâm và đích thực đối với những đòi hỏi của Nước trời. Xem Mt 5:20; 15:1-20; Mc 7 1-23.
- ⁷ Trong câu nói “Đừng gọi ai là Cha” của Đức Giê-su, ngoài việc Người phản đối lối sùng bái các anh hùng và các nhân vật truyền thông đại chúng trong Giáo hội Công Giáo, Người còn bộc lộ một quan điểm về tín hữu bình thường, với tư

cách là một người trưởng thành có trách nhiệm”. Do đó, Ki-tô hữu nên đến với Thiên Chúa càng nhiều càng tốt, một cách trực tiếp và cá nhân, chứ không phải là thông qua các nghi thức trống rỗng hoặc các nhân vật. Xem Ralph A. Keifer, *Thánh Lễ trong Thời buổi Hoà bình*, trang 47.

- ⁸ Mt 8:1-4; Mc 1:40-45; Lc 5:12-16. Trong trường hợp 10 người phong cùi, Đức Giê-su đã nói rõ với họ là hãy đi và trình diện với các tư tế. Nhưng khi một người Sa-ma-ria nhận thấy mình đã được chữa lành, thì chỉ có người đó đích thân trở lại để cảm tạ Đức Giê-su (Lc 17:11-19).
- ⁹ Xem Mt 14:23; Mc 6:46; Lc 6:12, 9:28. Người ta thấy Đức Giê-su vào các hội đường hầu như mỗi ngày Sa-bát, tại đó, chắc hẳn Người vẫn cầu nguyện với những người còn lại trong cộng đoàn. Tuy nhiên, lối thờ phượng theo nghi thức vẫn không liên quan đến các phụng vụ này trong hội đường. Xem E. Subar, “Phụng tự của Người Do Thái”, *Từ điển Bách khoa Mới của Công Giáo*, Tập VII, trang 975-977.
- ¹⁰ Xem Jose Comblin, *Đức Giê-su thành Na-gia-rét*, (Gill & Macmillan, London, 1979), trang 93-118.
- ¹¹ Xem Paul Puthanangady, “Tác động của Phụng vụ đối với việc Xây dựng Cộng đoàn Giáo hội Tiên khởi”, trong *Lời Chúa & Việc Thờ phượng*, 4/ 2002, trang 241-252.
- ¹² Qua mối quan hệ trung thành của Đức Giê-su với những kẻ tội lỗi và những người bị ruồng bỏ, Người đã đánh dấu bước khởi đầu cho một khái niệm mới về sự thánh thiện (không có sự phân biệt phản ánh nét “khác biệt” của Thiên Chúa, cũng không có sự thanh sạch theo nghi thức, hoặc sự thành thạo trong việc sùng bái, nhưng chỉ có lòng thương xót giữa người với người), đối với cộng đoàn (trong đó, tất cả mọi người đều bình đẳng), và đối với một cảm nghiệm mới về Thiên Chúa như là Abba. Xem George Soares-Prabhu, *Các Chú đề Kinh Thánh đối với Nền Thần học theo Bối cảnh Hiện nay*, Tập 1, trang 228-234.
- ¹³ Điều khá tự nhiên là từ thế kỷ IV trở đi, các Ki-tô hữu đã tìm cách giải thích Thánh Thể về mặt hy tế và các thể loại tương tự sẵn có đối với họ. Trước khi trở thành Ki-tô hữu, hầu hết các Ki-tô hữu đều theo Do Thái giáo, vì thế, họ khá dễ dàng khi kể lại những điều quen thuộc đối với họ. Ngay cả Đức Giê-su cũng nhận thấy khó giải thích phụng pháp mới của Người cho các môn đệ, theo

cách thức nào để họ hiểu và nhớ được nét độc đáo của phương pháp này, trước đủ mọi kiểu hiểu lầm. Tuy nhiên, cũng đáng để chúng ta bổ sung thêm rằng bầu khí phổ biến chung quanh mà trong đó, tất cả mọi người đều dâng loại “hy lễ” nào đó, điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến họ. Ngoài ra, còn có ảnh hưởng từ “lời sùng bái của đế quốc” như vẫn thấy trong công thức của Luật Roma tạo nên thời kỳ này. Nhưng đây chính xác là thách thức của các Ki-tô hữu thuộc tất cả mọi thời: Giữ được nét độc đáo của giáo huấn Đức Giê-su không chỉ về mặt lý thuyết, nhưng còn nhiều hơn trong lối sống thực tiễn.

- ¹⁴ Sự biến chuyển dần dần theo hướng này sẽ được trình bày chi tiết trong các chương sau. Chúng tôi cũng ghi chú rằng có một trường phái nổi tiếng vẫn mạnh mẽ lý luận rằng chính Đức Giê-su đã hiểu sự chết của Người như một cuộc hy tế. Nói chung, họ ám chỉ cách diễn đạt “vì”, được sử dụng khi đề cập đến sự chết của Đức Giê-su. Tuy nhiên, những người khác lại liên kết cách diễn đạt này với chủ đề về “người Tôi tớ Đau khổ” trong sách của Ngôn sứ I-sai-a, ban đầu vốn không mang tính cách hy tế, nhưng mang tính cách giao ước. (Đặc biệt trong Is 54:3-8). Xem William R. Farmer, (Ed) *Chú giải Kinh Thánh Quốc tế*, (các Ấn phẩm Thần học tại Ấn Độ, Bangalore, 2004), trang 1051-1056.
- ¹⁵ Vì thế, Justin Tử đạo nói rằng: “Trong toàn bộ việc chúng ta cho người nghèo khổ và túng thiếu lương thực, chúng ta ca tụng Đấng tạo thành vũ trụ thông qua Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người, và trong Chúa Thánh Thần” (1 Apol. 67, 1-2). Thánh Cyprian nói: “Việc chia sẻ trong Thánh Thể cũng tương tự như đi vào cuộc khổ nạn của Đức Giê-su và chia sẻ trong nỗi đau khổ của Người. Điều này có thể xác thực như thế nào, nếu sau khi chia sẻ những nỗi đau khổ của Đức Giê-su theo phụng vụ và biểu tượng, rồi sau đó trong thực tế, họ lại không chia sẻ nỗi đau khổ cũng của Đức Ki-tô đối với Giáo hội, thân thể của Người?” (Các Lá thư, 69,9). Thánh Irenaeus có một câu châm ngôn đầy ẩn tượng: “Đức Giê-su đã ban Thánh Thể cho các môn đệ của Người, vì e rằng các ông trở nên vô ơn và khô khan” Adv. Haereses, IV 17,4-5, *Nguồn sống của các Tín hữu*, Số 100, Cerf, Paris, 1965, 591-591, PG 7/1, trang 1024. Thánh Augustinô: “Anh chị em ăn thứ anh chị em trở thành, và anh chị em trở thành thứ mà anh chị em ăn”, Sermon 229; cũng xem Sermon 272, PL. 38, 1247.
- ¹⁶ Xem Theodore Klauzer, (Bản số 2), *Một Lịch sử Ngắn gọn về Phụng vụ phương Tây*, (Báo Oxford của Đại học Oxford, 1979), 5-11, 68-73, 96-108.

- ¹⁷ Một tầm nhìn coi Thánh Lễ như sự quy tụ với tình bằng hữu, trong đó, các Ki-tô hữu quan tâm đến những anh chị em túng thiếu của họ, và diễn tả mối quan tâm vị tha và tình liên đới của họ bằng một cách thức rất thật, đối với các thành viên túng thiếu và không may mắn trong cộng đoàn. Chính qua việc mở lòng ra và chia sẻ tài sản một cách hiệu quả như vậy, mà Thiên Chúa được thờ phượng và Đức Ki-tô thực sự được nhớ đến và hiện diện giữa chúng ta. Việc chia sẻ vị tha này biểu thị sự trao ban vĩnh viễn và rộng rãi của Chúa Cha, trong hành động tạo dựng cũng như trong việc thực hiện-Giao ước với nhân loại. Xem Cv 4:32-35.
- ¹⁸ Xem Josef A. Jungmann, *Thánh Lễ Theo Nghi thức Roma*, Tập 1.
- ¹⁹ Xem Philippe Rouillard, “Từ Bữa ăn của Con người đến Thánh Thể của Ki-tô hữu”, trong tạp chí *Tạp chí Worship* 52 (1978). Cũng xem Ralph A. Keifer, *Chức lành và Bẻ ra*, trang 43-62.
- ²⁰ Xem SC, Số 47-58, Austin Flannery, Công đồng Vatican II.
- ²¹ Xem Ian Bladley, *Sức mạnh của Hy tế*, Darton, Longman và Todd, London, 1995.
- ²² Ngay cho dù Đức Giê-su không thường xuyên sử dụng từ *Abba* khi ám chỉ Chúa Cha, đặc biệt khi Người cầu nguyện, tuy nhiên, chắc hẳn cách Người sử dụng từ này vẫn dễ phân biệt và tranh luận lại, về mối quan hệ rất đặc biệt của tình yêu thương và mối quan hệ thân thiết mà Đức Giê-su vẫn vui hưởng với Chúa Cha. “Kinh nghiệm này phát xuất từ cách sử dụng từ *Abba* giống như cách thức mà những đứa trẻ Do Thái vẫn sử dụng trong quan hệ với người duy nhất mà chúng gọi là ‘Bố’... Chúa Con nhập thể quá cảm nghiệm về sự hiện diện của Chúa Cha trong ý thức nhân tính của Người, đến nỗi Người đã tự nghĩ mình là Chúa Con, dưới ánh sáng của mối quan hệ thân thiết mà qua đó, Chúa Cha đã tự mặc khải cho Người”. Xem C. Irudayaraj, “Đức Giê-su có một Cảm nghiệm về Chúa Cha không?”, trong *Tiếng nói của Vị Mục tử*, Tập 1, Số bốn (Tháng 10-12, 2002), 287-302. Cũng xem Joachim Jeremias, *Abba*, Studien zur neutestamentlichen Theologie und Zeitgeschichte, Vaudenhoek & Ruprecht, Göttingen, 1966. Cùng tác giả, *Sứ điệp Chủ yếu của Tân Ước*, (Blackwell, London, 1955) 9-30. Cùng tác giả, *Thần học Tân Ước*, Scribner’s, New York, 1971), 61-68.

- ²³ Xem dưới đây, trong đó, chúng tôi trình bày một bản đồ diễn tả Tin Mừng (theo Thánh Mác-cô), tầm nhìn của Thiên Chúa và mối quan hệ của Người với chúng ta. Đức Giê-su đã làm sáng tỏ và kết hợp lại những yếu tố khác nhau về “tư cách làm cha” của Thiên Chúa, đã được trình bày trong Cựu Ước. Và cách thức Người thực hiện việc này quả thật là độc đáo!
- ²⁴ Xem ý nghĩa của “Thánh Lễ như là Buổi Cử hành”, trong Erasto Fernandez, *Tâm bánh mà Chúng ta Bẻ ra*, (Nhà In St.Paul, Bombay, 1981), 13-28.
- ²⁵ Eugene LaVerdiere, *Có Đủ Chỗ trong Nước Chúa*, 132-150.
- ²⁶ Xem Edmond Barbotin, *Nhân tính của Thiên Chúa*, Orbis Books, Maryknoll, 1976 và, *Nhân tính của Con người*, Orbis Books, Maryknoll, 1975.
- ²⁷ Giáo hội cũng có một chiều kích mang tính cách thể chế, như được triển khai trong Tin Mừng Mát-thêu. Tuy nhiên, đây không phải là yếu tố hàng đầu hoặc chủ yếu tiêu biểu cho những kẻ theo Đức Giê-su.
- ²⁸ Albert Nolan, *Đức Giê-su Trước Ki-tô giáo*, 77-78. Sự khác biệt thuộc về phẩm chất giữa thời Đức Giê-su và thời của Thánh Gio-an Tẩy giả được diễn tả rất rõ trong một dụ ngôn ngắn: “Tôi phải ví thế hệ này với ai? Họ giống như lũ trẻ ngồi ngoài chợ gọi lũ trẻ khác và nói: ‘Tụi tôi thổi sáo cho các anh, mà các anh không nhảy múa; tụi tôi hát bài đờ đám, mà các anh không đắm ngực khóc than’. Thật vậy, ông Gio-an đến, không ăn không uống, thì thiên hạ bảo: ‘Ông ta bị quỷ ám’. Con người đến, cũng ăn cũng uống như ai, thì thiên hạ lại bảo: ‘Đây là tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi’. Nhưng đức khôn ngoan được chứng minh bằng hành động” (Lc 7:31-35; Mt 11:16-19).
- ²⁹ Điều này dựa trên lời giải thích của George Soares-Prabhu, *Thần học Giải phóng*, 223-240.
- ³⁰ Thật đáng chú thích rằng sự thay đổi thái độ mà Thánh Gio-an Tẩy giả đòi hỏi liên quan đến thái độ của chúng ta về *bản thân* vốn là kẻ tội lỗi, chúng ta cần phải chấp nhận thân phận tội lỗi của mình và sẵn sàng thay đổi và tự làm cho mình trở nên xứng đáng với Thiên Chúa. Nhưng sự thay đổi mà Đức Giê-su đòi hỏi liên quan đến cách thức chúng ta hiểu biết và trải nghiệm về *Thiên Chúa* – điều này kêu gọi chúng ta tin rằng Thiên Chúa đã thay đổi những đòi hỏi của Người đối với chúng ta. Toàn bộ điều mà Người đòi hỏi là chúng ta chấp nhận

tình yêu của Người, và để cho tình yêu này biến đổi chúng ta, và làm cho chúng ta thực sự trở nên con cái yêu dấu của Người hơn.

- ³¹ Đúng là qua Kinh Thánh, thái độ nghi ngờ lời của Thiên Chúa hoặc không nghiêm túc chấp nhận lời Chúa bị cho là “sự chai cứng của tâm hồn” và đây là nguyên nhân chính gây ra nhiều vấn đề của dân Ít-ra-en. Ngoài ra, đây là nguyên nhân chính khiến dân Ít-ra-en không thể đi vào và vẫn ở trong Giao ước với Thiên Chúa. Một cuộc nghiên cứu cẩn thận những trường hợp khác nhau về “sự chai cứng của tâm hồn” bộc lộ rằng tình trạng này phát xuất từ lối hiểu biết sai hoặc không đầy đủ về bản chất Thiên Chúa. Chính khi chúng ta cứ đặt Thiên Chúa vào loại con người đầy giới hạn, thì chúng ta cảm thấy thật khó mà “tin tưởng” rằng Thiên Chúa lại có thể quá quảng đại, trung thành và yêu thương đến thế!
- ³² Qua bài diễn văn của Chauvet về Thánh Thể trong Ga 6, ông cho thấy rằng vụ xì-căng-dan ăn thịt Con người và uống máu Người không quyết liệt bằng vụ xì-căng-dan liên quan đến căn tính của Đức Giê-su và sứ vụ của Người: “Thông báo về một Thiên Chúa yêu thương nhân loại, đến mức độ hy sinh mạng sống và chết đi giống như một người tầm thường, hoàn toàn là một cuộc cách mạng đối với não trạng của người Do Thái”. Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, 50. Cũng xem George Soares-Prabhu, *Thần học Giải phóng*, 230-244.
- ³³ Ý tưởng tiên tri về sự sám hối được diễn tả trong tiếng Do Thái là *shub*, nghĩa đen có nghĩa là “biến đổi”, “quay lại”. Nhưng trong Cựu Ước, từ này chuyển tải ý tưởng về một sự quay lại của toàn bộ con người hướng tới Thiên Chúa, qua việc xem lại khái niệm của chúng ta về Người. Xem Is 31:6; Gr 3:12-14; Hs 14:1.
- ³⁴ Các mô thức là những bản đồ tâm trí, qua đó, chúng ta giải thích về thực tại chung quanh chúng ta. Mỗi người đều có các mô thức riêng của mình để nhìn xem thực tại. Điều cần ghi chú ở đây là các mô thức này ảnh hưởng đến lối suy nghĩ và cách hành động của chúng ta, nhưng rất thông thường, chúng lại không được xem xét, cũng không được chú tâm một cách ý thức. Sự kiện sau cùng này khiến chúng có tiềm năng gây nguy hiểm, đặc biệt khi chúng ta có khuynh hướng tin rằng lối suy nghĩ của chúng ta (mô thức) là cách thức duy nhất khả thi và tuyệt đối đúng, để giải thích thực tại trước mặt chúng ta. Điều này cũng đáng cho chúng ta ghi chú sự kiện rằng không thể nào thay đổi cách

hành động mà con người đã thiết lập, khi trước hết không thay đổi mô thức, vì chính mô thức kiểm soát cách hành động của con người. Các mô thức mới dẫn dắt những cách hành động mới.

³⁵ Xem Nolan trích dẫn Norman Perrin, *Tái Khám phá Giáo huấn của Đức Giê-su*, London, 1967, 89. Ngoài ra, ông còn bổ sung thêm: “Thiên Chúa của Áp-ra-ham, I-sa-ác và Gia-cóp đang thực hiện những điều hoàn toàn mới và không có tiền lệ” (Trích dẫn H. Zahrnt, *Loại Thiên Chúa Gì Thế?* Nhà Xuất bản Augsburg, Minnesota, 1972, 55-61). Cũng xem Xh 34:10; Ds 16:30; Is 4:5; 43:19; 48:7; 65:17; 66:22; Gr 31:22; Kb 1:5... Albert Nolan, *Đức Giê-su Trước Ki-tô giáo*, 79. Có lẽ chính xác hơn khi nói rằng khả năng của con người để hiểu được mặc khải mới này của Thiên Chúa đã tiếp cận được giai đoạn mà qua đó, mặc khải này bắt đầu có ý nghĩa đối với chúng ta. Cho dù chúng ta hiểu theo bất cứ cách nào, thì chắc hẳn mặc khải này vẫn kêu gọi chúng ta có một mức độ quan hệ mới đối với Thiên Chúa và những người đồng loại.

³⁶ “Lòng thương xót đã làm cho Thiên Chúa cảm động, để rồi Người thay đổi ý định và thực hiện điều gì đó thật mới... Đức Giê-su đoán chắc rằng bất cứ điều gì Thiên Chúa có thể thực hiện trước đây, thì bây giờ, Người vẫn đối xử với những kẻ tội lỗi bằng tình yêu thương và chăm sóc, Người lại làm điều tốt đẹp cho những kẻ ghét Người, và chúc lành cho những kẻ nguyện rửa Người... Sự thành công trong những lúc chữa bệnh và trong mọi hành động giải thoát của Đức Giê-su chứng tỏ cho Người rằng Thiên Chúa cảm thương những kẻ đau khổ, Người muốn sống trong tình liên đới như người cha đối với nhân loại, và Người muốn sử dụng quyền năng của Người để phục vụ họ”. Albert Nolan , *Đức Giê-su Trước Ki-tô giáo*, 79-80.

³⁷ Xem George Soares-Prabhu, *Thần học Giải phóng*, 238-244.

³⁸ Xem Mc 8:35-37; 10:38-40 và 14:6-8. Trong từng trường hợp, sau khi Đức Giê-su tiên báo về cuộc Khổ nạn của Người, thì ngay lập tức, một hoặc vài người trong số các môn đệ đã bỏ đi.

³⁹ Thánh Mác-cô ghi chú rằng các tư tế và kinh sư đều e ngại đám đông (*ho ochlos* – Xem Mc 11:18) lúc Người thanh tẩy Đền thờ. “Đám đông” xuất hiện 38 lần trong Tin Mừng Mác-cô. Lúc bấy giờ ngày lễ đang đến gần, họ quan tâm nhiều hơn đến “dân chúng” (*ho laos*), một lối diễn tả ám chỉ dân Ít-ra-en như dân

được chọn của Thiên Chúa. Họ lên Giê-ru-sa-lem để cử hành lễ kỷ niệm ngày họ được giải thoát khỏi Ai Cập.

⁴⁰ Mc 10:38-45. Xem Jerome Kodell, *Thánh Thể trong Tân Ước*, 88-90. Cũng xem Eugene LaVerdiere, *Bạn Có thể Ủng Chén được Không?*, trong tạp chí Emmanuel 89 (1983), 490-495, trong đó, tác giả khảo sát các vấn đề thần học và thiêng liêng liên quan đến việc chia sẻ Chén đau khổ của Đức Giê-su.

⁴¹ Xem Rock Kereszty, “Thánh Thể trong Tân Ước”, trong *Chú giải Kinh Thánh Quốc tế*, 254-255.

⁴² Xem Eugene LaVerdiere, *Thánh Thể trong Tân Ước và Giáo hội Tiên khởi*, 46-64.

⁴³ “Việc các môn đệ ủng chén mang lại cho họ tình liên đới trong giao ước của Đức Giê-su, nhưng việc này cũng có thể đòi hỏi các ông phải cam kết về sự mạng phục vụ, nỗi đau khổ và sự chết của Người. Cuộc đời của Đức Giê-su bộc lộ trong cuộc hy tế; đây là gương mẫu đối với tư cách môn đệ của các ông”. Jerome Kodell, *Thánh Thể trong Tân Ước*, 92.

⁴⁴ Xem Lc 3:7-17.

⁴⁵ Xem Lv 25:8-24. Người ta lý luận rằng hầu hết người Ít-ra-en đều hăng hái cùng cổ những lợi ích xã hội của họ trong việc thực hành Năm Toàn Xá. Tuy nhiên, các Ngôn sứ như Hô-sê và A-mốt vẫn tiếp tục nhắc nhở dân chúng về sự phản bội của họ đối với lời kêu gọi giữ ngày Sa-bát. Khi Đức Giê-su đặc biệt chọn bản văn này để mở đầu sứ vụ của Người, Đức Giê-su báo hiệu lời kêu gọi dân Ít-ra-en đối với Giao ước mới và vĩnh cửu. Trên thực tế, việc xem lại sự thịnh vượng của ngày Sa-bát đã xác định lời kêu gọi của Đức Giê-su về vai trò môn đệ, nằm trong giáo huấn của Người, và ở giữa cuộc xung đột của Người với trật tự chung của xứ Giu-đêa. Xem Ched Myers, “Sự Thịnh vượng Mới của Ân huệ Đức Giê-su”, trong tạp chí *Sojourners*, Tháng 7, 8, 1998, phần 2, trang 1-3.

⁴⁶ Xem Eugene LaVerdiere, *Có Đủ Chén trong Nước Chúa*, 79-95. Cùng tác giả, “Một Diển từ về Bữa tiệc Ly”, trong *Kinh Thánh Ngày nay*, (Tháng 3, 1974), 1540-1548.

⁴⁷ Xem Eugene LaVerdiere, *Luke*, XV-XVI.

- ⁴⁸ Để biết thêm về Diễn từ Cáo biệt, hãy xem “Diễn từ Cáo biệt của Đức Giê-su” (Lc 22:14-38) trong *Cuộc Thương khố Theo Thánh Lu-ca: Nghiên cứu Ý nghĩa Văn bản của Cấu độ Học theo Thánh Lu-ca* của Jerome Neyer, Những Câu hỏi Tìm hiểu về Thần học, (Nhà In St. Paul, New York, 1985), 5-48. Cũng xem Charles H. Talbert, *Đọc Tin Mừng Lu-ca: Một cách Chú giải Tin Mừng Thứ 3 theo Nghĩa đen và Nghĩa Thần học*, (Crossroad, New York, 1982), 207-208.
- ⁴⁹ Xem St 27:1-29. Chỉ sau khi ăn và uống rượu, ông I-sa-ác mới chúc lành cho con trai ông, bằng cách trao cho con trai di chúc và lời chúc phúc của ông.
- ⁵⁰ Cho dù Bữa tiệc Ly là một Bữa ăn Vượt qua thực sự hay không, thì bữa ăn này vẫn được các học giả nổi tiếng ở cả hai phía bàn luận. Tuy nhiên, dường như Thánh Lu-ca vẫn trình bày rõ về Bữa tiệc Ly như một Bữa ăn Vượt qua – bữa ăn này có những nỗ lực Vượt qua rất rõ rệt. Xem Joachim Jeremias, *Những Lời của Đức Giê-su về Thánh Thể*, X. Leon-Dufour, *Chia sẻ Bánh Thánh Thể: Bằng chứng của Tân Ước*, (Nhà In St. Paul, New York, 1987), 183-202.
- ⁵¹ Trong bối cảnh Phần Tương thuật việc Lập Phép Thánh Thể của Thánh Lu-ca, điều này đáng cho chúng ta ghi chú về “Lời khẩn Từ bỏ” (cũng được gọi là “Lời khẩn Bỏ mình”): “Thầy những khát khao mong mỏi ăn lễ Vượt qua này với anh em trước khi chịu khổ hình. Bởi vì Thầy nói cho anh em hay: Thầy sẽ không bao giờ ăn lễ Vượt qua nữa, cho đến khi lễ được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa... Bởi vì Thầy bảo cho anh em biết: Từ nay, Thầy không còn uống sản phẩm của cây nho nữa, cho đến khi Triều đại Thiên Chúa đến” (Lc 22:14-18). Những cách diễn tả như vậy biểu thị sự mãnh liệt của mong ước hoàn tất việc diễn ra sau từ “cho đến khi” – trong trường hợp này, đó là nhằm thiết lập và hoàn thiện Triều đại của Thiên Chúa. Đây chính là “Ý muốn và Di chúc Cuối cùng” mà Đức Giê-su đã trao cho các môn đệ của Người. Vì thế, mỗi khi các môn đệ cử hành Thánh Lễ, các ông thực hiện lời hứa của họ, là hoạt động để xúc tiến Giao ước Mới của Nước Thiên Chúa. Ý nghĩa của điều này trong thực hành được giải thích rõ trong phần còn lại của diễn từ (21-38). Xem Eugene LaVerdiere, *Có Đủ Chỗ trong Nước Chúa*, 132-148.
- ⁵² Lc 19:1-10.
- ⁵³ “Bàn tiệc trở thành một nơi mà nhu cầu của con người gặp được ân huệ thần thánh”. Paul S. Minear, “Một số Ý niệm Mơ hồ về Thần học Bí tích của Thánh Lu-ca”, trong tạp chí *Tạp chí Worship*, 44 (1970) 322-331, 325.

- ⁵⁴ Xem Eugene LaVerdiere, *Bẻ Bánh*, Liturgical Training Press, Chicago, 1998.
- ⁵⁵ Cv 20:7-12.
- ⁵⁶ Thuật ngữ Hy Lạp được sử dụng đối với sự sống sót là *soteria*, vốn ám chỉ sự cứu độ, theo lối nói Ki-tô giáo. Do đó, ăn là một vấn đề thuộc về sự cứu độ. Điều này gợi nhớ lời Đức Giê-su nói với ông Da-kêu: “Hôm nay, tôi phải ở lại nhà ông”, và ông ấy đã tụt xuống và đón tiếp Người. Sau đó, Chúa Giê-su nói: Hôm nay ơn Cứu độ đã đến cho nhà này” (Lc 19:1-10).
- ⁵⁷ Eugene LaVerdiere, *Bẻ Bánh*, 241-222.
- ⁵⁸ “*enopion panton*” – cách diễn tả này lại được tìm thấy, khi Đức Giê-su cầm lấy con cá nướng được đưa cho Người và “ăn trước mặt các ông” (Lc 24:43).
- ⁵⁹ Trong cụm từ “bẻ bánh”, chúng ta có một lễ đền tội hoàn toàn mới của Ki-tô giáo, một cụm từ thật xa lạ, cả đối với người Do Thái lẫn văn học cổ điển. Xem J. Jungmann, *Thánh Lễ theo Nghi thức Roma*, Tập 1, 10.
- ⁶⁰ Xem Cv 6:1-7; 10:1-48; 16:25-34.
- ⁶¹ Xem K. Stendahl, *Trường phái của Thánh Mát-thêu*, (Ed 2), (Nhà In Fortress, Philadelphia, 1968), xi; Benedict Viviano, “Tin Mừng Mát-thêu”, trong *Chú giải Kinh Thánh Jerome Mới*,
- ⁶² Donald Senior bình luận: “Hầu hết những chi tiết này đều tiêu biểu cho lối diễn tả Do Thái về thời sau hết, mang lại cho trình thuật của Thánh Mát-thêu một lời buộc tội sôi động, và củng cố ấn tượng rằng từ giây phút Đức Giê-su vâng phục cho đến chết, thì một thời đại mới mẻ và dứt khoát của Ôn Cứu độ đã bắt đầu. Xem D. Senior, *Cuộc Khổ nạn của Đức Giê-su trong Tin Mừng Mát-thêu*, Passion Series 1; (Michael Glazier, Wilmington, 1985), 157.
- ⁶³ Xem Francis J. Moloney, *Thân thể được Bẻ ra vì một Dân tộc Đau khổ*, (Claretian Publications, Quezon City, 1990), 36-53.
- ⁶⁴ Xem Donald Senior, *Cuộc Khổ nạn của Đức Giê-su trong Tin Mừng Mát-thêu*, (BETL 39, Ấn bản của Đại học Leuven, 1976), 25-26.
- ⁶⁵ Mt 5:1; 7:29 và 18:1-35.
- ⁶⁶ Xem Rock Kereszty, “Thánh Lễ trong Tân Ước”, trong *Chú giải Kinh Thánh Quốc tế*, 251-254.

- ⁶⁷ Gợi lại ý nghĩa của từ “đền tội” như đã giải thích trên đây.
- ⁶⁸ Mt 23:35-36 – “Như vậy, máu của tất cả những người công chính đã đổ xuống đất ... Tôi bảo thật các người: tất cả những tội ấy sẽ đổ xuống đầu thế hệ này”.
- ⁶⁹ “Muôn dân” được ám chỉ trong Is 52:14-15 và 53:11-12. Do đó, tính cách phổ quát theo nhãn giới của Thánh Mát-thêu được xác nhận bởi tính cách phổ quát trong các Bài ca về người Tôi tớ, ngay cả bên ngoài tường thuật về việc Lập Phép Thánh Thể (12:21).
- ⁷⁰ Mt 9:13; 12:7.
- ⁷¹ Eugene LaVerdiere, *Thánh Thể trong Tân Ước và Giáo hội Tiên khởi*, (Nhà In Phụng vụ, Collegeville, Minnesota, 1996), 65-78.
- ⁷² Khi chúng ta so sánh Phần Tường thuật việc Lập Phép Thánh Thể trong 3 bản Tin Mừng Nhất Lãm với các thư của Thánh Phao-lô, thì chúng ta nhận thấy chỉ có Thánh Mát-thêu là người duy nhất nói rõ rằng: “Anh em cầm lấy mà ăn, đây là Mình Thầy” (Mt 26:26).
- ⁷³ Xem Mt 5:23 và 18:23-34.
- ⁷⁴ “Đối với các môn đệ, trong Thánh Thể sẵn có sự chữa lành sâu xa là ơn tha thứ. Mặc dù Thánh Mát-thêu nghĩ nhiều về sự vâng phục trong việc chuẩn bị và tham dự Bữa tiệc Ly, nhưng ngài vẫn không đặt ơn tha thứ dựa trên sự vâng phục hoặc tư cách môn đệ trung thành. Thay vào đó, ơn tha thứ đến với chúng ta thông qua hy tế của Đức Giê-su, việc đổ máu của Người... On tha thứ tội lỗi là một ân huệ mang tính cách messia (thiên sai) của Đức Giê-su, đáp ứng những niềm hy vọng từ xưa. Sự đáp ứng này được tiêu biểu bằng việc mở cửa các mồ mà khi Đức Giê-su chết, lúc các thánh thời xưa nhìn nhận ơn Cứu độ mà các ngài vẫn mong đợi”, (Mt 27:52-53). Jerome Kodell, *Thánh Thể trong Tân Ước*, (Nhà In Phụng vụ, Collegeville, Minnesota, 1988), 101-104.
- ⁷⁵ Francis J. Moloney. *Niềm tin vào Lời Chúa*, (Nhà In Fortress, Minnesota, 1993), 27-45.
- ⁷⁶ Francis J. Moloney. *Niềm tin vào Lời Chúa*, 46-48. Cùng tác giả, *Mở đầu Tin vui*, (Các Ấn bản St. Paul, NSW, 1992), 154-158. Phene Perkins, “Tin Mừng Gio-an”, trong *Chú giải Kinh Thánh Jerome Mới*, 951. Raymond Brown, *Tin Mừng Gio-an*, (Doubleday, New York, 2 tập, 1966 -70), 17. R. Culpepper,

“Điểm then chốt trong phần mở đầu của Tin Mừng Gio-an”, trong NTS, 27 (1981) 1-31. C. K. b Barret, “Điểm then chốt trong phần mở đầu của Tin Mừng Gio-an”, trong *Những Thủ thuật trong Tân Ước*, (SPCK, London, 1972), 48. Cùng tác giả, *Tin Mừng Gio-an*, (SPCK, London, 1978), 150-151. R. Schnackenburg, “Tin Mừng Gio-an”, trong *Chú giải Thần học về Tân Ước của Herder*, Tập IV/ 1, (Burns & Oates, London, 1968), 481-493.

⁷⁷ Trên thực tế, đây là cách thức (“để thay thế”) mà bản dịch Kinh Thánh Giê-ru-sa-lem Mới diễn tả điều này. Raymond Brown phát biểu rằng sự kiện nước lã biến thành rượu là một trường hợp thay thế như vậy. Xem Raymond Brown, *Một Kỳ Tinh tâm với Thánh sử Gio-an*, 30.

⁷⁸ Cũng vậy: “Anh em hãy xem, Chúa Cha yêu chúng ta dường nào: Người yêu chúng ta đến nỗi cho chúng ta được gọi là con Thiên Chúa – mà thực sự chúng ta là con Thiên Chúa. Sỡ dĩ thế gian không nhận biết chúng ta là vì thế gian đã không nhận biết Người. Anh em thân mến, hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa, nhưng chúng ta sẽ như thế nào, điều ấy chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Đức Ki-tô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người, vì Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy. Phàm ai đặt hy vọng vào Đức Ki-tô, thì làm cho mình nên thanh sạch” (1 Ga 3:1-3).

⁷⁹ Mặc dù các bài viết của Thánh Gio-an đầy ắp những điều liên quan đến Cựu Ước, và các ngày lễ chủ yếu trong lịch Do Thái là cơ sở giáo huấn của ngài, tuy nhiên, dường như ngài vẫn nói rằng trong việc chúng ta tìm kiếm cuộc sống viên mãn, vấn đề hoàn toàn không phải là bổ sung thêm điều gì đó vào Cựu Ước – điều gì đó còn thiếu và cần được hoàn thiện. Nói đúng hơn, điều này hàm ý rằng cần dẹp bỏ “Cựu Ước”, và thay thế bằng cách triệt để (đi tới tận gốc, đối với những gì tốt đẹp nhất trong Cựu Ước) và giáo huấn cơ bản của Đức Giê-su: một sự thay thế và viên mãn thực sự mang tính cách messia.

⁸⁰ Ý nghĩa đầy đủ và tầm quan trọng của sự “thay đổi-mô thức” được giải thích đầy đủ chi tiết trong Chương 3 bên dưới. Ở đây, điều này đủ để chúng ta nhớ lại rằng sự thay đổi-mô thức đòi hỏi một cách thức hoàn toàn mới trong việc nhìn nhận và liên hệ với một thực tại nhất định. Sự đóng góp đặc biệt của Thánh Gio-an được tóm tắt trong lời phát biểu thật súc tích của ngài: “Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta” và “có một Vị đang ở giữa các ông mà các ông không biết” (Ga 1:14, 26). Lại nữa: “Tôi đã không biết Người,

nhưng để Người được tỏ ra cho dân Ít-ra-en, tôi đến làm phép rửa trong nước”. Và Thánh Gio-an Tẩy giả đã chứng thực: “Tôi đã thấy Thần Khí tựa như chim bồ câu từ trời xuống và ngự trên Người. Tôi đã không biết Người. Nhưng chính Đấng sai tôi đi làm phép rửa trong nước đã bảo tôi: ‘Người thấy Thần Khí xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng lãnh phép rửa trong Thánh Thần’. Tôi đã thấy, nên xin chứng thực rằng Người chính là Đấng Thiên Chúa tuyển chọn”. (Ga 1:31, 34). Toàn bộ điều này đòi hỏi một cách thức mới để khám phá Thiên Chúa – không ở trên các tầng trời cao nhất, nhưng ở trong sự bình thường của cuộc sống con người.

- ⁸¹ Xem Francis J. Moloney, *Niềm tin vào Lời Chúa*, 77-190. Cũng xem Raymond Brown, *Một Kỳ Tĩnh tâm với Thánh sử Gio-an*, 41-51.
- ⁸² Xem Edward Schillebeckx, *Đức Ki-tô, Bí tích của cuộc Gặp gỡ với Thiên Chúa*, Sheed and Ward, New York, 1963. Sau khi chứng tỏ rằng Đức Ki-tô là bí tích của Thiên Chúa (7-45) và Giáo hội là bí tích của Đức Ki-tô sống lại như thế nào (47-89), ông còn cho thấy rằng “các Bí tích chính là hành động cứu độ cá nhân của Đức Ki-tô sống lại ra sao, thông qua Giáo hội hữu hình của Người” (91-132).
- ⁸³ Xem Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, 49-51. Cũng xem Jerome Kodell, *Thánh Thể trong Tân Ước*, 121-126. Cũng xem Rock Kereszty, “Thánh Lễ trong Tân Ước”, trong *Chú giải Kinh Thánh Quốc tế*, 258-263. Cũng xem Eugene LaVerdiere, *Thánh Thể trong Tân Ước và Giáo hội Tiên khởi*, 123-127.
- ⁸⁴ Xem Eugene LaVerdiere, “Một Diễn từ về Bữa tiệc Ly” trong *Kinh Thánh Ngày nay*, tháng 3, 1974, 1540-1548.
- ⁸⁵ Xem Eugene LaVerdiere, *Thánh Thể trong Tân Ước và Giáo hội Tiên khởi*, 112-127. Cũng xem Monika Hellwig, *Thánh Thể và những Người Đói khát của Thế giới*, Sheed and Ward, Kansas, 1976 2nd Rev. 1992. Cũng xem J.A. Grassi, *Tâm bính được Bẻ ra và những người Đau khổ - Bữa tiệc của Chúa và người Đói khát trên Thế giới*, Orbis Books, Maryknoll, 1985.
- ⁸⁶ Xem John C. Haughey, “Thánh Lễ và các Cộng đoàn Có Ý hướng”, trong *Những Tương lai Khác đối với việc Thờ phượng*, 140-145.
- ⁸⁷ Trong trình thuật của Thánh Phao-lô qua thư 1 Cô-rin-tô, không có gì biểu thị rằng ngài coi Bữa tiệc Ly như một bữa ăn Vượt qua hay không. Tuy nhiên, ngài

vấn ý thức được ý nghĩa vượt qua trong sự chết của Đức Giê-su, như xuất hiện trong 1 Cr 5:7.

⁸⁸ Xem 1 Cr 10. Ernst Kasemann, “Học thuyết của Thánh Phao-lô về Bữa tối của Chúa”, trong *Các Tiểu luận về Chủ đề Tân Ước*, (các Nghiên cứu trong Thần học Thánh Kinh, 41), (SCN, London, 1964), 128. Jerome Murphy-O'Connor, “Thánh Lễ và Cộng đoàn các Tín hữu Cô-rin-tô Đầu tiên”, trong tạp chí *Worship* 51 (1977), 59.

⁸⁹ Ep 2:19-22.

⁹⁰ Rm 12:1-2.

⁹¹ Xem Eugene LaVerdiere, *Thánh Thể trong Tân Ước và Giáo hội Tiên khởi*, 29-45.

⁹² Xem Rm, các chương 12-15; 1 Cr, các chương 12-15; Gl, các chương 5-6.

⁹³ Xem 2:21-25; 3:17; 4:15.

⁹⁴ David N. Power, *Mầu nhiệm Thánh Thể*, 62.

⁹⁵ Xem 1 Pr 2:1-17.

⁹⁶ “Cần có sự sống lại để làm cho chúng ta nhận ra rằng, khi Ngôi Lời đã trở thành người phàm, thì có sự tập trung mới vào sự hiện diện của Thiên Chúa. Bây giờ, Đức Giê-su chính là thánh điện”. Xem Raymond Brown, *Một Kỳ Tinh tâm với Thánh sử Gio-an*, 30.

⁹⁷ Xem www.newadvent.org/cathen/07181a.htm

⁹⁸ Đây là ý chính của các chương 5-10.

⁹⁹ Xem trên đây và tất cả những điều từ trước đến nay.

¹⁰⁰ Lv 21:17-23; đặc biệt xem câu 21 nói là: “Bất cứ người đàn ông nào trong dòng dõi tư tế A-ha-ron có tật, thì không được đến gần để dâng các lễ hỏa tế lên Đức Chúa; nó có tật, nó không được đến gần để dâng thức ăn dành cho Thiên Chúa của nó”.

¹⁰¹ Xem Ga 7:45-49.

¹⁰² Xem Lc 18:9-14, đặc biệt các câu 11-12.

- ¹⁰³ Sau khi trở về từ nơi lưu đày, có thể mua lại cương vị của thượng tế bằng một giá. Khi cái giá càng cao, thì càng có nhiều cơ hội hơn để nhận được cương vị. Xem 2 Mcb 4:23-29; cũng xem 1 Mcb 10:18-24.
- ¹⁰⁴ Lá thư gửi các Tín hữu Do Thái nhấn mạnh rằng Đức Ki-tô trở nên giống như chúng ta trong *tất cả mọi sự, ngoại trừ tội lỗi*. “Người đã làm một việc thích đáng, là cho Đức Ki-tô trải qua gian khổ... Bởi thế, Người đã phải nên giống anh em mình về mọi phương diện... Vì bản thân Người đã trải qua thử thách, nên Người có thể cứu giúp những ai bị thử thách” Xem Dt 2:8-18.
- ¹⁰⁵ Xem Dt 2:5-17 (câu 7 phản ánh Tv 8:6, trong khi câu 17 rất giống như Lc 24:26).
- ¹⁰⁶ Xem Dt 4:14; 1:3.
- ¹⁰⁷ Ds 12:7.
- ¹⁰⁸ Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 103.
- ¹⁰⁹ Cũng xem Pl 2:5-11.
- ¹¹⁰ Dt 4:11-16; 5:1-10.
- ¹¹¹ Xem Xh 29:9; 29. Cũng xem Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 165-169.
- ¹¹² Xem Dt 7:1-28. Ngoài ra, Đức Ki-tô còn là Chúa Con và “đã nên thập toàn” (thông qua cuộc khổ nạn) cho đến muôn đời.
- ¹¹³ Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 148.
- ¹¹⁴ Đường như điều này là điểm chủ yếu trong cách so sánh Đức Giê-su với Thượng tế Men-ki-xê-đê, nhưng Người lại hằng sống muôn đời. Xem Dt 7:11-28.
- ¹¹⁵ Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 169. Dt 7:2-5.
- ¹¹⁶ Xem 1 Cr 5:17; 1 Pr 1:19.
- ¹¹⁷ Xem Mc 14:32-43; mt 26:36-46; lc 22:39-46.
- ¹¹⁸ Xem Dt 10:11.
- ¹¹⁹ Xem Rm 7:14-25.

¹²⁰ Xem Dt 9:26.

¹²¹ Cũng xem Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, 61-66.

¹²² Xem Dt 10:10, 12, 14.

¹²³ Xem Rm 12:1.

¹²⁴ Xem Mc 7:6-23; Mt 15:8-9, trong đó, Đức Giê-su trích dẫn Is 1:1-31 và 29:13; Mt 9:13; 12:7 trích dẫn Hs 6:6; Mt 21:13 trích dẫn Is 56:7; Gr 7:11 và các đoạn tương tự.

¹²⁵ Xem Ga 14:6; Dt 7:25; 10:19-21; 13:15, 21.

¹²⁶ Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 222.

¹²⁷ Xem Gl 1:4; 2:20; Rm 4:25; 1 Cr 15:3-4; Mc 10:45. Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 220-228.

¹²⁸ Xem 1 Cr 10:18, trong đó, biểu thị rõ Thánh Lễ từ một nhân giới tham dự một *hy tế*.

¹²⁹ P. Andriessen, “Thánh Thể trong Thư gửi các Tín hữu Do Thái”, trong NRT, 94 (1972), 269-277.

¹³⁰ Albert Vanhoye, *Các Thượng tế Thời Cựu Ước và Linh mục Thời Tân Ước*, 229.

Chương 3

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG HIỆN HÀNH TRONG NỀN THẦN HỌC THÁNH THỂ

Giới thiệu

Như chính Đức Thánh Cha Gio-an XXIII đã giải thích, Công đồng Vatican II có ý muốn như đang mở ra một hoặc hai cánh cửa sổ trong Giáo hội, để một ít làn gió mới thổi vào. Tuy nhiên, điều này lại hóa ra giống như một cơn gió lốc, đã thổi thẳng xuyên suốt toàn bộ Giáo hội, mang lại những thay đổi chung chung, đối với tất cả mọi lãnh vực về lối suy nghĩ và lối sống thực hành trong Giáo hội. Do đó, có thể coi Công đồng Vatican II như một bước ngoặt đối với nền thần học bí tích đương thời và cách thực hành, đặc biệt về các vấn đề liên quan đến Thánh Thể.

Không lạ gì hầu hết những thay đổi này đều đúng là đã bắt nguồn từ trước Công đồng Vatican II¹, nhưng ít nhất sự phát triển của chúng là một đặc điểm liên kết tốt hơn với những sắc luật của Công đồng và những nỗ lực theo sau. Gần 50 năm từ khi Công đồng kết thúc, chúng ta đang ở trong tư thế đặc biệt thuận lợi để xem lại những thay đổi này, vì bây giờ, chúng ta có thể xem xét chúng trong viễn cảnh tốt hơn. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 văn kiện Sacrosanctum Concilium về Phụng vụ, Đức Hồng Y Sodano hỏi: “40 năm sau, thật là đúng đắn khi hỏi rằng tự thân

việc cải cách phụng vụ đã trình bày gì về sự đổi mới các cộng đoàn Ki-tô hữu, khi được đổi mới theo những chỉ thị của Công đồng, phụng vụ có thể làm trung gian ở mức độ nào, giữa đức tin và đời sống, sao cho phụng vụ hình thành nên những tín hữu có khả năng cung cấp chứng từ phúc âm bất biến”.

Đồng thời, Đức Hồng Y còn bổ sung thêm: “Thật hữu ích khi tự hỏi, với sự chân thành và trong sáng, không biết việc cải cách có trải nghiệm điểm yếu nào đó hay không, và trên hết, vì ích lợi của Ki-tô hữu, việc cải cách có thể bắt đầu lại như thế nào”. Theo ngài, thách thức mà hiện nay Giáo hội đương đầu là “thể hiện việc cải cách trong đời sống của tín hữu, được kêu gọi để tự hội nhập trong sự hiệp thông mà Chúa Con mong muốn thiết lập với từng người, một sự hiệp thông mà chúng ta vẫn liên tục cử hành trong phụng vụ”².

Ngày nay, điểm khởi đầu của chúng ta có thể không khác gì *Giao ước*, lời mời gọi hầu như không thể tin được, để chia sẻ chính đời sống của Ba Ngôi Thiên Chúa, nhờ đó, những người đáp lại hình thành nên “Dân tộc thánh thiện của Thiên Chúa”.

1. Giao ước: Mô thức Cơ bản của Công Đồng

Mặc dù khái niệm này về Giao ước thật xưa cũ giống như Giao ước đầu tiên, hoặc có lẽ trở lại thật xa vời thậm chí như Adam và Eva, tuy nhiên ngày nay, nhiều người vẫn không quen thuộc với khái niệm này. Hầu như tất cả mọi người đều nghe thấy từ ngữ được sử dụng trong Phần Tường thuật việc Lập Phép Thánh Thể, nhưng chỉ có vài người chú ý đến ý nghĩa phong phú và những kết quả đòi hỏi của từ ngữ này. Tối đa, người ta hiểu về nó như một loại *hợp đồng* hoặc *thỏa thuận*, được thực hiện giữa Thiên Chúa và nhân loại. Nhưng cách tiếp xúc theo pháp luật

hoặc thương mại này để lại hai người ký hợp đồng lạnh lùng xa cách nhau. Tối đa, họ liên hệ với nhau trên mức độ công bằng tác động đến vài điểm cụ thể trong đời sống của họ. Giao ước đích thực phải dựa trên tình yêu thương, và bao hàm một mối quan hệ cá nhân, lan tỏa và thân mật hơn nhiều, so với lẽ công bằng có thể cung cấp được.

Những người khác coi giao ước như một *lời hứa*, do Thiên Chúa thực hiện để ưu đãi dân tộc được chọn. Nhưng điều này lại có thể được hiểu theo kiểu phiến diện, và trong thời đại chúng ta, sẽ có vẻ như điều gì đó mang tính cách “gia trưởng”. Mặc dù lời hứa có thể phiến diện, nhưng theo ý nghĩa thực sự, Giao ước nhất thiết phải là của nhau. Trong Giao ước, sự tự hiến trọn vẹn, hoàn toàn của Thiên Chúa đòi hỏi một sự hiến thân qua lại hoàn toàn, vị tha từ phía đối tác của giao ước.

Những người khác vẫn giải thích điều này như *mối quan hệ* đặc biệt giữa Thiên Chúa và các đối tác của giao ước. Điều này đúng theo một ý nghĩa, tuy nhiên, thực tại còn vượt xa toàn bộ điều này. Giao ước mang lại một mối quan hệ đặc biệt giữa hai bên đối tác của giao ước, tuy nhiên, chúng ta cần nhớ rằng giữa Thiên Chúa và chúng ta, mối quan hệ này là một động tác của tình yêu thương và thiện chí, được trao tặng một cách tự do. Đây là một món quà tặng tự nguyện, một “ân huệ” theo ý nghĩa đích thực nhất của thuật ngữ này. Thiên Chúa đã từng quan hệ với chúng ta với tư cách là Đấng Tạo Hóa đối với các thụ tạo; nhưng mối quan hệ giao ước, vốn được trao tặng một cách tự do, lại còn vượt xa hơn nhiều, mang tính cá nhân và thân mật hơn bất cứ điều gì mà thụ tạo có thể hy vọng đạt được.

1.1 Định nghĩa về Giao ước

Bây giờ, chúng ta có thể thử liên kết những yếu tố cấu thành Giao ước và định nghĩa về giao ước như là: “Một lời mời gọi mang tính cách tự

nguyên, yêu thương và qua lại của Thiên Chúa, để con người đi vào sự hiệp nhất trong đời sống với Người”. Toàn bộ hoạt động này bắt đầu với Chúa Cha, Đấng đưa ra cho chúng ta một lời mời gọi vì yêu thương, để chia sẻ với Người chính *sự sống* của Người. Tuy nhiên, khi chúng ta chọn tích cực đáp lại, thì sự đáp lại của chúng ta cần phải mang tính cách tự do, yêu thương và qua lại. Và khi chúng ta tán thành, thì điều mà chúng ta thực sự đón nhận, đó là được chia sẻ toàn bộ cuộc sống của chúng ta với Thiên Chúa, do đó, chúng ta bắt đầu “nên một trong cuộc sống” với Người.

Chúng ta không thể sử dụng cách so sánh nào của *con người*, để giải thích khái niệm phong phú vô biên này: sự “nên một trong cuộc sống với Thiên Chúa”. Chúng ta chỉ có thể trồng cây vào chính sự sống của Thiên Chúa, để có được một ý niệm mơ hồ về ý nghĩa của khái niệm này! Khi chúng ta suy niệm về đời sống nội tâm của Ba Ngôi Thiên Chúa, chúng ta nhận thấy Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là ba Ngôi Vị riêng biệt. Tuy nhiên, các ngài vẫn hoàn toàn rất *nên một*, khi các ngài chia sẻ “bản chất” hoặc thiên tính của các ngài, đến nỗi Ba Ngôi chỉ là **một** Thiên Chúa. Tương tự, khi chúng ta chấp nhận ký kết giao ước với Thiên Chúa, thì mặc dù chúng ta vẫn khác biệt với Thiên Chúa, nhưng chúng ta cũng trở nên “một” với Thiên Chúa. Hoặc lại nữa, như thiên tính và nhân tính (hai thực tại riêng biệt) hoàn toàn rất liên kết trong *một* con người của Đức Giê-su, cũng vậy, Giao ước làm cho nhân loại chúng ta thực sự nên một với Thiên Chúa, chia sẻ trong chính bản chất của Người. Vì thế, lời khẳng định của Thánh Phao-lô lại còn hết sức đích thực hơn là chúng ta có thể nhận ra: “Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Ki-tô sống trong tôi” (Gl 2:20).

Sự nên một này hoàn toàn không phải là một ý tưởng bịa đặt trong trí tưởng tượng của chúng ta. Đó là một thực tại vốn là cơ sở hiểu biết của chúng ta về vài lời phát biểu trong Tân Ước. Do đó, trên đường đến Đa-mát, ông Sao-lô được hỏi rằng: “Sao-lô, Sao-lô, tại sao ngươi bắt

bố Ta?” (Cv 9:4-9). Khi ông Sao-lô trả lời câu hỏi này là: “Thưa ngài, ngài là ai?”, thì ông được thông báo rằng: “Ta là Giê-su mà người đang bắt bớ”. Trên thực tế, ông Sao-lô đang bắt bớ các Ki-tô hữu, nhưng ở đây, Chúa lại tự đồng hóa Người với những anh chị em tín hữu đau khổ của Người. Bắt bớ các Ki-tô hữu nghĩa là bắt bớ chính Đức Ki-tô – hai bên là *một*.

Hoặc lại nữa, chúng ta còn có lời phát biểu của Đức Giê-su: “Điều gì anh em làm cho người bé nhỏ nhất trong số các anh chị em của Thầy, là anh em làm cho chính Thầy”. Ở đây cũng vậy, chúng ta nhận thấy Chúa Sống lại đồng nhất với các chi thể trong Nhiệm thể Người, gia đình của Người (Mt 25:34-39). Đức Giê-su đã nhẹ nhàng gợi ý về mối quan hệ thân mật gắn bó này giữa Chúa Cha và Chúa Con, khi Người khiển trách ông Phi-líp-phê lúc ông xin Đức Giê-su chỉ cho ông thấy Chúa Cha³. Giao ước giới thiệu cho chúng ta loại quan hệ thân mật này với Chúa Cha.

Tuy nhiên, chúng ta cần hiểu rõ những lời phát biểu dường như mâu thuẫn liên quan đến khẳng định của chúng ta. Một mặt, có sự *nên một* đích thực của đời sống được chia sẻ – chúng ta không còn là hai, nhưng chỉ là một! Trong Giao ước, chúng ta không chỉ thuộc về không gian, vật chất hoặc bên ngoài như chúng ta vốn thế, nhưng chúng ta còn được liên kết với Thiên Chúa, giống như hai mảnh gỗ có thể được nối kết với nhau để hình thành một cái xà dày hơn. Tuy nhiên, khi đạt được sự nên một đích thực, thì *không có sự hòa lẫn* giữa hai bên, sao cho chúng ta bị “mất đi” hoặc hòa tan trong Thiên Chúa. Trong Giao ước, chúng ta vẫn giữ lại căn tính của mình như những thụ tạo, trong khi Thiên Chúa cũng vẫn là Thiên Chúa khôn tả – tuy nhiên, chúng ta lại thực sự nên một với Người cách mật thiết. Như vậy, có một sự hiệp nhất hoàn hảo, trong khi cũng vẫn còn tính cách riêng biệt. Theo lý lẽ, chúng ta không thể hiểu được điều này có thể xảy ra như thế nào, tuy nhiên, chẳng phải đây là “chân lý” hoặc “mâu nhiệm” của Ba Ngôi Thiên Chúa – ba Ngôi Vị tuy vẫn là Một Thiên Chúa hay sao? Vì thế, trong Giao ước, Thiên Chúa và

chúng ta thực sự nên một trong sự hiệp nhất đích thực, nhưng lại vượt xa trí tưởng tượng của chúng ta. Đây chính là kiểu nên một của sự sống, mà Chúa mời gọi chúng ta qua Giao ước trong Đức Giê-su.

Thông qua sự Vâng phục kiên định của Đức Giê-su đối với Chúa Cha trong suốt cuộc đời Người, và rất đặc biệt trong Bữa tiệc Ly và trên núi Can-va-riô, mà Đức Giê-su mang lại cho toàn thể nhân loại Giao ước mới và vĩnh cửu. Lời mời gọi này của Chúa Cha phải có giá trị bền vững đối với tất cả mọi thế hệ, vì thế, sau khi thực hiện lời mời gọi này qua phụng vụ Vượt qua được đổi mới và tái sinh trong Bữa tiệc Ly, Đức Giê-su đã truyền cho các môn đệ “Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy”. Do đó, thông qua Giáo hội, và đặc biệt thông qua Thánh Thể (chính Thân thể của Người được mở rộng suốt mọi thời gian và không gian), lời mời gọi của Thiên Chúa sẽ được mở rộng đến toàn thể nhân loại.

Dựa trên bối cảnh này của Giao ước như là mô thức ban đầu của đời sống Ki-tô hữu, bây giờ, chúng ta có thể xem lại cách hiệu quả một số thay đổi triệt để mà Công đồng Vatican II đã thực hiện trong lối suy nghĩ và thực hành đương thời về Thánh Lễ. Điều đó đáng để chúng ta ghi chú rằng những thay đổi này không hoàn toàn mới, nhưng cơ bản vẫn tạo ra sự trở về với tầm nhìn của Tin Mừng về lời mời gọi Ki-tô hữu.

1. Thánh Lễ như là cách Tưởng nhớ

Đối với những người chỉ có kiến thức sơ sài về lịch sử Giáo hội, thì có thể giáo huấn của Công đồng Vatican II có vẻ hoàn toàn mới, như thể giáo huấn này không phát xuất từ điều gì; nhưng thật ra, giáo huấn của Công đồng dựa trên sự hiểu biết theo Kinh Thánh và các giáo phụ về vài khái niệm chủ yếu, như sự “tưởng nhớ” trở lại với quá khứ⁴. Tưởng nhớ là một trong những thấu hiểu chủ yếu mà Công đồng Vatican II giới thiệu lại trong Phụng vụ, đặc biệt áp dụng vào Thánh Lễ. Việc phục hồi đúng

lúc này đối với khái niệm về sự Tưởng nhớ có lợi cho việc bề gãy tình trạng bế tắc của cuối thời Trung cổ và Phục hưng. Việc này mở ra thêm con đường đối với sự hiểu biết hợp nhất và hội nhập hơn và thực hành Thánh Lễ, sau bốn thế kỷ đầy những đổ vỡ của một nền thần học chủ trương rút gọn, do các nhà thần học thời hậu-Công đồng Trentô để lại (hy tế, bí tích, sự hiện diện). Việc này cũng phản ánh rõ hơn những thấu hiểu mới mẻ hơn mà Giáo hội đã đạt được trong Giáo hội học, Thần học Bí tích, Kinh Thánh và các lãnh vực khác có liên quan. Trong Phụng vụ mà chúng ta cử hành, đức tin chúng ta tuyên xưng, cũng như bất cứ lối suy nghĩ mới nào trong các bộ môn khác nhau này, đều buộc phải phản ánh một lối suy nghĩ mới mẻ và cả cách cử hành Thánh Lễ nữa.

Thuật ngữ Tưởng nhớ⁵ được hiểu như một sự **hiện diện**-lại, hoặc “làm cho hiện diện lại” đối với cùng một hy tế, độc đáo và duy nhất giống hệt nhau, mà Đức Giê-su đã từng thực sự dâng tiến, vừa trên núi Can-va-riô, vừa mang tính cách biểu tượng trong Bữa tiệc Ly. Việc Tưởng nhớ gọi lên trong tâm trí mọi người một thực tại thuộc phụng vụ, về sự tiếp xúc thiêng liêng sâu xa với Chúa. Khái niệm này thực sự là một khái niệm rất mang tính cách Do Thái, và trở lại đúng với lịch sử của dân tộc Ít-ra-en. Trong lần chúc lành thứ ba của phụng vụ trong các bữa ăn, các giáo sĩ Do Thái đọc lời nguyện sau đây:

Lạy Thiên Chúa của chúng con và Thiên Chúa của cha ông chúng con! Xin cho việc tưởng nhớ của chúng con và cha ông chúng con về Giê-ru-sa-lem, thành phố của Chúa, việc tưởng nhớ Đấng Messia, con vua Đa-vít, tôi tớ Chúa, và việc tưởng nhớ toàn thể nhà Ít-ra-en, dân tộc của Chúa, được thành sự; xin cho việc tưởng nhớ này đạt tới, được chấp nhận, lắng nghe, và kể đến trước mặt Chúa, vì ơn giải thoát, tốt lành, tha thứ, thương xót và nhân từ, trong ngày này (nêu tên ngày lễ). Lạy Chúa, Thiên Chúa của chúng con, nhờ ngày lễ này, xin nhớ đến chúng con, xin ban cho chúng con những

điều tốt lành, và thăm viếng chúng con, và xin cứu thoát chúng con, đổi mới chúng con bằng một lời cứu độ và thương xót; xin miễn chấp, tha thứ cho chúng con và bày tỏ cho chúng con thấy lòng thương xót của Chúa, vì Chúa chính là Thiên Chúa và là Vua của ơn tha thứ và lòng thương xót⁶.

Qua việc “tưởng nhớ” này trong Thánh Lễ, chúng ta làm cho hy tế độc đáo của Đức Giê-su hiện diện vì hai nguyên nhân cơ bản: *thứ nhất*, chúng ta có thể thừa nhận sự chia sẻ của chúng ta trong hy tế này, và trở nên ý thức một phần của hy tế, bằng cách cố ý thông qua sự ưng thuận của chúng ta để ký kết giao ước với Chúa Cha. Trong Bữa tiệc Ly, Đức Giê-su đã đại diện cho toàn thể nhân loại để nói lên lời xin Vâng. Nhưng bây giờ, từng Ki-tô hữu cần phải tự phê chuẩn lời xin Vâng này. *Thứ hai*, khi chúng ta tự trình bày sự vâng phục yêu mến trước mặt Chúa Cha, thì chính Thiên Chúa nhớ lại Giao ước mà Người đã từng thực hiện với chúng ta trong Con yêu dấu của Người. Đối với Thiên Chúa, không có việc tưởng nhớ nào trống rỗng được thực hiện như một cách rèn luyện trí tuệ thuần túy. Khi Thiên Chúa nhớ lại, thì một lần nữa, Người thực sự ban ơn Cứu độ của Người (*biện diện-lại*), và thêm một lần nữa, chúng ta lại được dẫn dắt vào Giao ước một cách hiệu quả⁷.

Do đó, tất cả mọi người thuộc mọi thế hệ đều được ban cho cơ hội để đích thân chọn lựa xem họ có muốn ký kết giao ước với Thiên Chúa hay không (LG 13). Khi chúng ta suy nghĩ về tấm gương thực hiện-giao ước với Đức Chúa của dân Ít-ra-en, chúng ta nhận thấy rằng ngay cho dù dân Ít-ra-en tự do đã chọn ký kết giao ước với Đức Chúa, thì toàn dân (ngay cả chính thế hệ đầu tiên) vẫn không có khả năng liên tục duy trì mối liên kết của họ với Thiên Chúa, vì sự “cứng lòng” và không vâng phục của họ. Do đó, Giao ước đầu tiên không đạt hiệu quả và phải được lập lại mỗi năm (chứ không phải làm cho-hiện diện-lại), đặc biệt thông qua các nghi lễ hy tế trong Ngày Thục Tội của người Do Thái.

Sự vâng phục liên li của Đức Giê-su, Đấng cầu khẩn trước ngai Thiên Chúa thay cho chúng ta⁸, không chỉ phản ánh Giao ước đạt hiệu quả một-lần-và-cho-đến-muôn-đời, mà còn luôn luôn giữ lại khả năng mở ra⁹ cho chúng ta, để chúng ta lại được ký kết giao ước, nếu chúng ta chọn, đặc biệt khi chúng ta vi phạm giao ước vì tội lỗi. Trong lòng tin, chúng ta có thể tiếp cận với ngai tòa của ân huệ, mỗi ngày kết hợp lời “Xin Vâng” nhỏ bé của chúng ta với lời *Xin Vâng* dứt khoát của Đức Giê-su. Nhờ đó, khía cạnh tưởng nhớ của Thánh Lễ giúp chúng ta luôn luôn được nhắc nhở về sự thay đổi chủ yếu và cơ bản đối với sự tự nhận thức về bản thân của Giáo hội sau Công đồng Vatican II: từ việc trở thành một khí cụ hoặc con đường cung cấp “ơn Cứu độ” cho mọi người¹⁰, đến việc trở thành “Dân Thiên Chúa” đã và đang sống trong tình hiệp nhất với Người ở nơi đây và bây giờ.

2. Thánh Lễ: Chủ yếu là một Buổi Cử hành

Dần dần, sau hơn 50 năm, chúng ta nhận thấy các khía cạnh quan trọng này khác của nền thần học về Thánh Lễ đã tự trở lại. Mặc dù hiện nay, một sự bất thường nào đó tiếp tục tồn tại, nhưng nhờ đó, đối với hầu hết các Ki-tô hữu, Thánh Lễ chỉ gợi lại sự Hiện diện thực sự, vĩnh cửu, tuy nhiên, nói chung, việc *cử hành*¹¹ vẫn được chấp nhận và coi như khía cạnh chủ yếu của Thánh Lễ, và sự Hiện diện¹² của Chúa được coi như phát xuất từ đó. Hơn nữa, trong việc cử hành, tính ưu việt của nhân giới vượt qua đã được phục hồi, theo ý nghĩa được hiểu như là bao gồm cả hai yếu tố chết đi-sống lại, được thực hiện hoặc làm cho *hiện diện*-lại như một sự tưởng nhớ.

Trước Công đồng Vatican II, Giáo hội chỉ nhấn mạnh đến sự chết, và điều này cũng tạo nên việc cứu độ¹³. Bây giờ, khi ghi nhớ lời mời gọi đến với Giao ước, chúng ta tập trung vào lời mời gọi của Chúa Cha cũng

như sự chấp nhận của nhân loại. Do đó, tự thân hành động chết đi của Đức Ki-tô, ngay cho dù sự chết xảy đến vào lúc kết thúc cuộc đời trần thế, vẫn bao gồm toàn bộ cuộc sống của Người, đặc biệt sự vâng phục liên tục, đầy yêu mến và hết lòng của Người đối với Chúa Cha. Đáp lại, việc Đức Ki-tô sống lại diễn tả sự chấp nhận của Chúa Cha đối với hành động vâng phục đầy yêu mến của Đức Ki-tô, và sự kết hợp của đời sống và lòng yêu mến theo sau¹⁴. “Chén này là Giao ước mới trong Máu của Thầy”. Trên thực tế, dường như câu nói bên ngoài có vẻ khó hiểu này của Chúa lại chính là mẫu mực rõ ràng và bao hàm toàn diện nhất của “Mầu nhiệm Đức tin” vô tận. Cách chú giải chi tiết¹⁵ đối với công thức cổ xưa này về chén cứu độ, đã được lưu giữ trong các bài viết của Tân Ước, trình bày Đức Giê-su trong Mầu nhiệm Vượt qua của Người, vừa bao gồm toàn thể hành động cứu độ trong Giao ước Mới, vừa thực hiện nơi chính Người sự hiệp thông / tình bạn hoàn hảo nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại¹⁶.

Việc phục hồi chiều kích Vượt qua của Thánh Lễ đã mang lại một sự thay đổi đầy ý nghĩa, từ việc tập trung xa xưa dành riêng cho cuộc Khổ nạn – đặc biệt trong bối cảnh của phương thức sám hối (tội lỗi, công đức, đền tội, phục hồi, Thánh Lễ dành cho người chết v.v...), đến toàn thể Mầu nhiệm Vượt qua¹⁷. Vì thế, hiện nay, rõ ràng chúng ta tham dự nhiều hơn vào “transitus” hoặc quá trình biến đổi, ghi nhớ rõ trong tâm trí rằng đây chính là Đức Ki-tô sống lại vinh quang mà chúng ta gặp gỡ trong khi cử hành Thánh Lễ. Chính Chúa Sống lại đưa Giáo hội của Người vào sự viên mãn của thế giới mới.

Trong nhân giới này, chúng ta càng dễ dàng hơn để nhận thấy và cũng trải nghiệm Thánh Lễ như một “buổi cử hành”, vì trước hết, Thánh Lễ là sự **hiện diện**-lại chiến thắng của Đức Ki-tô đối với tội lỗi và sự chết, kết quả là Người khải hoàn đi vào vinh quang của Chúa Cha. Ngay cho dù chúng ta đau lòng khi ý thức những giới hạn hiện nay của mình, nhưng trong Thánh Lễ, chúng ta vẫn có thể thực sự cử hành việc chúng ta được Chúa Cha chấp nhận, nhờ chiến thắng của Đức Giê-su là có thật¹⁸. Chúng

ta đã được cảm nếm chiến thắng này trong khi vẫn còn ở nơi đây, trên trái đất này. Do đó, ngay cả những thất bại lập đi lập lại của chúng ta vì tình trạng yếu đuối vẫn không ngăn cản nổi chúng ta vào nước trời, cũng không làm cho chúng ta nản lòng trong cuộc hành trình của chúng ta, miễn là chúng ta vẫn tiếp tục chăm chú nhìn vào Đức Ki-tô. Việc chúng ta tham dự buổi cử hành Thánh Lễ tiếp tục nhắc nhở chúng ta rằng ngày nào đó, chiến thắng này sẽ hoàn toàn thuộc về chúng ta một cách vinh quang. Toàn bộ việc mà chúng ta cần làm là chân thành và thực sự gắn bó với Đức Ki-tô.

Việc cử hành thực sự đòi hỏi chúng ta phải duy trì sự quân bình¹⁹ giữa tình trạng yếu đuối và hư không bẩm sinh của chúng ta, và chiến thắng vinh quang của Đức Ki-tô, cũng như sức mạnh vô biên của Thiên Chúa toàn năng, Đấng thực hiện Giao ước với chúng ta. Khi Thánh Phaolô cầu xin cho ngài “thoát khỏi cái dằm trong thân xác”, thì Chúa nói với ngài: “Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối”²⁰. Chúng ta vẫn có thể thoải mái với tình trạng yếu đuối của mình, vì (nhờ Tin Mừng mà Đức Giê-su mang lại), chúng ta được thuyết phục rằng những thất bại của chúng ta không tạo ra được sự khác biệt nhỏ nhoi nhất nào đối với Thiên Chúa, Cha chúng ta, Đấng vẫn tiếp tục yêu thương chúng ta với sự chấp nhận vô điều kiện và lòng quảng đại vô biên²¹. Toàn bộ điều mà Người đòi hỏi nơi chúng ta là đón nhận tình yêu của Người, và để cho Người trở thành Thiên Chúa trong cuộc đời chúng ta, khi chúng ta thành thật làm việc để vâng phục Người trong tất cả mọi sự. “Có Thiên Chúa bên đỡ chúng ta, ai còn chống lại được chúng ta? Đến như chính Con Một, Thiên Chúa cũng chẳng tha, nhưng đã trao nộp vì hết thảy chúng ta. Một khi đã ban Người Con đó, lẽ nào Thiên Chúa lại chẳng rộng ban tất cả cho chúng ta...”²² (Rm 8:31-39).

Ngoài ra, mỗi việc cử hành còn liên kết Thánh lễ với việc đổi mới thế giới, trên thực tế, liên kết với việc đổi mới toàn thể vũ trụ²³. Thánh Lễ

được thực sự nhìn nhận và cử hành như là đỉnh cao đối với đời sống của toàn thể Giáo hội. Ở điểm này, chúng ta nhận thấy những hiểu biết sâu sắc chủ yếu đối với Công đồng Vatican II: Thánh Lễ như là nguồn gốc đối với toàn thể đời sống của Giáo hội, cũng như đỉnh cao đối với toàn bộ hoạt động truyền giáo của Giáo hội. Lại nữa, chúng ta bắt đầu bằng các bí tích khai tâm của Ki-tô hữu, trong đó, chính cơ cấu của nghi thức, của buổi cử hành đúng nghĩa, lại đạt được con đường khai tâm: lời mời gọi, cộng đoàn, lời Chúa, trao quyền, dẫn dắt đến với sự hiệp thông trọn vẹn của Ba Ngôi Thiên Chúa và Giáo hội, và từ đó, đến với việc truyền giáo²⁴.

Nhưng để vượt qua sự thay đổi có tác động mạnh này, hướng tới việc cử hành sự hiện diện đích thực, trên thực tế, Giáo hội đã từng trải qua những lúc khó khăn. Có những thập niên (gần như từ 1960 đến 1980), người ta dành sự kính trọng vừa đủ cho sự hiện diện vĩnh cửu, vì khái niệm sai lầm và phiến diện rằng sự Hiện diện đích thực chỉ có giá trị trong khi cử hành, chứ không có bên ngoài Thánh Lễ. Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ này, sự sai lầm đó cũng dần dần tự chấn chỉnh, và hiện nay, chúng ta nhận thấy rất nhiều Nhà nguyện phát triển nhanh tại hết giáo xứ này đến giáo xứ khác trong vài giáo phận trên toàn thế giới. Các phòng Cầu nguyện này đặc biệt cung cấp cho giáo dân một nơi chốn và khung cảnh đúng đắn để cầu nguyện trước Bí tích Cực Thánh, nhờ đó, cung cấp một cách đáp lại của đức tin phù hợp với sự hiện diện đích thực mang tính bí tích của Chúa Sống lại giữa chúng ta. Tuy nhiên, mặc dù toàn bộ điều này là một bước tiến trong đường hướng đúng đắn, nhưng điều này vẫn không đảm bảo rằng người ta thực hiện việc cầu nguyện trong tinh thần đúng đắn – như một sự mở rộng hoặc tiếp tục và nội tâm hóa việc cử hành Mầu nhiệm Vượt qua của Đức Giê-su và Giáo hội.

Hiện nay, việc Cầu nguyện được thực hiện khi cầu Minh Thánh Chúa không được nhìn nhận quá nhiều như sự tôn thờ và vinh dự dành cho Đức Giê-su thực sự hiện diện trong Bí tích, nhưng nói đúng hơn, như một cách lắng nghe sâu xa và cá nhân, đối với sứ điệp mà Đức Giê-

su thực sự hiện diện trong “tấm bánh được bẻ ra”. Trên thực tế, hầu hết các Ki-tô hữu đều không nhận thấy sự hiện diện Thánh Thể được ban cho chúng ta dưới hình thức tấm bánh *được bẻ ra*. Minh Thánh Chúa được đặt trong Mặt Nhật đường như vẫn không nói lên với họ, hoặc thậm chí nhắc nhở họ về việc “bẻ bánh”. Sau Công đồng Vatican II, việc Cầu nguyện trước Bí tích Cực Thánh chủ yếu bao gồm sự “hiểu được những dấu hiệu”²⁵ và đáp lại sứ điệp của Thánh Thể, vừa trong chính việc cầu nguyện, và điều quan trọng hơn, vừa thông qua cuộc sống yêu thương phục vụ những người có nhu cầu, bằng cách tự mở lòng ra vì ích lợi của những người khác.

Ngoài ra, hiện nay, sự hiện diện đích thực của Đức Giê-su trong Bí tích Thánh Thể còn được nhìn nhận dựa trên bối cảnh của những kiểu khác, đối với sự hiện diện đích thực của Chúa Sống lại – trong lời Chúa, các Bí tích khác, trong cộng đoàn Ki-tô hữu, trong từng cá nhân đã được thanh tẩy, trong người “nghèo” và cũng trong hàng giáo phẩm nữa²⁶. Nhận thức sâu sắc rộng rãi hơn này về sự hiện diện đích thực của Đức Ki-tô giúp chúng ta xác định rõ hơn nhiều về toàn bộ Mầu nhiệm Thánh Thể trong đời sống cộng đoàn. Nhận thức này cũng nhấn mạnh sự kiện rằng cách hiện diện chủ yếu nhất chính là Đức Ki-tô đang ngự trong từng Ki-tô hữu đã được thanh tẩy. Tất cả những cách hiện diện khác, do được truyền phép hoặc hướng tới sự hiện diện cá nhân trong nội tâm, theo ý nghĩa Đức Ki-tô gặp gỡ bất cứ Ki-tô hữu nào, đều nên đưa đến việc đào sâu mối liên kết cá nhân trong nội tâm, giữa Đức Ki-tô và Ki-tô hữu.

3. Tập trung vào sự Hiện diện Năng động

Vấn đề vốn mang tính cách chủ yếu, về việc cử hành lễ hoặc sự Hiện diện đích thực, không chỉ là một vấn đề cần nhấn mạnh đúng đắn: vấn đề này liên quan đến toàn thể nhĩn giới thần học. Nhiều nhà thần

học²⁷ phân biệt đại khái giữa nền thần học của *thiên niên kỷ thứ nhất*, như một nền thần học “*lex orandi*”, bắt nguồn từ việc cử hành, từ nghi thức, một nền thần học của hoạt động thuộc về thánh thể. Các nhà thần học này chọn điểm khởi đầu của họ là việc quy tụ của Giáo hội, phát triển theo căn tính²⁸ của Giáo hội qua từng buổi cử hành²⁹. Ngược lại với điều đó, các nhà thần học này còn nói về nền thần học của *thiên niên kỷ thứ hai*, vốn là một nền thần học tĩnh lặng về sự hiên diện. Nền thần học này thuộc về giáo sĩ hơn là giáo hội. Theo nhãn giới tĩnh lặng, Giáo hội hầu như tập trung riêng vào những yếu tố, thay vì tập trung vào hoạt động mang tính cộng đoàn³⁰, hoặc sự biến đổi của cộng đoàn cùng với những yếu tố trong Nhiệm thể Đức Ki-tô.

Trong toàn bộ thời kỳ thứ hai, các nhà thần học này dành quá nhiều sự chú ý cho những phép ẩn dụ về sự biến đổi diễn ra trong các hình thái bánh và rượu; gần như họ hoàn toàn bỏ qua sự biến đổi của dân Chúa hoặc Giáo hội, với tư cách là *Nhiệm thể* Đức Ki-tô. Do một sự thay đổi kỳ lạ của ngôn ngữ, sự chuyển biến của những yếu tố bánh và rượu thành nhiệm thể Đức Ki-tô lại nổi bật hơn, so với sự chuyển biến và thay đổi của dân Chúa! Trên thực tế, “*sacramentum*” thay thế cho “*res sacramenti*”, biểu tượng thay thế cho thực tại, chính là sự hiệp thông giữa Đức Ki-tô và tín hữu, và giữa chính các tín hữu³¹.

Trong quá trình của các thế kỷ này³², toàn bộ Thánh Thể đã được nhìn nhận theo cách thức tập trung vào Đức Ki-tô (“Nhất Nguyên Luận Ki-tô”, theo lối gọi của Nhà Thần học Yves Congar³³), khi rời khỏi chiều kích Ba Ngôi và đặc biệt vai trò của Chúa Thánh Thần trong bóng tối. Một trong những hậu quả thực tế của toàn bộ cách nhấn mạnh phiến diện này là loại trừ mọi người khỏi vai trò tham dự tích cực vào buổi cử hành, khỏi “sự hiệp thông” trong Thánh Lễ qua từng ý nghĩa – ngôn ngữ, nghi thức và ngay cả bí tích³⁴. Ngoài ra, trong thiên niên kỷ thứ hai, một mất mát lớn khác là hầu như hoàn toàn bỏ qua lời Chúa. Tình trạng mất mát này cũng gây ra sự lu mờ về mặt thực hành của Kinh nguyện Thánh Thể

trong “những lời truyền phép”. Những lời truyền phép quá bị thu hẹp và giải thích một cách phiến diện, thậm chí tới mức độ loại bỏ cả câu “Tất cả anh em hãy cầm lấy mà ăn”, “Hãy cầm lấy mà uống ...”, làm biến mất chén thánh, ít nhất đối với giáo dân, và suốt bao thế kỷ, còn tránh né cả chính việc rước lễ đối với hầu hết mọi người, ngoại trừ vị chủ tế³⁵.

4. Hoạt động của Cộng đoàn, Không Chỉ của Vị Linh mục

Ngày nay, với sự nhấn mạnh nhiều hơn vào việc biến đổi của cộng đoàn và cả hai yếu tố (bánh và rượu) thành Đức Ki-tô, dần dần người ta bắt đầu nhận thấy phải mất đến 24 giờ để cử hành (và sống) Thánh Lễ một cách có ý nghĩa. Họ nhận ra rằng những điều được thực hiện trong nghi thức chủ yếu đều mang tính cách biểu tượng, và cần được thực hiện suốt thời gian còn lại trong ngày – nếu không, thì Thánh Lễ, với ý định trở thành một dấu chỉ đạt hiệu quả và đảm bảo cho việc tự-hiến thân của Đức Giê-su, lại bị rút hết ý nghĩa thực sự và đầy đủ của Thánh Lễ³⁶. Do đó hiện nay, có một mối liên kết tốt hơn giữa việc cử hành lễ và đời sống. Lời tuyên bố của Henri de Lubac: “Giáo hội tạo nên Thánh Lễ, và Thánh Lễ tạo nên Giáo hội”³⁷ hiện nay đang trở thành một thực tại rõ rệt hơn ở hầu hết các nơi. Những yếu tố được thánh hiến cũng được nhìn nhận theo một nhãn giới tốt hơn: như một lời nhắc nhở rằng những yếu tố này tồn tại hầu cho toàn thể thế giới được biến đổi thành Dân tộc của Thiên Chúa, Nhiệm thể Đức Ki-tô, và Đền thờ của Chúa Thánh Thần. Những yếu tố đã thánh hiến trước hết không được lưu giữ, ít nhiều mang tính dành riêng, cho việc “thờ phượng”, như thể đó là nguyên nhân chính về việc tại sao Đức Giê-su tự-hiến thân cho chúng ta³⁸.

Ngày nay, chúng ta nhận thấy người tín hữu tham dự rất nhiều vào các buổi cử hành Thánh Lễ³⁹. Các giáo dân đảm nhận những chức năng khác nhau trong buổi cử hành, và được lôi kéo vào các ủy ban phụng vụ

trong giáo xứ, khi chuẩn bị các buổi phụng vụ ngày Chúa nhật như một nhóm cùng với vị linh mục. Mặc dù hiện nay, rõ ràng có sự tham dự “tích cực” hơn nhiều, so với những ngày trước Công đồng Vatican II, nhưng người ta vẫn có thể thắc mắc không biết việc tham dự này “thông minh và đạt hiệu quả” như thế nào. Vài chuyên viên phụng vụ đã diễn tả nỗi thất vọng của họ trong lãnh vực này, khi họ nói rằng: “Có nhiều sự đáp ứng đối với Thánh Lễ, nhưng lại ít có sự tham dự!”⁴⁰. Lời phát biểu này nghe có vẻ hơi gay gắt và cường điệu, tuy nhiên, nó vẫn tóm tắt tình hình một cách chính xác.

Những nỗ lực đã và đang được thực hiện tại nhiều nơi, để hỗ trợ khía cạnh “biểu tượng” của tất cả những lời nói và động tác được sử dụng trong buổi cử hành⁴¹. Một khi người tín hữu tham dự Thánh Lễ đều có khả năng hiểu được ý nghĩa sâu xa của những biểu tượng và giá trị tượng trưng của những lời nói và động tác được sử dụng trong Phụng vụ, thì việc tham dự của họ vào buổi cử hành nhất thiết sẽ mang tính cách cam kết, cá nhân và hiệu quả hơn. Đường như hầu hết các Ki-tô hữu đều ý thức rằng “Chính *Giáo hội* cử hành Thánh Lễ, *Giáo hội* thánh hiến và *Giáo hội* hiệp thông trong Thánh Lễ”⁴². Và “*Giáo hội*” được hiểu là toàn bộ Nhiệm thể Đức Ki-tô, Đầu và các chi thể gắn bó với nhau, những người hiện diện về mặt thể lý cũng như những người rải rác trên khắp thế giới, những người thuộc về hiện tại, quá khứ và cả tương lai – nói tóm lại, toàn thể “Dân thánh của Thiên Chúa”. Do đó, hầu hết các Ki-tô hữu đều tự coi mình như là một phần của những gì diễn ra suốt cả ngày, lúc dâng Thánh Lễ, trong *Giáo hội* và cả bên ngoài nữa. Tuy nhiên, vẫn luôn luôn có chỗ dành cho mọi người, để trở nên “sống động” hơn trong buổi cử hành, và cảm thấy nhu cầu tiếp tục việc tự-hiến thân của họ càng thôi thúc hơn, ngay cả ở bên ngoài, trong đời sống hằng ngày.

Nói chung, về phương pháp của chúng ta đối với nghi thức hiện nay⁴³, chúng ta có một phương pháp mang tính chất liên hệ, cụ thể và biểu tượng hơn, thay vì tầm nhìn trừu tượng và thuần túy trí tuệ của

phương pháp kinh viện. Ngày nay, Thánh Lễ coi như được trừ tính để biến đổi không chỉ những yếu tố và cộng đoàn Ki-tô hữu, mà còn biến đổi toàn thể thế giới⁴⁴. Như vậy, Thánh Lễ thực sự cấu tạo chúng ta thành men trong bột đối với xã hội và thế giới, muối đích thực đối với thế gian⁴⁵.

5. Phương pháp Mang Tính cách Ba Ngôi

Sau Công đồng Vatican II, chiều kích Ba Ngôi đang dần dần phục hồi, trực tiếp tập trung vào Chúa Cha. Người được nhìn nhận như là nguồn gốc đích thực, không chỉ đối với việc tạo dựng, mà còn đối với việc cứu chuộc và hành động cứu độ và thánh hóa vẫn đang diễn ra. Chính Chúa Cha đã sai Con Một của Người trở thành Đấng Cứu độ chúng ta (Ga 3:16-18). Trong suốt Thánh Lễ, chúng ta cầu xin với Chúa Cha; từng lời cầu nguyện đều nhắm đến Người, và toàn bộ hoạt động cử hành Thánh Lễ của cộng đoàn đều hướng tới Chúa Cha: “Lạy Cha toàn năng, xin chấp nhận...”. Vai trò của Đức Giê-su được nhấn mạnh như vai trò của Đấng trung gian, qua đó, từng lời cầu nguyện đều được dâng lên Chúa Cha, nhưng “nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con”, hầu giúp chúng ta nhận ra lòng thương xót của Chúa Cha, cũng như khơi dậy sự đáp lại của chúng ta đối với lời mời gọi của Người trong việc ký kết giao ước. Đức Giê-su sẽ đón nhận lại sự đáp trả của chúng ta đối với tình yêu thương, liên kết với sự đáp lại của Người qua tình yêu vô biên và sự vâng phục của người con.

Khi đến với Chúa Thánh Thần, chúng ta nhận thấy vai trò của Người qua hành động thánh hóa trong Thánh Lễ, mà hầu hết mọi người đều nhận biết rõ hơn, qua Phần Kinh Khấn cầu Thánh Linh Trước khi Truyền phép, hoặc lời cầu xin Chúa Thánh Thần xuống trên bánh/ cộng đoàn, để Người có thể mang lại sự biến đổi, hầu bánh, rượu và Giáo hội trở thành Đức Ki-tô. Vai trò của Chúa Thánh Thần trong Thánh Lễ⁴⁶ được nói đến nhiều hơn bằng những thuật ngữ “thánh hóa”, thay vì “thánh

hiên”⁴⁷ bánh và rượu. Tuy nhiên, ngay cả trong số những người gia nhập phong trào Canh tân Thánh Linh, những người thường nêu bật vai trò của Chúa Thánh Thần một cách khá nhấn mạnh và tích cực, thì khía cạnh này vẫn cần được chú ý nhiều hơn trong thực hành, và trong tương lai, chắc chắn sẽ còn được nhấn mạnh nhiều hơn nữa⁴⁸.

6. Vai trò của Đức Ki-tô trong Thánh Lễ

Nói theo Ki-tô học, thì hiện nay, chúng ta liên kết Thánh Lễ với các khía cạnh khác nhau thuộc về sự hiện hữu của Đức Giê-su: với tư cách ngôn sứ, Đức Ki-tô và Chúa. Bữa tiệc Ly không chỉ được coi như bữa ăn cuối cùng và kết thúc của Đức Giê-su cùng với các môn đệ của Người, mà còn là bữa ăn cuối cùng trong *hàng loạt* các bữa ăn, mỗi bữa ăn đều có điều gì đó để nói về Bữa tiệc Ly. Lại nữa, khi suy nghĩ về Thánh Lễ, phụng vụ thời hậu-Công đồng Vatican II đã dẹp bỏ khái niệm hẹp hòi mang tính pháp lý của việc “thiết lập” Thánh Thể, được xác định một cách riêng biệt trong thời điểm Bữa tiệc Ly. Việc thiết lập này được thay thế bằng một khái niệm rộng hơn về “nguồn gốc” của Thánh Lễ, mở rộng ra toàn thể cuộc đời Đức Giê-su, đặc biệt trong các bữa ăn khác nhau mà Người đã từng chia sẻ với các nhóm người khác nhau, trong những bối cảnh khác nhau⁴⁹.

Ngoài ra, sự tiến bộ trong thần học Kinh Thánh đã liên kết Thánh Lễ một cách tốt đẹp hơn với tiền lệ của Thánh Lễ, không chỉ các hy tế thời Cựu Ước, mà còn các nghi thức và lời cầu nguyện khác, đặc biệt Berakah và Todah (Lời nguyện Ngợi khen và Cảm tạ)⁵⁰, và các lời nguyện khác trong bữa ăn, được sử dụng trong bữa ăn ngày Sa-bát, cũng như cho bữa ăn Vượt qua hàng năm. Tương tự, chúng ta có thể nhận thấy rõ hơn Thánh Lễ tóm tắt như thế nào về toàn thể sự hiện hữu của Đức Giê-su, đặc biệt sự hiện diện mang tính cách ngôn sứ của Người trong thế giới.

Theo lời hiểu biết của Thánh Anselm về Thánh Lễ, thì Thánh Lễ được nhìn nhận nhiều hơn như là cách diễn tả những thái độ yêu thương và thương xót chủ yếu của Đức Giê-su, được nêu bật trước sự chết sắp diễn ra – thay vì chỉ mang lại cho chúng ta một hy tế đền bù và chuộc tội⁵¹.

Chúng ta cũng chứng kiến sự phục hồi đáng kể những điều phong phú thuộc các phạm trù khác nhau trong Kinh Thánh (như hành động tiên tri)⁵², và những biểu tượng như thân thể, tấm bánh được bẻ ra và chia sẻ sau khi chúc tụng Thiên Chúa, rượu được trao cho chúng ta để uống với lời tạ ơn, tính cách trung tâm của bàn tiệc và bữa ăn trong đời sống và nghi thức Do Thái⁵³.

Khi đến với chính Tân Ước, các thập niên gần đây đã từng chứng kiến phát hiện của các nền thần học khác nhau về các Thánh sử và các tác giả khác trong Tân Ước⁵⁴. Điều này giúp chúng ta nhận ra rằng ở rất nhiều chỗ trong Tân Ước, hầu như trong tất cả các trang của Tin Mừng, Thánh Lễ hoàn toàn thuộc về hiện tại, hoặc ám chỉ hiện tại. Tuy nhiên, Thánh Lễ hầu như thường được trình bày một cách tinh tế và kín đáo, bằng cách ám chỉ hoặc gợi ý nhẹ nhàng. Nói chung, mục tiêu không phải là trực tiếp dạy quá nhiều về chính Thánh Lễ, cho bằng soi sáng vấn đề nào đó trong cộng đồng của vị thánh sử, điều này bộc lộ rõ ràng chính xác trong Thánh Lễ⁵⁵. Một lần nữa, dựa trên bối cảnh này, chúng ta đánh giá đúng vai trò chủ yếu của câu chuyện về việc hóa bánh cho nhiều người ăn trong “mục nói về tấm bánh” ở Tin mừng Mác-cô, và những câu chuyện tương tự trong Tin Mừng của các thánh sử khác. Trước đây trong mục này, các bữa ăn trong Tin mừng Lu-ca được ám chỉ như là biểu thị “nguồn gốc” của Thánh Lễ⁵⁶, tuy nhiên, vẫn cần phải đề cập đặc biệt đến cuộc hành trình trên đường Em-mau⁵⁷ và bữa ăn sau đó với Chúa Sống lại tại Giê-ru-sa-lem, cũng như cuộc tìm kiếm các phạm trù về việc hội nhập và hợp nhất, như sự hiệp thông (*koinonia*) đặc biệt trong Tin mừng Lu-ca⁵⁸.

7. Những Áp dụng mang Tính cách Phụng vụ

Khi xem lại các khía cạnh mang tính cách phụng vụ hơn của Thánh Lễ, thì chúng ta nhận thấy một cách nhấn mạnh mới vào các thừa tác vụ khác nhau⁵⁹, đặc biệt liên quan đến tín hữu qua việc công bố lời Chúa, phụ giúp tại Bàn thờ, cho Rước lễ, và sống theo những đòi hỏi khi cử hành lễ, như chăm sóc người nghèo khổ và túng thiếu trong cộng đoàn. Khi được cử hành trong các nhóm nhỏ hơn, như các Cộng đoàn Ki-tô hữu Nhỏ, thì chính các khía cạnh về gia đình và tình bạn thích hợp với việc nêu bật lợi ích lớn. Ngay cho dù không phải tất cả mọi người đều hào hứng chấp nhận sự phát triển này, đặc biệt trong một số nhóm giáo sĩ và giáo dân, tuy nhiên, sự thay đổi này vẫn thừa nhận một tầm quan trọng sống còn, từ quan điểm về mục vụ và thiêng liêng cũng như Giáo hội. Điều này biểu thị một “Giáo hội phục vụ về thừa tác vụ”⁶⁰, và nhấn mạnh đến vai trò của giáo xứ như một “cộng đoàn Thánh Thể”, chính xác vào lúc Giáo hội đang ở tột đỉnh của việc tự-nhận thức.

Tuy nhiên, chúng ta không được hiểu việc chia sẻ các thừa tác vụ chỉ như là sự giúp đỡ bên ngoài và tạm thời, mà giáo dân dành cho giáo sĩ trong công việc của các ngài. Nói đúng hơn, chúng ta phải coi việc chia sẻ này như một cách diễn tả căn tính đích thực của Ki-tô hữu giáo dân⁶¹. Nhiều vị giám mục và những người có uy tín khác vẫn cay cú phản đối sự tham gia vào những công việc của Giáo hội (đặc biệt trong việc thực hiện quyết định), một phần vì tầm nhìn sai lầm và cổ xưa về Giáo hội, được coi như một cơ cấu hình chóp, thay vì bao gồm những vòng tròn đồng tâm, với các thành viên có địa vị bình đẳng⁶². Địa vị của tất cả mọi người đều là địa vị con cái đích thực của Thiên Chúa, ngay cả khi những chức năng của họ đòi hỏi một cách sắp xếp nào đó theo đẳng cấp. Tất nhiên, bắt nguồn từ các tài liệu của Công đồng Vatican II và những lời phát biểu sau đó, tầm nhìn này hoàn toàn trái ngược với một Giáo hội độc tài, thuộc về giới giáo sĩ, với một giới giáo dân thụ động, không chỉ trong khi

cử hành Thánh Lễ, mà còn trong toàn bộ cuộc sống Ki-tô hữu của họ. Trong trường hợp này, vai trò của giới giáo dân được coi như chỉ là “cầu nguyện, nộp tiền và vâng phục”. Khi giới giáo dân học hỏi để chia sẻ thừa tác vụ trong Thánh Lễ như một vấn đề về quyền hạn phát xuất từ Phép Thanh tẩy, thì họ dễ dàng hơn khi đánh giá đúng vai trò của họ trong sứ vụ của Giáo hội đối với Xã hội và thế giới. Hàng giáo phẩm cũng sẽ đi đến chỗ nhìn nhận tín hữu giáo dân như *những người bạn* trong Đức Ki-tô, trong việc xây dựng vương quốc của Thiên Chúa. Theo lời nhắc nhở thật hợp thời của Lubac, chúng ta nhớ lại rằng Thánh Lễ định hình Giáo hội thành một thân thể, trong đó, tất cả mọi người đều cộng tác với nhau, trong khi giữ những chức năng khác nhau.

8. Các Chiều kích Quan trọng Khác

Các thập niên vừa qua, có vài chiều kích khác đã từng được hăng hái triển khai và nhấn mạnh. Ở đây, các chiều kích này được trình bày ngắn gọn, với lời nhắc nhở rằng chúng cực kỳ quan trọng đối với sự hiểu biết đầy đủ và thực hành Thánh Lễ⁶³. Do đó, có **chiều kích xã hội** của Thánh Lễ⁶³, đặc biệt mối quan hệ của Thánh Lễ với các vấn đề giải phóng khỏi tình trạng áp bức về kinh tế và con người và vấn đề bất công xã hội⁶⁴, toàn cầu hóa và những tác động tiêu cực của nó, tình trạng nghèo khổ trên thế giới và địa phương, chiến tranh và chủ nghĩa khủng bố, giải phóng phụ nữ, lao động trẻ em, chủ nghĩa cơ hội về chính trị v.v... Chúng ta cần phải nhìn vào các chiều kích này trong quan hệ với phẩm giá chủ yếu của con người đã được cứu chuộc trong Đức Ki-tô, biểu tượng của việc bẻ ra và chia sẻ tấm bánh và tình bạn-bàn tiệc trong quan hệ với những của cải trên trái đất, được ban cho toàn thể nhân loại để rèn luyện cho họ tư cách quản lý.

Sau Công đồng Vatican II, môi liên hệ giữa Thánh Lễ và **sinh thái**⁶⁵ cũng đã được nêu bật, bằng cách nêu rõ và phong phú hóa ý nghĩa của “những gì trái đất mang lại và do bàn tay con người làm nên”. Các môi liên hệ sâu xa giữa đời sống con người và Thiên nhiên đã được khảo sát tỉ mỉ, và vai trò của nhân loại với tư cách là người quản lý tạo vật đều được nhấn mạnh. Trong số những sự phát triển khác, những phát triển gần đây về Khoa học và Công nghệ rất phổ biến, thông qua Internet và các kênh Truyền hình như “Khám phá”, “Địa lý Quốc gia”, “Hành tinh Trái đất”, càng giúp chúng ta nhận thấy khía cạnh này của Thánh Lễ phù hợp như thế nào.

Một góc độ nữa, vốn bị phớt lờ rất nhiều thời trước Công đồng Vatican II, là hàm ý mang tính cách **đại kết** khi cử hành Thánh Lễ. Vấn đề có thể được đặt ra là: “Thánh Lễ coi như tình hiệp nhất hoặc tạo ra tình hiệp nhất?”⁶⁶. Thực tế dường như Thánh Lễ coi như tình hiệp nhất ở mức độ nào đó, nếu Thánh Lễ mang tính cách đích thực, nhưng Thánh Lễ cũng củng cố thêm tình hiệp nhất của Ki-tô hữu, thông qua chính việc cử hành. Tương tự, Thánh Lễ và việc **phúc âm hóa** cũng được chứng tỏ là quan trọng; trên thực tế, điều cần nhấn mạnh là chính cách thức chúng ta cử hành Thánh Lễ là một hình thức Phúc âm hóa⁶⁷. Tự thân việc cử hành công bố sứ điệp rằng chúng ta là những tội nhân được cứu chuộc, ban ân huệ, quy tụ với nhau với tư cách là những anh chị em, để ca tụng và cảm tạ Chúa Cha đầy yêu thương của chúng ta, nhờ Đức Giê-su, Con của Người.

Điều cũng quan trọng là chiều kích **cánh chung**⁶⁸, đặc biệt được gợi nhớ qua các bữa ăn sau khi Chúa sống lại, và tiếng kêu “Maranatha” liên quan rất chặt chẽ với Thánh Lễ! Thiên đàng cũng được hiểu nhiều hơn theo Kinh Thánh, như là “bữa tiệc cánh chung” của Đức Ki-tô với những người “anh em vẫn một lòng gắn bó với Thầy... để anh em được đồng bàn ăn uống với Thầy trong Vương quốc của Thầy” (Lc 22:29-30). Trong khía cạnh này, điều mà chúng ta nhận thấy rõ hơn và được hưởng

lợi, đó là chiều kích cử hành Thánh Lễ chính là một niềm vui mừng “đã có-nhưng-vẫn-chưa có”, dựa vào chiến thắng của Đức Ki-tô trên Thập giá, thậm chí còn thuộc về sự chinh phục của cá nhân chúng ta đối với tội lỗi và sự chết⁶⁹.

Liên kết chặt chẽ với khía cạnh này là khía cạnh của Thánh Lễ và **phúc tử đạo**, đã gây xúc động một cách rất thương tâm, qua vụ ám sát Đức Tổng Giám mục Oscar Romero⁷⁰ trong khi ngài đang cử hành Thánh Lễ, vì ngài đã dám liên kết Thánh Lễ với các cuộc đấu tranh của những người nghèo khổ và bị áp bức. Giống như các Ki-tô hữu tiên khởi, rất nhiều tín hữu trong tình hình khai thác kinh tế và chính trị đương thời của chúng ta được kêu gọi để làm chứng cho Đức Ki-tô và các giá trị của Người ngay cả cho đến chết.

9. Chúa Thánh Thần Thường xuyên Hoạt động

Hầu hết những sự phát triển này đều hầu như không được nhận thấy, khi lần đầu tiên chúng trở thành một phần trong khung cảnh thời hậu-Công đồng Vatican II, nhưng hiện nay, khi chúng ta nhìn lại trên 40 năm sau Công đồng Vatican II, thì chúng ta nhận ra rằng Công đồng đã mang lại một sự biến đổi lớn lao về các mô thức của chúng ta đối với Thánh Lễ và lối sống của Ki-tô hữu.

Khi Công đồng Vatican II đặt ra trước mặt chúng ta một sự dồi dào những điều phong phú thiêng liêng như vậy trong Thánh Lễ, thì thật là một sự thiệt hại đích thực đối với Giáo hội và toàn thể thế giới, khi chúng ta vẫn cứ tiếp tục tập trung gần như dành riêng vào chỉ *một* lãnh vực: khía cạnh hy tế và đền tội của Thánh Lễ và đời sống Ki-tô hữu nói chung.

Có lẽ điều quan trọng nhất là tín hữu chúng ta ít nhất đều cảm nếm được những điều mà nền thần học của Công đồng Vatican II và

Thánh Lễ đặt ra trước mặt chúng ta. Một khi người tín hữu tự trải nghiệm được sự phong phú và chiều sâu của Thánh Lễ, thì tự thân Thánh Lễ sẽ hình thành đời sống Ki-tô hữu một cách gần như không thể nhận thấy⁷¹. Do đó, khi chúng ta tin tưởng vào sự hiện diện và quyền năng của Chúa Sống lại và Thần Khí của Người, thì người tín hữu chúng ta cần được liên tục trình bày về mô thức mới của Giáo hội, với tư cách là Hiền thê của Đức Ki-tô và Dân Thánh của Thiên Chúa. Giáo hội đã vui hưởng được một mức độ thân mật nào đó với Đức Ki-tô, tuy nhiên mỗi ngày, Giáo hội vẫn càng ngày càng phải tiến gần hơn đến cuộc sống viên mãn mà Đức Giê-su mong muốn chúng ta có. Chúa Sống lại và Thần Khí Khôn tả của Người đã đạt được chiến thắng – và sự viên mãn cũng sớm đến. Maranatha – Lạy Chúa Giê-su, xin hãy đến!

10. Tóm tắt

Khi được đặt dưới hình thức biểu đồ, thì danh sách các mô thức mới, vốn phát xuất từ mô thức chủ yếu về Giao ước của Dân Thiên Chúa, chắc chắn đánh động chúng ta. Để giúp chúng ta nhận thấy rõ hơn những sự phong phú của Công đồng Vatican II, chúng ta chỉ cần liệt kê những điều khoản đã hoặc chưa phải thay đổi đối với Thánh Lễ, để thực sự trở thành tác nhân đổi mới trong Giáo hội và Xã hội:

- Tái khám phá sâu xa hơn về chủ đề chính của *Giao ước*⁷²... toàn thể đời sống Ki-tô hữu và mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa cần được nhìn nhận dưới dạng sự kết hiệp mang tính giao ước của tình yêu thương và tình bạn. Điều này bao gồm cam kết của linh mục, cam kết hôn nhân, tu sĩ và những cam kết tương tự như vậy.

- Tái khám phá sâu xa hơn đối với các chiều kích về *Chúa Ba Ngôi* và *Giáo hội* trong Thánh Lễ (đặc biệt đối với vai trò của Chúa Thánh Thần).
- Nhận ra rằng tự thân Thánh Lễ không chỉ là một nghi thức, nhưng nói đúng hơn, Thánh Lễ còn nối kết Giáo hội với *cuộc Vượt qua của Đức Ki-tô*, trong đó, Người là vị chủ tể đích thực, Đấng liên kết Giáo hội với chính Người qua hành động cứu chuộc của Người; Mầu nhiệm vượt qua cũng không chỉ bao gồm sự chết của Đức Giê-su, mà còn bao gồm cả sự sống lại nữa, cả hai yếu tố này tạo nên một phần không thể thiếu được của mầu nhiệm này.
- Chấp nhận và rèn luyện *các thừa tác vụ* khác nhau mà tín hữu giáo dân được kêu gọi.
- Xác định lại *việc cử hành Thánh Lễ* như là trung tâm, và sự hiện diện đích thực như là điểm phát xuất của việc cử hành. Cũng vậy, cần nhìn nhận sự hiện diện đích thực dựa trên bối cảnh *những kiểu khác* của sự hiện diện đích thực, đặc biệt nơi cá nhân tín hữu và cộng đoàn Ki-tô hữu.
- Làm nổi bật vai trò *chuyển cầu*, (trong Phần Kinh Khấn cầu Thánh Linh Trước khi Truyền phép) cầu xin Chúa Cha sai Chúa Thánh Thần đến để thánh hóa hoặc hoàn tất mầu nhiệm, thay vì nói đến quyền được gọi là “quyền thánh hiến” của vị linh mục.
- Có một *tâm nhìn năng động*, tập trung vào vai trò của bí tích trong việc “tạo ra Giáo hội”; nghĩa là làm cho bí tích phù hợp với kiểu mẫu-Đức Ki-tô, qua việc tất cả mọi người đều tích cực tham gia vào nghi thức, như là lối vào mầu nhiệm cứu độ; hiểu biết sâu xa hơn và sống theo hoặc làm quen với những “biểu tượng” khác nhau vẫn được sử dụng.

- Phục hồi nghi thức trong tất cả các giai đoạn riêng của nó, mỗi nghi thức với ý nghĩa cụ thể, nhưng đặc biệt là phục hồi việc *Dâng Lễ vật* và *Kinh Tiến Hiến* (vì kinh nguyện không phải của một mình vị linh mục, nhưng cũng của cả cộng đoàn quy tụ nữa)⁷³.
- Mở rộng phạm vi của Thánh Lễ, để bao gồm cả những khái niệm khác về *sinh thái, xã hội, dân sự* và *chính trị*.
- Mở rộng sự hiệp thông trong Thánh Lễ, để bao gồm tất cả những khái niệm về *đại kết* và chung-lòng tin; cũng mở rộng sự hiệp thông của chúng ta trong thân thể Đức Ki-tô, như là cơ sở đối với hình ảnh mới của cộng đoàn Ki-tô hữu (các cộng đoàn nhỏ trong một giáo xứ).

Kết luận

Một khi các nhà thần học và các chuyên gia phụng vụ bắt đầu khởi phát mô thức-tội lỗi, thì hầu như chắc chắn họ sẽ khám phá được các khía cạnh quan trọng khác nhau này của Thánh Lễ. Có lẽ một trong các chiều kích quan trọng nhất mà họ phục hồi được, đó là Thánh Lễ như “nguồn gốc và đỉnh cao”⁷⁴, do đó, tác động vào từng khía cạnh của đời sống chúng ta: xã hội, sinh thái, chính trị, đại kết v.v... “Chúng ta tìm cách hiểu được toàn bộ thực tại của nhân loại dưới ánh sáng của Thánh Lễ, nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Giáo hội”⁷⁵. Từng khía cạnh thuộc về đời sống con người nhất thiết phải đi vào Thánh Lễ – như việc tạ ơn, ngợi khen, cầu xin và thánh hóa đời sống của chúng ta trên trần thế.

Trong chương kế tiếp, chúng ta xem xét các khía cạnh chủ yếu của nền thần học về Thánh Lễ thời hậu-Công đồng Vatican II, và vạch ra các mô thức mới và khác nhau, vốn truyền cảm hứng cho các Thánh Lễ. Để hoàn tất bức tranh, chúng ta cũng sẽ trình bày sơ lược kiểu cử hành nào

phù hợp nhất, phát xuất từ các mô thức này và những thấu hiểu về Thánh Lễ. “Rượu mới thì phải đổ vào bầu mới”. Sau khi uống rượu cũ, không ai còn muốn uống rượu mới, nhưng họ nói rằng: “Rượu cũ thật ngon”⁷⁶.

Chú thích

- ¹ Có thể nói rằng Đức Thánh Cha Piô X đã từng đưa ra sự thúc đẩy ban đầu, lúc chuyển sang thế kỷ XX, khi ngài giới thiệu những thay đổi về âm nhạc trong Giáo hội, và trình bày lại việc Rước lễ cho trẻ em. Thế chiến II cũng góp phần rất lớn vào đòi hỏi phải hướng ứng nhiều ý nghĩa và thích đáng hơn, đối với tất cả những điều được thực hiện trong Phụng vụ, đặc biệt đối với Thánh lễ.
- ² Zenit.org., ngày 29 tháng 8 năm 2003.
- ³ Ga 14:6-11: “Nếu anh em biết Thầy, anh em cũng biết Cha Thầy... Anh không tin rằng Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy sao?”.
- ⁴ Xem Erasto Fernandez *Thánh Lễ Sau Công đồng Vatican II: Rượu Mới trong Bầu mới – các Mô thức dành cho Thánh Lễ thời Hậu-Công đồng Vatican II*, (luận án tiến sĩ không được phổ biến), chương 6, 124 ff.
- ⁵ Xem Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, (Claretian Press, Bangalore, 2002), 54-59.
- ⁶ Max Thurian, *Tám bánh Duy nhất*, (Sheed and Ward, New York, 1969), 17-18.
- ⁷ Erasto Fernandez, “Thánh Lễ như sự Tưởng nhớ” trong *Tám bánh Mà Chúng ta Bẻ ra*, (Nhà In St. Paul, Bombay, 1981), 85-99. Cũng xem Max Thurian, *Việc Tưởng nhớ trong Thánh lễ*, 2 Tập, London, 1963; Joachim Jeremias, *Những Lời của Đức Giê-su về Thánh Thể*, (SCM Press, London, 1966), đặc biệt 237-255; J-M.R. Tillard, “Việc Tưởng nhớ trong Đời sống Giáo hội”, trong tạp chí *Nhà Chúa*, số 106 (1971), 24-45.

⁸ Xem Dt 7:23-25.

⁹ Xem Gr 31:31 ff và Ed 36:24 ff, trong đó, Thiên Chúa hứa ban cho chúng ta một tâm hồn mới và một Tinh thần mới.

¹⁰ Theo phương pháp này, thì việc Cứu độ được coi như điều gì đó chưa xảy ra trong tương lai xa, hầu như không có gì hiện diện ngay bây giờ! Đó là thái độ của một số người tự coi mình như những kẻ bàng quan đối với Nước trời, vì thế, họ cảm thấy cần phải phấn đấu để “đạt được ơn Cứu độ”. Họ sống và làm việc trong nỗi sợ hãi thường xuyên, vì sợ rằng họ sẽ bỏ lỡ. Sự kiện nước trời đã được ban cho chúng ta một cách quảng đại không hề nằm trong suy nghĩ của họ. Phương pháp này dựa trên cánh chung học của “người theo thuyết vị lai”, nhưng ngược lại, chính Đức Giê-su (và Công đồng Vatican II) đều cung cấp cho chúng ta “cánh chung học thành sự”. Theo đó, Nước trời “đã nhưng vẫn chưa” hiện diện; hiện nay, chúng ta đã vui hưởng những thành quả đầu tiên của nước trời, nhưng chỉ sau này, chúng ta mới đón nhận được sự viên mãn.

¹¹ Erasto Fernandez, *Tám bánh Mà Chúng ta Bẻ ra*, 13-28.

¹² Erasto Fernandez, *Thưa Ngài, Chúng tôi Muốn Gặp Đức Giê-su*, Nhà Xuất bản St. Paul, Bombay, 1987.

¹³ Luis Bermejo, *Mình Chúa được Bẻ ra, Máu Chúa Đổ ra*, (Vidyajyoti, Delhi, 2000), 57-64.

¹⁴ Caetano da Cruz Fernandes, *Thánh Thể - Mầu nhiệm Vượt qua và Giao ước*, (TPI, Bangalore, 1988), 1-12.

¹⁵ Xem I. Howard Marshall, *Bữa tiệc Ly và Bữa tiệc của Chúa*, (Nhà In The Pater Noster, 1980), đặc biệt 40-53.

¹⁶ Caetano da Cruz Fernandes, *Thánh Thể ...*

¹⁷ Xem Erasto Fernandez, *Tám bánh Mà Chúng ta Bẻ ra*, 29-48.

¹⁸ Từ đầu, chúng ta đã quả quyết rằng đây là tinh thần của giáo huấn Đức Giê-su, và đây là toàn bộ điều mà “cánh chung học thành sự” đề cập đến.

¹⁹ Xem Erasto Fernandez, *Thánh Lễ Sau Công đồng Vatican II: Rượu Mới trong Bàu mới – các Mô thức dành cho Thánh Lễ thời Hậu-Công đồng Vatican II*, (luận án tiến sĩ không được phổ biến), chương 1, “Nêu Vấn đề”, 10-23.

²⁰ 2 Cr 12:8-10, cũng xem 2 Cr, các Chương 4 & 5: “Chúng tôi lại chứa đựng kho tàng ấy trong những bình sành... Cho nên chúng tôi không chán nản. Trái lại, dù con người bên ngoài của chúng tôi có tiêu tan đi, thì con người bên trong của chúng tôi ngày càng đổi mới. Thật vậy, một chút gian truân tạm thời trong hiện tại sẽ mang lại cho chúng ta cả một khối vinh quang vô tận, tuyệt vời. Vì thế, chúng ta mới không chú ý đến những sự việc hữu hình, nhưng đến những thực tại vô hình. Quả vậy, những sự việc hữu hình thì chỉ tạm thời, còn những thực tại vô hình mới tồn tại vĩnh viễn...”.

²¹ Như đã đề cập trên đây, đối với người Do Thái, sự yếu đuối của con người nhất thiết bao gồm tội lỗi. Đó là nguyên nhân tại sao họ không dám dâng lên Thiên Chúa tình trạng mỏng dòn của mình, để Người có thể lấp đầy tình trạng này bằng quyền năng của Người. Hãy lưu ý rằng ông Simon ngay lập tức kêu lên như thế nào: “Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi”, khi toàn bộ sự việc xảy ra là ông không hề bắt được con cá nào, bất kể ông đã làm việc suốt đêm (Lc 5:1-11). Tuy nhiên, Đức Giê-su lại nói với ông: “Từ nay, anh sẽ là người thu phục người ta!”. Chúng ta có thể coi như lời phát biểu này mang ý nghĩa: “Từ nay, sự yếu đuối của anh sẽ không xung khắc với Chúa nữa, nhưng việc Thiên Chúa chấp nhận tình trạng yếu đuối này sẽ là một niềm khích lệ đối với những người khác cũng yếu đuối như anh”. Dựa trên bối cảnh này, điều có ý nghĩa trọn vẹn là Chúa Sống lại không khước từ ông Phê-rô vì ông đã từng ba lần chối Người, nhưng Chúa còn dành cho ông một cơ hội gấp ba để trở nên tốt lành – với điều kiện duy nhất là thái độ sẵn sàng yêu mến của ông!

²² Rm 8:31-39

²³ Xem Errol D’Lima: “Những khái niệm về Sinh thái và Tâm nhìn của Đức Giê-su về một Xã hội Mới: Tạo Không gian cho Tất cả mọi Sự”, trong Joseph Mattam & Jacob Kavunkal [Eds] *Những Khái niệm về Sinh thái, Một Phản ứng của Ki-tô giáo Ấn Độ*, (NBCLC, Bangalore, 1998), 112-124.

²⁴ Xem Erasto Fernandez, *Từng Bước Một Đến với Thánh Lễ*, các Ấn bản của St. Paul, Mumbai (Bản Thứ 4), 2001.

²⁵ Chẳng hạn, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách đọc dấu hiệu của “tấm bánh được **bẻ ra**” – điều này nói về sự vâng phục của Đức Ki-tô đối với thánh ý Chúa Cha, về nhu cầu từ bỏ mình trong bàn tay Thiên Chúa, về sự kiện cái chết không phải là lời nói cuối cùng trong cuộc đời chúng ta, vì sự sống lại vẫn chờ đợi

chúng ta. Chúng ta cần lắng nghe tất cả những gì mà dấu chỉ đó nói với chúng ta. Lần này, chúng ta cũng có thể đọc thêm những thông điệp từ **tấm bánh**, như: tấm bánh nói với chúng ta về sự đói khát, cả hai mặt thể lý lẫn thiêng liêng, về sự phân chia không đồng đều những tài sản của thế giới, về tình trạng bất công phạm tội chống lại những người bất lực vô tội, về nhu cầu đối với sự cộng tác và chung sức nếu thế giới cần phải tồn tại ... và v.v...

- ²⁶ Erasto Fernandez, *Thưa Ngài, Chúng tôi Muốn Gặp Đức Giê-su*. Trong tác phẩm này, chúng ta giải thích sự hiện diện đích thực của Đức Ki-tô dưới những hình thức hoặc thể thức khác nhau, và mỗi hình thức đều được so sánh và đối chiếu với sự hiện diện đích thực trong Thánh Thể. Đây cũng là cách thức mà qua đó, chúng ta có thể gặp gỡ Chúa Sống lại trong từng kiểu hiện diện cụ thể được biểu thị, vì mỗi kiểu đều đòi hỏi một kỹ năng đặc biệt và khác nhau.
- ²⁷ Xem H. McCabe, “Sự Hiện diện Đích thực”, trong *Xét lại Hàng Giáo sĩ* 49 (1964), 749-759; G. Baum, “Sự Hiện diện Đa dạng của Đức Ki-tô trong Thánh Lễ”, trong tạp chí *Đại kết* 3 (1965), 69-72. Karl Rahner, “Sự Hiện diện của Đức Ki-tô trong Bí tích của Bữa tiệc Ly”, trong *Những Nghiên cứu Thần học* 4, (London, 1966), 287-311; cũng xem “Sự Hiện diện của Chúa trong Cộng đoàn Ki-tô hữu lúc Thờ phượng”, trong *Nghiên cứu Thần học* 10, (London, 1973), 71-83; P. Schoonenberg, “Sự Hiện diện Thánh Thể”, trong *Những Khuynh hướng Trái ngược* 17 (1967), 39-55; F. Durwell, *Thánh Thể, sự Hiện diện của Đức Ki-tô*, Paris, 1971.
- ²⁸ Xem Paul Jones, “Chúng tôi chính Là Cách thức Chúng tôi Thờ phượng: Thờ phượng Tập thể như một Nền tảng đối với việc Đào tạo Căn tính của Ki-tô hữu”, trong tạp chí *Worship* (1995) 346-360. Đề xuất này tương tự như của Henri de Lubac: Giáo hội Tạo nên Thánh Lễ và Thánh Lễ Tạo nên Giáo hội”.
- ²⁹ Đối với Stanley Hauerwas, trở thành Ki-tô hữu “nghĩa là học hỏi để phát triển trong câu chuyện của Đức Giê-su, như hình thức của vương quốc Thiên Chúa”. Xem Stanley Hauerwas, *Vương quốc An bình: Một Điều Căn bản trong Đạo đức Ki-tô giáo*, (Nhà In SCM, London, 1992), 69-93.
- ³⁰ Xem G.D. Smith, “Bí tích Thánh Thể”, trong *Giáo huấn của Giáo hội Công Giáo* của George Smith, (Burns & Oates, (Ấn bản 3), London, 1960), 839-1332.

- ³¹ John Peter Sandanam, *Hãy Làm việc này Để Nhớ đến Thầy*, Giáo Hoàng Học viện thánh Phê-rô, Bangalore, 2002), 32-52.
- ³² Cách thức này đại khái nhắm đến các thế kỷ từ XV đến XX của nền thần học Ki-tô giáo về Thánh Thể.
- ³³ Về nguy cơ Nhất Nguyên Luận Ki-tô trong nền thần học phương Tây, xem Y. Congar, “Thánh linh Học hoặc Nhất Nguyên Luận Ki-tô trong truyền thống Latinh”, trong *Ecclesia a Spiritu Sancto Docta*, (Gembloux, Paris, 1970), 41-63.
- ³⁴ Xem Johannes H. Emminghaus, *Thánh Thể*, (Bản dịch) Matthew J. O’Connell, (Nhà Xuất bản Phụng vụ, Collegeville, Minnesota, 1978), 39-88; cũng xem Josef A. Jungmann, *Thánh Lễ Theo Nghi thức Roma*, (2 tập) Benzinger, New York, 1950.
- ³⁵ Johannes H. Emminghaus, *Thánh Thể*, 70-82.
- ³⁶ Chauvet nói: “Tình trạng căng thẳng giữa phụng vụ và đạo đức mà chúng ta đã nhận thấy trong Do Thái giáo lại càng gia tăng trong Ki-tô giáo. Thật hấp dẫn khi xoa dịu tình trạng này bằng cách hoặc là chú ý đến phụng vụ trong đạo đức (‘Thánh Lễ có ý nghĩa gì? Điều quan trọng là đức ái’), hoặc là chú ý đến đạo đức trong phụng vụ (‘Tôi cảm thấy an bình khi đến với Thiên Chúa: Tôi tham dự Thánh Lễ mỗi Chúa nhật và thường xuyên xưng tội – tại sao tôi lại phải bực bội với những người khác chứ?’). Trong cả hai trường hợp, người ta trở thành một Ki-tô hữu ‘theo thuyết nhị nguyên’, kẻ tách biệt các bí tích khỏi kinh nghiệm sống của mình. Tuy nhiên, quả thật đức tin lành mạnh lại tùy thuộc vào sự căng thẳng. Điều này không hàm ý phải hủy bỏ tình trạng này, nhưng là giải quyết nó. Như chúng ta đã thấy, cách giải quyết đúng đắn đòi hỏi chúng ta phải học hỏi lại gấp đôi: học hỏi lại về đạo đức mang tính cách phụng vụ, điều này cho thấy rằng đời sống đức tin và đức mến là một ‘lễ tế thiêng liêng’, và học hỏi lại về phụng vụ mang tính cách đạo đức, vì ân huệ nhận được trong các bí tích được ban như một công việc phải hoàn tất, như một trong những lời nguyện được đọc sau khi rước lễ: ‘Xin ban cho chúng con trở nên điều mà chúng con đã cử hành và đón rước’. Khi không có phụng vụ, thì đạo đức có thể phong phú nhất, nhưng lại có nguy cơ thiếu đi căn tính Ki-tô hữu, đó là đáp lại cam kết trước hết đối với Thiên Chúa. Khi không có đạo đức, thì việc thực hành bí tích bắt buộc lại trở nên cứng nhắc và gần như mang tính cách ma thuật. Bí tích mang lại cho đạo đức sức mạnh để trở thành một ‘lễ tế thiêng liêng’; đạo

đức mang lại cho bí tích phương tiện để ‘kiểm tra’ hiệu quả của bí tích”. Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, 65.

- ³⁷ Henri de Lubac, *Suy tư về Giáo hội*, (Paris, Aubier Editions Montaigne, 1968).
- ³⁸ Xem P. Rouillard, “từ Bữa ăn của Con người đến Thánh Lễ của Ki-tô hữu”, trong tạp chí Worship, Tập 53, tháng 1, 1979, 40-56.
- ³⁹ “Thông điệp mang tính cách nghi thức (của việc cử hành Thánh Lễ) là vị linh mục là người nghe cũng như người nói, ngài không chỉ là một người lãnh đạo, nhưng cũng là một đối tác trong cuộc đối thoại; ... một thông điệp khác là giáo dân là những đối tác với hàng giáo sĩ, trong một công việc chung, với những quyền lợi và trách nhiệm riêng của họ... Trong nghi thức cũ, linh mục được sắp xếp theo lễ nghi như bậc cha mẹ trưởng thành đối với con cái là giáo dân. Do đó, (sự hội nhập văn hóa này phát xuất từ việc cùng-cử hành của giáo dân) cũng góp phần hiệu quả vào việc phai mờ hình ảnh của vị Giáo Hoàng Roma mà phụng vụ đã từng mang”. Xem Ralph A. Keifer, *Thánh Lễ trong Thời buổi Hoà nghị*, (Hội Nhạc sĩ Mục vụ Quốc gia, Washington DC, 1983), 58-61.
- ⁴⁰ Xem Paul Puthanangady, “Cuộc Hội đàm Quốc gia về Sinh khí Phụng vụ” 20. Trong Cuộc Hội đàm này về Sinh khí Phụng vụ, cha Puthanangady đã trình bày một bài về “Những Động lực và Cơ cấu của việc Canh tân Phụng vụ”, trong đó, ngài liệt kê những lãnh vực khác nhau mà qua đó, việc thực hiện những lời khuyên về phụng vụ của Công đồng Vatican II còn thiếu sót. Trong số này, ngài đề cập rằng – “Giáo dân của chúng ta chưa đạt tới giai đoạn thực sự tham dự; họ vẫn còn ở mức độ đáp lại những lời nguyện của vị chủ tế hoặc đọc một số lời nguyện trong phụng vụ”. Sau đó, để giải thích điều này, ngài phát biểu trong cùng bài báo: “Việc tham dự phụng vụ của chúng ta không thể tách biệt khỏi việc tham dự đầy đủ vào đời sống của cộng đoàn và thế giới. Từng lời đáp mà chúng ta đọc và từng nghi thức chúng ta thực hiện trong việc cử hành phụng vụ đều là một hành động cam kết xây dựng một thế giới của tình hiệp thông và một xã hội công bằng ... Hiệu quả của việc tham dự phụng vụ đã được giải thích trong thời Trung cổ, và sau này, như việc đón nhận ân huệ. Ngày nay, chúng ta cần phải lập lại tinh thần của cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi, và diễn tả kết quả của việc tham dự trong việc xây dựng các cộng đoàn của tình yêu thương và chia sẻ”.
- ⁴¹ Xem Louis-Marie Chauvet, *Các Bí tích*, 69-96.

- ⁴² Gerald Austin, “In Persona Christi trong Thánh Lễ”, trong Gerald Austin và những người khác, [Eds] *Thánh Lễ Hướng tới Thiên Niên Kỷ III*, (Liturgical Training Press, Chicago, 1998), 81-86.
- ⁴³ Xem Johannes H. Emminghaus, *Thánh Lễ*, 99-212.
- ⁴⁴ John Sandanam đưa ra quan điểm rằng chính việc Tưởng nhớ Thánh Thể hình thành nên căn tính Ki-tô hữu của chúng ta. Xem Chương 5, trong *Hãy Làm việc Đây để Nhớ đến Thầy*, (Luận án Tiến sĩ không được công bố), 103-128. Cũng xem Rm 8:22-25.
- ⁴⁵ Hãy ghi chú rằng trước khi Hiến chế *Lumen Gentium* đề cập đến các Giám mục hoặc ngay cả Giáo Hoàng, Hiến chế này đưa ra một bản báo cáo rõ rệt theo Kinh Thánh (xem Chương 2) về toàn thể Dân Chúa, tất cả họ đều chia sẻ “một sự hiệp thông của sự sống, lòng mến và chân lý”, và tất cả họ đều được Thiên Chúa sai đến để trở thành “ánh sáng thế gian và muối đất”. Hiến chế *Lumen Gentium*, xem Austin Flannery, (Ed), *Công đồng Vatican II: các Tài liệu Công đồng và hậu-Công đồng*, Nhà Xuất bản St. Paul, Bombay, 1999), # 9.
- ⁴⁶ John H. McKenna, *Thánh Lễ và Chúa Thánh Thần: Phần Kinh Khấn cầu Thánh Linh Trước khi Truyền phép trong Thần học Thế kỷ XX*, Bộ Sưu Tập của Câu lạc bộ Alcuin 57, Mayhew-McCrimmon, Great Wakering, 1975.
- ⁴⁷ Mặc dù cả hai từ này có thể được hiểu như những từ đồng nghĩa, tuy nhiên, vẫn có sự khác biệt đáng kể về tầm quan trọng. Sự “thánh hiến” mang ý nghĩa “dành riêng” nhiều hơn, làm cho điều gì đó như một đối tượng trong chính nó trở nên thánh thiện, đây là một khái niệm mang tính cách tính hơn; trong khi “thánh hóa” nhắm đến việc Chúa Thánh Thần ngự trong một đối tượng/ con người, với ý định biến đổi không chỉ đối tượng/ con người đó, mà còn biến đổi cả những thứ chung quanh nữa – từ này hàm ý năng động hơn. Trong Kinh nguyện Thánh Thể IV, Phần Kinh Khấn cầu Thánh Linh Trước khi Truyền phép ghi là: “Lạy Cha, xin Thần Khí *thánh hóa* những lễ vật này...”.
- ⁴⁸ Xem Luis Bermejo, *Thân thể bị Bầm dập và Máu Đổ ra*, 284-289, John H. McKenna, *Thánh Thể và Chúa Thánh Thần*.
- ⁴⁹ Eugene LaVerdiere, *Có Đủ Cho trong Nước trời*, Nhà Xuất bản Liturgy Training, Chicago, 1994; Francis J. Moloney, *Một Thân thể bị Bầm dập vì một Dân tộc Đau khổ*, (Nhà Xuất bản Claret, Quezon City, 1990), 54-74.

- ⁵⁰ Xem Louis Bouyer, *Thánh Thể*, Notre Dame, London, 1968; cũng xem Erasto Fernandez, *Tâm bánh Chúng ta Bẻ ra*, 71-84.
- ⁵¹ “Ơn Cứu độ có khuynh hướng được coi như sự phục hồi thành một trạng thái tinh khôi – làm cho chúng ta trở lại với trạng thái của ông Adam và bà Eva trước khi bị sa ngã, giống như tội nguyên tổ bị coi như một tội vi phạm lẽ luật, tội không vâng phục... Như Bài Công bố Phục sinh ghi là: “Vì chúng ta, Chúa Giê-su Ki-tô đã trả lại cho Đức Chúa Cha món nợ của Adam, và phá bỏ tội trọng mà tội nguyên tổ buộc chúng ta phải gánh chịu, nhờ máu thương xót của Người”. Xem Ralph Keifer, *Chúc lành và Đau khổ*, (Michael Glazier, Wilmington, 1984), 45-46.
- ⁵² Xem Eugene LaVerdiere, *Có Đủ Chỗ trong Nước trời*, 73-120.
- ⁵³ Xem Edmond Barbotin, *Nhân tính của Con người*, Orbis books, Maryknoll, 1975 và cùng tác giả, *Nhân tính của Thiên Chúa*, Orbis books, Maryknoll, 1976.
- ⁵⁴ Xem Francis J. Moloney, *Niềm tin vào Ngôi Lời*, Nhà in Fortress, Minneapolis, 1993.
- ⁵⁵ Xem Eugene LaVerdiere, “Thánh Lễ trong Tân Ước, các Phương pháp và Triển vọng”, trong *Ecclesia Orans*, Anno XVI – 1999 / 2: Hội thảo Chuyên đề do CENTER EUCHARISTIA hướng dẫn, 1999, 169-187.
- ⁵⁶ Xem Eugene LaVerdiere, *Có Đủ Chỗ trong Nước trời*.
- ⁵⁷ Cũng xem Henri Nouwen, *Với Tâm hồn Sốt sáng*, Nhà Xuất bản Claret, Bangalore, 1995. Cũng xem Robert J. Schreiter, *Sứ mạng Hòa giải*, Nhà Xuất bản Claret, Bangalore, 1998.
- ⁵⁸ Xem Erasto Fernandez, *Có Đủ Chỗ trong Nước trời*.
- ⁵⁹ Xem Erasto Fernandez, “Các Nhân vật trong Thánh Lễ”, trong *Emmanuel* (Tạp chí về Linh đạo Thánh Thể), New York, các Tập 100-102 – hàng loạt các nhân vật khác nhau hoạt động với tư cách thừa tác viên trong việc Cử hành Thánh Lễ.
- ⁶⁰ Xem Erasto Fernandez, “Định hình Lại Thánh Lễ”, trong *Examiner*, ngày 9 tháng 6, 2001, trang 8-9; ngày 23 tháng 6, trang 6-7; ngày 30 tháng 6, trang 12-13; ngày 7 tháng 7, trang 12-13.

- ⁶¹ *Christifideles Laici*, Tông thư Sau-Hội nghị của Đức Giáo Hoàng Gio-an-Phao-lô II về *On gọi và Sứ mạng của Giáo dân trong Giáo hội và Thế giới*, Trung tâm CBCI, New Delhi, 1988, Chương II, 46-89. Cũng xem Yves M.J. Congar, *giáo dân trong Giáo hội*, [Bản dịch] Donald Attwater, (Nhà In Newman, Marylandm 1957), Phần 2, Chương 1, 112-221.
- ⁶² Xem Avery Dulles, *Các Gương mẫu trong Giáo hội*, Doubleday Garden, New York, 1974, (phổ biến 1987). Cũng xem Paul McPartlan, *Bí tích Cứu độ: Một Lời Giới thiệu đối với Giáo hội học về Thánh Thể*, (T & TClark, Edinburgh, 1995), 40-44.
- ⁶³ Xem Cedric Rebello, *Thánh Lễ Khác*, Asian Trading Corp. Bangalore, 1985. Louis Marie Chauvet cũng nhấn mạnh rất rõ ràng đến khía cạnh đạo đức trong *Các Bí tích*.
- ⁶⁴ Không thiếu tài liệu về các đề tài này. Ở đây, chúng tôi chỉ ám chỉ một tài liệu duy nhất, bây giờ là tác phẩm nổi tiếng – Tissa Balasuriya, *Thánh Thể và sự Giải thoát Con người*, Nhà In SCM, London, 1979. Một tác phẩm mới đây hơn về những đường lối tương tự là một luận án tiến sĩ không được công bố, *Hãy Làm việc này để Nhớ lại Thầy*, do John Peter Sandanam trình bày. (Một Chiều kích Xã hội của Thánh Thể, ám chỉ đặc biệt các cộng đoàn Ki-tô hữu Ấn Độ), Louvain, 2000. Sandanam đề cập đến những đòi hỏi của việc tưởng nhớ Thánh Thể liên quan đến các phụ nữ dalit ở Miền Nam Ấn Độ, và cho thấy việc cử hành Thánh Lễ thực sự có ý nghĩa nhất thiết đòi hỏi những người tham dự Thánh Lễ phải cố gắng hết sức để chấp nhận bản thân như những người bình đẳng, nhờ đó, họ sống tốt hơn trong hoàn cảnh của mình.
- ⁶⁵ Xem Joseph Mattam & Jacob Kavunkal, [Ed], *Các Khái niệm về Sinh thái, Một Phản ứng của Ki-tô hữu Ấn Độ*, NBCLC, Bangalore, 1998. Cũng xem Leonardo Boff và V. Elizondo, “Sinh thái và Tình trạng Nghèo khổ: Tiếng Khóc của Trái đất, Tiếng Khóc của Người Nghèo”, trong *Concilium*, 5 (1995); N. Solomon, “Ngôn sứ của Môi trường và sự Phát triển”, trong D. Hallman, [Ed] *Thần học về Sinh thái: Những Tiếng nói từ Miền Nam và Miền Bắc*, Orbis, New York, WCC, 1994, (Xem toàn bộ cuốn sách của Hallman), J. Velasquez, “Tinh thần của Trái đất”, trong *Concilium*, 5 (1995), 62-65.
- ⁶⁶ Xem Luis Bermejo, *Thân thể bị Bầm dập và Máu Đổ ra*, 322-350. Chiều kích đại kết không chỉ bao gồm việc những người Công Giáo và Tin Lành thuộc

những giáo phái khác nhau cùng nhau cử hành Thánh Lễ, nhưng Thánh Lễ cũng mang lại các mối quan hệ tốt đẹp hơn giữa những người Công Giáo và các nhóm thuộc Chính thống giáo.

⁶⁷ Xem Anthony McSweeney, *Việc Rao giảng Tin Mừng Phong phú hóa Thánh Lễ*, bài báo được trình bày tại Đại hội Thánh Thể, tháng 6, 1992.

⁶⁸ Xem Tad Guzie, *Thánh Thể*, (Nhà In St. Paul, New York, 1974), 147-152. Cũng xem T. Talley, “Lịch sử và Cảnh Chung học trong Cuộc Vượt qua Nguyên thủy”, trong tạp chí *Worship* 47 (1973).

⁶⁹ Xem khía cạnh của việc “Cử hành” trong Erasto Fernandez, *Tám bánh Mà Chúng ta Bẻ ra*.

⁷⁰ Xem Jon Sobrino, *Đức Tổng Giám mục Romero*, [Bản dịch] Robert Barr, Orbis Books, Maryknoll, 1990.

⁷¹ Xem Ga 4:48 – “Các ông mà không thấy dấu lạ thì các ông sẽ chẳng tin đâu”.

⁷² Chẳng hạn, việc thánh hiến của tu sĩ được giải thích như một sự đổi mới cá nhân, tự do và triệt để đối với cam kết lúc rửa tội, để hoàn toàn thuộc về Thiên Chúa và sống cuộc đời phục vụ yêu thương đối với những người có nhu cầu. Hôn nhân cũng được coi như phong phú và có ý nghĩa hơn nhiều, khi được giải thích như một mối quan hệ giao ước với người bạn đời, tương đương với mối quan hệ giao ước với Chúa Cha. Thậm chí những cam kết của chức linh mục và mục tử còn được giải thích như một giao ước của yêu thương và phục vụ giữa vị linh mục-mục tử và các giáo dân! Xem Charles A. Gallagher & Thomas L. Vanderber, *Huyền thoại Đời sống Độc thân, Yêu mến Suốt Đời*, Nhà Xuất bản St. Paul, Bombay, 1990.

⁷³ Xem Erasto Fernandez, *Thánh Lễ Từng Bước Một*.

⁷⁴ Xem SC 10. Austin Flannery, *Công đồng Vatican II*.

⁷⁵ Quy luật Sống của Dòng Thánh Thể, số 34.

⁷⁶ Xem Lc 5:38-39.

Chương 4

ĐỜI SỐNG KI-TÔ HỮU SAU CÔNG ĐỒNG VATICAN II LỄ TÊ THIÊN LIÊNG CỦA TÌNH YÊU

Gới thiệu

Tất cả mọi người đều nhận thấy rõ mối liên kết chặt chẽ, vốn tồn tại giữa Thánh Lễ và việc sống cuộc đời Ki-tô hữu¹. Thánh Lễ không bao giờ có thể chỉ là một nghi thức được thực hiện theo kiểu cách biệt: Theo chính bản chất của Thánh Lễ, thì Thánh Lễ phải được liên kết chặt chẽ với phần còn lại của đời sống cá nhân và cộng đoàn trong Giáo hội. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, khi các Ki-tô hữu tiên khởi ý thức sâu xa được mối liên kết mật thiết giữa việc cử hành Thánh Lễ và đời sống, thì họ đã từng sử dụng những ngôn ngữ thờ phượng, để diễn tả ngay cả sự hiện hữu thực tế hằng ngày của họ. Tuy nhiên, giống như đối với tất cả các vấn đề khác, vẫn cần phải duy trì sự quân bình chính đáng, giữa việc cử hành Thánh Lễ mang tính cách biểu tượng trong Giáo hội, và việc thực sự sống theo những gợi ý của Thánh Lễ trong đời sống hằng ngày. Với nỗ lực nhấn mạnh đến tầm quan trọng của đời sống hằng ngày, như hoạt động diễn tả mối liên kết của con người với Thiên Chúa, thì điều quan trọng là phải tránh tạo cảm giác rằng tất cả những lễ tế phụng tự

đều vô giá trị hoặc đã bị chính Đức Giê-su dứt khoát hủy bỏ, và chỉ có lối sống Ki-tô hữu vị tha ngay thẳng mới có giá trị. Vài bản văn trong Tân Ước biểu thị rõ ràng tự thân Thánh Lễ vẫn thường được coi như một “lễ tế”, ngay cho dù được hiểu một cách khác biệt với ý nghĩa thông thường của Thánh Lễ². Chúng ta chỉ cần nhớ lại những điều Thánh Phao-lô nói trong 1 Cr 10:14-30 và 11:17-34. Trong cả hai đoạn này, sự hiểu biết nền tảng là những tác động của Thánh Lễ đều song song với những tác động của các lễ tế trong số những người thuộc các niềm tin khác.

Ngoài ra, các nhà thần học và chuyên gia phụng vụ còn coi Thánh Lễ như là đỉnh cao của quá trình Khai tâm. Do đó, theo hiểu biết của họ, Thánh Lễ vẫn tiếp tục những động lực cơ bản của nghi thức Thánh tẩy, cho đến khi nghi thức này đạt được nét hoàn hảo và trọn vẹn. Trong Nghi thức Nhập Lễ, chúng ta được nhắc nhở rằng các Ki-tô hữu là những người được quy tụ với nhau, nhờ tình yêu Thiên Chúa được ban nhưng-không cho chúng ta trong Đức Giê-su Ki-tô. Họ có thể đến với nhau, vì tội lỗi vốn ngăn cách họ đã được loại bỏ. Với tư cách là con cái yêu dấu của Thiên Chúa, họ vui mừng quy tụ để ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa là Cha, về tất cả những ơn phúc lành của Người đã tuôn đổ trên họ. Ngoài ra, trong nghi thức sám hối, Thánh Lễ còn giúp họ ý thức thâm thúy được những lãnh vực mà trong đó, những thái độ sống của họ vẫn chủ yếu trái với Ki-tô giáo. Tuy nhiên, thay vì mặc cảm về những thái độ này, họ tin tưởng dâng chúng lên Chúa Cha, khi nhận biết rằng chỉ có tình yêu vô điều kiện của Người mới có thể thực sự giải thoát họ khỏi những khuynh hướng trái với Ki-tô giáo này. Khi họ nhận biết rằng tất cả mọi tội lỗi đều được tha thứ trong Đức Ki-tô, lúc Người chết đi-sống lại, với một quyết tâm vững chắc, họ tin tưởng vào lời khẳng định của Thiên Chúa về ơn tha thứ, để rồi tiếp tục đáp lại lời kêu gọi của Thiên Chúa, hầu sống một cuộc đời Ki-tô hữu triệt để hơn.

Nhờ được Chúa Cha chấp nhận vì ơn Cứu độ mà Đức Giê-su đã giành lại cho họ, các Ki-tô hữu đều hăng hái, chú ý và yêu mến khi lắng

nghe lời Chúa, vẫn mời gọi họ đi vào một cuộc hành trình hướng nội, đến với tình yêu Thiên Chúa dành cho mỗi người. Ngay cả trong tình trạng hư vô bẩm sinh, họ vẫn biết rằng mình có thể tin tưởng nơi Đức Giê-su và Chúa Cha, Đấng không chỉ mời gọi họ đến với đời sống viên mãn, mà còn cung cấp cho họ tất cả những gì họ cần để đạt được sự viên mãn này. Giống như Đức Giê-su, họ cũng được thách thức để hình thành cuộc sống của mình trong sự vâng phục đầy tin tưởng nơi Chúa Cha. Họ cũng nghe thấy tiếng nói của Ma quỷ rõ ràng đang cám dỗ họ về những mong đợi riêng của họ và mong đợi của những người khác chung quanh họ; tuy nhiên, họ vẫn chọn để được hướng dẫn bởi tiếng nói bên trong của Chúa Cha, tiếng nói của lương tâm và sự liêm chính trong con người họ. Giống như Đức Giê-su, họ cũng luôn luôn tự do, dù không phải là tự trị.

Sự lệ thuộc của họ vào Thiên Chúa phát xuất từ một niềm tin sâu xa bên trong, từ sự trung tín đầy yêu thương và cam kết của Người đối với hạnh phúc của họ. Nhờ được hỗ trợ bằng kinh nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của những người mà Kinh Thánh đã đề cập đến, chỉ dẫn cho họ biết chắc chắn rằng Thiên Chúa luôn luôn trung thành với những lời hứa của Người. Điều này khuyến khích họ nói lên lời xin vâng liên tục, ngay cả trước những khó khăn lớn. Sau khi lắng nghe lời Chúa vài lần, cả trong Thánh Lễ lẫn giữa các cuộc đấu tranh của họ trong cuộc sống, điều này phát sinh một khuynh hướng nội tâm tự nhiên, thiên về sự dâng hiến quảng đại và tin tưởng sâu xa. Đôi khi, rõ ràng chọn lựa sống quảng đại và tin tưởng sẽ rất khó khăn, và có thể thỉnh thoảng họ sẽ thoái lui. Tuy nhiên, gương mẫu cao cả của Đức Giê-su vẫn ra hiệu cho họ hướng tới một niềm tin tưởng trọn vẹn nơi tình yêu Chúa Cha. “Sự trung tín của Thiên Chúa đối với con người chính là điều mang lại cho con người lòng can đảm để sống thật với chính mình”³.

Peter Fink tóm tắt tư tưởng được diễn tả ở đây như sau:

Tầm nhìn này về cuộc đời Đức Giê-su – một lòng tin đòi hỏi sự từ bỏ, một lòng tin được đào sâu khi thực hiện từng chọn lựa trong cuộc đời, và từng lời xin vâng đối với cuộc đời được dâng hiến, bất kể những tình huống hoặc cái giá phải trả, và một lòng trông cậy càng ngày càng đưa Người đến gần hơn với Thiên Chúa, Đấng đường như càng ngày càng xa cách hơn, và rốt cuộc, Đấng vẫn tồn tại chỉ như một danh xưng được kêu lên trong đau khổ, và một lời hứa được nhớ đến để tin tưởng – trình bày cuộc hành trình nhân thể vốn là *hy tế của Người*, và công bố cho tất cả chúng ta rằng hy tế của Đức Ki-tô chỉ bộc lộ và luôn luôn ở tận sâu trong chính cuộc hành trình nhân thể⁴.

Do đó, rõ ràng cuộc hy tế được nói lên, mặc dù không phải là dành riêng, nhưng chủ yếu vẫn là những gì liên quan đến đời sống hằng ngày của các Ki-tô hữu, mà qua đó, họ tự từ bỏ mình một cách yêu mến và vâng phục trong tay Chúa Cha. Cũng chính sự vâng phục và tin tưởng này được diễn tả theo nghi thức qua việc cử hành Thánh Lễ.

1. Đây là Lễ tế Thiêng liêng của Bạn

Chắc hẳn ngay cho dù vài lần Thánh Phao-lô ám chỉ Thánh Lễ như một lễ tế, nhưng ngài vẫn đồng nhất việc thờ phượng của Ki-tô hữu với lối sống Ki-tô hữu, theo cách thức gần như không thể phân biệt được hai khái niệm này. Trong Rm 12:1, ngài viết: “Thưa anh em, tôi khuyên nhủ anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Người”. Ở đây, ý nghĩa thật rõ rệt, vì đối với Thánh Phao-lô, từ “thân mình” thực sự có nghĩa là chính “đời sống”. Thánh Phao-lô mong muốn

đối chiếu việc thờ phượng của Tân Ước với việc thờ phượng của “Cựu Ước”. “Cựu Ước” bao gồm việc hiến dâng lên Thiên Chúa một lễ vật đã được sát tế trong những thời điểm theo quy định và theo một cách thức mang tính cách nghi lễ khắt khe. Tuy nhiên, đối với các Ki-tô hữu, bản thân họ phải trở thành “lễ vật” trong và thông qua những hoạt động tự-hiến thân và đời sống hằng ngày của họ. Đây không chỉ là nghi thức. Vì đời sống của họ không là gì hơn sự tham gia vào cuộc đời Đức Ki-tô. “Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Ki-tô sống trong tôi” (Gl 2:20).

Cuộc đời Đức Ki-tô được sống trong sự vâng phục hoặc từ bỏ đầy yêu mến và liên tục trước thánh ý Chúa Cha. Yếu tính của lễ tế chính là từ bỏ mình trong sự vâng phục và yêu mến cá nhân. Quả thật cuộc đời vâng phục yêu mến của Đức Giê-su là lễ tế đích thực và có thể chấp nhận, được dâng lên Chúa Cha qua từng giây phút trong ngày. Chỉ có loại “lễ tế” này mới có thể làm vui lòng Chúa Cha, được chấp nhận và có giá trị hơn nhiều, so với tất cả những con vật mà dân Ít-ra-en đã từng dâng hiến theo nghi thức mỗi ngày. Để nhấn mạnh bài học, Thánh Phao-lô bổ sung thêm: “Đây là lễ tế thiêng liêng của anh em”, bao gồm đời sống hằng ngày được dâng lên Thiên Chúa, một đời sống hoàn toàn vâng phục và lòng yêu mến vô vụ lợi, như đời sống của chính Đức Ki-tô.

2. Những Lễ tế Thiêng liêng của “Cựu Ước”

Cách sử dụng mang tính ẩn dụ phổ biến đối với thuật ngữ “lễ tế” theo nghĩa *thiêng liêng* được tìm thấy trong Cựu Ước, đặc biệt trong sách Khôn ngoan. Do đó, chẳng hạn, sách Huấn ca rõ ràng liên kết việc thờ phượng của người Do Thái vẫn được thực hiện trong Đền thờ, với đời sống luân lý và thực tế của Ít-ra-en:

Tuân giữ Lễ luật là làm cho lễ phẩm thêm phong phú. Gắn bó với lệnh truyền là dâng lễ kỳ an. Tỏ lòng biết ơn là dâng bột tinh hảo, làm việc bổ thí là dâng lễ ngợi khen. Từ bỏ gian tà thì đẹp lòng Đức Chúa, chấm dứt bất công là dâng lễ đền tội. Tuy vậy, đừng đến trước nhan Đức Chúa tay không, vì tất cả những gì phải dâng đều do lệnh truyền. Lễ phẩm của người công chính như mỡ đổ trên bàn thờ, xông mùi thơm ngạt ngào trước Đấng Tối cao (Hc 35:1-7).

Theo sách Huấn ca, tự thân việc thực hành Lễ luật là một lễ tế thiêng liêng. Trong những tình huống khác, “lễ tế thiêng liêng” hình thành vì thiếu những điều kiện thuận lợi và cơ hội phù hợp để dâng lễ tế vật chất. Do đó, trong Đn 3:38-40, “tâm hồn thống hối, tinh thần khiêm nhường và lễ lẽ ngợi khen” trở thành cách thay thế phù hợp cho những của lễ toàn thiêu thú vật, vốn không sẵn có trên vùng đất lưu đày và bị giam cầm. Sau này, khi trở về từ nơi lưu đày, ngay cho dù có thể thờ phượng trong Đền thờ và tế lễ bằng thú vật, thì Kinh Tạ ơn vẫn còn giữ một vị trí nổi bật trong đời sống của người Do Thái, như một phương tiện để đi vào sự hiệp thông với Thiên Chúa.

3. Việc Thờ phượng Thiêng liêng trong Tân Ước

Thật là ấn tượng khi các tác giả Tân Ước tự do sử dụng các thuật ngữ về lễ tế đối với các lễ tế của người Do Thái và dân ngoại⁵. Do đó, theo đề nghị của Thánh Gia-cô-bê, Thánh Phao-lô cho bốn người xuống tóc và dâng lễ vật theo quy định (Cv 21:26). Ngài cũng sử dụng ngôn ngữ phụng tự, khi ám chỉ việc thờ phượng của dân ngoại, như trong Rm 1:21. Cùng loại ngôn ngữ này được sử dụng khi ám chỉ Đức Ki-tô, mà việc thờ phượng của Người hệ tại ở ân huệ-bản thân được thực hiện trong sự vắng phục tội cùng đối với Chúa Cha (Ga 13:1). Người đến từ Chúa Cha, và đến cuối cuộc sống tạm trên trần thế, Người sẵn sàng trở về với Chúa Cha

trong sự vâng phục hy sinh-bản thân (Ga 13:1-5). Một lần nữa, đây là “Phụng vụ” của Đấng Trung gian trong Tân Ước, như được diễn tả trong Dt 8:6-9, 11-14; 10:19-22ff.

Nhưng khi đề cập đến việc thờ phượng của Ki-tô hữu, các tác giả Tân Ước đều rất ý thức và cẩn thận chỉ ra rằng lối thờ phượng đích thực của Ki-tô hữu hoàn toàn khác hẳn lối thờ phượng của người Do Thái và rất khác biệt với lối thờ phượng của dân ngoại. Đó là nguyên nhân tại sao các thánh sử đều tránh sử dụng ngôn ngữ phụng tự đối với Thánh Lễ. Nói đúng hơn, các ngài sẽ nói về việc “bẻ bánh” (Xem Cv 2: 42, 36; 20:7; 11; 1 Cr 10:16), hoặc về “Bữa Tối của Chúa” (1 Cr 11: 20), hoặc ngay cả “Bàn tiệc của Chúa” (1 Cr 10: 16-21). Nói đúng hơn, Tân Ước để dành ngôn ngữ phụng tự cho đời sống phục vụ yêu thương mà các Ki-tô hữu sống, dù họ là tông đồ hoặc chỉ là Ki-tô hữu bình thường⁶. Ngoài ra, khi ám chỉ những người làm thừa tác vụ hoặc phục vụ Tin Mừng, Thánh Phao-lô kiểm chế sử dụng từ chuyên môn của người Do Thái hoặc thuộc về phụng tự của dân ngoại để diễn tả công việc của họ. Thuật ngữ “tư tế” và “chức tư tế” chỉ được dành cho Đức Ki-tô mà thôi. Bằng cách này, Đền thờ làm bằng đá được thay thế bằng cộng đoàn, vốn là thân thể sống động của Đức Ki-tô sống lại (Ga 2:19-21). Do đó, đây sẽ là trung tâm của một lối thờ phượng mới “trong Thần Khí và sự thật” (Ga 4:20-24).

Chắc hẳn Thánh Lễ vẫn có thể được cử hành, ngay cả nếu không có cơ cấu vật chất, không có đền thờ bằng gạch và vữa, nhưng khi không có một cộng đoàn tín hữu, thì không thể là một buổi cử hành Thánh Lễ đích thực. Tuy nhiên, sau này trong lịch sử, tòa nhà bằng đá được gọi là “Giáo hội” theo ý nghĩa tương tự, được sử dụng như một tiêu điểm quy tụ của cộng đoàn Ki-tô hữu để thờ phượng – tuy nhiên, những cấu trúc này vẫn luôn luôn được coi như biểu tượng của cộng đoàn, vốn được hiểu như là “Giáo hội” đích thực. Từ lúc này trở đi, tự thân việc thờ phượng mang tính cách phụng vụ bắt đầu được gọi là một “lễ tế”, và thời gian qua đi, sự hiểu biết này về thuật ngữ “lễ tế” đạt được sự nổi bật, cho

đến khi nó gần như hoàn toàn thay thế sự hiểu biết nguyên thủy về từ này như là ám chỉ đời sống của Ki-tô hữu.

4. Lễ tế Thiêng liêng Ngày nay: Một Phương pháp Toàn diện

Mặc dù quả thật chủ yếu cuộc đời hằng ngày của các Ki-tô hữu, được sống trong sự vâng phục thánh ý Thiên Chúa, chính là sự từ bỏ-bản thân thực sự hoặc thờ phượng Chúa Cha “trong Thần Khí và sự thật”, tuy nhiên, các Ki-tô hữu cũng vẫn cần phải đến với nhau vào những thời điểm cụ thể và bằng những cử chỉ thờ phượng của *cộng đoàn*. Một ví dụ từ cuộc sống bình thường có thể giúp chúng ta hiểu được đòi hỏi này. Tình yêu sâu xa của hai vợ chồng đối với nhau chính là mối ràng buộc đích thực giữa họ vốn giữ họ lại bên nhau, và tình yêu này kéo dài suốt ngày và suốt cả cuộc đời họ. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, họ vẫn cần có một số giây phút đặc biệt bên nhau và những cử chỉ bên ngoài của thân xác vốn biểu thị và thể hiện tình yêu đó. Chính những giây phút đặc biệt này của cảm giác về tình yêu mang tính cách thể lý, cảm xúc, tinh thần và xã hội mới nuôi dưỡng và duy trì tình yêu đó, hầu kéo dài suốt cả cuộc đời họ. Tương tự như vậy đối với mối quan hệ giao ước giữa Thiên Chúa và dân của Người. Giao ước này kéo dài suốt cuộc đời của các Ki-tô hữu, tuy nhiên thỉnh thoảng, họ vẫn cần phải diễn tả sự kết hiệp với Thiên Chúa theo cách thức bên ngoài nào đó, và cũng với tư cách là một cộng đoàn.

Trong Giáo hội tiên khởi, thời điểm duy nhất mà các Ki-tô hữu đến với nhau “với tư cách là một Giáo hội” (1 Cr 11:18-20)⁷ là lúc họ quy tụ để cử hành Thánh Lễ. Lúc đó, việc quy tụ này để thờ phượng được cơ cấu một cách lỏng lẻo, và dành nhiều sự tự do cá nhân để tương tác với những người khác, để chia sẻ cảm nghiệm của họ về Chúa Sống lại, và cũng để diễn tả lời cầu nguyện cảm tạ và ngợi khen Chúa Cha, Đấng đã quy tụ họ lại với nhau trong tình yêu thương của Người. Họ có thói quen

nhận thấy Thiên Chúa sống động qua các sự kiện bình thường trong đời sống hằng ngày và cũng cả nơi nhau nữa – cảm nghiệm của họ về Chúa Sống lại, đã dạy cho họ rằng Người vẫn tiếp tục sống và hoạt động trong họ và chung quanh họ.

Tuy nhiên, thời gian qua đi, không thể tránh khỏi tình trạng những sai lầm khác nhau về giáo lý bắt đầu len lỏi vào, và với mong ước mãnh liệt tránh khỏi các giáo huấn lạc giáo này, các vị có thẩm quyền trong Giáo hội đã áp đặt việc sử dụng một công thức cố định và một nghi thức cụ thể đối với Thánh Lễ Ki-tô giáo. Mặc dù việc này thật cần thiết và hữu ích, đặc biệt để không đi vào giáo huấn sai lầm, nhưng điều cũng nên được ngăn ngừa, đó là hành động dần dần hướng tới một lối cử hành Thánh Lễ theo nghi thức, thông lệ và vô cảm. Bởi vì, ngay cho dù quả thật rất cuộc, chính đời sống thực hành bác ái của Ki-tô hữu mới thực sự quan trọng, nhưng một đời sống như vậy không thể được duy trì lâu dài, khi không có một lời nhắc nhở liên tục, một cách rèn luyện thực sự về tình yêu đó (ngay cả nếu bằng cách phương cách theo nghi thức), và một sự bổ sung các nguồn lực – vốn là những điều mà việc cử hành Thánh Lễ có ý muốn thực hiện.

Các Ki-tô hữu cũng là những con người, vì thế, họ cần đến những lời nhắc nhở liên tục, và sự khích lệ để giúp họ thực hiện những nghĩa vụ của họ, đặc biệt những nghĩa vụ mang bản chất thiêng liêng. Họ cần đến gương mẫu truyền cảm hứng của các Ki-tô hữu bạn, đặc biệt những lúc họ gặp khó khăn và thử thách nặng nề. Trong các cuộc bách hại thời Giáo hội tiên khởi, các Ki-tô hữu đều run rẩy sợ hãi khi họ chờ đợi đến lượt mình bị quăng vào lũ súc vật hoang dã. Tuy nhiên, cũng các Ki-tô hữu này sẽ được thấm đấm sức mạnh và lòng can đảm nhờ cử hành Thánh Lễ – qua Thánh Lễ, ý thức của họ về việc kết hiệp với Đức Giê-su trong cuộc khổ nạn, sự chết và sống lại của Người đã xua tan toàn bộ nỗi sợ hãi, giúp họ vẫn ca hát và vui mừng lúc bị quăng vào lũ súc vật, để được xứng đáng chịu đau khổ vì “Danh Thánh”. Do đó, ngay cả khi việc cử

hành Thánh Lễ dường như hoặc có khuynh hướng mang tính cách nghi thức và bên ngoài, thì việc này vẫn không thể dễ dàng bị bỏ qua.

Tuy nhiên, điều quan trọng là việc cử hành Thánh Lễ cần được nhìn nhận một cách đúng đắn. Ở đây, có vài nguy cơ: Trước hết và rõ rệt nhất, là khi việc cử hành xảy ra khá thường xuyên, chẳng bao lâu sau, việc này có khuynh hướng trở nên thường lệ, và chuyển sang lãnh vực mang tính cách thuần túy nghi thức, mà người ta không thể nhận ra. Một nguy cơ khác, Thánh Lễ là một thực tại phong phú có thể được nhìn nhận một cách đúng đắn và hữu ích từ vài góc độ khác nhau. Nhưng một phương pháp không nhất thiết hủy bỏ các phương pháp khác cũng có giá trị như vậy. Do đó, trong bất cứ buổi cử hành nào, cộng đoàn có thể bao gồm những người giữ các quan điểm và phương pháp khác về việc cử hành, và mỗi người đều mong đợi Thánh Lễ đáp ứng những nhu cầu riêng của họ. Mặc dù tất cả các phương pháp đều có vị trí đúng đắn của chúng, nhưng điều quan trọng sống còn, đó là cần phải nhìn nhận khía cạnh mà Công đồng Vatican II đặt ra trước mặt chúng ta như là khía cạnh cần thiết chủ yếu, giữ lại được tầm quan trọng và vị trí trung tâm của nó. Chỉ khi đó, phần còn lại mới có thể được nhìn nhận theo một nhãn giới đúng đắn.

5. Không Bác bỏ, nhưng Trở về với Nguồn gốc

Qua tất cả những điều đã được nói cho đến nay, chúng ta có thể dễ dàng có cảm giác về luận điểm rằng Đức Giê-su hoàn toàn hủy bỏ Lễ luật và các ngôn sứ. Trên thực tế, Người không hề làm như vậy: “Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải để bãi bỏ, nhưng để kiện toàn...” (Mt 5:17-20). Tuy nhiên, điều quan trọng cần ghi chú là Đức Giê-su đòi hỏi những kẻ theo Người phải ăn ở công chính hơn các Kinh sư và những người Pha-ri-sêu, nếu

không, họ sẽ không được vào Nước trời! (Mt 5:20). Chính xác điều này có ý nghĩa gì?

Ngay cả trong thời Cựu Ước, “Nước trời” là một thuật ngữ hoàn toàn khác đối với Giao ước: “Nước trời” (hoặc đúng hơn, “vương quyền”) diễn tả cùng mối quan hệ-yêu thương mật thiết mà Đức Chúa đã mời gọi dân Ít-ra-en đi vào với Người. “Mặc khải” luôn luôn theo sau sự “cứu chuộc”. Sau khi dẫn dắt dân của Người ra khỏi Ai Cập, Thiên Chúa đã đặt ra trước họ một chọn lựa: Người đòi hỏi một sự đáp trả mang tính cách cá nhân và tự nguyện yêu mến, đối với tình yêu thương mà Người trao ban (“Vây giờ đây, nếu các ngươi thực sự nghe tiếng Ta và giữ giao ước của Ta ... thì các ngươi sẽ là sở hữu riêng của Ta!” Xh 19: 3-5). Họ phải thực hiện việc đáp trả cá nhân và yêu mến này, trước hết bằng cách cử hành bữa ăn Vượt qua (đã được thực hiện ở Ai Cập) trong sự vâng phục các Lễ luật của Thiên Chúa, rồi sau đó, mỗi năm một lần, như một sự ‘tưởng nhớ’ cuộc vượt qua của họ khỏi tình trạng nô lệ Ai Cập, để có được sự tự do dành cho dân được chọn của Thiên Chúa. Trong bữa ăn này, họ cử hành sự kiện họ không còn thuộc về vua Pha-ra-ô nữa, nhưng thuộc về Đức Chúa. Ngoài ra, vài lễ luật và quy tắc mà họ có đều chỉ là những hướng dẫn hoặc nguyên tắc chỉ đạo về cách làm thế nào để tự giữ lòng mình mở rộng, đủ để cho Đức Chúa yêu thương họ trọn vẹn. Họ cần phải đặt mạng sống của họ hoàn toàn trong tay Người, và để cho Người có “vương quyền” trên họ. Khi họ đã sẵn sàng thực hiện đúng điều đó, thì quả thật Đức Chúa sẽ là: “Thiên Chúa của họ, và họ sẽ là dân của Người” (Tv 81:8-16).

Tuy nhiên, lịch sử thánh thiêng tương đối gợi nhớ rằng một số người trong Dân (theo Kinh Thánh, họ được gọi là *anawim*, những người còn lại, người nghèo của Đức Chúa) sẵn sàng hết lòng để cho Đức Chúa là Thiên Chúa đối với cuộc sống của họ như thế nào. Trong khi một số người tự phó thác trong tay Thiên Chúa, và chấp nhận sự hướng dẫn từ Người, thông qua các điều lệ và sắc luật của Người, thì số còn lại vẫn

thích sự tự do, thích quyền tự quyết định của họ hơn; họ muốn tự do để một mình thực hiện những chọn lựa cuối cùng đối với vận mệnh của họ. Điều này gây hậu quả là họ giữ Thiên Chúa ở một khoảng cách an toàn đối với họ. Nhưng như vậy, từ một góc độ khác, điều này cũng có nghĩa là họ thích sự chết hơn sự sống, hoặc nói đúng hơn, họ chọn một sự hiện hữu miễn cưỡng cần cỗi, hơn là sự sống viên mãn mà Thiên Chúa đã trao ban. Vì thế, không lạ gì trong khi họ thực hiện cuộc hành trình xuyên suốt lịch sử, thì bản chất hơi hợt, bề ngoài trong mối quan hệ của họ với Thiên Chúa vẫn còn, và càng phát triển mạnh mẽ hơn qua từng năm. Rõ ràng tất cả mọi người đều dễ dàng nhận thấy là sự hiện hữu của họ hoàn toàn không có sức sống và thuần túy theo nghi thức, và không có bất cứ cách nào giúp họ khác biệt hoặc tốt hơn, so với những người khác chung quanh họ.

Thử thách gay go về tính chất xác thực của sự liên kết với Thiên Chúa vẫn luôn luôn là mối quan hệ với con người, đặc biệt “những kẻ hèn mọn”. Nguyên nhân của điều này thật đơn giản: Đặc điểm hoặc nét đặc biệt của Đức Chúa là: “Kẻ mọn hèn, Chúa kéo ra khỏi nơi cát bụi, ai nghèo túng, Người cất nhắc từ đồng phân tro, đặt ngai chung với hàng quyền quý” (1 Sm 2:1-10). Vì thế, nếu ai chia sẻ đời sống với Đức Chúa, thì giống như Đức Giê-su, người đó cũng nhận được đặc điểm này, và với lòng thương xót, họ hướng tới người nghèo khổ, hèn mọn, những người bị cách ly khỏi xã hội. Họ được lôi kéo đến với những người cần được giúp đỡ, và chia sẻ những ơn phúc lành mà chính họ đã nhận được một cách rất dồi dào.

Khi Đức Giê-su bắt đầu việc rao giảng, Người nhấn mạnh khía cạnh đạo đức của cam kết tôn giáo. Để nhấn mạnh quan điểm của mình, Đức Giê-su ít bày tỏ sự tôn trọng đối với những cách thực hành chỉ mang tính nghi thức và lễ luật – trên thực tế, Người đã từng gay gắt chống lại, ngăn cản mọi người tham gia những cách thực hành này. Đức Giê-su còn nồng nhiệt khuyến khích những kẻ lắng nghe Người bắt đầu một mối quan hệ

cá nhân sâu xa với Chúa Cha, được diễn tả qua lòng trung thành và vâng phục. Tuy nhiên, trong thâm tâm, Đức Giê-su vẫn luôn ủng hộ tầm quan trọng của việc duy trì một sự quân bình đúng đắn. Điều Người mong muốn là dân Ít-ra-en, và đặc biệt các nhà lãnh đạo của họ (những người Pha-ri-sêu và các Kinh sư) nên tìm được con đường của họ, để trở lại Giao ước đích thực với Chúa Cha, bao gồm cả việc thờ phượng lẫn lối sống công chính.

Như vậy, có thể nói rằng ngay cả trong Cựu Ước, lý tưởng vẫn luôn luôn là một cuộc đời được sống trong Giao ước với Chúa Cha. Những hình ảnh khác nhau về tình mật thiết cá nhân đã từng được sử dụng để mô tả mối quan hệ này. Thiên Chúa được nhìn nhận như một Mục tử, và dân Ít-ra-en là đàn chiên của Người; khi Thiên Chúa được công bố như một vị Vua, thì dân Ít-ra-en được coi như Hoàng hậu của Người. Khi Thiên Chúa được mô tả như người chủ đất, thì dân Ít-ra-en là cây nho được chọn, mà Người trồng trên một ngọn đồi màu mỡ, sau khi đã cẩn thận chuẩn bị đất. Đức Giê-su vẫn sử dụng những hình ảnh này khác, như cây nho và cành nho. Người quả quyết với những kẻ theo Người là sẽ gửi xuống cho họ một Đấng Bảo trợ khác, Thần Khí của Người, Đấng sẽ ngự trong họ và thống trị tâm hồn họ. Toàn bộ điều này đều hướng tới việc tạo ra một lối sống “đặc biệt” và mối quan hệ yêu thương đối với dân tộc của Người, một đời sống mà trong đó, niềm vui, sự an bình và ơn tha thứ của Chúa Cha bao trùm. Đây là điều được biết đến như là “vương quốc của Thiên Chúa”.

6. Căn tính Ki-tô giáo Khác biệt với Căn tính Do Thái giáo

Điều quan trọng là chúng ta phải nhận thấy rõ sự khác biệt giữa căn tính và sứ mạng của dân Ít-ra-en với căn tính và sứ mạng của Giáo hội. Khi so sánh giữa căn tính và sứ mạng của người Do Thái và Ki-tô

hữu, chúng ta nhận thấy cả hai bên đều có những thành phần thiết yếu như nhau, nhưng cách xử lý hoặc “hình thức” lại hoàn toàn khác nhau. Chúng ta cần nhận thấy rõ sự khác biệt này, để đánh giá đúng sự khác biệt mà chúng ta nên thực hiện, trong cách thờ phượng Ki-tô giáo.

Dân Ít-ra-en được kêu gọi ra khỏi Ai Cập và sở hữu một vùng đất mới với sữa và mật ong, Vùng đất Hứa. Vùng đất này được mang lại cho họ như một ân huệ: Thậm chí họ không bao giờ tưởng tượng rằng họ có thể trở thành chủ nhân của vùng đất này. Và sự thật đây là một ân huệ mà họ cần phải nhận ra và ghi nhớ, đặc biệt qua việc dâng hiến những hoa quả-đầu mùa của Đất⁶. Ngoài ra, sự truất hữu này (không có quyền sở hữu đối với đất đai) chỉ xảy ra, nếu từng thế hệ Ít-ra-en đều nhớ lại nguồn gốc của họ, và đặc biệt thời gian họ còn lang thang trong sa mạc, khi họ tuyệt đối không có gì thuộc quyền sở hữu của họ. Trong cuộc hành trình băng qua sa mạc, không có gì làm của riêng, họ hoàn toàn lệ thuộc vào manna mà Thiên Chúa đã cung cấp cho họ mỗi ngày. Những người đầu tiên thực sự được sở hữu Vùng đất Hứa chắc chắn đều chấp nhận tình trạng “truất hữu” này, vì đối với họ, vấn đề này rất có thật, sống động và cá nhân. Vấn đề thực sự xảy ra chỉ đối với các thế hệ sau này, khi các thế hệ mới không hề có kinh nghiệm cá nhân nào về việc có trách nhiệm phải đi vào Vùng đất Hứa. Sau đó, họ sẽ trải qua chức cảm dỗ mạnh mẽ hơn, để hành động như thể đúng là họ đã sở hữu vùng đất này; và điều này sẽ thôi thúc họ không dâng lên Đức Chúa những hoa quả-đầu mùa, hoặc họ chỉ dâng hiến một cách miễn cưỡng hoặc theo nghi thức mà thôi.

Trên thực tế, cách xử lý của dân ngoại đúng là trái ngược lại: Ngay từ đầu, họ đều chấp nhận sự kiện rằng họ (dân ngoại) đã từng sở hữu vùng đất, với tư cách là những chủ nhân thực sự. Do đó, chỉ bằng cách đảo ngược sự hiểu biết và cách thực hành này của dân ngoại, dân Ít-ra-en mới có thể chấp nhận ân huệ của Thiên Chúa về Vùng đất Hứa và khác biệt với những người còn lại. Xuyên suốt lịch sử, dân Ít-ra-en đã

từng sở hữu vùng đất này, nhưng họ lại luôn luôn hành động như thể họ không sở hữu nó. Như vậy, việc dâng những hoa quả-đầu mùa mà qua đó, họ hoàn toàn trở lại với Thiên Chúa và thừa nhận quyền tối cao của Người, như vốn có, không bao hàm điều gì ít hơn là chính *căn tính* của dân Ít-ra-en, với tư cách là Dân tộc được Chọn của Thiên Chúa.

Hiện nay, các Ki-tô hữu cũng đi theo cùng động lực hoặc kiểu mẫu này. Vì tội lỗi, bị trục xuất khỏi tình mật thiết tuyệt vời với Thiên Chúa, nên họ cũng bắt đầu cuộc sống trên trái đất này như những kẻ xa lạ và nghèo khổ. Nhưng trong Đức Ki-tô, Thiên Chúa đã kêu gọi họ ký kết giao ước mới và vĩnh cửu, và làm cho họ trở thành những công dân và người thừa kế vương quốc trên trời. Giống như dân Ít-ra-en, họ cũng phải thường xuyên nhớ đến ân huệ của Thiên Chúa trong Đức Ki-tô, và cảm tạ Chúa Cha về ân huệ nhưng-không này. Đó là tính cách tương tự trong mức độ nhất định.

Sự *khác biệt* về căn tính giữa người Do Thái và Ki-tô hữu được nhận thấy rõ qua “*đối tượng*” hoặc ân huệ mà Thiên Chúa ban. Trong trường hợp người Do Thái, đó là vùng đất đã được đóng ấn với chứng thực của Lễ luật, ngược lại, đối với các Ki-tô hữu, đó chính là Đức Giê-su Ki-tô, được Chúa Cha ghi dấu xác nhận trong Chúa Thánh Thần (Ga 6:27; Cv 10:38). Ở đây, trong trường hợp của các Ki-tô hữu, điều mà Thiên Chúa ban cho họ một cách nhưng-không chính là Ân huệ⁹ của Thiên Chúa, hoặc thậm chí còn tốt hơn, “Thiên Chúa mặc khải đầy đủ về Người như ân huệ, trong ân huệ trọn vẹn của Bản thân Người”, được thực hiện do chính Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, một ân huệ được Chúa Thánh Thần biến thành hiện thực. Như vậy ân huệ của Chúa Thánh Thần chính là *ân huệ đặc biệt*, được ban cho nhân loại trong Đức Ki-tô (và các Ki-tô hữu thực sự đón nhận qua Phép Thánh tẩy).

Bây giờ, sự khác biệt này trong hai *đối tượng* không chỉ là sự khác biệt về cường độ hoặc mức độ. Nói đúng hơn, sự khác biệt này biểu thị điều gì đó hoàn toàn khác hẳn, liên quan đến nguồn gốc của ân huệ

được trao ban, do đó, liên quan đến chính mối quan hệ giữa Thiên Chúa và nhân loại. Chúng ta không cần phải tìm kiếm điểm chủ yếu của sự khác biệt này theo trật tự *luân lý*, nhưng trong lãnh vực *thần học*. Điều này không liên quan đến lòng quảng đại của con người, nhưng liên quan đến lòng quảng đại của Thiên Chúa. Ân huệ được trao ban cho các Ki-tô hữu không là gì khác ngoài Thần Khí của Thiên Chúa, sự viên mãn tối hậu của lời hứa Giao ước mới, ân huệ-Bản thân trọn vẹn của chính Thiên Chúa đối với nhân loại. Như vậy, để đi vào cuộc sống hiệp thông với Thiên Chúa, các Ki-tô hữu không còn phải vượt lên bằng nỗ lực của bản thân họ, như họ vẫn thế. Chúng ta có thể hình dung, họ không ở trong cuộc hành trình hướng tới sự viên mãn, nhưng họ đã đạt tới và đã sở hữu những hoa quả-đầu mùa nơi ân huệ tối hậu của chính Thiên Chúa.

Các Ki-tô hữu không chỉ nhận được một “đồ vật” mục tiêu như vùng đất, rốt cuộc sẽ đưa họ đến với sự hiệp thông hoàn toàn với Thiên Chúa. Nói đúng hơn, họ đã được đón nhận chính Thiên Chúa, ngay cho dù chỉ như là “hoa quả-đầu mùa”. Do đó, họ không cần phải thực hiện những công việc của Lễ luật, hầu đạt được đích đến cuối cùng của họ. Họ chỉ cần phải đón nhận chính ân huệ của Thiên Chúa, là Thần Khí của Chúa Sống lại trong đời sống hằng ngày, và sống tình hiệp thông của họ với Chúa. Thần Khí sẽ biến đổi và thánh hóa ngày sống của họ thành ngày sống vui tươi; chính đời sống đầy ắp-Thần Khí của họ trở thành việc thờ phượng trong Thần Khí và sự thật (Rm 12:1), một lễ tế thiêng liêng (1 Pr 2:5), được dâng lên trong niềm cảm tạ vinh quang Thiên Chúa.

Mặc dù sự khác biệt này là chủ yếu, nhưng nó cũng rất kín đáo và tế nhị, đến nỗi chúng ta có thể dễ dàng bỏ qua. Đó là bởi vì bên ngoài, không có sự khác biệt giữa người Do Thái và Ki-tô hữu – trước hết, chỉ có thể nhận ra và cảm thấy toàn bộ sự khác biệt theo cách thức từng người tự nhìn vào bản thân mình và thực tại chung quanh. Đây là điều mà Thánh Phao-lô vẫn đấu tranh trong cách đối xử của ngài với các tín hữu Ga-lát (Gl 3:1) và với các nhà lãnh đạo trong Giáo hội tiên khởi (Cv

15). Louis-Marie Chauvet nói: “Sự khác biệt của Ki-tô hữu không bao giờ được nhận thấy rõ, như trong sự gần gũi của họ với căn tính của người Do Thái. Như vậy, chắc hẳn căn tính này tìm được phẩm chất phù hợp nhất của nó: sự khác biệt thuộc về **cánh chung**”¹⁰.

Đối với các Ki-tô hữu nào mong ước sống cuộc đời viên mãn như Đức Giê-su mong muốn, thì một số kết quả thực tiễn và có ảnh hưởng lớn, theo sau những điều quan trọng căn tính đến đây:

- a/. Trong khi người Do Thái tìm cách tự tách biệt khỏi “cõi trần tục”¹¹, thì các Ki-tô hữu lại được kêu gọi để thánh hóa cõi trần tục, bằng cách hòa mình vào đó. Trên thực tế, đối với các Ki-tô hữu, không gì thực sự “trần tục”. “Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta” (Ga 1:14). Trong thái độ này đối với toàn thể thực tại trần thế, Ki-tô hữu đi theo nguyên tắc của chính Ngôi Lời nhập thể – không gì của nhân loại lại xa lạ hoặc cách biệt với Thiên Chúa, do đó, không cần phải xa lánh như những con người ô uế, hoặc khiến họ bất xứng trước mặt Thiên Chúa. Việc cứu chuộc bao trùm và phải thu hút toàn thể thụ tạo (Rm 8:18-25).
- b/. “Vị trí” chủ yếu của việc thờ phượng trong Ki-tô giáo chính là sống đạo đức trong cuộc đời hằng ngày, qua các nhân đức đời thường của lòng tin và lòng mến. Các Ki-tô hữu có một “chức tư tế” mới, trong trách nhiệm dâng hiến một “lễ tế thiêng liêng”. Toàn bộ Dân tộc mới của Thiên Chúa đều thuộc về chức tư tế này (1 Pr 2:4-5; 2 Cr 6:16; 1 Cr 3:16)¹².
- c/. Trong bối cảnh đó, chức năng của thừa tác viên không hoàn toàn bị hủy bỏ, nhưng đối với các Ki-tô hữu, chức năng này thuộc về một trật tự hoàn toàn khác hẳn với chức năng của tư tế Do Thái. Bây giờ, chỉ có duy nhất một Đấng trung gian, Đức Ki-tô, (1 Tm 2:5), chức tư tế của Người tồn tại mãi mãi và thuộc về một trật tự cao cả

(Dt 7:24). Linh mục Công Giáo không phải là một người trung gian, nhưng nói đúng hơn, vai trò của linh mục là làm cho hiện diện trong bí tích sự trung gian duy nhất của Đức Ki-tô, Đấng mà linh mục làm chủ tế nhân danh Người.

- d/. Ki-tô giáo không kết thúc bằng cách trở nên “phi-thánh hóa”. Những biểu hiện thánh hóa vẫn có một vị trí, đặc biệt trong phụng tự. Đức tin tạo khả năng cho chúng ta tiếp xúc với sự thánh hóa, nhưng theo kiểu khác biệt một cách đáng kể. Trong các tôn giáo đầu tiên, sự thể hiện của Thiên Chúa được thực hiện chủ yếu qua cách thức *nhìn*, qua việc chiêm ngắm Thiên Chúa trong vũ trụ. Trong Do Thái giáo, mặc khải của Thiên Chúa được thực hiện qua lịch sử, qua cách thức *nghe*. Đối với dân Ít-ra-en, Thiên Chúa không có khuôn mặt, do đó, không thể tạo ra “hình ảnh” của Người. Thiên Chúa cần được nhận thức qua “lời” của Người mà nhân loại phải vâng phục. Trong bối cảnh này, Kinh Thánh và sách của các ngôn sứ trở nên cực kỳ quan trọng.

Mặc dù Ki-tô giáo không phản đối hoặc sao lãng hai cách thức này, nhưng Ki-tô giáo còn tiến xa hơn, đến một cách thức *sống động*: Bây giờ, chính con người và cuộc sống bình thường của họ đều trở thành “nơi” mà qua đó, Thiên Chúa mặc khải về Người. Yếu tố thiêng liêng nhất được trao ban trong yếu tố thể lý – một giá trị được làm nổi bật, bằng cách sử dụng những yếu tố trần tục như: nước, bánh, rượu v.v... trong phụng vụ. Như Thánh Phao-lô giải thích điều này: “Thư giới thiệu chúng tôi là chính anh em. Thư ấy viết trong tâm hồn chúng tôi, mọi người đều biết và đã đọc. Rõ ràng anh em là bức thư của Đức Ki-tô được giao cho chúng tôi chăm sóc, không phải viết bằng mực đen, nhưng bằng Thần Khí của Thiên Chúa hằng sống, không phải ghi trên những tấm bia bằng đá, nhưng những tấm bia bằng thịt, tức là lòng người” (2 Cr 3:2-3).

7. Việc Thờ phượng của Ki-tô hữu Diễn tả Căn tính Ki-tô giáo

Yếu tố chủ yếu trong sự thờ phượng của người Do Thái, đó là việc Tưởng nhớ được cử hành rõ rệt nhất trong Lễ Vượt qua. Con chiên Vượt qua bị sát tế và được ăn để *tưởng nhớ* cuộc giải thoát khỏi Ai Cập. Trong quá trình bữa ăn này, dân Ít-ra-en vâng phục mệnh lệnh mà Thiên Chúa ban qua ông Mô-sê: “Trong ngày ấy, người sẽ kể lại cho con của người rằng: Sở dĩ như vậy là vì những gì Đức Chúa đã làm cho cha khi cha ra khỏi Ai Cập” (Xh 13:8). Sách Mishnah bình luận điều này như sau:

Trong tình thế hệ, người ta buộc phải tự coi như thể cá nhân họ đã từng ra khỏi Ai Cập, vì sách Xuất hành đã nói rằng: “*Trong ngày ấy, người sẽ kể lại cho con của người rằng: Sở dĩ như vậy là vì những gì Đức Chúa đã làm cho cha khi cha ra khỏi Ai Cập*”. Do đó, chúng ta buộc phải cảm tạ, ngợi khen, tôn vinh, ca ngợi, chúc tụng, tán dương và tôn sùng Thiên Chúa, Đấng đã ban cho cha ông chúng ta và tất cả chúng ta tất cả những điều kỳ diệu này. Người đã chuyển chúng ta từ tình trạng nô lệ thành tự do, buồn phiền thành vui tươi, than khóc thành liên hoan, tối tăm thành sáng sủa, bị khuất phục thành cứu chuộc, vì thế, chúng ta nên nói lên trước mặt Người, Hallelujah¹³.

Việc tưởng nhớ này không thể bị giáng cấp thành điều gì đó thuần túy mang tính cách chủ quan, chỉ là một lúc để nhớ lại các sự kiện đến với tâm trí chúng ta, giống như những tấm ảnh. Nói đúng hơn, đây là một “tập hợp kỷ niệm làm cho hiện tại chuyển động và mở ra tương lai. Về việc tưởng nhớ trong phụng vụ, dân Ít-ra-en đón nhận quá khứ cao siêu của họ như là hiện tại, và ân huệ này bảo đảm cho một lời hứa trong tương lai”¹⁴.

Dựa trên nền tảng của sự hiểu biết này, chúng ta nhớ lại lệnh truyền mà Đức Giê-su đã để lại cho các môn đệ của Người: “Hãy làm việc này để Nhớ đến Thầy”. Đức Giê-su chọn sự hiểu biết phong phú của người Do Thái về việc Tưởng nhớ như là phương tiện để làm cho ơn Cứu độ của Người đến với từng thế hệ thuộc mọi thời. Như vậy, đối với các Ki-tô hữu, ngày nay, Thánh Lễ như sự Tưởng nhớ là điều chủ yếu đối với họ, để ký kết giao ước với Chúa Cha, thông qua Đức Giê-su.

Các tín hữu nào theo sau Đức Ki-tô để đến với Thiên Chúa, thì đều sẽ dâng hiến “các lễ tế” của họ “nhờ Người, với Người và trong Người”. Chính Đức Giê-su là Đấng đã giành được cho họ “quyền đi vào”. Ngoài ra, con đường mà họ sẽ đi qua cũng chỉ được tìm thấy trong Đức Ki-tô, cụ thể bằng con đường vượt qua, với sự chết-sống lại của Người. Do đó, họ sẽ cần phải dâng lên bàn thờ, không phải máu của bò và dê, nhưng họ dâng chính cuộc đời của mình, được sống trong sự vâng phục yêu mến đối với Chúa Cha. Sẽ có những lúc khi sự vâng phục này gần như đòi hỏi họ phải “chết đi” hoàn toàn, có thể đau đớn như đổ máu thực sự, nếu không phải là đau đớn hơn. Nhưng trong động tác này, họ không cô độc, vì “Chúng ta có một vị tư tế cao trọng đứng đầu nhà Thiên Chúa, Đấng tiên phong trong việc cứu độ chúng ta, Đấng xứng đáng được tin tưởng” (Dt 10:1-18).

Những các “lễ tế” này như thế nào? Việc thờ phượng thực sự của Ki-tô hữu sẽ bao gồm điều gì? Rõ ràng việc thờ phượng này sẽ không bao gồm các lễ tế theo kiểu nghi thức được quy định trong “Cựu Ước”. Tuy nhiên, *kiểu* thờ phượng của người Do Thái vẫn còn, vì các bước thâu đáo cơ bản vẫn như nhau. Chẳng hạn, các bước này được nhận thấy trong nghi thức dâng các hoa quả-đầu mùa của đất, như trong Đnl 26:1-11. Trong diễn từ của ông Mô-sê, có năm bước liên quan đến dịp này:

¹ Khi **anh em** vào đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em ban cho **anh em** làm gia nghiệp, khi **anh em** chiếm hữu và ở đất đó,

thì ²**anh em** sẽ lấy một phần trong mọi nông sản đầu mùa **anh em** thu hoạch được từ miền đất của anh em, mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em ban cho **anh em**. **Anh em** sẽ để những thứ ấy vào giỏ, rồi đi đến nơi Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, sẽ chọn cho Danh Người ngự.

³**Anh em** sẽ đến với tư tế tại chức trong những ngày đó và thưa với ông: “Hôm nay, **tôi** xin trình với Đức Chúa, Thiên Chúa của ông, rằng **tôi** đã vào miền đất mà Đức Chúa đã thề với cha ông chúng tôi là Người sẽ ban cho chúng tôi”. ⁴Tư tế sẽ lấy giỏ từ tay anh em, và đem đặt trước bàn thờ Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em. ⁵Bấy giờ, anh em sẽ lên tiếng thưa trước tôn nhan Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, rằng: “Ông tổ tôi là người Aram phiêu bạt, đã xuống Ai Cập và trú ngụ tại đó cùng với một số người ít ỏi; tại đó, người đã trở thành một dân tộc mạnh và đông. ⁶Người Ai Cập đã ngược đãi, hành hạ **chúng tôi**, và đặt ách nô lệ lên vai **chúng tôi**. ⁷Bấy giờ, **chúng tôi** đã kêu lên cùng Đức Chúa, Thiên Chúa của cha ông chúng tôi; Người đã nghe tiếng chúng tôi, đã cảnh khổ cực, lầm than, áp bức chúng tôi phải chịu. ⁸Đức Chúa đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền, đã gây kinh hồn táng đờm và thực hiện những dấu lạ điềm thiêng, để đưa **chúng tôi** ra khỏi Ai Cập. ⁹Người đã đưa **chúng tôi** vào đây, ban cho **chúng tôi** đất này, đất tràn trề sữa và mật”.

¹⁰ Và bây giờ, lạy Đức Chúa, này **con** xin dâng sản phẩm đầu mùa của đất đai mà Ngài đã ban cho con”. Anh em sẽ đặt lễ vật trước tôn nhan Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, rồi anh em sẽ phủ phục trước tôn nhan Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em.

¹¹**Anh em** sẽ liên hoan cùng các thầy Lê-vi và người ngoại kiều sống giữa **anh em**, vì mọi điều tốt mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, đã ban cho **anh em** và gia đình anh em.

Khi diễn tả diễn từ này dưới dạng biểu đồ, thì:

- A. (1-2) Những quy định theo nghi thức sử dụng từ tập thể “anh em”, với thì tương lai. Điều này liên quan đến việc chấp nhận vương quyền của Thiên Chúa trong cuộc sống của họ, với tư cách là Dân tộc được Chọn.
- B. (3-4) Từ và động tác theo nghi thức sử dụng từ “tôi” và thì hiện tại.
- C. (5-9) Việc tuyên xưng đức tin sử dụng từ “chúng tôi” và thì quá khứ – nói về câu chuyện ở Ai Cập.
- D. (10) Từ và động tác theo nghi thức sử dụng từ “tôi” và thì hiện tại.
- E. (11) Những quy định về đạo đức sử dụng từ tập thể “anh em” và thì tương lai. Điều này liên quan đến việc chia sẻ với những người trong số Dân Thiên Chúa, những người không sở hữu bất cứ thứ gì.

Việc tưởng nhớ mà dân Ít-ra-en cử hành mỗi năm, qua những động tác và lời nói trong thì hiện tại, đều diễn tả điều mà việc tưởng nhớ đã tường thuật trong thì quá khứ. Dân Ít-ra-en không phải là chủ nhân đối với vùng đất của họ, nhưng họ chỉ là người quản lý đất mà thôi. Bởi vì chủ nhân là Thiên Chúa, Đấng làm cho hoa quả mọc lên, cũng như chính Người là Đấng đã đưa dân Ít-ra-en ra khỏi đất Ai Cập. Mỗi năm, Thiên Chúa đều một lần nữa ban vùng đất này cho dân Ít-ra-en, và dân Ít-ra-en có thể sống trên đó, chỉ bằng cách liên tục đón nhận vùng đất này như một ân huệ, liên tục “tưởng nhớ” và dâng lời cảm tạ. Điều này được diễn tả bằng những hoa quả-đầu mùa mà họ đã đưa đến và dâng lên Chúa (tự trút hữu những hoa quả này). Họ hoàn lại cho Thiên Chúa vùng đất này và những hoa quả của đất, vốn thuộc về Người và đã được ban cho họ một cách nhưng-không; họ đáp lại ân huệ của Thiên Chúa khi họ dâng lời cảm tạ.

Nhưng không phải Thiên Chúa muốn có vùng đất này hoặc sản phẩm của đất. Nếu Người ban vùng đất này cho dân Ít-ra-en, thì đó là để dân Ít-ra-en đáp lại bằng cách trao tặng cho những người khác, những người không có quyền sở hữu và / hoặc đất đai, nghĩa là các thầy Lê-vi và những người ngoại kiều. Như vậy, tự thân việc dâng tiến lên Thiên Chúa theo nghi thức là không đủ. Các ngôn sứ đã từng nhấn mạnh việc dâng tiến này trong và ngoài mùa. Việc truat hữu *theo nghi thức* để tôn vinh Thiên Chúa chỉ trở nên có ý nghĩa và trọn vẹn, khi việc này được kiểm chứng (làm cho xác thực) qua việc truat hữu thực sự để ủng hộ những người túng thiếu. Do đó, những động tác theo nghi thức của họ trở thành *cách diễn tả tượng trưng* về một bổn phận đạo đức. “Ân huệ luôn luôn được ban như một nhiệm vụ phải thực hiện. Đối với dân Ít-ra-en đích thực, phụng vụ theo nghi thức không có ý nghĩa, trừ phi nó được thực hiện như một “phụng vụ đối với người lân cận”, như Emmanuel Levinas đã ghi chú”¹⁵.

Kiểu thờ phượng này cũng áp dụng vào việc thờ phượng của Ki-tô hữu. Tuy nhiên, khi Đức Giê-su thanh tẩy Đền thờ Giê-ru-sa-lem (Ga 2:13-22), thì Người đã báo trước một trạng thái mới của việc thờ phượng. Những từ mà các Ki-tô hữu tiên khởi sử dụng (như: tư tế, dâng tiến, bàn thờ, thờ phượng, phụng vụ v.v...) đều biểu thị rằng Đức Ki-tô đã hoàn tất việc thờ phượng trong Đền thờ (đặc biệt các lễ tế và chức tư tế), và một khi hoàn tất, thì Người đã hủy bỏ nó. Thay vào đó, Người ban cho họ *đời sống hằng ngày của các Ki-tô hữu* như là lãnh vực mà trong đó, họ sẽ dâng lời cảm tạ, thừa nhận rằng cuộc sống của họ và mức độ mới này của tư cách làm con Thiên Chúa chính là ân huệ vĩnh viễn của Chúa Cha (miễn là họ liên kết với Người bằng đức tin và lòng mến, khi nhờ Người, họ trở thành một “lễ tế thiêng liêng”, nghĩa là “làm vui lòng Thiên Chúa” trong Thần Khí)¹⁶.

Như vậy, có sự khác biệt hoàn toàn giữa các lễ tế của “Cựu Ước” và hy tế của Đức Giê-su, dựa trên sự khác biệt về căn tính giữa hai dân –

dân của Thiên Chúa trong Giao ước đầu tiên và Giáo hội, dân mới của Thiên Chúa. Và sự khác biệt này là không thể đổ rượu mới của Tin Mừng vào bầu cũ của Lễ luật, và lấy vải mới mà vá vào áo cũ – “khiến chỗ rách lại càng rách thêm” (Mc 2:21-22).

Tuy nhiên, chắc hẳn thuật ngữ “lễ tế” cần được sử dụng để diễn tả việc đáp lại-ân huệ đối với Thiên Chúa, qua những người lân cận có nhu cầu. Điều này chủ yếu là vì khái niệm “lễ tế” có một điểm hữu ích khi sử dụng nó trong bối cảnh này. Và khái niệm này bao hàm rất rõ yếu tố “hoàn toàn tự-hiến”. Sau khi nhận được tất cả mọi sự từ Thiên Chúa, thì người ta có thể đến trước mặt Thiên Chúa bằng cách nào khác, nếu không phải là với mong ước dâng hiến tất cả mọi sự vốn thuộc về Người? Khó khăn xuất hiện, khi người ta cố gắng phát biểu rõ sự tự-hiến này trong tương quan với Thánh Thể, và cũng nhấn mạnh đến mối quan hệ của sự tự-hiến với sự chết và sự sống lại của Đức Ki-tô. Trên hết, sự chết của Đức Giê-su diễn tả một tự-hiến trọn vẹn mở ra tới cuộc sống hằng ngày, ngay cả đến sự chết – lại nữa, đó chính là điều mà Thánh Lễ hoàn toàn nhắm đến.

Do đó, lối thờ phượng trong Ki-tô giáo phải tự mô phỏng theo “hy tế” độc nhất của Đức Ki-tô, vốn **hoàn toàn khác hẳn lối thờ phượng mang tính cách nghi thức trong “Cựu Ước”**¹⁷. Lối thờ phượng này cần phải hệ tại ở sự biến đổi toàn bộ chính *sự hiện hữu của con người*, nhờ phương tiện là tình yêu thần thánh, “ngọn lửa thực sự từ Thiên đàng”¹⁸. Cuộc sống của Ki-tô hữu được định hình bởi lối sống của Đức Ki-tô. Khi một dân tộc xuất thân từ giao ước mới, thì họ được khẳng định bởi cũng chính Thiên Chúa của lời hứa, Đấng đã từng định hình và hướng dẫn đức tin và lòng trông cậy của Đức Giê-su. Với tư cách là môn đệ của Đức Ki-tô, họ đi theo những bước chân của Người. Với tư cách là những kẻ được đìm vào nước thanh tẩy trong sự chết-sống lại của Người (Rm 6:3-14), họ sống và tiếp tục chính cuộc hành trình hy tế của Người.

Hy tế của Đức Ki-tô có hai chiều kích: chiều kích thẳng đứng, đòi hỏi các Ki-tô hữu phải sống cuộc đời của họ trong sự vâng phục yêu mến đối với Chúa Cha; và chiều kích nằm ngang, bao hàm tình liên đới huynh đệ, được thực hiện thậm chí đến tột cùng của ân huệ trọn vẹn, bao gồm chính cuộc đời của họ dành cho người khác. Chỉ phương pháp này mới có thể mang lại sự biến đổi cho tình trạng xa cách của con người đối với Thiên Chúa.

Do đó, việc thờ phượng không còn có thể được định vị theo một lối sống bị coi như thế tục, theo kiểu chia thành ngăn. Tự thân cuộc sống, toàn bộ và trọn vẹn, cần được hiểu biết và biến đổi thành một hành động dâng hiến quảng đại trong sự vâng phục yêu mến đối với Thiên Chúa, và lòng tận tụy huynh đệ đối với người lân cận có nhu cầu. Chắc hẳn phương pháp này thậm chí cũng sẽ bao gồm cả sự biến đổi toàn thể Thiên nhiên và Sinh thái nữa. Sự thật phương pháp này sẽ là việc thiết lập một “trời mới và đất mới”. Để mang lại kết quả thực sự và lâu dài, cuộc sống với lòng yêu mến đạt hiệu quả phải được định vị trong một bầu khí cảm tạ (*Berakah* – Kinh Tạ ơn hoặc cầu chúc của Do Thái). Khi nhận được tất cả mọi sự nhờ Đức Ki-tô, người tín hữu được mời gọi để “nhờ Người, luôn luôn dùng lời ngợi khen làm lễ tế dâng lên Thiên Chúa” (Dt 13:15).

Căn cứ vào vị trí trung tâm của Thánh Lễ như là “nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu”, cùng với sự thật là “Giáo hội tạo ra Thánh Lễ, và Thánh Lễ tạo ra Giáo hội”, điều cực kỳ quan trọng là cần phải hiểu rõ về những gì mà người đi theo Đức Ki-tô được kêu gọi để thực hiện trong Thánh Lễ. **Với tư cách Ki-tô hữu, tất cả mọi sự họ là và thực hiện đều xoay quanh sự hiểu biết chủ yếu này.** Vì thế, nếu phải giải thích thỏa đáng giáo lý về Thánh Lễ, thì Thánh Lễ cần bao hàm hai khái niệm cơ bản sau đây:

- (1) Bản chất thực sự của Thiên Chúa là Người tự-hiến thân trọn vẹn, mà núi Can-va-ri-ô chính là tiêu chuẩn để đánh giá điều này (“Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi... Ga 3:16-18).
- (2) Người mong muốn chúng ta cũng đáp lại Người bằng cách tự-hiến thân trọn vẹn – mà một lần nữa, núi Can-va-ri-ô chính là tiêu chuẩn để đánh giá (“Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” Ga 15:13-14).

Bằng cách này hay cách khác, nghi thức Thánh Lễ phải thể hiện cả hai khía cạnh này. Và Thánh Lễ thực hiện điều này ở hai mức độ: Trước hết, ở mức độ *tự nhiên*, vì Thánh Lễ được trình bày như một bữa ăn được chia sẻ, bao gồm một niềm tin, khát vọng và mục đích chung. Các Ki-tô hữu đến với nhau chính xác bởi vì họ tin rằng bất kể tình trạng tội lỗi của họ, tình yêu vô biên của Thiên Chúa vẫn quy tụ họ lại với nhau, với tư cách là những đứa con yêu dấu, trong và nhờ Đức Ki-tô. Thiên Chúa mời gọi họ lại lắng nghe câu chuyện về tình yêu của Người đối với toàn dân; không chỉ lắng nghe, mà còn phải sống-lại và cảm nghiệm-lại về tình yêu này. Họ đào sâu niềm tin rằng Chúa Cha không khước từ bất cứ ai đến với Người trong Đức Ki-tô, Con yêu dấu của Người.

Một khi họ đã cảm nghiệm được sự chấp nhận thật nhân từ của Thiên Chúa đối với họ trong Đức Ki-tô, thì lúc đó, lại nhờ vào Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, họ mới mạnh dạn dâng hiến bản thân, mặc dù có thể họ bất xứng và thiếu sót. Điều này được thực hiện dựa trên mức độ các cuộc đấu tranh trong đời sống hằng ngày về mặt *xã hội-văn hóa*. Như vậy, sự hiệp thông và tạ ơn trở thành những tiêu điểm trong việc họ cử hành Thánh Lễ.

Bởi vì việc tự-hiến thân trọn vẹn, đầy yêu thương của Đức Giê-su là ân huệ chủ yếu, đang được làm cho hiện diện lại trong Thánh Lễ, trong

thực tại trung tâm này, nên mục đích chính của “lễ tế”, nghĩa là mối quan hệ giao ước, được thực hiện. Do đó, danh xưng Thánh Lễ như là lễ tế được chấp nhận. Bởi vì bất cứ nơi nào Thiên Chúa hành động nhằm mục đích đưa mọi người vào mối quan hệ thực sự với bản thân Người trong Giao ước, thì Thiên Chúa vẫn luôn luôn hành động với tư cách của Người, và luôn luôn biểu thị những đặc điểm thuộc về căn tính – hoặc nơi con người Đức Giê-su, hoặc nơi bí tích Thánh Thể, hoặc nơi bất cứ khía cạnh nào khác thuộc về hành động ân huệ của Người.

Thánh Lễ vẫn là phương tiện bề ngoài mà qua đó, dân Thiên Chúa tập trung vào việc dâng hiến-bản thân lên Thiên Chúa, hoàn toàn mang tính cách cá nhân và tập thể, nhờ Đức Giê-su, Đấng vừa dẫn đường cho những kẻ theo Người, vừa ban cho họ nghi thức này để nhờ đó họ phát triển. Ân huệ của Thiên Chúa “trong Đức Ki-tô” và sự đáp lại của họ “trong Đức Ki-tô” liên kết hoặc hợp nhất với nhau chỉ trong một hành động¹⁹.

8. Lối sống Thực hành của Ki-tô hữu

Như vậy, một khi đã chia sẻ trong Giao ước thông qua chiến thắng của Đức Ki-tô, thì Ki-tô hữu trở thành một “Giê-su khác” (người cứu độ) đối với những người chung quanh. Họ bộc lộ những đặc tính của một dân tộc Phục sinh. Căn cứ vào những suy nghĩ của Edward Ciuba, những gì mà điều này bao hàm trong thực hành là:

1/ Theo cảm nghiệm của con người, thực tại về vương quyền của Thiên Chúa là do Thiên Chúa đề xướng; đây chính là ân huệ của Thiên Chúa đối với con người, chứ không phải là món quà tặng của con người đối với Thiên Chúa ... Thiên Chúa cứu độ con người bất kể bản thân họ, bất kể sự mù quáng và cứng lòng của họ, bất kể cách

đáp lại hèn mọn của họ²⁰. Tuy nhiên, Giáo hội vẫn có một truyền thống rõ ràng là dường như nhấn mạnh rằng Thiên Chúa đòi hỏi nơi con người một sự đáp lại hoàn hảo, đúng đắn về mặt đạo đức, trước khi họ có thể được thừa nhận để dâng Thánh Lễ²¹.

Theo tường trình, phương pháp này dựa trên chỉ thị của Thánh Phao-lô trong 1 Cr 11:17-34, nghĩa là người ta phải tự xét mình, vì e rằng họ ăn bánh này và uống chén này, mà không phân biệt được Thân thể của Đức Ki-tô. Nếu họ không tự xét mình, thì họ phạm tội đối với Mình và Máu thánh Đức Ki-tô. Tuy nhiên, bằng chứng trong Tân Ước dường như hàm ý rằng những lý lẽ của Thánh Phao-lô trong việc loại khỏi cộng đoàn các tín hữu Cô-rin-tô nào sai trái, do đó họ không được dâng Thánh Lễ, đều dựa trên các nguyên tắc giáo lý, thay vì dựa trên các nguyên tắc đạo đức²². Do đó, dân tộc Phục sinh có thể vui mừng hiện diện trong Thánh Lễ, ngay cho dù họ vẫn ý thức được đức hạnh của mình và những giới hạn khác.

2/ Cách đáp lại cơ bản đối với dân tộc của Nước trời hàm ý hoán cải, vui mừng khám phá kho tàng, và kết quả là sự thay đổi tâm hồn và đón nhận ân huệ của Thiên Chúa trong Đức Giê-su Ki-tô. Đây là một sự thay đổi tâm hồn (mô thức), qua đó, họ trở thành bạn hữu của Thiên Chúa, họ vui mừng và biết ơn khi đón nhận cuộc đời mình. Hoán cải cơ bản có nghĩa là thay đổi chính mình (tuy nhiên, vẫn thừa nhận một quá trình đòi hỏi sự bộc lộ từ từ), kết quả là có một tầm nhìn mới và một lối sống dựa trên những đòi hỏi triệt để²³ của Tin Mừng.

Ngoài ra, sự hoán cải này còn có liên quan, triển nở từ mối quan hệ mới giữa Thiên Chúa với con người, và của con người đối với nhau. Vì thế, đây là điều gì đó được diễn tả không chỉ qua việc cử hành Thánh Lễ, mà còn xuyên suốt cuộc đời. Sự sống mới và mối quan hệ mà Thiên Chúa trao ban phải được đón nhận trong đức tin, nhưng phải

sống trong lòng mến, vì nói cách khác, lòng mến chính là đức tin được thể hiện bằng hành động.

3/ Các môn đệ vẫn sẽ luôn luôn có cảm giác căng thẳng, họ trải nghiệm rằng vương quốc của Thiên Chúa “đã tỏ hiện”, nhưng họ cũng nhận ra rằng cần phải nhận thức rõ là Nước trời “chưa tỏ hiện”. Hậu quả trực tiếp của sự căng thẳng này là Ki-tô hữu sống cuộc đời họ giữa một thế gian tội lỗi – mà họ không thể trốn tránh được. Thế gian trở thành “nơi chốn” mà họ thực hiện việc cứu độ của mình, chắc hẳn đây là một quá trình từ từ, và có thể bao gồm một số lần tái phạm. Tuy nhiên, một khi đã trải nghiệm được sự sống lại của Chúa, thì Ki-tô hữu mang lại sự biến đổi tương ứng, nơi tất cả mọi sự và tất cả mọi người chung quanh họ. Nói tóm lại, yếu tố Nước trời “chưa tỏ hiện” đòi hỏi một sự phát triển tiến hóa liên tục và thường xuyên, và một sự hoán cải lập đi lập lại. Tuy nhiên, Ki-tô hữu không cần chờ đợi phải đủ điều kiện thì mới có thể cử hành Thánh Lễ; họ đã có được ân huệ mà Chúa ban nhưng-không, và sự đảm bảo đối với lời hứa của Người, điều này thôi thúc họ vui mừng cử hành ngay lúc này chiến thắng cuối cùng trong Đức Ki-tô.

Như John H. Westerhoff, III, giải thích điều này:

Thách thức phải đương đầu ngày nay là cung cấp đời sống mang tính cách cộng đồng và nghi thức, vốn sẽ hỗ trợ đời sống và đức tin Ki-tô giáo lành mạnh, nghĩa là liên kết các chiều kích thánh thiêng và thế tục của đời sống con người, cá nhân và cộng đồng, cảm nghiệm bên trong về việc thờ phượng và hành động bên ngoài của đời sống hằng ngày, các khía cạnh nội tại siêu việt và trí tuệ trực giác về sự hiện hữu. Thách thức đối với việc cử hành Thánh Lễ của chúng ta là duy trì sự hợp nhất này, và cung cấp một bối cảnh chung dành cho cả việc hoán cải lẫn nuôi dưỡng, nhờ đó, làm cho người ta có thể tồn tại trong thế giới. Nhưng thách thức này cũng phải có khả năng biến đổi nền văn hóa thống trị, theo cách

thức càng ngày càng làm cho đời sống con người mang tính cách nhân đạo hơn²⁴.

9. Nội tâm hóa Mô thức Mới Cần thiết

Hầu có thể ngay từ đầu khởi sự vui hưởng ân huệ nhưng-không từ tình yêu vô biên của Thiên Chúa và hân hoan sống cuộc đời, điều mà các Ki-tô hữu vẫn đòi hỏi một cách thôi thúc, đó là một sự thay đổi triệt để về mô thức, mà qua đó, họ nhìn nhận cuộc sống của mình: Từ cách thức tự coi mình như những tội nhân lâu năm, bị từ bỏ, thường xuyên cần đến ơn tha thứ tội lỗi, đến trạng thái hiện nay đã trở thành con yêu dấu của Thiên Chúa, những người chắc chắn vẫn yêu đuối, nhưng ngay từ đầu đã được Thiên Chúa ban ân huệ một cách độ lượng và hào phóng. “Điểm khởi đầu” (mô thức) này quan trọng nhất và mang tính cách quyết định, trong vấn đề sống còn về thái độ cơ bản của con người đối với cuộc sống. Đây là điều chủ yếu, và điều này tạo ra toàn bộ sự khác biệt.

Tuy nhiên, các mô thức không tự động thay đổi. Ngay cho dù các mô thức mới đã được ghi khắc nơi con người lúc lãnh Phép Thánh tẩy, nhưng họ vẫn cần được dẫn dắt để đến với sự thay đổi này, để thường xuyên và hằng hái tiếp tục tác động đến các mô thức sai lầm của họ, và phần đầu để luôn luôn giữ trước mặt họ tầm nhìn của Chúa Cha và tình yêu của Người mà Đức Giê-su đã ban. Lúc họ lãnh Phép Thánh tẩy, mô thức-Ki-tô giáo này được gieo vào lòng họ như một hạt giống, và qua từng Thánh Lễ mà họ tham dự một cách có ý nghĩa, họ càng đào sâu tầm nhìn cơ bản giống như Đức Ki-tô. Kinh Thánh cung cấp cho họ sự củng cố đối với tầm nhìn này, vì qua đó, họ nhận thấy những người khác đi trước họ cũng đã thành công (sau nhiều sự phấn đấu) trong việc thay đổi các mô thức của họ. Chính Thánh Phao-lô là một tấm gương rất ấn tượng

về sự triệt để thay đổi mô thức. Ngài diễn tả điều này trong lá thư của ngài gửi các tín hữu Phi-líp-phê như sau:

Nếu ai khác có lý do để cậy vào xác thịt, thì tôi càng có lý do hơn: Tôi chịu cắt bì ngày thứ tám, thuộc dòng dõi Ít-ra-en, họ Ben-gia-min, là người Híp-ri, con của người Híp-ri; giữ luật thì đúng như một người Pha-ri-sêu; nhiệt thành đến mức ngược đãi Hội Thánh; còn sống công chính theo Lề luật, thì chẳng ai trách được tôi.

Nhưng những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Đức Ki-tô, tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi, so với mỗi lợi tuyệt vời, là được biết Đức Giê-su Ki-tô, Chúa của tôi. Vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi tất cả như rác, để được Đức Ki-tô và được kết hợp với Người. Được như vậy, không phải do sự công chính của tôi, sự công chính do luật Mô-sê đem lại, nhưng nhờ sự công chính do lòng tin vào Đức Ki-tô, tức là sự công chính do Thiên Chúa ban, dựa trên lòng tin” (Pl 3:4-9).

Khi Thánh Lễ được Ki-tô hữu cử hành như việc nhìn nhận và vui mừng đón nhận tình yêu Thiên Chúa, thì Thánh Lễ càng củng cố thêm thái độ cơ bản của họ đối với cuộc sống. Ngoài ra, trong Thánh Lễ, họ còn quy tụ với tư cách là một thân thể, Giáo hội. Điều này tạo khả năng cho họ hỗ trợ nhau trong việc duy trì tầm nhìn này – miễn là họ cử hành Thánh Lễ theo cách thức để cho điều này xảy ra. Trong Thánh Lễ, trọng tâm chủ yếu không tập trung quá nhiều vào Thiên Chúa hiện diện trên trời cao, nhưng nói đúng hơn, tập trung vào Thiên Chúa hiện diện ở trong và ở giữa mọi người, ban cho họ sự sống và tình yêu của Người.

Các Ki-tô hữu đều được ở trong Nước trời, mà Chúa Cha đã vui lòng ban cho họ (Lc 12:32), vì thế, họ sống cuộc đời của họ với sự hào hứng tích cực, bất kể nhiều khuyết điểm rõ rệt của họ. Các Ki-tô hữu đến với Thánh Lễ để ca tụng vận may tốt đẹp của họ và sống trạng thái đầy ân

huệ, mà Thiên Chúa là Cha đã dẫn dắt họ đến. Ý thức của họ về trạng thái được ban ân huệ đưa đến một loại Thánh Lễ hoàn toàn khác hẳn: một Thánh Lễ mà trong đó, họ ít cứng nhắc và hình thức, ít đầy-sợ hãi và khấn nài, vui mừng và tự do hơn, thư giãn và ca tụng nhiều hơn.

Niềm vui và sự tự do này được diễn tả không chỉ qua thái độ của Ki-tô hữu trong Thánh Lễ, mà còn qua giọng nói, tia sáng trong mắt họ, thái độ cởi mở mà họ bộc lộ đối với những người khác, vẻ chăm chú vào lời Chúa, sự hồn nhiên trong lời cầu nguyện của họ v.v... Ngoài ra, khi buổi cử hành kết thúc, suốt ngày, họ vẫn tiếp tục thái độ cởi mở tích cực đó đối với cuộc đời. Các Ki-tô hữu có một quan điểm rất tích cực, lạc quan đối với chính cuộc đời. Và khi làm như vậy, họ thực sự trở thành ánh sáng thể gian, muối đất và men trong bột. Họ báo hiệu Nước trời một cách càng sâu xa hơn, và chính sự hiện hữu của họ trở thành một lời mời gọi đối với những người khác, để đáp lại tình yêu của Thiên Chúa trong Giao ước.

Như vậy hiện nay, trong thực hành, có ba mức độ mà qua đó các Ki-tô hữu tiếp cận với Thiên Chúa và Thánh Lễ, thay đổi tùy theo loại mô thức mà họ có về Thiên Chúa và bản thân:

- a) Mức độ thứ nhất là mức độ mà hình như hầu hết mọi người đều hiện có. Theo mô thức này, trong Phụng vụ của Thánh Lễ, Ki-tô hữu chỉ chú ý theo kiểu chung chung đến những điều đang diễn ra, mà không hiểu biết nhiều về ý nghĩa của sự việc, hoặc không có bất cứ nỗ lực nghiêm túc nào để đi vào đó theo một cách thức cá nhân. Thậm chí họ còn không cảm thấy nhu cầu phải nhận thấy khả năng để làm được bất cứ điều gì tích cực trong Thánh Lễ, chỉ vì tội lỗi của họ. Ở mức độ này, Thánh Lễ Chúa nhật bị coi như thông lệ hoặc luật buộc, và sự hiện diện thể lý dường như là toàn bộ điều cần thiết. Do đó, niềm tin của họ hoàn toàn nơi hoạt động của Đức Giê-su và những công nghiệp của Người, cũng như nơi lòng thương xót của Thiên Chúa, thường được hiểu

một cách tùy tiện và hoàn toàn lệ thuộc vào Thiên Chúa. Theo phương pháp này, Thánh Lễ không thể chỉ là một lời khẩn nài, mặc dù liêm lĩnh, hết lòng xin Đức Ki-tô và Chúa Cha chấp nhận. Các Ki-tô hữu này tự coi mình như những kẻ tội lỗi bất xứng, họ đến với Thiên Chúa với hy vọng mong đợi nơi lòng thương xót và ơn trợ giúp của Người. Việc tìm kiếm ơn trợ giúp này chỉ từ một mình Đức Ki-tô vẫn không và không thể thỏa mãn được tâm hồn con người²⁵, vì thế, họ cần đến nhiều người trợ giúp khác (Đức Maria, các thánh và những người khác) và các phương tiện ít nhất được đề xuất hoặc hiểu như là có hiệu quả (các tuần chín ngày, những kinh nguyện, các cuộc hành hương và các phương tiện còn lại). Tuy nhiên, bất kể họ sử dụng bao nhiêu phương tiện này, họ vẫn còn trống rỗng và không tự tin khi đứng trước Thiên Chúa toàn năng, xa cách và “đòi hỏi”, và như vậy, chu kỳ bất tận của những kinh nguyện, Thánh Lễ, các tuần chín ngày vẫn cứ tiếp tục – mở rộng cả đến đời sau.

- b) Ở mức độ thứ hai, có các Ki-tô hữu đã thay đổi các mô thức của mình, nhưng dường như trở ngại chủ yếu là niềm tin cơ bản của họ vào “bản thân” trong các vấn đề thiêng liêng vẫn còn tiếp tục. Họ chưa thoát khỏi khuynh hướng hoàn toàn hoặc phần nào ỷ vào sức mình, khiến họ muốn đạt được các ân huệ của Thiên Chúa thông qua những nỗ lực riêng của họ. Vì thế, khi các Ki-tô hữu này tham dự Thánh Lễ, thì họ tìm cách tự đặt mình vào Phụng vụ (đôi khi, chỉ bằng sức mạnh-ý chí). Họ có một ý định rất rõ rệt là tự phó thác cho Chúa Cha trong sự vâng phục, cùng với Đức Giê-su, Đấng “đã hạ mình vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự” (Pl 2:5-11). Phần lớn những động tác và cách diễn tả được sử dụng trong Phụng vụ đều có ý muốn và hết lòng xác nhận một cách cá nhân và ý thức.

Rõ ràng có sự tương ứng và hài hòa đích thực giữa tâm hồn (bên trong) và những hành động (bên ngoài).

Tuy nhiên, bằng chứng chắc chắn nhất về phương pháp quy ngã này là sự nghiêm trang và quyết tâm mà theo đó, Phụng vụ được “cử hành”. Trên thực tế, Phụng vụ giống như một bốn phần đang được thực hiện, hơn là một buổi cử hành vui mừng thực sự! Cũng có vẻ hơi gan tị đối với sự tự do mà con cái đích thực của Thiên Chúa được vui hưởng khi giao tiếp với Người. Trong toàn bộ điều này, vẫn còn một số lượng khá khá của hoạt động quy ngã, và dấu hiệu chắc chắn về điều này là các Kitô hữu dâng lên Thiên Chúa những điều mà “họ” quyết định là nên dâng hiến, hoặc những điều họ chọn để dâng hiến. Vì thế, không có gì khác biệt quá nhiều với một người Do Thái sùng đạo và tốt lành vẫn thực hiện trong phụng vụ của họ (điều tốt nhất mà chúng ta nhận thấy trong Cựu Ước). Thậm chí hiện nay, vẫn có một số người Do Thái (về vấn đề này, cũng có cả những người thuộc các niềm tin khác nữa) thực hiện toàn bộ việc này một cách khá chân thành và hiệu quả. Tuy nhiên, trong phương pháp này, đặc điểm của ân huệ Đức Giê-su vẫn bị bỏ lỡ hoặc bỏ qua... ân huệ-bản thân mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi con người không được chú ý đến, và đôi khi, còn được giữ gìn để cho đừng mang lại sự mất mát hoàn toàn đối với quyền kiểm soát Bản thân. Hơn nữa, trong phương pháp này, những ích lợi tích lũy đối với các môn đệ của Đức Kitô chỉ được coi như có giá trị trong tương lai, khi mãn thời. Mức độ này vẫn không mang lại căn tính Kitô hữu đích thực.

- a) Mức độ thứ ba là qua đó, đặc điểm của Kitô hữu thật rõ rệt, vì đặc điểm này hệ tại ở sự kiện rằng trong và thông qua Đức Giê-su, có một **sự thay đổi triệt để về đường hướng** trong cách con người tiếp cận và giao tiếp với Thiên Chúa. “Không còn có vấn đề ‘leo lên’ hướng tới Thiên Chúa nhờ sức mạnh của cổ tay con người, nghĩa là bằng cách thực hiện những công việc của Lễ luật; đây là vấn đề chào đón trong lòng tin đối với Thiên Chúa,

Đấng đã ‘ngự xuống’ nhờ Thần Khí của Chúa Sống lại ngự trong tâm hồn, nghĩa là đời sống của con người”²⁶. Ở mức độ này, Ki-tô hữu có thể đón nhận ân huệ khoan dung của Thiên Chúa về chính Người, cũng với lòng biết ơn và khoan dung. Thay vì cứ tập trung vào tình trạng trống rỗng của mình, họ vẫn tiếp tục chăm chú vào lòng quảng đại và hào phóng của Thiên Chúa, Cha chúng ta. Kết quả, khi được sống trong đức tin và lòng mến, nhờ Chúa Thánh Thần, thì tính cách *hằng ngày* của đời sống trở thành nơi chủ yếu của “phụng vụ” hoặc “lễ tế thiêng liêng” đối với vinh quang Thiên Chúa. Với phương pháp này, bằng chứng cũng dễ nhận thấy rõ là – một thái độ thư giãn, vui mừng, biết ơn được phản ánh trong cách thức người ta cầu nguyện, chia sẻ với những người khác, thậm chí còn liên quan đến cả những thất bại và tội lỗi của họ một cách bình tĩnh tuy vẫn biết ơn. Cơ bản đây là sự khác biệt giữa việc phấn đấu để đạt được điều gì đó chưa sở hữu được, và diễn tả một lòng biết ơn vui mừng thỏa mãn khi đã đạt được, thậm chí còn chắc chắn sở hữu được những mong ước và khát vọng sâu xa nhất của con người.

Sự khác biệt này rất sâu xa, đến nỗi không thể đổ rượu mới của Tin Mừng Đức Giê-su vào những cái bầu cũ của Lễ luật Do Thái, hoặc lấy vải mới mà vá áo cũ (Mc 2:21-22). Phương pháp thứ ba được đề cập trên đây không làm cho Ki-tô hữu tốt hơn những người khác hoặc là một người tốt lành hơn, nhưng nói đúng hơn, họ là một loại người khác hẳn, một người khiêm tốn hơn vì được ban “ân huệ”.

Vì thế, Ki-tô hữu nào đánh giá đúng ân huệ của Thiên Chúa trong Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, thì đều sống theo mức độ thứ ba, bằng một cách thức rõ ràng là khác hẳn so với những người khác. Ở đây, Ki-tô hữu ý thức sâu xa sự kiện trung tâm đã thay đổi toàn thể lịch sử nhân loại – sự chết-sống lại của Đức Giê-su và Lễ Hiện xuống, việc sai Chúa Thánh Thần đến với mọi người. Sự kiện trung tâm này đã mang lại một sự thay

đổi triệt để về đường hướng, và điểm chủ yếu cần xem xét hiện nay không phải là lòng quảng đại của chúng ta, nhưng là lòng quảng đại của Thiên Chúa. Chính xác đây là điều mà Thánh Phao-lô đã nhấn mạnh trong các thư mà ngài gửi tín hữu Roma và Ga-lát: Nguyên tắc của việc biện hộ mà qua đó, sự hòa giải với Thiên Chúa diễn ra, không phải là những việc lành mà con người thực hiện, nhưng chính là hành động nhưng-không của Thiên Chúa trong Đức Giê-su Ki-tô. Đây là “tin vui” mà Thánh Phao-lô đã loan báo trong diễn từ của ngài tại An-ti-ô-khia miền Pi-xi-đi-a: “Điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Người đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Đức Giê-su sống lại...”. “Trong khi anh em không thể được giải thoát khỏi tội lỗi mà trở nên công chính nhờ tuân giữ luật Mô-sê, thì nhờ Đức Giê-su, mọi kẻ tin đều được nên công chính” (Cv 13:32-33, 39). Thánh Phê-rô cũng loan báo như vậy, nghĩa là lề luật của Thiên Chúa hoặc lời Chúa được ghi khắc trong tâm hồn con người, qua Thần Khí đã đổ xuống nhờ Đức Ki-tô (Cv 2:33).

Ơn tha thứ tội lỗi như là ân huệ nhưng-không của Thiên Chúa đối với những kẻ tội lỗi chính là điều mà Đức Giê-su đã đến để loan báo; Người bắt đầu loan báo điều này ngay trong diễn từ khai mạc tại hội đường, lúc mở đầu sứ vụ công khai của Người (Lc 4:16-22). Đức Giê-su loan báo rằng “năm hồng ân của Chúa đã đến”, năm mà trong đó, Thiên Chúa đã đơn phương thông báo tha thứ tất cả các món nợ của chúng ta, kể cả tội lỗi. Toàn bộ điều mà Người đòi hỏi nơi con cái của Người là họ đón nhận ơn tha thứ này qua việc sám hối của họ. Điều này đòi hỏi sự sẵn sàng thay đổi đường hướng, và từ bỏ phương pháp tự-hành động trong việc theo Người. Toàn bộ điều này dường như không thể tin nổi, quá tốt lành để trở thành hiện thực, do đó, cần đến sự “sám hối”, thay đổi tâm hồn hoặc thái độ, và một sự chấp nhận không hoài nghi trong lòng tin.

Như vậy, kẻ thực sự tin tưởng và đi theo Đức Giê-su thì chấp nhận Tin vui này, và sắp xếp cuộc sống của mình theo cách thức sao cho đây là một cách đáp lại sống động đối với lòng quảng đại của Thiên Chúa. Họ tự coi mình như một kẻ có thể được Thiên Chúa chấp nhận (bất kể vô số thất bại và yếu đuối hằng ngày của họ), vì thế, họ cùng với các Ki-tô hữu-bạn đến với Thánh Lễ để cảm tạ và ngợi khen Chúa Cha vì ân huệ của Người qua Đức Giê-su và trong Chúa Thánh Thần. Ngoài ra, họ còn tự cam kết sống trong sự cộng tác chặt chẽ với sự vâng phục Chúa Cha, sao cho chính cuộc sống của họ trở thành một sự loan báo Tin vui này đối với những người khác. Lòng quảng đại, tha thứ, sự phục vụ và tình huynh đệ của họ, sẵn sàng tự bẻ ra và chia sẻ với những người có nhu cầu – toàn bộ thái độ này đều phản ánh những gì mà Chúa Cha đã từng và vẫn tiếp tục thực hiện cho những con cái yêu dấu của Người.

Thánh Lễ mà những người đó cử hành sẽ khác hẳn về đặc điểm và cách nhìn nhận, so với loại Thánh Lễ mà hiện nay, chúng ta vẫn thường chứng kiến trong hầu hết các Giáo hội. tuy nhiên, điểm chủ yếu của toàn bộ đề tài này chính xác là đường hướng không nên từ “bên ngoài”, nghĩa là không được *áp đặt* thái độ vui mừng trong Thánh Lễ đối với những người mà dường như không có bất cứ lý do cá nhân, nội tâm và thực sự nào để vui mừng. Trước hết, họ cần hoạt động để thay đổi quan điểm bên trong, “nội tâm hóa nó”; họ phải tự coi như mình đáng yêu và được yêu thương, như những con cái yêu dấu được Chúa Cha chấp nhận trong suốt cuộc đời họ, ngay cả với những yếu đuối của họ. Họ cần cảm thấy rõ sự khác biệt mà điều này mang lại cho đời sống hằng ngày. Một khi các mô thức nội tâm của họ thay đổi, thì buổi cử hành thực sự của họ tự nhiên sẽ trở nên vui tươi và ca tụng, vì bấy giờ, họ có lý do để ca tụng. Và cách cử hành vui tươi đó sẽ càng ảnh hưởng hơn nữa đến đời sống hằng ngày của họ, làm cho nó trở nên vui tươi và đầy ắp-lời ngợi khen.

Đây là cách thức mới trong việc cử hành Thánh Lễ (và cả đối với các bí tích khác nữa), vốn sẽ làm cho đời sống hằng ngày có thể trở

thành một “phụng vụ”, “một lễ tế thiêng liêng” đối với vinh quang Chúa Cha. Bởi vì: “Điều chủ yếu làm cho đời sống hằng ngày trở thành một phụng vụ và lễ tế không phải là mức độ của lòng quảng đại, nhưng quả thật chính là sự kiện cuộc đời được sống như một cách đáp lại ân huệ của Thiên Chúa. Chức năng của bí tích là cung cấp ân huệ này. Bởi vì, nếu các bí tích chính là ân huệ của Thiên Chúa ‘vốn đã ở đây’, trong đời sống hằng ngày, vì thế, là đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu, thì đồng thời, các bí tích cũng là cách diễn tả hoạt động của ân huệ nhưng-không của Thiên Chúa và là nguồn gốc những gì làm cho đời sống hằng ngày trở thành một đời sống Ki-tô hữu thích đáng, nghĩa là ‘một lễ tế thiêng liêng’ đối với vinh quang Thiên Chúa”²⁷.

Như tôi vẫn thường nêu rõ trong cuốn sách này, cả việc cử hành Thánh Lễ lẫn lối sống Ki-tô hữu thực hành đều liên kết chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Một Giáo hội tự coi mình như là “Dân tộc thánh thiện của Thiên Chúa”, được ân huệ nhưng-không của Thiên Chúa kêu gọi và thánh hóa, thì sẽ mong muốn cử hành Thánh Lễ như một lời cảm tạ vui mừng. Ngoài ra, cách tuôn đổ ân huệ nhưng-không này trong Thánh Lễ lại còn định hình đời sống của Giáo hội ít nhất theo **năm** cách thức²⁸:

- Khi Thánh Lễ được cử hành với lời cảm tạ và ngợi khen, thì Giáo hội không thể không giành lại được yếu tính của sự hiện hữu con người, như được mô tả trong Ga 21. Trong chuyến đánh cá của các tông đồ, các ông bộc lộ nhu cầu rất người của mình, trên hết là nhu cầu hiểu được nỗi căng thẳng của kinh nghiệm làm người, trước mẫu nhiệm về cuộc sống và về Thiên Chúa, Đấng Hoàn toàn Khác. Trước mẫu nhiệm này, các tông đồ chỉ có thể đứng trong nỗi sợ hãi và biết ơn, tôn thờ và ý thức sâu xa về sự quan phòng đầy yêu thương của Thiên Chúa và khả năng của con người. Và đây là thái độ mà các tông đồ vẫn có trong mọi

tình huống của cuộc đời. Vì thế, Giáo hội vẫn tiếp tục “ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa luôn luôn và khắp mọi nơi”.

- Khi Thánh Lễ được coi như sự “**thánh hiến**”, hay đúng hơn là thánh hóa, thì Thánh Lễ nhắc nhở các Ki-tô hữu rằng cuộc đời họ chỉ có giá trị lúc được sống trong lòng tin và sự vâng phục đối với Chúa Cha. “Lời xin vâng” của họ được nói một cách có ý nghĩa trong Thánh Lễ liên kết với lời xin vâng của Đức Giê-su trong vườn Gét-sê-ma-ni và bao trùm mọi tình huống trái với ý muốn. Lời xin vâng này tạo điều kiện cho họ không chống lại Thiên Chúa trong những tình huống khó khăn, cũng không chỉ chấp nhận các thập giá với sự cam chịu thụ động. Họ thánh hóa từng tình huống đau thương thông qua tình yêu của Đức Ki-tô được diễn tả trong sự vâng phục trọn vẹn, và do đó, biến đổi tình huống này thành điều gì đó tích cực và mang tính cứu chuộc.
- Đồng thời trong Thánh Lễ, việc tìm kiếm sự **hiệp thông** với Thiên Chúa chính là đi vào mối quan hệ yêu thương với tất cả mọi người chung quanh. Hai điều này không thể tách rời nhau. Thánh Lễ thỏa mãn tất cả mọi khao khát của tâm hồn con người, được diễn tả trọn vẹn qua lịch sử bằng nhiều cách thức, như những hy sinh và cách thực hành tôn giáo đa dạng và khác nhau. Điều này cũng làm mãn nguyện niềm khao khát sâu xa mà con người vẫn có, để thỏa mãn và kéo dài các mối quan hệ cá nhân với những người khác chung quanh họ. Giống như hiện nay, Đức Giê-su đang ở trong sự hiệp nhất hoàn hảo với Chúa Cha, cũng vậy, Giáo hội hiệp nhất với Chúa và với những người đồng loại: một sự hiệp nhất tuy chưa hoàn hảo, nhưng vẫn đích thực và rõ ràng. Sự hiệp nhất này chính là sự hiệp nhất cơ bản của “Thân thể Đức Ki-tô”. Vì thế, đối với các Ki-tô hữu đang cử hành Thánh Lễ, những lời của Thánh Phao-lô nghe có vẻ đúng: “Đối với tôi, sống chính là Đức Ki-tô!”.

- Nhưng những lời nói và nghi thức không thể trọn vẹn và được xác minh, khi không có những ***cử chỉ cụ thể tương ứng của lòng yêu mến*** – theo nghĩa đen là rửa chân cho nhau. Trong Thánh Lễ, mỗi quan tâm thực sự được diễn tả đối với nhau, đặc biệt đối với người nghèo và bị cách ly khỏi xã hội, vẫn tiếp tục suốt ngày, khi những nhu cầu của người nghèo khổ và bất lực được quan tâm chăm sóc. Do đó, từng Ki-tô hữu đều ***trở thành*** thân thể và máu Đức Ki-tô đối với những anh em đồng loại của họ. “Thân thể” diễn tả đời sống hằng ngày, với tất cả các vấn đề và khó khăn của nó, trong khi “máu” nói về sự hoàn toàn trao tặng bản thân. Qua đó, thể giới của những người túng thiếu được phục vụ nhờ sức mạnh của Thánh Lễ làm biến đổi và ban sinh lực cho cộng đoàn đang cử hành.
- Cuối cùng, thông qua việc cử hành Thánh Lễ, Giáo hội đảm nhận tâm hồn thương xót của Đức Ki-tô, trong việc lôi kéo ***tất cả mọi sự và tất cả mọi người*** đến với Chúa Cha. Giáo hội tự coi như được Chúa “sai đi” đến từng góc ngách của thế giới, để tìm kiếm những con chiên lạc và những con chiên chưa thuộc về đàn chiên, nhưng Đức Ki-tô vẫn mong ước đưa chúng vào đàn chiên của Người, sao cho sẽ chỉ có một đàn chiên và một Chủ chiên.

Khi Giáo hội được Thánh Lễ định hình theo năm cách thức này, thì Giáo hội vui mừng sống sứ mạng của mình, để trở thành ánh sáng thế gian, muối đất và men trong bột. Khi chính Giáo hội được biến đổi nhờ tình yêu của Đức Ki-tô, thì Giáo hội cũng trở thành một tác nhân của sự biến đổi hiệu quả đối với từng tình trạng tội lỗi của con người, vì chiến thắng cuối cùng và trọn vẹn của Đức Ki-tô đã được bảo đảm.

Tuy nhiên, lịch sử lại cho chúng ta thấy rằng nói chung, không lúc nào con người có khả năng duy trì được sự quân bình như vậy giữa việc thờ phượng và đời sống hằng ngày. Trong thời Đức Giê-su, để diễn tả và

cùng cố mối quan hệ của con người với Thiên Chúa, việc thờ phượng được nhấn mạnh gần như tới mức độ coi thường giá trị và tiềm năng của đời sống hằng ngày – hai điều này dường như ở hai cực cách biệt nhau, không có bất cứ mối liên kết nào giữa hai bên. Chúng được quan tâm theo kiểu chia thành ngăn – như hai thực tại riêng biệt và không liên quan đến nhau.

Chẳng phải chúng ta có thể nói rằng thời hiện tại phản ánh một khuynh hướng tương tự sao? Ngày nay, trên toàn thế giới, chúng ta có thể nhận thấy nhiều tín ngưỡng trong số những người thuộc tất cả mọi lòng tin; ngoài ra, còn có một sự tiến bộ phi thường về khoa học và công nghệ, tới mức độ đúng là cả thế giới đã trở thành một ngôi làng toàn cầu – tuy nhiên, hầu như một sự kiện hằng ngày, là toàn bộ điều này lại đi đôi với những cảnh giết chóc tàn bạo và nhấn tâm bởi những kẻ khủng bố, áp bức đối với số đông những người nghèo khổ và bất lực – thậm chí các phụ nữ và trẻ em vô tội cũng không được miễn trừ; mức độ nghèo khổ và đói khát gây sốc chưa từng thấy, nạn mù chữ phổ biến ngay cả trong các quốc gia khá phát triển, HIV/ AIDS như một mối đe dọa chủ yếu đối với đời sống nhân loại; thói tham lam và ích kỷ đưa đến tình trạng khai thác tàn nhẫn đối với những người khác, ngay cả các trẻ em, người đau yếu, lớn tuổi và hấp hối. Với một cảnh tượng như vậy, với tư cách Giáo hội, các Ki-tô hữu không thể không tự hỏi: “Thánh Lễ có tác động gì đối với chính các Ki-tô hữu?²⁹ và một lần nữa, Giáo hội đang làm thế nào để thực hiện sứ mạng mà Thiên Chúa trao, hầu trở thành ánh sáng thế gian, muối đất và men trong bột?”.

Mặc dù tất cả những người quan tâm đều ý thức sâu sắc rằng cần phải làm điều gì đó để chấn chỉnh tình hình khủng khiếp này của thế giới hiện nay, và chắc hẳn một số người còn làm hết sức theo những đường hướng khác nhau³⁰, tuy nhiên, không phải nhiều người nhận ra rằng nguồn gốc của vấn đề lại hệ tại ở cách thức người ta xem xét cuộc sống (các mô thức). Khi thiếu một sự thay đổi triệt để về mô thức, thì

không gì sẽ mang lại được nét mới trong cuộc sống, đây là điều cần thiết mà tất cả mọi người vẫn khao khát tìm kiếm. Ngày nay điều hết sức cần thiết là sự khôn ngoan để ***nhìn tất cả mọi người và tất cả mọi sự một cách khác biệt, và lòng can đảm để theo đuổi tầm nhìn này về cuộc đời.*** Thánh Lễ, vốn là nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Giáo hội, ở ngay chính trung tâm của tất cả mọi sự: thuộc về các khía cạnh cá nhân, xã hội, kinh tế, chính trị và thiêng liêng trong cuộc sống. Vì thế, nếu và khi nào mô thức của chúng ta về Thánh Lễ thay đổi, thì các mô thức khác nhất thiết sẽ thay đổi, ngay cho dù sự thay đổi này diễn ra một cách rất từ từ. Vậy thì ít nhất có thể báo trước bước khởi đầu của điều mà Đức Giê-su đã từng nói đến: một trời mới và đất mới, nơi mà tất cả mọi người đều sống như những anh chị em của cùng một Cha, Thiên Chúa.

Kết luận

“Giáo hội tạo ra Thánh Lễ, và Thánh Lễ tạo ra Giáo hội” – như vậy, đó là nơi cần phải bắt đầu nhiệm vụ lớn lao là biến đổi thế giới. Khi đến trong trần gian, Đức Giê-su đã tạo ra một sự khác biệt, và bây giờ, Người mong đợi những kẻ theo Người tiếp tục tạo ra sự khác biệt ở nơi nào mà điều này thực sự có ý nghĩa. Đây là thách thức đối với Ki-tô hữu khi mở đầu thế kỷ XXI! Sự đương đầu với thách thức này bao hàm việc đặt những điều đầu tiên lên hàng đầu – cách cử hành Thánh Lễ đúng đắn và đầy ý nghĩa giải quyết được chính cuộc sống. Thánh Lễ vốn là điểm khởi đầu tốt đỉnh của đời sống Ki-tô hữu, nên Thánh Lễ cần phải rèn luyện và đào sâu cam kết của Ki-tô hữu, để họ trở thành một Ki-tô khác sống động đối với thế giới chung quanh. Khi chúng ta cứ tiếp tục sống theo một ý thức gần như lưỡng phân, giữa việc cử hành Thánh Lễ và phần còn lại của cuộc sống, trong khi vẫn thực hiện những nỗ lực hăng hái và anh hùng để thay đổi theo những đường hướng và lãnh vực khác,

thì giống như đặt cái xe đằng trước con ngựa. Điều này sẽ không đi đến đâu.

Giáo hội trong thế kỷ XXI được kêu gọi để thực sự trở thành một ánh sáng đối với các quốc gia, muối đất đích thực và men có tác động mạnh trong bột. Chắc hẳn đây là một nhiệm vụ lớn lao, và có vẻ như một số Ki-tô hữu giữ tầm nhìn này hiện đang dẫn đầu hướng tới một cuộc chiến đấu đầy vất vả. Họ phải luôn luôn giữ vững trong tâm trí chính yếu tính ơn gọi Ki-tô hữu của mình: phó thác sự bất lực của họ trong bàn tay mạnh mẽ của Thiên Chúa, và để cho Người làm việc thông qua họ. Chỉ trong vai trò này, Giáo hội của Đức Ki-tô mới có được một vị trí trong thế giới hiện đại. Đối với bất cứ phương pháp nào khác, thì Giáo hội sẽ bị loại bỏ vào các viện bảo tàng của lịch sử – giống như một quyền lực vẫn hiện hữu, đã từng hứa hẹn vào thời điểm nào đó trong lịch sử nhân loại, nhưng hiện nay, quyền lực này không còn phù hợp hoặc hiệu quả nữa.

Đức Ki-tô đã chết, Đức Ki-tô đang sống, Đức Ki-tô sẽ **lại đến!**

Chú thích

¹ Những suy tư này dựa trên tác phẩm của Stanislaw Lyonnet, *Eucharistia e Vita Christiana*, (Roma: Editrice a.v.e. 1982), trang 79-100.

² Như David Power nêu rõ, sự khác biệt chủ yếu là thế này: trong tất cả các lễ tế khác, sáng kiến ở nơi con người chúng ta, ngược lại, trong hy tế của Đức Giê-su, sáng kiến là từ nơi Thiên Chúa. Do đó, trong Thánh Lễ, “đối với cộng đoàn Ki-tô hữu, hành động thờ phượng đầu tiên là ngợi khen và cảm tạ. Chúng ta không cần phải bổ sung thêm hành động dâng hiến nào vào hành động này, để làm cho nó trở thành một lễ tế, nhưng theo phép ẩn dụ, tự thân hành động cảm tạ được gọi là một lễ tế. Lễ tế này tạo nên sự tự hiến của Giáo hội, trong đó, tín hữu tự liên kết trong lòng trí với tình yêu mến và sự vâng phục của Đức Ki-tô.

Khía cạnh này của việc tự hiến không cần phải nhấn mạnh, tới mức độ nó che khuất sự kiện rằng trong Thánh Lễ, Đấng đầu tiên trao tặng chính là Thiên Chúa, và ân huệ được cử hành chính là ân huệ Mình và Máu mà Con của Người ban cho chúng ta”. David Power, “Những Lời Tán dương”, trong Kevin Seasolt, Ed, *Bánh Hằng sống, Chén Cứu độ*, trang 173-175.

- ³ Johannes Metz, *Tinh thần Khó nghèo*, Phiên dịch: J. Drury, (New York: Nhà In St. Paul, 1968), trang 19.
- ⁴ Peter E. Fink, “Sống Hy tế của Đức Ki-tô”, trong tạp chí *Worship* 59 (tháng 10, 1985), trang 142.
- ⁵ Xem hệ thống thuật ngữ của Thánh Lu-ca về việc tế tự của ông Da-ca-ria trong Đền thờ (1:23), hoặc việc tế tự của bà Anna (1:37), và tham khảo của Stephen trong Cv 7:41, và trong Dt 11:4 ám chỉ Lv 5:1ff.
- ⁶ Xem Pl 2:17-18, qua đó, Thánh Phao-lô nói rằng cuộc sống của ngài đang được đổ ra như một lễ tế (để cúng tế), hoặc Rm 12:1, trong đó, cuộc đời Ki-tô hữu được kêu gọi trở thành một lễ tế. Lại nữa, trong Pl 2:25-30, Thánh Phao-lô nói về sứ mạng của anh Ê-páp-rô-di-tô, người được gửi đến với Thánh Phao-lô cùng với những lễ vật của họ, ở đây được gọi là một lễ tế. Điều này tương tự như 2 Cr 9:12 và Rm 15:27, trong đó, những của đóng góp cho người nghèo đều được gọi là “phụng vụ”. Lại nữa, vài câu trước đây trong Rm 15:15-16, Thánh Phao-lô nói về công việc của ngài giữa các dân ngoại như một lễ vật mà ngài cầu xin, sẽ được Thiên Chúa chấp nhận và thánh hóa.
- ⁷ Việc “cùng nhau đến với tư cách là một Giáo hội” khác hẳn việc họ đến với nhau để “bẻ bánh” trong ngôi nhà của họ (xem Cv 2:33-37).
- ⁸ Xem Ds 26:1-11 và lời giải thích được đưa ra dưới đây.
- ⁹ Xem Ga 1:16-18 và lời giải thích được đưa ra dưới đây.
- ¹⁰ Louis Marie Chauvet, *Các Phép Bí tích*, trang 151-152. “Cánh chung học” diễn tả khoảng cách giữa sự *đã rời* và *chưa*, vốn biểu thị đặc điểm của thời hạn cuối cùng, trong đó, Đức Giê-su dẫn dắt chúng ta thông qua chiến thắng vượt qua của Người. Điều này cũng có nghĩa là ý nghĩa đầy đủ của thực tại này sẽ chỉ được nhận thấy khi thời gian đã mãn ... và như vậy, trong giai đoạn giữa, luôn luôn có khả năng chúng ta không đáp lại Chân lý; chúng ta cần phải sống “trong đức tin”.

- ¹¹ Xem lời giải thích trong Erasto Fernandez, *Thánh Lễ Sau Công đồng Vatican II: ...*, (luận án tiến sĩ không được công bố), trang 73-75.
- ¹² Cũng xem Hiến chế Lumen Gentium, các số 9-17.
- ¹³ “Mishnah Pesahim 10.5”, trong *The Mishnah: Một Lời Giải thích Mới*, Phiên dịch: Jacob Neusner, (New Haven: Yale, 1988), trang 250.
- ¹⁴ Xem Louis Marie Chauvet, *Các Phép Bí tích*, trang 54-55.
- ¹⁵ Xem Louis Marie Chauvet, *Các Phép Bí tích*, trang 57-58.
- ¹⁶ Xem Louis Marie Chauvet, *Các Phép Bí tích*, trang 59-60.
- ¹⁷ Câu hỏi hấp dẫn luôn luôn là: Điều gì làm cho các Ki-tô hữu của thế kỷ I trở lại với ngôn ngữ về lễ tế? Vài lời giải thích được đưa ra, có lẽ lời giải thích nổi bật nhất là luận đề của René Girard. Ông cho rằng những mong muốn cạnh tranh giữa các cá nhân về đối tượng nào đó có khuynh hướng thay đổi, từ đối tượng sang một cuộc xung đột giữa các bên có liên quan. Rốt cuộc, sự xung đột này phá vỡ cả cộng đoàn. Cộng đoàn giải quyết cuộc xung đột bằng cách chọn lựa và hy sinh một nạn nhân hoặc kẻ gờ đầu chịu báng. Điều này đưa đến sự tái diễn một “cơ cấu bung xung”. Nhưng để che giấu bạo lực tiềm ẩn của biện pháp này, một vị thần được đưa vào khung cảnh. Cả nhóm có khuynh hướng sử dụng thuật ngữ hy sinh hoặc lễ tế như một phương tiện tự cất gánh nặng của bạo lực nội bộ và tội lỗi mà bạo lực này gây ra. “Biện pháp hy sinh” cũng tạo khả năng cho cả nhóm tránh được trách nhiệm đối với cách hành động liên quan đến đạo đức của họ. Khi Đức Giê-su tự nguyện chọn chống lại bạo lực, Người vạch trần và loại bỏ bạo lực trong cách hành động liên quan đến lễ tế cổ xưa này.
- ¹⁸ A. Vanhoye, *Các Tư tế Cựu Ước và các Linh mục Tân Ước*, trang 224. Căn cứ vào Kinh nguyện Thánh Thể thứ 4, Enrico Mazza suy nghĩ về những dè dặt của Aidan Kavanagh, nhưng theo một cách thức nhiều sắc thái hơn. Ông ghi chú rằng: “Việc dâng lễ vật chỉ rõ rằng Thánh Lễ là một lễ tế, nhưng chỉ là một lễ tế vì Thánh Lễ là sự tưởng nhớ một hy tế đã được hoàn tất trên thập giá một lần và cho đến muôn đời... bánh và rượu, bây giờ, bí tích mình và máu thánh Đức Ki-tô, được dâng lên Chúa Cha... không phải là sự kiện lịch sử của cuộc khổ nạn và sống lại”. Xem Enrico Mazza, *Các Kinh nguyện Thánh Thể Theo Nghi thức Roma*, (Collegeville, Minnesota: Pueblo/ Nhà In Phụng vụ, 1986), trang 178-179.

- ¹⁹ Xem J.L.Houlden, “Hy tế và Thánh Lễ” trong Ed: J.R. Lu-cas, *Suy nghĩ về Thánh Lễ*, trang 81-98.
- ²⁰ Edward Ciuba, *Bạn Nói Tôi Là Ai?* (Bangalore: TPL, 1974), trang 110.
- ²¹ Francis Moloney lý luận về quan điểm Thánh Lễ chính xác có ý muốn dành cho những người tội lỗi, đau khổ, quy tụ lại trong Thánh Lễ, cụ thể để được Chúa của họ nuôi dưỡng và cũng thách thức. Tất nhiên, đây cũng là một cuộc gặp gỡ thánh thiêng mà người ta không được phép làm giảm giá trị, qua thừa nhận của những kẻ cứ chế giễu một sự “hiệp thông” như vậy. Mặc dù Moloney vẫn có trong tâm trí một cử tọa khác biệt, được “cụ thể hóa”, nhưng những lý lẽ mà ông đưa ra vẫn có thể áp dụng vào đủ mọi loại Ki-tô hữu. Xem *Một Thân thể được Bẻ ra cho một Dân tộc Đau khổ*, trang 130-137.
- ²² Trong *Một Thân thể được Bẻ ra cho một Dân tộc Đau khổ*, 130ff, Francis Moloney lý luận đầy đủ chi tiết về quan điểm này, như thể nó trái ngược với toàn bộ luận đề của ông, mà ông đã giải thích trong cuốn sách này. Ông cho thấy thể nào là Thánh Lễ chính xác có ý muốn dành cho một dân tộc đau khổ (về phương diện đạo đức) vẫn tin tưởng nơi Đức Ki-tô như Đấng Cứu chuộc. Tình trạng thiếu khả năng đạo đức vẫn không ngăn cách chúng ta khỏi Đức Ki-tô – mà chính là sự thiếu lòng tin!
- ²³ Ở đây, từ “triệt để” được hiểu không phải theo nghĩa thay đổi lớn lao, nhưng đạt tới chính nguồn gốc, hoàn toàn, trọn vẹn. Trong tiếng La-tinh, radix có nghĩa là nguồn gốc. Như vậy, ý nghĩa nguyên thủy của từ triệt để là điều gì đó trở lại với nguồn gốc, căn nguyên của một sự việc.
- ²⁴ John H. Westerhoff, III, “Cử hành và Sống Thánh Lễ”, trong Bernard Lee, (Ed) *Những Tương lai Khác...*, trang 25.
- ²⁵ Xem *Lời Chúa và Việc Thờ phượng*, Tập 38, các tháng 11-12, 2005, số 6 – Toàn bộ vấn đề mô phỏng lại các bài báo khác nhau, được đọc trong cuộc họp của Hiệp hội các Chuyên gia Phụng vụ Ấn Độ (2005), thảo luận về mối quan hệ của Phụng vụ với các hình thức đạo đức bình dân.
- ²⁶ Xem Louis Marie Chauvet, *Các Phép Bí tích*, trang 62-64.
- ²⁷ Xem Louis Marie Chauvet, *7 Phép Bí tích*, trang 147.

- ²⁸ Tài liệu sau đây dựa trên Thư Mục vụ “*Attirero tutti a me*” của Đức cha Carlo M. Martini, Tổng Giám mục thành Milan, khi chuẩn bị Đại hội Thánh Thể Toàn Quốc lần thứ 20, được tổ chức năm 1982.
- ²⁹ Không ai có thể phủ nhận rằng vài quốc gia và đất nước công khai tham gia những hoạt động tiêu cực như vậy, nhưng vẫn được gọi là các quốc gia “Kì-tô giáo” – với các nhà lãnh đạo công khai tuyên xưng là mình theo Đức Kì-tô và Tin Mừng của Người.
- ³⁰ Giải pháp cho tình trạng mất quân bình này dứt khoát không chỉ là thực hành việc “bác ái”, giúp đỡ các quốc gia nghèo hơn “phát triển”, khi họ chịu đựng tình trạng khủng hoảng nào đó, trong khi đồng thời vẫn khai thác họ về kinh tế và về mặt khác, nhân danh sự tiến bộ và nền công nghệ.
-

KẾT LUẬN CHUNG

Bây giờ, đến lúc chúng ta rút ra một kết luận có ý nghĩa, về số lượng lớn những lý lẽ trong phần trình bày này. Kết luận bắt đầu bằng lời khẳng định rằng các Ki-tô hữu là những người ý thức sâu xa về thân phận hư không và thậm chí tội lỗi của mình, tuy nhiên, họ vẫn đặt chính tình trạng yếu đuối của họ trong bàn tay của Đấng Toàn Năng, và nhờ sức mạnh Thiên Chúa, họ vẫn đảm nhận thực hiện tất cả mọi việc trong quyền hạn của mình, để thiết lập chung quanh họ vương quốc tình yêu và thương xót của Thiên Chúa. Với tư cách Ki-tô hữu, lối sống của họ lại trái ngược với Vương quốc mà Đức Giê-su đã từng thiết lập, qua sự chết-sống lại của Người: Điều này bao hàm “một vương quốc đã tồn tại, nhưng chưa hoàn thiện”. Vương quốc của Thiên Chúa đã bắt đầu và thực sự hiện diện một cách rõ ràng và hiệu quả giữa mọi người, tuy nhiên, vương quốc này vẫn chưa đạt tới sự viên mãn của nó.

Sự viên mãn sẽ chỉ được hoàn tất khi mãn thời. Ở giai đoạn giữa này, mà trong đó, các Ki-tô hữu hiện đang sống, bí quyết của việc xây dựng hiệu quả Vương quốc của Thiên Chúa hệ tại ở việc duy trì một sự **quân bình lành mạnh giữa hai thái cực** – một mặt, thực tại về chiến thắng của Đức Ki-tô, và mặt khác, trạng thái không trọn vẹn hiển nhiên

của chiến thắng này, khi họ nhận thấy sự dữ vẫn hiện diện chung quanh (đôi khi, thậm chí còn nổi bật). Ở mức độ cá nhân, điều này có nghĩa là với tư cách thụ tạo, mỗi người đều phải có một ý thức rõ rệt về tình trạng hư không và trống rỗng của mình, liên kết với việc vui mừng đón nhận thực tại rằng tình yêu Thiên Chúa vẫn hoạt động trong tình trạng mỏng dòn của họ. Một lòng trông cậy mạnh mẽ và cảm giác an bình và vui tươi lan tỏa chính là dấu hiệu rõ rệt nhất, cho thấy một người đang duy trì được sự quân bình hết sức cần thiết này.

1. Thánh Lễ: Nuôi dưỡng cuộc Hành trình

Như vậy, nếu đây là những điều mà các Ki-tô hữu sống, khi họ trải qua hành trình cuộc đời, thì rõ ràng mỗi khi họ đến với Thánh Lễ, là họ đến cùng với hai thái cực này, vốn nằm trong sự căng thẳng mang tính sáng tạo. Không lúc nào họ có thể quên rằng mình bất xứng, hoặc mình là những kẻ tội lỗi; tuy nhiên, khi họ cảm nhận được sự vui mừng đón tiếp mà Chúa Cha ban tặng qua Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, Đấng đang được *hiện diện* lại bởi Giáo hội và trong Giáo hội, thì họ không thể không cử hành Thánh Lễ với một tinh thần vui mừng ngợi khen và cảm tạ. Thái độ vui mừng tích cực này nên nổi bật trong buổi cử hành, chứ không phải là khía cạnh tiêu cực, âm u trong tình trạng tội lỗi của chúng ta. Sách Khải huyền nhấn mạnh rõ chiến thắng của Đức Ki-tô:

Bấy giờ, tôi thấy trời mới đất mới, vì trời cũ đất cũ đã biến mất, và biển cũng không còn nữa. Và tôi thấy Thành Thánh là Giê-ru-sa-lem mới, từ trên trời, nơi Thiên Chúa, mà xuống, sẵn sàng như tân nương trang điểm để đón tân lang. Rồi tôi nghe từ phía ngai có tiếng hô to:

“Đây là nhà tạm Thiên Chúa ở cùng nhân loại,
Người sẽ cư ngụ cùng với họ.
Họ sẽ là dân của Người,
còn Người sẽ là *Thiên Chúa ở-cùng-họ*.
Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ.
Sẽ không còn sự chết;
cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ nữa,
vì những điều cũ đã biến mất.
Và Đấng ngự trên ngai phán:
“Này đây, Ta đổi mới mọi sự”.
(Kh 21:1-5).

Việc tập trung vào khía cạnh tích cực khi đón nhận tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa bao gồm sự chấp nhận lành mạnh đối với tình trạng tội lỗi. Các Ki-tô hữu không cho phép lối sống tiêu cực làm tê liệt họ, giữ họ cách biệt với vòng tay ôm hôn đầy yêu thương và tha thứ của Chúa Cha. Điều này tạo khả năng cho họ “cử hành” tình yêu thật khó tin của Thiên Chúa đối với họ, và đồng thời họ tự cam kết chia sẻ sứ mạng của Đức Ki-tô, trong việc rao truyền tin vui về tình yêu này của Chúa Cha đối với toàn thể nhân loại.

Trong Thánh Lễ, các Ki-tô hữu ca ngợi chiến thắng của Đức Giê-su đối với tội lỗi và sự chết, qua sự chết-sống lại của Người. Chiến thắng này mang tính cánh chung, vì thế, không lúc nào trong “thời gian”, chiến thắng này sẽ hoàn toàn hữu hình đối với bất cứ con người nhất định nào, hoặc thậm chí cả đối với toàn thể số lượng lớn các Ki-tô hữu ở nơi đây trên trần thế. Tuy nhiên, họ không thể phủ nhận cũng không thể coi

thường sự kiện chiến thắng trọn vẹn của Đức Ki-tô – niềm tin mạnh mẽ của họ là sự kiện này có thật, và cuối cùng sẽ bộc lộ, ngay cho dù một cách từ từ và từng phần, cho đến khi chiến thắng này đạt tới sự viên mãn trong Nước trời. Với hình ảnh trọn vẹn như vậy trong tâm trí, lúc này, họ đã bắt đầu “cử hành” và vui mừng với chiến thắng đó. Việc cử hành từ trước của họ dựa trên lòng trung tín không thể lay chuyển của Thiên Chúa, được biểu lộ qua lịch sử thánh thiêng và kinh nghiệm cá nhân trong chính cuộc sống của họ. Khi Thiên Chúa tự cam kết trở thành đối tác với dân Người, thì bất kể điều này đòi hỏi bao lâu, Người vẫn sẽ thực hiện lời hứa của Người, như Người đã từng chứng tỏ trong suốt Kinh Thánh.

Một số nhà thần học khẳng định rằng qua việc thực hiện Giao ước mới và vĩnh cửu với nhân loại, hình thức của giao ước trên núi Sinai vẫn được giữ lại, trong khi nội dung của nó lại hoàn toàn mới mẻ hoặc khác hẳn¹. Nhưng nếu điều này đúng, thì phải chăng sẽ lại xuất hiện một tình huống mà qua đó, chúng ta “đổ rượu mới vào bầu cũ” – một giải pháp mà chính Đức Giê-su đã từng kịch liệt bác bỏ? Không, rượu mới cử hành việc đi vào Nước trời phải được đổ vào những cái bầu mới – việc này cần được diễn tả theo một nghi thức mới. Đây là nghi thức mà Giáo hội tiên khởi đã từng thực hiện, nhưng bằng cách này hay cách khác, các thế kỷ sau đã thất bại trong việc duy trì phương pháp này. Họ trở lại với các mô thức và khái niệm của thời xưa (và đôi khi, ngay cả với các nghi thức tiền-Do Thái giáo-Ki-tô giáo), để diễn tả thực tại mới này. Họ không chỉ gọi Thánh Lễ là một “lễ tế”, nhưng ngoài ra, họ còn giải thích Thánh Lễ bằng những thuật ngữ của người Do Thái và các lễ tế khác theo nghi thức; họ coi Thánh Lễ như lễ đền tội, như là đạt được, thay vì như là lúc ca ngợi ân huệ cứu chuộc nhờ Đức Giê-su Ki-tô.

Khi Thánh Lễ chỉ nhấn mạnh vào khía cạnh hy sinh, biến Thánh Lễ thành một lời khẩn cầu đầy xúc động xin ơn tha thứ và hòa giải, thì Thánh Lễ bỏ qua hoặc không chú ý đến toàn bộ khía cạnh vui mừng của

Tin vui mà Đức Giê-su đã từng công bố. Thánh Lễ này không phản ánh hình ảnh của Thiên Chúa mà Đức Giê-su đã cung cấp cho chúng ta, với tư cách là một Đấng có sáng kiến (Ga 3:16) và sai Con của Người để trở thành Đấng Cứu độ chúng ta; với tư cách là một Đấng Thương xót, vẫn đi tìm kiếm những con chiên lạc và đưa con hư mất, Đấng vui mừng khi tìm thấy chúng. Thánh Lễ này bỏ qua đặc điểm nơi “lễ tế” của Ki-tô hữu, vốn là động tác cứu độ duy nhất bắt đầu bằng sáng kiến của Thiên Chúa, chứ không phải là sáng kiến của chúng ta. Thay vào đó, Thánh Lễ này trình bày Thiên Chúa như một vị Thiên Chúa công chính, quan tâm trước hết đến việc thực hiện những đòi hỏi từ lẽ công chính của Người, Đấng vẫn còn thụ động trước tình thế chờ đợi, cho đến khi những kẻ tội lỗi tự chấn chỉnh. Thánh Lễ này không thu hút được sự điệp trung tâm của Đức Giê-su, rằng Chúa Cha chính là một Thiên Chúa đầy yêu thương, Đấng quan tâm đến dân giao ước của Người. Thánh Lễ này cũng bộc lộ thái độ không tin tưởng vào sự công chính của Thiên Chúa (được hiểu như là lòng trung tín đối với những lời hứa của Thiên Chúa đối với chúng ta), hoặc khả năng của Thiên Chúa trong việc sống thật với lời của Người.

2. Từ một Góc độ Khác

Khi nhìn vào đời sống Ki-tô hữu như một bước khởi đầu, dần dần tiến vào mầu nhiệm Đức Ki-tô, thì Thánh Lễ có thể được hình dung như là sự tiếp nối những động cơ của việc cho Ki-tô hữu sát nhập vào Đức Ki-tô, vốn đã bắt đầu từ Phép rửa². Để hiểu được điều này một cách đúng đắn, thì chúng ta không được coi Thánh Lễ như một hành động riêng rẽ, nhưng như một đường lối, một chuyến đi, một cuộc hành trình của đức tin và lòng trông cậy. Sau đó, Thánh Lễ sẽ nổi lên rõ rệt hơn như là đời sống Ki-tô hữu thuộc về hy tế của Đức Ki-tô. Trong Phép rửa và Phép Thêm Sức, các Ki-tô hữu đều được ghi dấu ấn với quyết định của Thiên

Chúa, vốn sẽ không bị rút lại: “Ta sẽ là Thiên Chúa của con, và con sẽ là Dân của Ta; Ta mong muốn chia sẻ với con tất cả mọi sự của Ta trong giao ước”. Và trong Thánh Lễ, giao ước của Thiên Chúa trong Đức Ki-tô được công bố lập đi lập lại *pro nobis* (vì lợi ích của họ), việc họ đáp lại, sự sát nhập sâu xa của họ vào mầu nhiệm tình yêu của Người và vì sự biến đổi họ.

Nói chung, chúng ta có khuynh hướng coi mỗi Thánh Lễ được cử hành như một sự kiện cách biệt. Tuy nhiên, trên thực tế, một Thánh Lễ tuôn đổ vào Thánh Lễ kế tiếp, và chính xác trong dòng chảy của hết Thánh Lễ này sang Thánh Lễ khác, chúng ta tìm được những yếu tố thực sự quan trọng. Một khi chúng ta có thể nhận thấy mối liên kết này, thì chúng ta dễ dàng coi Thánh Lễ như là bí tích của bước khởi đầu đang diễn ra, và nhận thức được sự tiến triển hiện diện trong các Thánh Lễ khác nhau đã được cử hành. Đây cũng là cách thức mở ra một lối khai thác có hiệu quả và nêu lên đường lối biến đổi mà theo đó, Thánh Lễ dẫn dắt và hướng dẫn các Ki-tô hữu.

Qua việc cử hành và sống Thánh Lễ, hành động cứu chuộc được “rèn luyện”, và khi được rèn luyện, thì việc cứu chuộc hoàn tất hoặc từng bước một trở nên đạt hiệu quả đối với các Ki-tô hữu. Điều này có nghĩa là gì? Việc cứu chuộc liên quan đến sự biến đổi, hoán cải, sự phát triển đang diễn tiến và sự phát triển trong lãnh vực mới mà Ki-tô hữu được kêu gọi để sống tư cách con cái Thiên Chúa. Việc cứu chuộc liên quan đến điều gì đó sâu xa trong tâm hồn con người. Khi Ki-tô hữu được “cứu chuộc”, thì điều gì đó xảy ra với họ, rõ ràng có thể được theo dõi và mô tả, hướng dẫn và nuôi dưỡng. Cách thức cụ thể mà Thánh Lễ cứu chuộc hoặc biến đổi con người, đó là đặt trong ý thức của họ các mô thức nào chắc hẳn trở thành các mô thức hàng đầu đang hướng dẫn cuộc đời họ. Những điều này chủ yếu bao gồm các mô thức về Thiên Chúa là ai, con người là ai trước mặt Thiên Chúa, nơi bản thân họ và đối với nhau, và thế giới Thiên nhiên là gì và con người chung quanh họ là ai. Nhưng khi các

mô thức vốn ăn sâu này xung đột với các mô thức mà họ đã nội tâm hóa (nói chung, đó là các mô thức tiêu cực, dựa trên bản chất yếu đuối cố hữu của con người, được hấp thụ từ cha mẹ và xã hội), thì họ bắt đầu trải nghiệm thách thức thực sự của Thánh Lễ.

Giây phút Ki-tô hữu chọn để vun trồng nơi bản thân mình các mô thức giống như Đức Ki-tô này, thì họ trải nghiệm bước khởi đầu của sự hoán cải, một hạt giống của sự biến đổi mà Thiên Chúa vẫn mong muốn hoạt động nơi họ. Ki-tô hữu không chỉ cho phép gieo rắc các mô thức mới này, nhưng trong Thánh Lễ, họ còn thể hiện các loại động tác và lối cư xử tiêu biểu theo tầm nhìn mới này, đặc biệt theo đường thẳng đứng – lòng tin của con người nơi tình yêu Thiên Chúa, và theo đường nằm ngang – sự chia sẻ của họ với các anh chị em túng thiếu. Do đó, một phương pháp được đặt vào hành động, nhờ đó, những cảm giác mới giống như Đức Ki-tô chế ngự được những cảm giác tội lỗi, tự cho mình là trung tâm, mà trước đây họ đã từng ấp ủ. Nhưng để cho điều này bén rễ vững chắc, thì họ cần phải lập đi lập lại việc rèn luyện mà họ đã đảm nhận trong ý thức; điều này đòi hỏi sự cởi mở và lòng can đảm, để đương đầu với tính cách dễ bị tổn thương sâu xa trải nghiệm được, khi một người bỏ qua các mô thức cũ của họ, vốn tự cho mình là trung tâm – chính ở đây, chiến thắng của Đức Ki-tô trở thành sức mạnh của họ, và thôi thúc họ tiến lên.

3. Sự Cô tịch và Mật thiết

Bây giờ, những “tình cảm” của Đức Ki-tô được thể hiện trong các mô thức mới này có thể được tập hợp dưới hai đề mục chính: sự cô tịch và mật thiết. Các đề mục này bao trùm cuộc hành trình *hướng nội*, nhắm tới mầu nhiệm về Thiên Chúa, và cuộc hành trình *hướng ngoại*, nhắm tới mầu nhiệm về những người khác chung quanh. Từng giây phút

trong cuộc đời mình, Đức Giê-su phải “lệ thuộc” vào Chúa Cha để thể hiện thánh ý của Người và hoàn toàn tin tưởng nơi Người, bằng cách thực hiện thánh ý đó một cách vô điều kiện. Chính trong khi từng bước đi theo thánh ý Chúa Cha, mà Đức Giê-su phát triển trong sự trưởng thành và tràn đầy khôn ngoan, đạt tới sự viên mãn trong nhân tính của Người. Bây giờ, trong số những chọn lựa này, mặc dù vài chọn lựa đến một cách dễ dàng, nhưng những chọn lựa khác lại đòi hỏi Người phải đấu tranh sâu xa, bộc lộ một lối sống mà Người phải trung thành với nó. Trong tất cả những chọn lựa mà Đức Giê-su đã thực hiện, sự trung tín và bất trung vẫn ở trước mặt Người, như những điều kiện đối với chọn lựa của Người. Các chúc cảm dỗ đều chính xác là cuộc thử nghiệm lòng trung thành của Người đối với chọn lựa này, mà Người đã tự do thực hiện.

Một cuộc đời trung thành như vậy đối với thánh ý Chúa Cha chỉ có thể biểu lộ trong bầu khí hoàn toàn tin tưởng. Niềm tin này không thể có hiệu lực, trừ phi Chúa Cha ngự bên trong, để ban ân huệ phong phú và mang lại niềm tin sâu xa. Đối với Đức Giê-su, chọn lựa cuối cùng của sự từ bỏ vâng phục không hề là một chọn lựa lảng mạn. Đó là một chọn lựa được thực hiện với cảm nhận đau lòng về tình trạng bị bỏ rơi thật rõ rệt, ngay cả bởi Abba (Chúa Cha). Chọn lựa này được thực hiện trong “chút xịu còn lại của đức khó nghèo: sự thờ phượng”³.

Đức Giê-su học hỏi để lắng nghe Chúa Cha và vâng phục Người với lòng yêu mến, trong trường học về sự cô tịch, trường học mà trong đó, Người đã khám phá bên trong mình một vị Thiên Chúa, Đấng đòi hỏi một trạng thái rất rõ rệt đối với đời sống làm người của Người. Và đây chính là trường học mà trong đó, Đức Giê-su cũng dạy cho chúng ta sự thật về sự hiện hữu của con người chúng ta. Chính tầm nhìn này về cuộc đời Đức Giê-su cho phép toàn thể cuộc đời của Người trở thành một hy tế! Tầm nhìn này công bố cho tất cả chúng ta rằng hy tế của Đức Ki-tô chỉ và luôn luôn bộc lộ trong chiều sâu của tự thân cuộc hành trình con

người, trong cách đấu tranh để hoàn toàn và vui mừng trở thành loại người mà Chúa Cha muốn cho mỗi người chúng ta trở thành.

Do đó, thách thức của Thánh Lễ đối với Ki-tô hữu chính là để cho mỗi buổi cử hành định hình các Ki-tô hữu thành những người trung thành và tự-hiến thân, mà Chúa Cha tạo dựng theo hình ảnh Người và giống như Người. Sự tự-hiến thân anh hùng và trọn vẹn của Đức Giê-su trong Thánh Thể sẽ không cho phép họ trốn tránh những đòi hỏi này mà chính Cuộc sống đặt ra cho họ. Chọn lựa nói lời “xin vâng” hoặc “không” đối với cuộc sống chính là chọn lựa rất cơ bản đối với Ki-tô hữu cũng như đối với Đức Giê-su. Cũng vậy đối với họ, đây là chọn lựa của sự trung tín hoặc bất trung, cứu độ hoặc tội lỗi, sẵn sàng hoặc cố chấp, làm chủ (bản thân) hoặc (chấp nhận) mẫu nhiệm⁴. Ngoài ra, điều này còn tiềm ẩn tất cả những chọn lựa khác mà họ phải thực hiện trong cuộc đời họ.

4. Những Trách hướng và Lối thoát

Tuy nhiên, các Ki-tô hữu vẫn ý thức được những cách lẩn tránh khác nhau mà họ có thói quen sử dụng, hầu tránh né chọn lựa cơ bản này mà họ cần phải thường xuyên thực hiện. Tức giận là một hình thức của lời nói không, giống như “trò” *‘tội nghiệp tôi’* mà hầu hết mọi người đều chơi một cách rất khéo léo. “Tại sao người khác không thay đổi?” vẫn còn là một hình thức khác của lời nói không, cũng như lời than phiền: “Tại sao điều đó cứ luôn luôn phải xảy ra với tôi?”. Có vô số cách thức chân thật mà người ta tạo ra để tránh né thách thức cơ bản này⁵, nhưng khi họ từ chối mở lòng ra trong sự từ bỏ đầy tin tưởng đối với Chúa Cha, thì cuộc sống đi tới một tình trạng bế tắc và thu lại vào chính nó. Họ không còn sống nữa, nhưng đã chết rồi. Người ta vẫn cho rằng hầu hết mọi người chỉ sống được một phần mười tiềm năng mà Thiên Chúa ban cho họ, ngay cả các nhân vật vĩ đại như Albert Einstein⁶.

5. Thánh Lễ và Lối sống Theo Giao ước

Thánh Lễ mời gọi các Ki-tô hữu đến với sự từ bỏ đầy tin tưởng theo ba cách thức: Qua lời Chúa trong Kinh Thánh, Thiên Chúa công bố tình yêu và sự trung tín của Người đối với họ (một lời công bố mà họ cần lắng nghe như là câu chuyện riêng của họ, chứ không phải câu chuyện của Thiên Chúa). Sau đó, họ đáp lại qua “*Phần Dâng lễ*”, được hiểu theo ý nghĩa mà Thánh Phao-lô viết cho các tín hữu Roma: “Tôi khuyên nhủ anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Người” (Rm 12:1). Khi họ thực hiện phần này một cách có ý nghĩa, thì họ đã đạt tới bước đầu tiên hướng tới một sự tự-hiến quảng đại.

Như vậy, những gì họ đã dâng tiến trong “*Phần Dâng lễ*” đều được “**thánh hiến**”. Tuy nhiên, trong phần này, họ cần phải tập trung không quá nhiều vào sự biến đổi các yếu tố bánh và rượu, cho bằng sự biến đổi của những người dâng tiến các lễ vật này lên Chúa Cha. Đây là nơi mà những ai đã cùng với Đức Ki-tô tự hiến cách quảng đại đều được gặp gỡ Abba và lời hứa trung thành của Người. “Thánh hiến” là một từ tuyển chọn, và sự biến đổi mà từ này ám chỉ chính là sự biến đổi trong tình yêu. Sự biến đổi này lôi kéo mọi người vượt khỏi những điều được nhìn thấy, để đến với Đấng vô hình: “Đây là chén Máu Thầy... mỗi khi uống, anh em hãy làm như Thầy vừa làm để tưởng nhớ đến Thầy” (1 Cr 11:25).

Ngày nay, từ được sử dụng để mô tả sự biến đổi này là “thánh hóa” thay vì “thánh hiến”. Thánh hóa bao hàm ý tưởng tràn đầy Thần Khí Thiên Chúa, điều này thực sự không hề liên quan đến việc “hủy bỏ”. Khi loại bỏ bản thân hoặc cái-tôi, Ki-tô hữu được tràn đầy Thần Khí Thiên Chúa, Đấng mà sự hiện diện và quyền năng của Người được biểu lộ trước hết qua thái độ quên mình của Ki-tô hữu trong mọi tình huống.

Thời điểm của lời hứa và cuộc gặp gỡ với Abba là giới hạn của cuộc hành trình cá nhân. Chính ở thời điểm này, *chứ không phải trước đó*, mà các Ki-tô hữu gặp gỡ nhau trong sự “hiệp thông”. Ở thời điểm này, cá nhân nhường chỗ cho cộng đoàn như là hành động tiếp nối của sự vâng phục và tin tưởng.

Koinonia hoặc tình bằng hữu mà các Ki-tô hữu trải nghiệm trong việc tự-hiến thân của Thánh Thể là một mối quan hệ do chính Thiên Chúa thiết lập – điều này không xuất hiện từ bản thân họ hoặc những nỗ lực riêng của họ. *Koinonia* này vừa là sự ủy thác, vừa là ân huệ của Thiên Chúa đối với họ. Ngoài ra, tình bằng hữu này còn được thiết lập chính xác ở thời điểm mà các Ki-tô hữu được trao quyền để nói “lời xin vâng” đối với cuộc sống làm người của họ, trong toàn bộ tính cách độc nhất và mỏng dòn bất tận của cuộc sống này. Bởi vì *koinonia* của Thiên Chúa đòi hỏi rằng họ phải nói “lời xin vâng” không chỉ đối với bản thân họ, mà còn đối với nhau nữa. Khi các Ki-tô hữu thực sự mở lòng ra để trở thành những gì mà họ được kêu gọi để trở thành, thì họ bắt đầu lôi kéo những người khác vào chiều sâu của tính chất hòa hợp, vốn vượt khỏi những sở thích hoặc sự thiên vị của con người.

6. Suy luận từ những Lý lẽ được Trình bày

Chúng ta rút ra được kết luận gì từ toàn bộ chứng cứ được trình bày trong phần bàn luận này? Một mặt, rõ ràng trong thực tế hiện nay, nhiều Ki-tô hữu vẫn dâng Thánh Lễ hoặc nhìn nhận Thánh Lễ gần như theo một cách dành riêng, như một lễ tế đền tội, với ý định làm cho Thiên Chúa nguôi giận và đạt được ơn tha thứ tội lỗi. Họ dựa vào chính mình, với một cái nhìn về bản thân như một tội nhân lâu năm, và Thiên Chúa như một vị Thẩm phán khắt khe, cứng rắn, vô cảm. Khi chọn quan điểm này, họ từ bỏ thân thể và địa vị của con cái Thiên Chúa – vì tất cả

những mục tiêu thực tiễn, họ khước từ ân huệ được ban cho họ trong Đức Ki-tô. Tất nhiên, quan điểm này làm cho cuộc sống dễ dàng hơn, bởi vì sau đó, Ki-tô hữu có thể quả quyết rằng họ bất lực trước những sức mạnh của sự dữ. Họ có thể đầu hàng trong mọi tình huống khó khăn, đổ lỗi cho bên ngoài bản thân họ. Thật là dễ dàng và thuận tiện hơn nhiều, ngay cả nếu lối sống như một tội nhân/ kẻ ăn xin thì đau thương hơn, so với việc đương đầu với những thách thức của cuộc sống, với tư cách con cái Thiên Chúa.

Mặt khác, chiến thắng rõ rệt và trọn vẹn của Đức Giê-su đã tác động thông qua sự chết-sống lại của Người, một chiến thắng đối với thói ích kỷ của con người, mà Đức Giê-su thiết tha muốn chia sẻ với toàn thể nhân loại. Con người phải vui hưởng chiến thắng này ngay từ *bây giờ*, trong khi họ còn ở trần thế, ngay cho dù họ chỉ có thể vui hưởng chiến thắng này phần nào và không liên tục, vì bản chất của họ vốn bất trung, không kiên quyết và khuynh hướng bám sinh hưởng tới tội lỗi. Như vậy, vấn đề là: Ngay từ bây giờ, con người có nên vui hưởng địa vị này, với tư cách làm con mà Thiên Chúa ban, trong khi họ vẫn đang đấu tranh suốt cả đời; hoặc họ còn phải chờ đợi đến cuối cuộc đời, thì mới bắt đầu được chia sẻ niềm vui này trên thiên đàng?

Thánh Lễ được cử hành như là chiến thắng của Đức Giê-su, nhờ sự chết-sống lại của Người, tạo khả năng cho các Ki-tô hữu giành được chiến thắng này ngay từ bây giờ, ngay cho dù chỉ phần nào và từng bước một, khi họ còn đang trong cuộc hành trình. Nếu họ chọn chỉ coi Thánh Lễ như một Hy tế đền tội, van xin ơn tha thứ tội lỗi, thì cuộc hành trình chiến thắng của họ cùng với Đức Ki-tô, Chúa Sống lại, sẽ không bao giờ bắt đầu. Họ cần phải coi như Vương quốc của Thiên Chúa đã ở giữa họ, vì vương quốc này đã được khởi đầu nhờ sự chết-sống lại của Đức Giê-su. Đồng thời, thông qua việc hết lòng cộng tác của họ, và mỗi khi họ thực sự từ bỏ mình trong lòng vâng phục yêu mến đối với Chúa Cha, thì họ nắm

giữ được Vương quốc này từ trước, hướng tới sự viên mãn trọn vẹn của nó vào cuối mọi thời: Maranatha: Hãy đến, lạy Chúa Giê-su, xin hãy đến!

Sự thay đổi về đường hướng cuộc sống là công việc của Thiên Chúa và ân huệ của Người đối với họ. Nhưng từ quan điểm của họ, và nếu họ sẽ gia tăng tới mức độ có khả năng rèn luyện ân huệ này, thì điều đó bao hàm trước hết một sự thay đổi về các mô thức nội tâm – khuôn khổ mà từ đó, chúng ta hiểu được Thiên Chúa là ai, chúng ta là ai, người lân cận là ai và thế giới chung quanh họ hoàn toàn là gì. Họ cần liên tục tự coi như mình đã sống tư cách con cái Thiên Chúa, được Chúa Cha yêu thương và đồng-thừa tự với Đức Ki-tô.

Khi họ không có sự thay đổi nội tâm và triệt để về các mô thức, thì họ sẽ không bao giờ có khả năng đánh giá đúng ân huệ làm con Thiên Chúa, cũng không cử hành Thánh Lễ như lễ phục sinh của vương quốc-Giao ước, mà Đức Ki-tô dẫn dắt họ vào, thông qua cuộc “vượt qua” của Người trên núi Can-va-riô. Họ sẽ không cảm nếm được Bữa tiệc của sự sống đời đời, vốn được chuẩn bị cho những người vẫn trung thành với Đức Giê-su, bởi vì họ không bao giờ thực sự chấp nhận bản thân như là Dân tộc mới của Thiên Chúa.

Trong trường hợp họ vẫn thực sự khước từ chấp nhận ân huệ về mối quan hệ giao ước với Thiên Chúa, thì họ sẽ tiếp tục tự coi mình như vẫn còn ở bên ngoài lãnh vực của tình yêu Thiên Chúa; họ tự coi mình như “con cái bị trục xuất đáng thương của Ê-va”. Do đó, họ không thể không đến tham dự Thánh Lễ như là “hy tế” mang lại cho họ ơn Cứu độ. “Giáo hội tạo ra Thánh Lễ, và Thánh Lễ tạo ra Giáo hội”.

Để trải nghiệm được nét mới hoàn toàn của sự sống mới mà Đức Giê-su ban cho mọi người, thì họ sẽ cần có một hình thức mới để cử hành Thánh Lễ, cũng như một cách thức mới để hiểu về Thánh Lễ. Họ không chỉ cần đến một nền thần học mới về Thánh Lễ, mà còn cần đến một phụng vụ hoặc cách thực hành phụng vụ mới. Bởi vì bao lâu họ còn

giữ lại hình thức cử hành cũ, thì họ không thể không trở lại với phương pháp cũ của “hy tế”, mà họ không nhận thấy. Chắc chắn điều này đòi hỏi một “cuộc cách mạng của Copernic”, một tập hợp các mô thức hoàn toàn mới, chi phối mối quan hệ của họ với Thiên Chúa và những người đồng loại. Tin vui là trong Phép rửa, Thiên Chúa đã ghi khắc các mô thức mới này trong tâm hồn họ, Người còn nuôi dưỡng và củng cố chúng trong từng Thánh Lễ. Chỉ bằng cách đào sâu và khẳng định cách thức này, thì họ mới có thể trở thành những người tham dự mang lại thế giới mới và các tầng trời mới, mà Đức Giê-su đã chiến thắng tất cả qua việc Nhập thể, cuộc Thương khó, sự Chết và Sống lại của Người.

Những động cơ chủ yếu của phụng vụ mới này có đặc điểm sau đây – một cách tương nhớ sống động và đánh giá đúng sáng kiến và lời mời gọi của Thiên Chúa trong việc chia sẻ chính sự sống và tình yêu của Người (Giao ước). Điều này có thể tương tự như đối với Phụng vụ lời Chúa – nhưng nên bao gồm không chỉ những câu chuyện-cuộc đời trong quá khứ (dân Ít-ra-en – Giáo hội Tiên khởi), mà còn bao gồm cả lịch sử Giáo hội và thời đại chúng ta nữa.

Cuộc vận động kế tiếp sẽ là làm cho **hiện diện** lại phản ứng theo mô thức của Đức Giê-su – lòng trung thành của Người trong sự vâng phục Chúa Cha, tin tưởng vào tình yêu và sự quan tâm tuyệt đối của Người. Khía cạnh thứ ba và cuối cùng sẽ là phản ứng hiện tại của Ki-tô hữu, lúc đó được liên kết với phản ứng của Đức Ki-tô và dâng lên Chúa Cha, nhưng cũng thể hiện qua những cử chỉ cụ thể của sự phục vụ yêu thương đối với những anh chị em túng thiếu. Không Thánh Lễ nào nên được cử hành chỉ với một chiều kích (thẳng đứng) – để trọn vẹn, Thánh Lễ phải bao gồm cả chiều kích nằm ngang, qua việc tự-hiến thân đích thực và hiện tại đối với người khác, như là một phần thuộc về cấu trúc trọn vẹn của nó. Mặc dù trong buổi cử hành, có thể thực hiện việc tự-hiến thân theo kiểu “hình thức”, tuy nhiên, việc này vẫn phải thực sự và rõ rệt trong cuộc sống, nếu không, thì việc này có khuynh hướng tách rời

khỏi chiều kích thẳng đứng, vốn kết thúc bằng phương pháp “Thiên Chúa-và-tôi”.

Chắc hẳn toàn bộ việc này đòi hỏi phải tái cấu trúc Giáo hội thành những đơn vị nhỏ hơn có thể quản lý được, nhấn mạnh nhiều vào lối sống cá nhân, hơn là vào tính cách đúng đắn của tổ chức, đưa đến cả một hệ thống trừng phạt hoặc chấn chỉnh sửa chữa đối với những người vắng mặt. Một cách thức mới của Giáo hội chắc hẳn sẽ đưa đến một cách thức mới của sự hiện diện trong thế giới – muối, ánh sáng và men trong xã hội, một thiên đàng đích thực tại thế, mà trong đó, Thiên Chúa là “tất cả trong mọi sự”.

Chú thích

¹ Xem E. Kilmartin, *Thánh Thể ở phương Tây*, một 368-386.

² Những hiểu biết sâu sắc được trình bày ở đây đều dựa trên Peter E. Fink, “Sống Hy tế của Đức Ki-tô”, trong Tạp chí *Worship* 59 (1985), trang 133-148.

³ Johannes Metz, *Tinh thần Nghèo khó*, trang 49.

⁴ Xem Gerald G. May, *Ý chí và Tinh thần*, (Sa Francisco: Harper, 1982), trang 1-21, 91-125.

⁵ Theo thuật ngữ tâm lý, chúng được ám chỉ như “những cơ cấu Bảo vệ”, nghĩa là chúng ta sử dụng để bảo vệ bản thân khỏi bị làm hại, khi chúng ta cảm thấy điều này.

⁶ Xem John Powell, *Tại sao Tôi E ngại Nói với Bạn Tôi Là Ai?*, (Niles, III: Argus Communications, 1974).
